

CHƯ KINH TẬP YẾU

諸經集要

- Kinh A Di Đà
- Kinh Vô Lượng Nghĩa
- Kinh Phổ Môn
- Kinh Tứ Thập Nhị Chương
- Kinh Dược Sư
- Kinh Di Giáo
- Kinh Kim Cang

Dịch và chú giải

Đoàn Trung Còn & Nguyễn Minh Tiến

Hiệu đính Hán văn

Nguyễn Minh Hiền

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Lời nói đầu

Kinh Phật mênh mông như biển cả, dù ai có bỏ suốt cuộc đời để học hỏi cũng không thể thông suốt hết được. Tuy nhiên, trong cái mênh mông đó, cũng như nước biển cả lúc nào cũng hàm chứa vị mặn của muối, hết thấy kinh Phật đều cùng hàm chứa mùi vị của giải thoát, an lạc.

Chúng tôi đã có cơ may được gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều vị thiên đức, cao tăng. Mỗi vị thường chỉ chuyên tu, hành trì một vài bộ kinh Phật, cho dù kiến thức các vị có thể là rất bao quát. Điều đó cho thấy việc hành trì kinh điển vốn quý ở chỗ tinh thông, không cốt ở chỗ nhiều mà không đạt lý.

Tuy nhiên, người học Phật sơ cơ cần phải có chỗ để nương vào mà tu tập. Vì thế xưa nay các vị minh sư truyền đạo đều chọn lấy một số kinh điển quan yếu, thông dụng nhất để khuyên người hành trì. Những kinh ấy đã trở thành quen thuộc với đa số Phật tử, đến nỗi hầu như không ai là không biết.

Để thuận tiện cho việc tu tập, hành trì của đông đảo hàng Phật tử, chúng tôi không ngại tài hèn sức mọn, cố gắng dịch những kinh này sang tiếng Việt, biên soạn phân chú giải, đồng thời trình bày chung với cả phần kinh văn chữ Hán và cách đọc theo âm Hán Việt, lấy tên là Chư Kinh Tập Yếu. Như vậy, vừa thuận tiện cho người đọc tụng, cũng có thể giúp cho người muốn tìm hiểu sâu xa ý nghĩa trong kinh, lại cũng góp phần giúp những ai muốn nghiên cứu đối chiếu với bản Hán văn đều được dễ dàng.

Do trình độ giới hạn, nên mặc dù đã hết sức cố gắng cũng không thể tránh khỏi ít nhiều sai sót, chúng tôi chân thành cầu mong được đón nhận sự chỉ giáo từ các bậc cao minh, tôn túc.

NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN

阿彌陀經

香讚

爐香乍熱
法界蒙熏
諸佛海會悉遙聞。
隨處結祥雲
誠意方殷
諸佛現全身。
南無香雲蓋菩薩摩訶薩。
〔三稱〕
南無蓮池海會佛菩薩。
〔三稱〕

開經偈

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇。
我今見聞得受持
願解如來真實義。

A-DI-ĐÀ KINH

(Phần Hán văn và dịch âm)

HƯƠNG TÁN

*Lư hương sạ nhiệt,
Pháp giới môn huân,
Chư Phật hải hội tất dao văn,
Tùy xứ kết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân.*

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma-ha-tát.
(Ba lần)

Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.
(Ba lần)

KHAI KINH KỆ

*Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chân thực nghĩa.*

佛說阿彌陀經

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

如是我聞。一時佛在舍衛國，祇樹給孤獨園與大比丘僧千二百五十人俱。皆是大阿羅漢眾所知識。長老舍利弗。摩訶目乾連。摩訶迦葉。摩訶迦旃延。摩訶拘絺羅。離婆多。周利槃陀伽。難陀。阿難陀。羅睺羅。憍梵波提。賓頭盧頗羅墮。迦留陀夷。摩訶劫賓那。薄俱羅。阿菟樓駄。如是等諸大弟子。并諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子，阿逸多菩薩乾陀訶提菩薩，常精進菩薩，與如是等諸大菩薩，及釋提桓因等無量諸天大眾俱。爾時，佛告長老舍利弗。從是西方，過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛號阿彌陀今現在說法。舍利弗。彼土何故名為極樂。其國眾生無有眾苦。但受諸樂，故名極樂。

PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH

Dao Tần Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập dịch

Như thị ngã văn: Nhất thời, Phật tại Xá-vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại tỳ-kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu. Giai thị đại A-la-hán, chúng sở tri thức: Trưởng lão Xá-ly-phát, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Câu-hy-la, Ly-bà-đa, Châu-ly-bàn-đà-già, Nan-đà, A-nan-đà, La-hầu-la, Kiền-phạm-ba-đê, Tân-đâu-lô-phả-la-đọa, Ca-lưu-đà-di, Ma-ha Kiếp-tân-na, Bạc-câu-la, A-nậu-lâu-đà. Như thị đẳng chư đại đệ tử.

Tinh chư Bồ Tát Ma-ha-tát: Văn-thù-sư-ly Pháp vương tử, A-dật-đa Bồ Tát, Càn-đà-ha-đê Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát, cập Thích-đề-hoàn-nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

Nhĩ thời, Phật cáo Trưởng lão Xá-ly-phát: Tùng thị Tây phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A-di-đà, kim hiện tại thuyết pháp.

Xá-ly-phát! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, dẫn thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

又舍利弗。極樂國土。七重欄楯，七重羅網七重行樹。皆是四寶周匝圍繞。是故彼國名為極樂。

又舍利弗。極樂國土有七寶池。八功德水充滿其中。池底純以金沙布地。四邊階道。金銀琉璃玻瓈合成。上有樓閣。亦以金銀琉璃玻瓈磈礫赤珠瑪瑙而嚴飾之。

池中蓮花，大如車輪。青色青光，黃色黃光。赤色赤光，白色白光，微妙香潔。

舍利弗。極樂國土成就如是功德莊嚴。

又舍利弗。彼佛國土常作天樂，黃金為地。晝夜六時，雨天曼陀羅華。其國眾生常以清旦，各以衣祴，盛眾妙華。供養他方十萬億佛。即以食時還到本國飯食經行。

舍利弗。極樂國土成就如是功德莊嚴。

復次舍利弗。彼國常有種種奇妙雜色之鳥。白鵠孔雀鸚鵡舍利迦陵頻伽共命之鳥。

Hựu *Xá-ly-phát!* Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẫn, thất trùng la võng, thất trùng hàng thọ, giai thị tứ bảo châu tấp vi nhiều. Thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc.

Hựu *Xá-ly-phát!* Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung. Trì để thuận dĩ kim sa bố địa. Tứ biên giai đạo, kim, ngân lưu ly, pha lê, hiệp thành. Thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, nhi nghiêm sức chi.

Trì trung liên hoa đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, huỳnh sắc huỳnh quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.

Xá-ly-phát! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Hựu *Xá-ly-phát!* Bỉ Phật quốc độ thường tác thiên nhạc, huỳnh kim vi địa, trú dạ lục thời vũ thiên *Mạn-đà-la* hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đàn, các dĩ y kích, thạnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật. Túc dĩ thực thời hoàn đáo bốn quốc, phạn thực kinh hành.

Xá-ly-phát! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Phục thứ, *Xá-ly-phát!* Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi diệu: bạch hạc, khổng tước, anh vũ, *xá-ly, ca-lăng-tần-già, cọng mạng chi diệu.*

是諸眾鳥。晝夜六時，出和雅音。其音演暢五根五力，七菩提分，八聖道分，如是等法。其土眾生聞是音已。皆悉念佛念法念僧。

舍利弗。汝勿謂此鳥實是罪報所生。所以者何。彼佛國土無三惡道。

舍利弗。其佛國土，尚無惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流變化所作。

舍利弗。彼佛國土微風吹動諸寶行樹及寶羅網出微妙音。譬如百千種樂同時俱作。聞是音者皆自然皆生念佛念法念僧之心。

舍利弗。其佛國土成就如是功德莊嚴。

舍利弗於汝意云何。彼佛何故號阿彌陀。

舍利弗。彼佛光明無量。照十方國，無所障礙。是故號為阿彌陀。

又舍利弗。彼佛壽命，及其人民，無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。

Thị chư chúng diều trú dạ lục thời xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn xướng Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ-đề phần, Bát thánh đạo phần, như thị đẳng pháp. Kỳ độ chúng sanh văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá-ly-phát! Nhữ vật vị thử diều thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ vô tam ác đạo.

Xá-ly-phát! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà hướng hữu thật? Thị chư chúng diều giai thị A-di-đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu, biến hóa sở tác.

Xá-ly-phát! Bỉ Phật quốc độ vi phong xuy động chư bảo hàng thọ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm, thí như bá thiên chủng nhạc đồng thời câu tác. Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.

Xá-ly-phát! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Xá-ly-phát! Ủ nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố hiệu A-di-đà?

Xá-ly-phát! Bỉ Phật quang-minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A-di-đà.

Hựu *Xá-ly-phát!* Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp. Cố danh A-di-đà.

舍利弗。阿彌陀佛，成佛已來於今十劫。
又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆
阿羅漢，非是算數之所能知。諸菩薩衆，
亦復如是。

舍利弗。彼佛國土成就如是功德莊嚴。
又舍利弗。極樂國土眾生者皆是阿鞞跋
致。其中多有一生補處。其數甚多非是算
數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。
舍利弗。眾生聞者。應當發願願生彼國。
所以者何。得與如是諸上善人俱會一處。
舍利弗不可以少善根福德因緣得生彼國。
舍利弗。若有善男子，善女人。聞說阿彌
陀佛。執持名號。若一日，若二日，若三
日，若四日，若五日，若六日，若七日，
一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛與諸
聖眾。現在其前。是人終時心不顛倒。即
得往生阿彌陀佛極樂國土。

舍利弗。我見是利，故說此言。若有眾生
聞是說者。應當發願願生彼國土。

Xá-ly-phát! A-di-đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim
thập kiếp.

Hựu *Xá-ly-phát!* Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên thanh
văn đệ tử, giai *A-la-hán*, phi thị toán số chi sở năng tri.
Chư *Bồ Tát* chúng diệc phục như thị.

Xá-ly-phát! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như thị công
đức trang nghiêm.

Hựu *Xá-ly-phát!* Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh
giả, giai thị *A-bê-bạc* trí. Kỳ trung đa hữu nhất sanh bổ
xứ. Kỳ số thậm đa, phi thị toán số, sở năng tri chi, đản
khả dĩ vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* thuyết.

Xá-ly-phát! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát
nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dĩ như
thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ.

Xá-ly-phát! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức
nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc.

Xá-ly-phát! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân
văn thuyết *A-di-đà* Phật, chấp trì danh hiệu, nhược
nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ
nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật,
nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân lâm mạng chung thời, *A-
di-đà* Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị
nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh
A-di-đà Phật Cực Lạc quốc độ.

Xá-ly-phát! Ngã kiến thị lợi cố thuyết thử ngôn.
Nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương
phát nguyện sanh bỉ quốc độ.

舍利弗。如我今者讚歎阿彌陀佛不可思議功德之利。東方亦有阿閼鞞佛。須彌相佛。大須彌佛。須彌光佛。妙音佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國，出廣長舌相遍覆三千大千世界說誠實言。汝等眾生當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

舍利弗。南方世界有日月燈佛。名聞光佛。大焰肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國，出廣長舌相。遍覆三千大千世界，說誠實言。汝等眾生當信是稱讚不可思議功德，一切諸佛所護念經。

舍利弗。西方世界有無量壽佛。無量相佛。無量幢佛。大光佛。大明佛。寶相佛。淨光佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國，出廣長舌相。遍覆三千大千世界說誠實言。

汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

Xá-ly-phát! Như ngã kim giả tán thán A-di-đà Phật, bất khả tư nghị công đức chi lợi.

Đông phương diệc hữu A-súc-bê Phật, Tu-di Tướng Phật, Đại Tu-di Phật, Tu-di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật sở hộ niệm Kinh.

Xá-ly-phát! Nam phương thế giới hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu-di-Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật sở hộ niệm Kinh.

Xá-ly-phát! Tây phương thế giới, hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn:

Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật sở hộ niệm Kinh.

舍利弗。北方世界有焰肩佛。最勝音佛。難沮佛。日生佛。網明佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國，出廣長舌相。遍覆三千大千世界說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

舍利弗。下方世界有師子佛。名聞佛。名光佛。達摩佛。法幢佛。持法佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國出廣長舌相。遍覆三千大千世界說誠實言。

汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

舍利弗。上方世界有梵音佛。宿王佛。香上佛。香光佛。大焰肩佛。雜色寶華嚴身佛。娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界說誠實言。

汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

舍利弗。於汝意云何。何故名為一切諸佛

Xá-ly-phát! Bắc phương thế giới, hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật sở hộ niệm Kinh.

Xá-ly-phát! Hạ phương thế giới, hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, *Đạt-ma* Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật sở hộ niệm Kinh.

Xá-ly-phát! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, *Ta-la* Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như *Tu-di* Sơn Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn:

Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật sở hộ niệm Kinh.

所護念經。

舍利弗。若有善男子，善女人。聞是經受持者。及聞諸佛名者。是諸善男子，善女人。皆為一切諸佛之所護念。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

是故舍利弗。汝等皆當信受我語，及諸佛所說。

舍利弗。若有人已發願。今發願。當發願。欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土若已生。若今生。若當生。

是故舍利弗。諸善男子善女人。若有信者。應當發願生彼國土。

舍利弗。如我今者稱讚諸佛不可思議功德。彼諸佛等。亦稱說我不可思議功德。而作是言。釋迦牟尼佛能為甚難希有之事。能於娑婆國土，五濁惡世。劫濁。見濁。煩惱濁。眾生濁。命濁中，得阿耨多羅三藐三菩提。為諸眾生說是一切世間難信之法。

Xá-ly-phát! Ủ nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi: Nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh?

Xá-ly-phát! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thối chuyển ư *A-nậu-đa-la-tam-miệu Tam-bồ-đề*. Thị cố *Xá-ly-phát!* Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.

Xá-ly-phát! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh *A-di-đà* Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thối chuyển ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, ư bỉ quốc độ nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh.

Thị cố *Xá-ly-phát!* Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện sanh bỉ quốc độ.

Xá-ly-phát! Như ngã kim giả xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức, bỉ chư Phật đẳng diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức, nhi tác thị ngôn: “*Thích-ca Mâu-ni* Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng ư *Ta-bà* quốc độ ngũ trước ác thế: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước trung, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, vị chư chúng sanh thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp.”

CHỮ KINH TẬP YẾU

舍利弗。當知我於五濁惡世，行此難事。得阿耨多羅三藐三菩提，為一切世間說此難信之法。是為甚難。

佛說此經已。舍利弗及諸比丘，一切世間，天，人，阿修羅等，聞佛所說，歡喜信受，作禮而去。

阿彌陀經 終

往生決定真言

南無阿彌多婆夜，哆他伽哆夜，哆姪夜他，阿彌唎都婆毗，阿彌唎哆悉耽婆毘，阿彌唎哆毘迦蘭帝，阿彌唎哆毘迦蘭哆，伽彌膩，伽伽那，枳哆迦隸，莎婆訶。

KINH A-DI-ĐÀ

Xá-ly-phát! Đương tri ngã ư ngũ trước ác thế, hành thử nan sự, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, vị nhất thiết thế gian thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan!

Phật thuyết thử thử kinh dĩ, *Xá-ly-phát* cập chư *tỳ-kheo*, nhất thiết thế gian, thiên nhân, *a-tu-la* đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.

A-DI-ĐÀ KINH CHUNG

VÃNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHÂN NGÔN

Nam mô A-di-đa bà dạ, đa tha dà đa dạ, đa điệt dạ tha. A-di-rị-đô bà tỳ. A-di-rị-đa tất đām bà tỳ. A-di-rị-đa tỳ ca lan đế. A-di-rị-đa tỳ ca lan đa. Đà di nị dà dà na, chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha.

KINH A-DI-ĐÀ

(Phân dịch nghĩa)

TÁN HƯƠNG

*Lư hương vừa đốt,
Pháp giới nước xông,
Chư Phật hội lớn thấy đều nghe,
Tùy chỗ kết mây lành,
Lòng thành mới thấu,
Chư Phật hiện toàn thân.*

Nam-mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma-ha-tát!
(Ba lần)

Nam-mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát!
(Ba lần)

BÀI KỆ KHAI KINH

*Pháp mầu cao thượng chẳng chi hơn,
Trăm ngàn muôn kiếp thật khó gặp.
Nay con nghe thấy, được thọ trì,
Nguyện hiểu nghĩa Như Lai chân thật.*

PHẬT THUYẾT KINH A-DI-ĐÀ

Tôi nghe như thế này.¹ Có một lúc, Phật ở nơi vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc,² gần thành Xá-vệ,³ với các vị đại tỳ-kheo tăng,⁴ tất cả là một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là bậc đại A-la-hán⁵ mà ai ai cũng

¹ Như thị ngã văn: Tôi nghe như thế này. Đây là lời ngài A-nan thuật lại khi kết tập kinh điển, để minh chứng rằng kinh này là do Phật thuyết ra, chính tai ngài nghe thấy. Tất cả kinh điển do Phật thuyết đều có câu này ở đầu kinh.

² Vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc: Đây là một tinh xá có vườn cây bao quanh, tọa lạc tại thành Xá-vệ (Sravasti). Vườn cây này của ông thái tử Kỳ Đà (Jeta), con vua Ba-Tu-Nặc (Prasenajit) hiến cúng, còn ông Trưởng giả Tu-đạt (Sudatta), hiệu là Cấp Cô Độc (Anathapindika) bỏ vàng ra mua đất để cúng cho Giáo hội, nên gọi chung là vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc.

³ Thành Xá-vệ (Xá-vệ quốc): Tuy Hán văn dùng chữ “quốc” (國) nhưng ở đây có nghĩa là thành. Thành Xá vệ (Sravasti) là kinh đô của nước Câu-tát-la (Kosalā), do vua Ba-tu-nặc (Prasenajit) trị vì.

⁴ Đại tỳ-kheo tăng: Những vị tỳ-kheo (Bhikṣu) tuổi cao đức trọng được tôn xưng là đại tỳ-kheo. Tỳ-kheo là người thuộc nam giới xuất gia theo Phật, thọ cụ túc giới, chỉ đi khất thực, sống bằng sự cúng dường của bá tánh. Tỳ-kheo, tiếng Phạn là **Bhikṣu**, bao hàm bốn nghĩa: 1. Giữ hạnh khất thực thanh tịnh. 2. Phá trừ phiền não. 3. Trì giới thanh tịnh. 4. Có thể làm chúng ma khiếp sợ. Tăng, hay Tăng-già, tiếng Phạn là **Saṅgha**, Hán dịch là Hòa hiệp chúng, nghĩa là nhiều người cùng sống chung hòa hợp để tu hành. Từ ba vị tỳ-kheo trở lên, cùng sống ở một nơi mà tu hành gọi là Tăng chúng.

⁵ Đại A-la-hán: Vì 1.250 người đệ tử của Phật đều là đại tỳ-kheo, nên các vị ấy đã chứng quả A-la-hán. Đại A-la-hán là tiếng tôn xưng vị A-la-hán có công đức lớn ở trong Tăng chúng.

A-la-hán (Arhat) có ba nghĩa:

1. Sát tặc: giết giặc, tức là diệt trừ phiền não.

2. Ứng cúng: Xứng đáng thọ hưởng sự cúng dường của chư thiên và con người, vì có đủ đức độ.

CHỮ KINH TẬP YẾU

biết, như: Trưởng lão *Xá-ly-phất*, *Ma-ha Mục-kiền-liên*, *Ma-ha Ca-diếp*, *Ma-ha Ca-chiên-diên*, *Ma-ha Câu-hy-la*, *Ly-bà-đa*, *Châu-ly-bàn-đà-già*, *Nan-đà*, *A-nan-đà*, *La-hầu-la*, *Kiều-phạm-ba-đề*, *Tân-đầu-lô-phả-la-đọa*, *Ca-lưu-đà-di*, *Ma-ha Kiếp-tân-na*, *Bạc-câu-la*, *A-nậu-lâu-đà*... các vị đệ tử lớn như thế.

Lại có các vị đại *Bồ Tát*¹ như: Pháp Vương Tử² *Văn-thù-sư-ly*, *Bồ Tát A-dật-đa*, *Bồ Tát Càn-đà-ha-đề*, *Bồ Tát Thường Tinh Tấn*... các vị đại *Bồ Tát* như thế, cùng với vua cõi trời là *Đế-thích*³ và vô số chư thiên, đại chúng cùng quy tụ.

KINH A-DI-ĐÀ

Lúc ấy, Phật bảo Trưởng lão *Xá-ly-phất*¹ rằng: “Về phương Tây, cách đây mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là *Cực Lạc*.² Ở cõi ấy có đức Phật hiệu *A-di-đà*³ hiện nay đang thuyết pháp.

“*Xá-ly-phất!* Tại sao cõi ấy gọi là *Cực Lạc*? Nơi ấy chúng sanh không có những sự khổ não, chỉ hưởng các điều vui sướng, nên gọi là *Cực Lạc*.

“Lại nữa, *Xá-ly-phất!* Nơi cõi *Cực Lạc*, đền đài có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới bao phủ và bảy hàng cây, thấy đều có bốn món báu⁴ vây bọc chung quanh. Cho nên cõi ấy gọi là *Cực Lạc*.

3. Bất sanh: Chẳng phải tái sanh trong sáu nẻo luân hồi, sẽ nhập Niết-bàn ngay trong kiếp này.

Quả A-la-hán tức là quả thứ tư, cao hơn hết trong bốn quả: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. A-la-hán cũng viết tắt là La-hán.

¹ Bồ Tát Ma-ha-tát: Tiếng Phạn là *Bodhisattva-Māhasattva*, viết đủ là Bồ-đề-tát-đỏa Ma-ha-tát-đỏa. Bồ-đề: Hán dịch là Đạo, Giác, nghĩa là tánh sáng suốt của Phật. Tát-đỏa: Hán dịch là Chúng sanh, Hữu tình. Bồ Tát hay Bồ-đề-tát-đỏa là chúng sanh đã được giác ngộ. Ma-ha: Hán dịch là Đại, nghĩa là lớn. Ma-ha-tát là tiếng dùng thêm để tôn xưng, nên Bồ Tát Ma-ha-tát nghĩa là Đại Bồ Tát, là bậc có đại nguyện đem lòng từ mà giúp cho chúng sanh được an vui, đem lòng bi mà cứu vớt cho chúng sanh khỏi sự khổ não.

² Pháp Vương Tử: Người con của đấng Pháp Vương. Phật được tôn xưng là Pháp Vương (Vua của các Pháp), nên các vị Đại Bồ Tát cũng được tôn xưng là Pháp Vương Tử.

³ Đế-thích: tức là Thích-đề-hoàn-nhân, viết đủ là Thích-ca Đề-hoàn Nhân-đà-la (*Śākya Déva Indra*). Thích-ca: Hán dịch là Năng nhân, nghĩa là có lòng nhân từ. Đề-hoàn: Hán dịch là Thiên, nghĩa là các vị sống trên cõi trời, chư thiên. Nhân-đà-la: Hán dịch là Chúa, Chủ, nghĩa là bậc đứng đầu. Trọn tên này, Hán dịch là Năng Thiên Chủ, nghĩa là vị vua cõi trời có lòng nhân từ.

¹ Trưởng lão *Xá-ly-phất*: Trưởng lão, tiếng Phạn là *Sthavira*, là tiếng tôn xưng vị tỳ-kheo có đức độ, xuất gia tu học đã nhiều năm. *Xá-ly-phất*, tiếng Phạn là *Śāriputra*, Hán dịch là Thu tử. *Xá-ly*, tiếng Phạn là *Śāri*, loài chim thu, là tên bà mẹ, vì bà có cặp mắt như mắt chim thu. *Phất*, hay *Phất-đát-ra*, tiếng Phạn là *Putra*, Hán dịch là Tử, nghĩa là người con trai. Vì thế có kinh cũng gọi ngài là *Xá-ly tử*. *Xá-ly-phất* được Phật khen là vị đệ tử có trí huệ bậc nhất trong các đệ tử của Phật.

² *Cực Lạc*: tiếng Phạn là *Sukhāvātī*, Hán dịch là *Cực lạc*, nghĩa là rất vui sướng. Ở nước ấy, người ta sống vô cùng vui sướng, yên ổn, không có sự khổ não. *Cực Lạc* là một cõi Tịnh độ, cho nên ở đó, người ta hưởng toàn là sự trong sạch, sung sướng. Còn cõi Ta-bà của chúng ta là một cõi Uế độ, cho nên phải chịu nhiều sự dơ nhớp, khổ não.

³ *A-di-đà*: Tiếng Phạn là *Amitābha*, Hán dịch là Vô lượng thọ, nghĩa là sống lâu vô số kiếp. Khi đức Phật Thích Ca giảng sanh, xuất gia, thành đạo và thuyết pháp giáo hóa chúng sanh ở cõi Ta-bà thì đức Phật *A-di-đà* thuyết pháp độ sanh tại cõi *Cực Lạc*. Sau khi đức Phật Thích-ca nhập Niết-bàn, cho đến hiện nay và vô số kiếp về sau, đức Phật *A-di-đà* vẫn còn thuyết pháp tại cõi *Cực Lạc* và tiếp dẫn những chúng sanh niệm Phật về cõi ấy, vì đời sống của ngài dài vô số kiếp.

⁴ *Tứ bảo*: Bốn món báu, là vàng, bạc, lưu ly, pha lê.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Lại nữa, *Xá-ly-phát!* Nơi cõi Cực Lạc có ao xây bằng bảy món báu,¹ trong chứa nước có tám công đức.² Đáy ao toàn cát bằng vàng, bốn phía có những bậc thang xây bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp lại. Bên trên có những lầu, gác cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não trang hoàng. Trong ao có hoa sen lớn như bánh xe. Hoa xanh tỏa ánh sáng xanh, hoa vàng tỏa ánh sáng vàng, hoa đỏ tỏa ánh sáng đỏ, hoa trắng tỏa ánh sáng trắng.³

“*Xá-ly-phát!* Nơi cõi Cực Lạc có đầy đủ công đức trang nghiêm như thế.

“Lại nữa, *Xá-ly-phát!* Cõi Phật ấy thường trôi nhạc trời. Mặt đất toàn bằng vàng ròng. Ngày đêm sáu thời⁴ trên trời mưa xuống hoa *mạn-đà-la*.¹ Chúng

¹ Thất bảo: Bảy món báu, là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.
² Bát công đức thủy: Nước có tám công đức. Theo bản dịch của ngài Huyền trang, tám công đức ấy là:
1. Trùng tịnh: lắng gạn trong sạch
2. Thanh lãnh: trong trẻo mát lạnh
3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt ngon
4. Khinh nhuỷ: nhẹ nhàng mềm mại
5. Nhuận trạch: thấm nhuần tươi mát
6. An hòa: yên ổn hòa nhã
7. Trừ được đói khát và vô số khổ não
8. Trưởng dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn
³ Bốn thứ hoa sen ấy là: hoa ưu-bát-la màu xanh, hoa câu-vật-đầu màu vàng, hoa ba-đầu-ma màu đỏ, hoa phân-đà-ly màu trắng.
⁴ Ngày đêm sáu thời: Ngày phân làm ba thời, đêm phân làm ba thời. Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thọ lượng chép rằng: Tâm Vương Bồ Tát nói: “Một kiếp ở cõi Ta-bà này bằng một ngày một đêm ở cõi Cực Lạc của Phật A-di-đà.”

KINH A-DI-ĐÀ

sanh cõi ấy vào sáng sớm thường trải áo hứng lấy hoa quý, mang đi cúng dường mười vạn đức Phật ở các phương khác. Đến giờ ăn trong ngày² liền trở về dùng cơm rồi đi kinh hành.³

“*Xá-ly-phát!* Nơi cõi Cực Lạc có đầy đủ những công đức trang nghiêm như thế.

“Lại nữa, *Xá-ly-phát!* Cõi ấy thường có nhiều loài chim xinh đẹp đủ các màu sắc, như bạch hạc, khổng tước, anh vũ, *xá-ly*, *ca-lăng-tần-già*, *cộng mạng*...⁴

¹ Hoa mạn-đà-la: Tiếng Phạn là *Mandāravas*, Hán dịch là Bạch đoàn hoa hay Thích ý hoa, là loài hoa màu trắng, mùi rất thơm. Nhìn thấy hoặc ngửi được mùi thơm của hoa đều thích ý.
² Giờ ăn: Thực thời hay Pháp thực thời là giờ Ngọ, lúc giữa trưa. Tỷ-kheo chỉ ăn vào giờ Ngọ, khi mặt trời xế bóng thì chẳng ăn.
³ Đi kinh hành: Phật chế phép kinh hành, chú tỷ-kheo sau khi dùng cơm thì đi chậm rãi quanh chùa tháp hoặc trong chánh điện. Trong khi đi ấy thường nhiếp tâm cho an định. Thích thị yếu lăm chép rằng: Kinh hành có năm sự lợi ích:
1. Vận động cơ thể cho kang kiện
2. Luyện tập cho có sức mạnh
3. Trừ được nhiều chứng bệnh
4. Giúp thêm sự tiêu hóa
5. Làm cho ý chí thêm kiên cố
⁴ Bạch hạc: Chim hạc trắng, loài chim lông trắng, mỏ dài, chân cao, bay xa, kêu tiếng lớn và thanh.
Khổng tước: chim công, loài chim giống như chim trĩ, lông đuôi dài, con trống rất đẹp, xòe cánh ra như cái quạt, màu sắc rực rỡ.
Anh vũ: chim két, loài chim lông cánh xanh, mỏ ngắn, có thể tập nói được tiếng người.
Xá-ly: chim thu, chim oanh, loài chim có đôi mắt rất trong, hót nghe tiếng thanh dịu.
Ca-lăng-tần-già: Tiếng Phạn là *Kalavinka*. *Ca-lăng*: tốt, đẹp. *Tần-già*: tiếng, âm thanh. Loài chim tiếng tốt, trong trẻo. Hán dịch là Mỹ âm điều, Diệu thanh điều. Cư trú ở Tuyết sơn, miền Bắc Ấn Độ.
Cộng mạng điều: Tiếng Phạn là *Jivajiva* (Kỳ-bà), dịch âm là Bà-bà-kỳ-bà, cũng dịch là Mạng mạng, hay Sanh sanh. Loài chim một thân có hai đầu.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Ngày đêm sáu thời, những loài chim ấy hòa tiếng kêu thanh nhã. Tiếng chim ấy lại thuyết giảng về Năm căn,¹ Năm lực,² Bảy phần *Bồ-đề*,³ tám phần Thánh đạo.⁴ Chúng sanh ở cõi ấy nghe rồi đều nhớ nghĩ đến Phật, Pháp, Tăng.¹

¹ Năm căn: Năm điều được xem là cội rễ, giúp cho các pháp lành nảy sanh. Đó là:

1. Tín căn: lòng tin nơi Tam bảo, vào giáo lý Tứ diệu đế.
2. Tinh tấn căn: lòng tinh tấn, đồng mãnh tu hành thiện pháp.
3. Niệm căn: lòng nhớ tưởng Tam bảo, Phật, Pháp, Tăng.
4. Định căn: thiền định, lòng không tán loạn.
5. Huệ căn: sáng suốt, biết rõ sự lý, thông hiểu kinh nghĩa.

² Năm lực: Nhờ có Năm căn mà sanh ra Năm lực:

1. Tín lực: sức mạnh của lòng tin.
2. Tinh tấn lực: sức mạnh của sự tinh tấn.
3. Niệm lực: sức mạnh của sự tưởng niệm, nhớ nghĩ.
4. Định lực: sức mạnh của sự an định.
5. Huệ lực: sức mạnh của trí tuệ.

³ Bảy phần *Bồ-đề*: Tiếng Phạn là *Saptabodhyaṅga*, Hán dịch là Thất giác phần hay Thất giác chi. Bảy phần hợp lại thành quả *Bồ-đề*, thành đức giác ngộ:

1. Trạch pháp giác chi, tiếng Phạn là: *Dharmapracicaya*, sự phân biệt pháp tốt hoặc pháp xấu do trí phán xét của mình.
2. Tinh tấn giác chi, tiếng Phạn là *Vīrya*: Đem lòng đồng mãnh mà từ bỏ điều ác, làm điều lành.
3. Hỷ giác chi, tiếng Phạn là *Prīti*, lòng được vui vẻ.
4. Khinh an giác chi, tiếng Phạn là *Praśabdhi*, lòng nhẹ nhàng yên tĩnh, không có sự nặng nhọc bứt rứt.
5. Niệm giác chi, Tiếng Phạn là *Smṛti*, lòng tưởng nhớ Chánh Pháp, Tam bảo.
6. Định giác chi, tiếng Phạn là *Samādhi*, tâm trí an định, không tán loạn.
7. Xả giác chi, Phạn: *Upekṣā*, cũng gọi là Hộ giác chi: Buông bỏ những vướng mắc, dứt bỏ sự lằm lạp.

⁴ Bát thánh đạo phần: Tám con đường mà người ta phải noi theo để đến các quả thánh. Cũng gọi là Bát chánh đạo, tám con đường chân chánh, tức là Đạo đế trong Tứ diệu đế. Đó là:

1. Chánh kiến, tiếng Phạn là *Sammā-diṭṭhi*, chỗ thấy chân chánh, như thấy vạn vật là chẳng thật, vô ngã, thấy luân hồi là khổ não.

KINH A-DI-ĐÀ

“*Xá-ly-phát!* Ông chớ tưởng rằng những loài chim ấy là do tội báo sanh ra. Vì sao vậy? Cõi Phật ấy không có ba đường ác.”²

“*Xá-ly-phát!* Cõi Phật ấy, đến tên gọi ba đường ác còn không có, huống chi là có thật? Các loài chim ấy đều là do Phật *A-di-đà* vì muốn cho tiếng thuyết

2. Chánh tư duy, tiếng Phạn là *Sammā-saṅkappa*, suy xét, chiêm nghiệm những lẽ chánh.
3. Chánh ngữ, tiếng Phạn là *Sammā-vācā*, lời nói chân chánh, chẳng nói điều phi lý.
4. Chánh nghiệp, tiếng Phạn là *Sammā-kammanta*, việc làm chân chánh, không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm.
5. Chánh mạng, tiếng Phạn là *Sammā-ājīva*, cuộc sống chân chánh, trong sạch.
6. Chánh tinh tấn, tiếng Phạn là *Sammā-vāyāma*, đồng mãnh xa lánh phiền não, đồng mãnh tu thiện.
7. Chánh niệm, tiếng Phạn là *Sammā-sati*, lòng niệm tưởng chân chánh, nhớ nghĩ những chỗ chánh đáng.
8. Chánh định, tiếng Phạn là *Sammā-samādhi*: tâm trí vào thiền định, dứt khỏi những uế trước của thế gian.

¹ Phật, tiếng Phạn là *Buddha*, viết đủ là Phật-đà, Hán dịch là Giác giả, nghĩa là người giác ngộ hoàn toàn. Phật có đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân thể. Sau khi Phật vào Niết bàn, người ta theo đó mà chế ra những tượng cốt bằng chất kim, bằng cây hoặc vẽ hình trên giấy, trên vải để thờ phụng, nhớ tưởng đến Phật.

Pháp, tiếng Phạn là *Dharma*, nên cũng đọc theo âm là Đạt-ma, là những giáo lý do Phật truyền dạy cho chúng sanh. Sau khi Phật nhập diệt, người ta gom góp mà chép thành ba tạng Kinh, Luật và Luận để truyền lại.

Tăng, tiếng Phạn là *Sangha*, viết đủ là Tăng-già, Hán dịch là Hòa hiệp chúng, gồm nhiều người tu học cùng nhau. Sau khi Phật nhập diệt, Tăng-già là những người thay Phật mà tiếp tục truyền dạy giáo pháp cho chúng sanh.

² Ba đường ác: Chúng sanh trong ba cõi thế giới tùy nghiệp lành hoặc dữ của mình, sanh vào trong sáu đường: Ba đường lành, Ba đường ác. Ba đường lành là: cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la. Ba đường ác là: địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

CHỮ KINH TẬP YẾU

pháp được truyền ra khắp nơi nên mới biến hóa tạo thành.

“*Xá-ly-phát!* Nơi cõi Phật ấy, gió nhẹ lay động những hàng cây báu và lưới báu, vang lên tiếng êm dịu vô cùng, như trăm ngàn tiếng nhạc cùng hòa nhau trỗi lên. Nghe được tiếng ấy, tự nhiên sanh lòng tưởng niệm đến Phật, Pháp, Tăng.

“*Xá-ly-phát!* Nơi cõi Cực Lạc có đầy đủ công đức trang nghiêm như thế.

“*Này Xá-ly-phát!* Ý ông nghĩ sao? Tại sao đức Phật ấy lấy hiệu là *A-di-đà*?

“*Xá-ly-phát!* Hào quang của đức Phật ấy chiếu sáng vô cùng, soi khắp các cõi nước mười phương, không hề ngăn ngại. Vì thế nên lấy hiệu là *A-di-đà*.¹

“*Lại nữa, Xá-ly-phát!* Đời sống của đức Phật và nhân dân cõi ấy kéo dài vô số *a-tăng-kỳ* kiếp,¹ nên gọi là *A-di-đà*.

¹ Phật A-di-đà còn có những danh hiệu khác:

Vô Lượng Quang Phật: Vì hào quang của ngài là vô lượng, sáng suốt vô lượng, rộng lớn vô lượng.

Vô Biên Quang Phật: Vì hào quang của ngài là không cùng tận, không có bờ bến, chiếu khắp cả các thế giới mười phương.

Vô Ngại Quang Phật: Vì hào quang của ngài chiếu khắp nơi mà không bị ngăn ngại, soi cả những nơi bị che lấp, những cảnh hắc ám. Những chúng sanh nào gặp được hào quang của đức Phật A-di-đà, thì ba món độc tham, sân, si liền bị tiêu diệt, thân thể được nhu nhuyễn, tâm ý được hoan lạc, sanh nẩy lòng lành. Những chúng sanh trong ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, gặp được hào quang của ngài tức thì hết khổ não, khi mạng chung được thoát khỏi ba đường ác.

KINH A-DI-ĐÀ

“*Xá-ly-phát!* Đức A-di-đà thành Phật đến nay đã được mười kiếp.

“*Lại nữa, Xá-ly-phát!* Đức Phật ấy có vô số các vị đệ tử Thanh văn,² thấy đều là bậc *A-la-hán*, không thể tính đếm mà biết được số lượng. Các vị *Bồ Tát* cũng nhiều như vậy.

“*Xá-ly-phát!* Cõi nước Phật ấy có đầy đủ những công đức trang nghiêm như thế.

“*Lại nữa, Xá-ly-phát!* Chúng sanh được sanh về cõi Cực Lạc đều là những bậc không còn thối chuyển,³ trong đó có nhiều vị chỉ còn một lần sanh nữa là sẽ thành Phật.⁴ Số ấy rất nhiều, không thể lấy sự tính đếm mà biết được, chỉ có thể gọi chung là vô số.

¹ Vô số a-tăng-kỳ kiếp: Cách nói tượng trưng có nghĩa là một quãng thời gian kéo dài không thể đo lường, tính đếm.

Kiếp: nói đủ là Kiếp-ba (*Kalpa*), chia ra làm ba loại: tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp. Một tiểu kiếp có một ngàn sáu trăm tám mươi vạn năm. Một trung kiếp có ba vạn ba ngàn sáu trăm vạn năm. Một đại kiếp có mười ba vạn bốn ngàn bốn trăm vạn năm.

² Thanh văn, tiếng Phạn là *Srāvaka*, hàng đệ tử Phật theo giáo pháp Thanh văn thừa, (*Srāvakayāna*), tu tập Tứ diệu đế, chứng đắc các thánh quả từ Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán.

³ Bậc không còn thối chuyển, tiếng Phạn là *Avaiivartika* (A-bệ-bạt-trí), tức là bậc Bồ Tát không còn thối chuyển trên đường tu học.

⁴ Chỉ còn một lần sanh nữa là sẽ thành Phật: Gọi là Bồ Tát nhất sanh bổ xứ, tức là những vị Bồ Tát đã tròn quả nguyện, chỉ còn một lần thọ sanh nữa là thành Phật.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“*Xá-ly-phát!* Chúng sanh nghe biết rồi, nên phát nguyện sanh về cõi ấy.¹ Tại sao vậy? Để được chung sống với các bậc hiền thiện cao thượng.

“*Xá-ly-phát!* Người có ít nhân duyên phước đức căn lành không thể sanh về cõi ấy.²

“*Xá-ly-phát!* Như những kẻ nam, người nữ có lòng lành, nghe giảng nói về Phật *A-di-đà*, bèn chuyên tâm niệm danh hiệu ngài, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, tâm không tán loạn.³ Người ấy khi lâm chung liền có đức Phật *A-di-đà* cùng với các vị thánh chúng hiện ra trước mắt. Khi mạng chung tâm không điên đảo, liền được sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật *A-di-đà*.

¹ Phát nguyện sanh về cõi ấy: Người đọc kinh điển nói về cõi Cực Lạc của đức Phật *A-di-đà* mà muốn được vãng sanh về đó, trước hết phải phát nguyện. Sau khi phát nguyện, thì hết lòng nhớ tưởng đến đức Phật *A-di-đà*, nhớ tưởng đến thế giới Cực Lạc. Nhờ có chí nguyện vững bền, nên nhất định sẽ được vãng sanh về đó.

² Về thiện căn, Thập trụ Ty-bà-sa luận có nói ba thiện căn: chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Tất cả thiện pháp đều do đó mà nảy sanh.

Về phước đức, Quán Vô Lượng Thọ Kinh có dạy: Muốn sanh về cõi ấy, nên tu ba phước.

Phước thứ nhất là: Hiếu thảo với cha mẹ, hầu hạ bậc sư trưởng, vì lòng từ mà chẳng giết hại, tu mười nghiệp lành.

Phước thứ hai là: Thọ trì tam quy, giữ trọn các giới, chẳng phạm oai nghi.
Phước thứ ba là: Phát tâm Bồ-đề, tin sâu lẽ nhân quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyến tấn những người tu hành.

³ Tâm không tán loạn (Nhất tâm bất loạn) là ý chỉ cốt yếu của toàn quyển Kinh *A-di-đà* này. Chẳng những trong khi ngồi, mà khi đi, khi đứng, khi nằm, lúc nào hành giả cũng giữ nơi lòng một câu Nam-mô *A-di-đà* Phật, lòng tưởng nhớ đến Phật ấy, không để một tư tưởng nào khác xen vào, đó là tâm không tán loạn.

KINH A-DI-ĐÀ

“*Xá-ly-phát!* Ta thấy sự ích lợi đó, nên mới giảng nói như vậy. Nếu có chúng sanh nào được nghe, nên phát nguyện sanh về cõi ấy.

“*Xá-ly-phát!* Cũng như nay ta xưng tán lợi ích công đức không thể nghĩ bàn của Phật *A-di-đà*.

“Phương Đông lại có chư Phật như: Phật *A-súc-bệ*, Phật *Tu-di* Tướng, Phật Đại *Tu-di*, Phật *Tu-di* Quang, Phật Diệu Âm..., vô số chư Phật như vậy, mỗi vị đều từ nơi cõi nước của mình, hiện tướng lưới dài rộng¹ bao trùm cả ba ngàn đại thiên thế giới, nói ra lời chân thật này: Hết thấy chúng sanh nên tin vào lời xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của kinh mà tất cả chư Phật đều hộ niệm.

“*Xá-ly-phát!* Thế giới phương Nam có chư Phật như: Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật Danh Văn Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật *Tu-di* Đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tấn..., vô số chư Phật như vậy, mỗi vị đều từ nơi cõi nước của mình, hiện tướng lưới dài rộng bao trùm cả ba ngàn đại thiên thế giới, nói ra lời chân thật này: Hết thấy chúng sanh nên tin vào lời xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của kinh mà tất cả chư Phật đều hộ niệm.

“*Xá-ly-phát!* Thế giới phương Tây có chư Phật như: Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Tướng,

¹ Tướng lưới dài rộng: Đức Phật trải qua vô số kiếp không nói lời lường dối, sai sự thật, nên được quả báo có tướng lưới dài rộng hơn tất cả chúng sanh. Khi chư Phật hiện tướng lưới dài rộng là muốn xác nhận lời nói chân thật không hề lường dối.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Phật Vô Lượng Tràng, Phật Đại Quang, Phật Đại Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Tịnh Quang..., vô số chư Phật như vậy, mỗi vị đều từ nơi cõi nước của mình, hiện tướng lưỡi dài rộng bao trùm cả ba ngàn đại thiên thế giới, nói ra lời chân thật này: Hết thấy chúng sanh nên tin vào lời xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của kinh mà tất cả chư Phật đều hộ niệm.

“*Xá-ly-phát!* Thế giới phương Bắc có chư Phật như: Phật Diệm Kiên, Phật Tối Thắng Âm, Phật Nan Trở, Phật Nhật Sanh, Phật Võng Minh..., vô số chư Phật như vậy, mỗi vị đều từ nơi cõi nước của mình, hiện tướng lưỡi dài rộng bao trùm cả ba ngàn đại thiên thế giới, nói ra lời chân thật này: Hết thấy chúng sanh nên tin vào lời xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của kinh mà tất cả chư Phật đều hộ niệm.

“*Xá-ly-phát!* Thế giới phương dưới có chư Phật như: Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật *Đạt-ma*, Phật Pháp Tràng, Phật Trì Pháp..., vô số chư Phật như vậy, mỗi vị đều từ nơi cõi nước của mình, hiện tướng lưỡi dài rộng bao trùm cả ba ngàn đại thiên thế giới, nói ra lời chân thật này: Hết thấy chúng sanh nên tin vào lời xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của kinh mà tất cả chư Phật đều hộ niệm.

“*Xá-ly-phát!* Thế giới phương trên có chư Phật như: Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương

KINH A-DI-ĐÀ

Thượng, Phật Hương Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật *Ta-la* Thọ Vương, Phật Bảo Hoa Đức, Phật Kiến Nhất Thiết Nghĩa, Phật Như *Tu-di* Sơn..., vô số chư Phật như vậy, mỗi vị đều từ nơi cõi nước của mình, hiện tướng lưỡi dài rộng bao trùm cả ba ngàn đại thiên thế giới, nói ra lời chân thật này: Hết thấy chúng sanh nên tin vào lời xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của kinh mà tất cả chư Phật đều hộ niệm.

“*Xá-ly-phát!* Ý ông nghĩ sao? Vì sao kinh này gọi là: Tất cả chư Phật đều hộ niệm?

“*Xá-ly-phát!* Nếu những kẻ nam, người nữ có lòng lành, nghe được kinh này mà thọ trì, cũng như nghe danh hiệu chư Phật, thì những kẻ nam, người nữ có lòng lành ấy liền được tất cả chư Phật hộ niệm, thấy đều được địa vị không còn thối chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“*Xá-ly-phát!* Vì vậy mọi người nên tin theo lời ta và chư Phật đã nói.

“*Xá-ly-phát!* Như có người nào trước đã phát nguyện, nay mới phát nguyện, hoặc sau này sẽ phát nguyện sanh về cõi Phật *A-di-đà*, thì những người ấy đều được địa vị không còn thối chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những người ấy hoặc đã được sanh, hoặc nay vừa sanh, hoặc sau này sẽ sanh về cõi ấy.

“*Xá-ly-phát!* Vậy nên những kẻ nam, người nữ có lòng lành, nếu có đức tin, nên phát nguyện sanh về cõi ấy.

“*Xá-ly-phát!* Như nay ta xưng tán công đức không thể nghĩ bàn của chư Phật. Tất cả chư Phật cũng đều xưng tán công đức không thể nghĩ bàn của ta, nói ra lời này: Phật *Thích-ca Mâu-ni* làm được việc rất khó khăn ít có. Từ trong cõi *Ta-bà* là cõi ác có năm thứ uestrợ như: kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược, mà thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chúng sanh mà thuyết dạy pháp môn khó tin nhận nhất trong thế gian này.

“*Xá-ly-phát!* Nên biết rằng, ta ở trong cõi đời ác lụy có năm thứ uestrợ, làm nên việc khó khăn, đặc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì tất cả thế gian thuyết dạy pháp môn khó tin nhận này, thật là một điều rất khó lắm thay!”

Phật thuyết kinh này xong, *Xá-ly-phát* với chư *tỳ-kheo*, hết thấy thế gian, trời, người, *a-tu-la*... nghe Phật thuyết dạy đều vui mừng tin nhận, lễ bái lui về.

PHẬT THUYẾT KINH A-DI-ĐÀ

妙法蓮華經

觀世音菩薩普門品

姚秦三藏法師鳩摩羅什奉詔譯

爾時，無盡意菩薩即從座起，偏袒右肩，合掌向佛而作是言。世尊，觀世音菩薩以何因緣名觀世音。

佛告無盡意菩薩。善男子。若有無量百千萬億衆生受諸苦惱，聞是觀世音菩薩，一心稱名。觀世音菩薩即時觀其音聲皆得解脫。

若有持是觀世音菩薩名者。設入大火，火不能燒。由是菩薩威神力故。

若爲大水所漂。稱其名號即得淺處。

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH

QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM

Dao Tân Tam Tạng Pháp Sư Cửu-Ma-la-Thập phụng chiếu dịch

Nhĩ thời, Vô Tận Ý Bồ Tát tức tùng tọa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật, nhi tác thị ngôn: “Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát, dĩ hà nhân duyên, danh Quán Thế Âm?”

Phật cáo Vô Tận Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nhược hữu vô lượng bá thiên vạn ức chúng sanh thọ chư khổ não, văn thị Quán Thế Âm Bồ Tát, nhất tâm xưng danh, Quán Thế Âm Bồ Tát tức thời quán kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát.

“Nhược hữu trì thị Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu. Do thị Bồ Tát oai thần lực cố.

“Nhược vi đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu, tức đắc thiển xứ.

若有百千萬億衆生。爲求金銀，瑠璃，砮磈，碼碯，珊瑚，琥珀真珠等寶。入於大海。假使黑風吹其船舫，飄墮羅刹鬼國。其中若有乃至一人。稱觀世音菩薩名者。是諸人等，皆得解脫羅刹之難。以是因緣名觀世音。

若復有人。臨當被害。稱觀世音菩薩名者。彼所執刀杖，尋段段壞，而得解脫。

若三千大千國土滿中夜叉，羅刹，欲來惱人，聞其稱觀世音菩薩名者，是諸惡鬼尚不能以惡眼視之，況復加害。

設復有人。若有罪，若無罪，桎械枷鎖檢繫其身。稱觀世音菩薩名者，皆悉斷壞，即得解脫。

若三千大千國土滿中怨賊。有一商主將諸商人。齎持重寶經過險路。其中一人作是唱言。諸善男子，勿得恐怖。汝等應當一心稱觀世音菩薩名號。是菩薩能以無畏施於衆生。汝等若稱名者。於此怨賊當得解脫。

“Nhược hữu bá thiên vạn ức chúng sanh, vị cầu kim ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chân châu đẳng bảo... nhập ư đại hải. Giả sử hắc phong xuy kỳ thuyền phùng phiêu đọa La-sát quỷ quốc.

“Kỳ trung nhược hữu nãi chí nhất nhân xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, thị chư nhân đẳng giai đắc giải thoát la-sát chi nạn. Dĩ thị nhân duyên, danh Quán Thế Âm.

“Nhược phục hữu nhân lâm đương bị hại, xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, bĩ sở chấp đao trượng tầm đoạn đoạn hoại, nhi đắc giải thoát.

“Nhược tam thiên đại thiên quốc độ mãn trung dạ-xoa, la-sát, dục lai não nhân, văn kỳ xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, thị chư ác quỷ thượng bất năng dĩ ác nhãn thị chi, hướng phục gia hại?

“Thiết phục hữu nhân, nhược hữu tội, nhược vô tội, sửu giới già tảo, kiểm hệ kỳ thân, xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, giai tất đoạn hoại, tức đắc giải thoát.

“Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung oán tặc, hữu nhất thương chủ tương chư thương nhân, tê trì trọng bảo, kinh quá hiểm lộ. Kỳ trung nhất nhân tác thị xưng ngôn: ‘Chư thiện nam tử! Vật đắc khủng bố. Nhữ đẳng ưng đương nhất tâm xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu. Thị Bồ Tát năng dĩ vô úy thí ư chúng sanh. Nhữ đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán tặc, đương đắc giải thoát.’

衆商人聞俱發聲言。南無觀世音菩薩。稱其名故即得解脫。

無盡意。觀世音菩薩摩訶薩。威神之力，巍巍如是。

若有衆生多於婬欲。常念恭敬觀世音菩薩。便得離欲。

若多瞋恚常念恭敬觀世音菩薩便得離瞋。

若多愚癡常念恭敬觀世音菩薩便得離癡。

無盡意。觀世音菩薩。有如是等大威神力多所饒益。是故衆生常應心念。

若有女人設欲求男。禮拜供養觀世音菩薩。便生福德智慧之男。設欲求女。便生端正有相之女。宿殖德本衆人愛敬。

無盡意。觀世音菩薩有如是力。若有衆生恭敬禮拜觀世音菩薩。福不唐捐。是故衆生。皆應受持觀世音菩薩名號。

無盡意。若有人受持六十二億恒河沙菩薩名字。復盡形供養飲食衣服臥具醫藥，於汝意云何。是善男子，善女人功德多不。

“Chúng thương nhân văn, câu phát thính ngôn: Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Xưng kỳ danh cố, tức đắc giải thoát.

“Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát Ma-ha-tát oai thần chi lực, nguy nguy như thị.

“Nhược hữu chúng sanh đa ư dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly dục. Nhược đa sân nhuế, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát tiện đắc ly sân.

“Nhược đa ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát tiện đắc ly si.

“Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát hữu như thị đẳng đại oai thần lực, đa sở nhiều ích. Thị cố chúng sanh thường ưng tâm niệm.

“Nhược hữu nữ nhân thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện sanh phước đức trí huệ chi nam. Thiết dục cầu nữ, tiện sanh đoan chánh hữu tướng chi nữ, tức thực đức bốn, chúng nhân ái kính.

“Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát hữu như thị lực. Nhược hữu chúng sanh cung kính lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát, phước bất đường quên. Thị cố chúng sanh giai ưng thọ trì Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu.

“Vô Tận Ý! Nhược hữu nhân thọ trì lục thập nhị ức Hằng hà sa Bồ Tát danh tự, phục tận hình cúng dường ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược. Ư nhữ ý vân hà? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân công đức đa phủ?”

無盡意言。甚多世尊。
佛言。若復有人受持觀世音菩薩名號。乃至一時禮拜供養。是二人福正等無異。於百千萬億劫不可窮盡。
無盡意。受持觀世音菩薩名號，得如是無量無邊福德之利。
無盡意菩薩白佛言。世尊。觀世音菩薩云何遊此娑婆世界，云何而為衆生說法，方便之力，其事云何。
佛告無盡意菩薩。善男子。若有國土衆生應以佛身得度者。觀世音菩薩。即現佛身而為說法。
應以辟支佛身得度者。即現辟支佛身而為說法。
應以聲聞身得度者即現聲聞身而為說法。
應以梵王身得度者即現梵王身而為說法。
應以帝釋身得度者即現帝釋身而為說法。
應以自在天身得度者。即現自在天身而為說法。

Vô Tận Ý ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn.”

Phật ngôn: “Nhược phục hữu nhân thọ trì Quán Thế Âm *Bồ Tát* danh hiệu, nãi chí nhất thời lễ bái cúng dường, thị nhị nhân phước, chánh đẳng vô dị, ư bá thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận.

“Vô Tận Ý! Thọ trì Quán Thế Âm *Bồ Tát* danh hiệu, đắc như thị vô lượng vô biên phước đức chi lợi.”

Vô Tận Ý *Bồ Tát* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Quán Thế Âm *Bồ Tát* vân hà du thử *Ta-bà* thế giới? Vân hà nhi vị chúng sanh thuyết pháp? Phương tiện chi lực, kỳ sự vân hà?”

Phật cáo Vô Tận Ý *Bồ Tát*: “Thiện nam tử! Nhược hữu quốc độ, chúng sanh ưng dĩ Phật thân đắc độ giả, Quán Thế Âm *Bồ Tát* tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ *Bích-chi* Phật thân đắc độ giả, tức hiện *Bích-chi* Phật thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ Thanh văn thân đắc độ giả, tức hiện Thanh văn thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ Phạm vương thân đắc độ giả, tức hiện Phạm vương thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ *Đế-thích* thân đắc độ giả, tức hiện *Đế-thích* thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ Tự tại thiên thân đắc độ giả, tức hiện Tự tại thiên thân nhi vị thuyết pháp.

CHỮ KINH TẬP YẾU

應以大自在天身得度者。即現大自在天身而為說法。

應以天大將軍身得度者。即現天大將軍身而為說法。

應以毘沙門身得度者。即現毘沙門身而為說法。

應以小王身得度者即現小王身而為說法。

應以長者身得度者即現長者身而為說法。

應以居士身得度者即現居士身而為說法。

應以宰官身得度者即現宰官身而為說法。

應以婆羅門身得度者。即現婆羅門身而為說法。

應以比丘，比丘尼，優婆塞，優婆夷身得度者。即現比丘，比丘尼，優婆塞，優婆夷身而為說法。

應以長者，居士，宰官，婆羅門婦女身得度者。即現婦女身而為說法。

應以童男，童女身得度者。即現童男，童女身而為說法。

PHỔ MÔN PHẨM

“Ứng dĩ Đại tự tại thiên thân đắc độ giả, tức hiện Đại tự tại thiên thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ Thiên đại tướng quân thân đắc độ giả, tức hiện Thiên đại tướng quân thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ *Tỳ-sa-môn* thân đắc độ giả, tức hiện *Tỳ-sa-môn* thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ tiểu vương thân đắc độ giả, tức hiện tiểu vương thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ trưởng giả thân đắc độ giả, tức hiện trưởng giả thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ cư sĩ thân đắc độ giả, tức hiện cư sĩ thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ tể quan thân đắc độ giả, tức hiện tể quan thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ *bà-la-môn* thân đắc độ giả, tức hiện *bà-la-môn* thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* thân đắc độ giả, tức hiện *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ trưởng giả, cư sĩ, tể quan, *bà-la-môn* phụ nữ thân đắc độ giả, tức hiện phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp.

“Ứng dĩ đồng nam, đồng nữ thân đắc độ giả, tức hiện đồng nam, đồng nữ thân nhi vị thuyết pháp.

應以天，龍，夜叉，乾闥婆，阿修羅，迦樓羅，緊那羅，摩睺羅伽，人，非人等身得度者。即皆現之而為說法。

應以執金剛神身得度者。即現執金剛神身而為說法。

無盡意。是觀世音菩薩。成就如是功德。以種種形遊諸國土度脫衆生。是故汝等應當一心供養觀世音菩薩。是觀世音菩薩摩訶薩，於怖畏急難之中，能施無畏。是故此娑婆世界。皆號之為施無畏者。

無盡意菩薩白佛言。世尊。我今當供養觀世音菩薩。即解頸衆寶珠瓔珞，價值百千兩金而以與之。作是言。仁者。受此法施珍寶瓔珞。時觀世音菩薩不肯受之。

無盡意復白觀世音菩薩言。仁者。愍我等故受此瓔珞。

爾時佛告觀世音菩薩。當愍此無盡意菩薩及四衆，天，龍，夜叉，乾闥婆，阿修羅，迦樓羅，緊那羅，摩睺羅伽，人，非人等故，受是瓔珞。

“*Ung dĩ thiên, long, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hâu-la-già, nhân, phi nhân đẳng thân đắc độ giả, tức giai hiện chi nhi vị thuyết pháp.*”

“*Ung dĩ Chấp kim cang thân thân đắc độ giả, tức hiện Chấp kim cang thân thân nhi vị thuyết pháp.*”

“*Vô Tận Ý! Thị Quán Thế Âm Bồ Tát thành tựu như thị công đức, dĩ chủng chủng hình du chư quốc độ, độ thoát chúng sanh. Thị cố nữ đẳng ưng đương nhất tâm cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát.*”

“*Thị Quán Thế Âm Bồ Tát ma-ha-tát, ư bố úy cấp nạn chi trung, năng thí vô úy. Thị cố thử Ta-bà thế giới giai hiệu chi vị Thí vô úy giả.*”

Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật ngôn: “*Thế Tôn! Ngã kim đương cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát.*” Tức giải cảnh chúng bảo châu anh lạc, giá trị bá thiên lượng kim, nhi dĩ dữ chi, tác thị ngôn: “*Nhân giả! Thọ thử pháp thí trân bảo anh lạc.*”

Thời Quán Thế Âm Bồ Tát bất khảng thọ chi.

Vô Tận Ý phục bạch Quán Thế Âm Bồ Tát ngôn: “*Nhân giả! Mãn ngã đẳng cố thọ thử anh lạc.*”

Nhĩ thời, Phật cáo Quán Thế Âm Bồ Tát: “*Đương mãn thử Vô Tận Ý Bồ Tát cập tứ chúng, thiên, long, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hâu-la-già, nhân, phi nhân đẳng cố, thọ thị anh lạc.*”

即時，觀世音菩薩愍諸四衆及於天，龍，人，非人等，受其瓔珞，分作二分。一分奉釋迦牟尼佛。一分奉多寶佛塔。無盡意。觀世音菩薩有如是自在神力。遊於娑婆世界。爾時無盡意菩薩。以偈問曰。

世尊妙相具
我今重問彼
佛子何因緣
名為觀世音
具足妙相尊
偈答無盡意
汝聽觀音行
善應諸方所
弘誓深如海
歷劫不思議
侍多千億佛
發大清淨願
我為汝略說
聞名及見身

Tức thời, Quán Thế Âm Bồ Tát mẫn chư tứ chúng cập ư thiên, long, nhân, phi nhân đẳng, thọ kỳ anh lạc, phân tác nhị phần: nhất phần phụng Thích-ca Mâu-ni Phật, nhất phần phụng Đa Bảo Phật tháp.

“Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát hữu như thị tự tại thần lực, du ư Ta-bà thế giới.”

Nhĩ thời, Vô Tận Ý Bồ Tát dĩ kệ vấn viết:

“Thế Tôn diệu tướng cụ,
Ngã kim trùng vấn bỉ
Phật tử hà nhân duyên,
Danh vi Quán Thế Âm?”

Cụ túc Diệu Tướng Tôn
Kệ đáp Vô Tận Ý:

“Nhĩ thính Quán Âm hạnh,
Thiện ứng chư phương sở,
Hoằng thệ thâm như hải,
Lịch kiếp bất tư nghị.

Thị đa thiên ức Phật,
Phát đại thanh tịnh nguyện.
Ngã vị nhĩ lược thuyết:
Văn danh cập kiến thân,

心念不空過
能滅諸有苦
假使興害意
推落大火坑
念彼觀音力
火坑變成池
或漂流巨海
龍魚諸鬼難
念彼觀音力
波浪不能沒
或在須彌峯
爲人所推墮
念彼觀音力
如日虛空住
或被惡人逐
墮落金剛山
念彼觀音力
不能損一毛
或值怨賊繞
各執刀加害

*Tâm niệm bất không quá.
Năng diệt chư hữu khổ.
Giả sử hưng hại ý,
Thôi lạc đại hỏa khanh.
Niệm bỉ Quán Âm lực
Hỏa khanh biến thành trì.*

*Hoặc phiêu lưu cự hải,
Long ngư chư quỷ nạn.
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Ba lãng bất năng mọt.*

*Hoặc tại Tu-di phong
Vi nhân sở thôi đọa.
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Như nhật hư không trụ.*

*Hoặc bị ác nhân trục,
Đọa lạc Kim cang sơn.
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Bất năng tổn nhất mao.*

*Hoặc bị oán tặc nhiễu,
Các chấp đao gia hại.*

念彼觀音力
咸即起慈心
或遭王難苦
臨刑欲壽終
念彼觀音力
刀尋段段壞
或囚禁枷鎖
手足被杻械
念彼觀音力
釋然得解脫
呪詛諸毒藥
所欲害身者
念彼觀音力
還著於本人
或遇惡羅刹
毒龍諸鬼等
念彼觀音力
時悉不敢害
若惡獸圍遶
利牙爪可怖

*Niệm bử Quán Âm lực,
Hàm tức khởi từ tâm.*

*Hoặc tao vương nạn khổ,
Lâm hình dục thọ chung,
Niệm bử Quán Âm lực,
Đao tâm đoạn đoạn hoại.*

*Hoặc tù cấm già tởa,
Thủ túc bị sửu giới.
Niệm bử Quán Âm lực,
Thích nhiên đắc giải thoát.*

*Chú trở chư độc dục,
Sở dục hại thân giả;
Niệm bử Quán Âm lực,
Hoàn trước ư bổn nhân.*

*Hoặc ngộ ác La-sát,
Độc long chư quỷ đảng.
Niệm bử Quán Âm lực,
Thời tất bất cảm hại.*

*Nhược ác thú vi nhiều,
Lợi nha trảo khả bố.*

念彼觀音力
疾走無邊方
虺蛇及蝮蠍
氣毒煙火燃
念彼觀音力
尋聲自迴去
雲雷鼓掣電
降雹澍大雨
念彼觀音力
應時得消散
衆生被困厄
無量苦逼身
觀音妙智力
能救世間苦
具足神通力
廣修智方便
十方諸國土
無刹不現身
種種諸惡趣
地獄鬼畜生

*Niệm bỉ Quán Âm lực,
Tật tẩu vô biên phương.*

*Ngoan xà cập phúc yết,
Khí độc yên hỏa nhiên.
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Tâm thanh tự hồi khứ.*

*Vân lôi cổ xiết điện,
Giáng bạc chú đại vũ.
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Ứng thời đắc tiêu tán.*

*Chúng sanh bị khổn ách,
Vô lượng khổ bức thân.
Quán Âm diệu trí lực,
Năng cứu thế gian khổ.*

*Cụ túc thần thông lực,
Quảng tu trí phương tiện.
Thập phương chư quốc độ,
Vô sát bất hiện thân.*

*Chúng chúng chư ác thú,
Địa ngục, quỷ, súc sanh.*

生老病死苦
以漸悉令滅
真觀清淨觀
廣大智慧觀
悲觀及慈觀
常願常瞻仰
無垢清淨光
慧日破諸闇
能伏災風火
普明照世間
悲體戒雷震
慈意妙大雲
澍甘露法雨
滅除煩惱焰
諍訟經官處
怖畏軍陣中
念彼觀音力
衆怨悉退散
妙音觀世音
梵音海潮音

*Sanh, lão, bệnh, tử khổ,
Dĩ tiệm tất linh diệt.*

*Chân quán, Thanh tịnh quán,
Quảng đại trí huệ quán,
Bi quán cập Từ quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.*

*Vô cấu thanh tịnh quang,
Huệ nhật phá chư ám.
Năng phục tai phong hỏa
Phổ minh chiếu thế gian.*

*Bi thể giới lôi chấn,
Từ ý diệu đại vân,
Chú cam lộ pháp vũ,
Diệt trừ phiền não diệt.*

*Tránh tụng kinh quan xú,
Bố úy quân trận trung,
Niệm bỉ Quán Âm lực,
Chúng oán tất thối tán.*

*Diệu âm, quán thế âm,
Phạm âm, hải triều âm,*

勝彼世間音
是故須常念
念念勿生疑
觀世音淨聖
於苦惱死厄
能爲作依怙
具一切功德
慈眼視衆生
福聚海無量
是故應頂禮

爾時持地菩薩即從座起，前白佛言。世尊。若有衆生聞是觀世音菩薩品自在之業，普門示現神通力者。當知是人功德不少。佛說是普門品時，衆中八萬四千衆生，皆發無等等阿耨多羅三藐三菩提心。

妙法蓮華經
觀世音菩薩普門品

終

Thắng bỉ thế gian âm,
Thị cố tu thường niệm.
Niệm niệm vật sanh nghi.
Quán Thế Âm tịnh thánh,
Ư khổ não, tử ách,
Năng vi tác y hõ.
Cụ nhất thiết công đức,
Từ nhĩn thị chúng sanh;
Phước tụ hải vô lượng,
Thị cố ưng đảnh lễ.”

Nhĩ thời, Trì Địa Bồ Tát tức tùng tòa khởi, tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược hữu chúng sanh văn thị Quán Thế Âm Bồ Tát phẩm tự tại chi nghiệp, phổ môn thị hiện thần thông lực giả, đương tri thị nhân công đức bất thiếu.”

Phật thuyết thị Phổ Môn phẩm thời, chúng trung bát vạn tứ thiên chúng sanh, giai phát vô đẳng đẳng An-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM

CHUNG

六字大明真言

唵嘛呢叭彌吽。

[三稱]

舉讚

觀音大士，
普號圓通。
十二大願誓弘深。
苦海度迷津，
救苦尋聲。
無刹不現身。

十二願

南無號圓通名自在觀音如來廣發弘誓願。
南無一念心無罣礙觀音如來常居南海願。
南無住娑婆幽冥界觀音如來尋聲救苦願。
南無降邪魔除妖怪觀音如來能除危險願。
南無清淨瓶垂楊柳觀音如來甘露灑心願。

LỤC TỰ ĐẠI MINH CHƠN NGÔN

Án ma ni bát di hồng!

(Tam xưng)

CỬ TÁN

*Quán Âm Đại Sĩ
Phổ hiệu Viên Thông,
Thập nhị đại nguyện thệ hoằng thâm,
Khổ hải độ mê tân,
Cứu khổ tâm thanh.
Vô sát bất hiện thân.*

THẬP NHỊ NGUYỆN

1. Nam mô hiệu viên thông danh tự tại Quán Âm Như Lai quảng phát hoằng thệ nguyện.
2. Nam mô nhất niệm tâm vô quái ngại Quán Âm Như Lai thường cư Nam hải Nguyệt.
3. Nam mô trụ *Ta-bà* u minh giới Quán Âm Như Lai tâm thanh cứu khổ nguyện.
4. Nam mô hàng tà ma trừ yêu quái Quán Âm Như Lai, năng trừ nguy hiểm nguyện.

CHÚ KINH TẬP YẾU

南無大慈悲能喜捨觀音如來常行平等願。

南無晝夜尋無損害觀音如來誓滅三途願。

南無望南巖勤禮拜觀音如來枷鎖解脫願。

南無造法船遊苦海觀音如來度盡衆生願。

南無前幢幡後寶蓋觀音如來接引西方願。

南無無量壽佛境界觀音如來彌陀授記願。

南無端嚴身無比賽觀音如來果修十二願。

PHỔ MÔN PHẨM

5. Nam mô thanh tịnh bình thùi dương liễu Quán Âm Như Lai cam lộ sái tâm nguyện.

6. Nam mô đại từ bi năng hỷ xả Quán Âm Như Lai thường hành bình đẳng nguyện.

7. Nam mô trú dạ tâm vô tổn hại Quán Âm Như Lai thế diệt tam đồ nguyện.

8. Nam mô vọng nam nham cần lễ bái Quán Âm Như Lai già tỏa giải thoát nguyện.

9. Nam mô tạo pháp thuyền du khổ hải Quán Âm Như Lai độ tận chúng sanh nguyện.

10. Nam mô tiền tràng phan hậu bảo cái Quán Âm Như Lai tiếp dẫn Tây phương nguyện.

11. Nam mô Vô Lượng Thọ Phật cảnh giới Quán Âm Như Lai Di-đà thọ ký nguyện.

12. Nam mô doan nghiêm thân vô tử tái Quán Âm Như Lai quả tu thập nhị nguyện.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

PHẨM PHỔ MÔN

BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

(Phần dịch nghĩa)

Lúc ấy,¹ Bồ Tát Vô Tận Ý² từ chỗ ngồi đứng dậy, vén tay áo bên vai mặt, quỳ xuống chắp tay cung kính bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ Tát Quán Thế Âm³ có danh hiệu ấy?”

Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý rằng: “Thiện nam tử! Nếu có vô số trăm ngàn vạn ức chúng sanh đang chịu đựng các điều khổ não, hết lòng xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, ngài liền lắng nghe theo âm thanh đó mà giải thoát cho hết thảy.

“Nếu có người trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, dù cho nhảy vào lửa dữ, lửa cũng không thiêu đốt được.

“Nếu bị trôi dạt theo dòng nước lớn, niệm danh hiệu ngài liền gặp chỗ nước cạn.

¹ Phẩm Phổ Môn này là phẩm thứ 25 trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, gọi đầy đủ là Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm, gọi tắt là Phổ Môn Phẩm. Trong khi tụng niệm, Phật tử vẫn thường gọi là kinh Phổ môn. “Lúc ấy” là chỉ cho thời điểm bắt đầu nói phẩm kinh này.

² Tiếng Phạn là Akṣayamati.

³ Tiếng Phạn là Avalokiteśvara.

PHẨM PHỔ MÔN

“Như có trăm ngàn vạn ức chúng sanh vì muốn tìm vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, các thứ bảo vật... liền đi ra biển cả. Bỗng có cơn bão lớn xô đẩy thuyền trôi dạt vào cõi quỷ *la-sát*. Trong số ấy chỉ cần có một người xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì hết thảy mọi người liền được thoát khỏi nạn quỷ *la-sát* ấy. Do nhân duyên như vậy, nên Bồ Tát Quán Thế Âm mới có danh hiệu ấy.

“Thiện nam tử! Nếu có người bị kẻ khác đánh hại, niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, những dao gậy của kẻ kia liền tự hư hoại, nhờ đó được giải thoát.

“Giả sử như trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới đầy đầy những loài quỷ dữ *Dạ-xoa*,¹ *La-sát*² luôn muốn hại người. Nghe xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm rồi, những loài quỷ ấy chẳng dám lấy mắt dữ nhìn người, hướng hô là làm hại?”

“Nếu có người bị gông cùm xiềng xích, hoặc có tội, hoặc vô tội, khi xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, gông cùm xiềng xích đều tự nhiên tan rã, liền được giải thoát.

“Giả sử như trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới đầy đầy những bọn giặc cướp. Có một người thương chủ cùng những thương nhân khác mang các loại hàng hóa quý giá đi qua quãng đường nguy hiểm. Trong những người ấy, có một người nói rằng: ‘Các vị, xin đừng hoảng hốt. Chúng ta nên hết lòng mà xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Vị Bồ Tát này thường mang sự an ổn đến cho hết thảy chúng sanh. Nếu chúng ta xưng danh hiệu

¹ Tiếng Phạn là Yakkha.

² Tiếng Phạn là Rākṣasa.

CHỮ KINH TẬP YẾU

ngài, tất được thoát khỏi nạn giặc cướp.’ Những người buôn trong đoàn nghe như vậy rồi, liền cùng nhau xưng niệm: *Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*. Xưng danh hiệu *Bồ Tát* rồi, liền được giải thoát.

“Vô Tận Ý! Sức oai thần của *Bồ Tát Quán Thế Âm* mạnh mẽ như thế đó.

“Nếu có người mê đắm chuyện dâm dục, thường cung kính niệm danh hiệu *Bồ Tát Quán Thế Âm*, liền bỏ được sự dâm dục.

“Nếu có người hay nóng giận, thường cung kính niệm danh hiệu *Bồ Tát Quán Thế Âm*, liền bỏ được sự nóng giận.

“Nếu có người tâm tánh ngu si, thường cung kính niệm danh hiệu *Bồ Tát Quán Thế Âm*, liền bỏ được sự ngu si.

“Vô Tận Ý! *Bồ Tát Quán Thế Âm* có sức oai thần như vậy, thường làm lợi ích. Vì vậy chúng sanh nên thường niệm tưởng danh hiệu của ngài.

“Nếu có người muốn sanh con trai, cúng dường lễ bái *Bồ Tát Quán Thế Âm*, liền sanh được con trai có trí huệ, phước đức. Nếu muốn sanh con gái, cũng liền sanh được con gái xinh đẹp, nét na, được người người yêu chuộng.

“Vô Tận Ý! *Bồ Tát Quán Thế Âm* có sức thần như vậy. Nếu có người cung kính lễ bái, được phước đức đúng thật như thế. Vì vậy hết thảy chúng sanh đều nên thọ trì danh hiệu ngài.

PHẨM PHỔ MÔN

“Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh hiệu các *Bồ Tát* nhiều như số cát sáu mươi hai ức sông Hằng,¹ lại trọn đời dâng cúng các món ăn thức uống, quần áo, giường ghế, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước đức nhiều chăng?”

Vô Tận Ý thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thật là nhiều lắm.”

Phật nói: “Lại nếu như có người khác thọ trì danh hiệu của *Bồ Tát Quán Thế Âm*, thậm chí chỉ có một lần cúng dường lễ bái mà thôi. Phước đức của hai người so ra chẳng khác gì nhau, trong trăm ngàn vạn ức kiếp đều chẳng thể cùng tận.

“Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu *Bồ Tát Quán Thế Âm* được sự lợi ích, phước đức không thể đo lường, không có giới hạn.”

Bồ Tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! *Bồ Tát Quán Thế Âm* đi khắp cõi thế giới *Ta-bà* này như thế nào? Vì chúng sanh mà thuyết pháp như thế nào? Sức phương tiện hóa hiện ra sao?”

Phật bảo *Bồ Tát Vô Tận Ý*: “Thiện nam tử! Nếu có những cõi nước mà chúng sanh nơi ấy phải dùng thân Phật mới độ thoát được, *Bồ Tát Quán Thế Âm* liền hiện ra thân Phật để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân Phật *Bích-chi* mới độ thoát được, liền hiện ra thân Phật *Bích-chi* để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân Thanh văn mới độ thoát được, liền hiện ra thân Thanh văn để thuyết pháp.

¹ Đây là cách nói biểu trưng, cho thấy số lượng rất nhiều. Số cát của một sông Hằng, còn không kể xiết, huống chi đến sáu mươi hai ức sông Hằng?

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Nếu phải dùng thân Phạm vương mới độ thoát được, liền hiện ra thân Phạm vương để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân *Đế-thích* mới độ thoát được, liền hiện ra thân *Đế-thích* để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân Tự tại thiên mới độ thoát được, liền hiện ra thân Tự tại thiên để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân Đại tự tại thiên mới độ thoát được, liền hiện ra thân Đại tự tại thiên để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân Thiên đại tướng quân mới độ thoát được, liền hiện ra thân Thiên đại tướng quân để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân *Tỳ-sa-môn* mới độ thoát được, liền hiện ra thân *Tỳ-sa-môn* để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân tiểu vương mới độ thoát được, liền hiện ra thân tiểu vương để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân trưởng giả mới độ thoát được, liền hiện ra thân trưởng giả để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân cư sĩ mới độ thoát được, liền hiện ra thân cư sĩ để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân tể quan mới độ thoát được, liền hiện ra thân tể quan để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân *bà-la-môn* mới độ thoát được, liền hiện ra thân *bà-la-môn* để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* mới độ thoát được, liền hiện ra thân *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân phụ nữ là trưởng giả, cư sĩ, tể quan, *bà-la-môn* mới độ thoát được, liền hiện ra những thân phụ nữ như vậy để thuyết pháp.

PHẨM PHỔ MÔN

“Nếu phải dùng thân đồng nam, đồng nữ mới độ thoát được, liền hiện ra thân đồng nam, đồng nữ để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng những thân trời, người, rồng, *dạ-xoa*, *càn-thát-bà*, *a-tu-la*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già*... mới độ thoát được, liền hiện ra những thân như vậy để thuyết pháp.

“Nếu phải dùng thân thần Chấp kim cang mới độ thoát được, liền hiện ra thân thần Chấp kim cang để thuyết pháp.

“Vô Tận Ý! *Bồ Tát Quán Thế Âm* thành tựu những công đức như vậy, hóa hiện ra đủ loại hình tướng ở khắp các cõi nước mà độ thoát cho chúng sanh. Vì vậy nên các ông nên hết lòng mà cúng dường ngài. *Bồ Tát Quán Thế Âm* trong những lúc nguy cấp tai ương thường mang đến sự an ổn cho chúng sanh, nên cõi *Ta-bà* này xưng hiệu ngài là *Thí Vô Úy*.¹”

Bồ Tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Nay con xin cúng dường *Bồ Tát Quán Thế Âm*.” Liền cõi xâu chuỗi bằng hạt châu anh lạc trị giá trăm ngàn lượng vàng mà dâng lên *Bồ Tát Quán Thế Âm*, thưa rằng: “Xin ngài nhận lấy món pháp thí trân bảo anh lạc này.”

Bấy giờ, *Bồ Tát Quán Thế Âm* từ chối chẳng nhận.

Bồ Tát Vô Tận Ý lại thưa rằng: “Xin ngài vì thương đến chúng tôi mà nhận lấy xâu chuỗi anh lạc này.”

¹ *Thí Vô Úy*: Tiếng Phạn là *Abhayapradāna*, nghĩa là mang lại sự an ổn, không sợ sệt cho người khác.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Phật bảo *Bồ Tát Quán Thế Âm*: “Nên thương đến *Bồ Tát Vô Tận Ý* và *Bốn chúng*,¹ cùng với các loài trời, người, rồng, *dạ-xoa*, *càn-thát-bà*, *a-tu-la*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già* mà thọ nhận chuỗi anh lạc ấy.”

Ngay khi đó, *Bồ Tát Quán Thế Âm* vì lòng thương đến *Bồ Tát Vô Tận Ý* và *Bốn chúng*, cùng với hết thảy các loài trời, rồng, cho đến loài người, loài chẳng phải người... liền thọ nhận chuỗi anh lạc ấy, chia làm hai phần. Một phần cúng dường Phật *Thích-ca Mâu-ni*, một phần cúng dường tháp Phật *Đa Bảo*.²

“*Vô Tận Ý!* *Bồ Tát Quán Thế Âm* có sức thần tự tại hóa hiện khắp cõi thế giới *Ta-bà*.”

Bấy giờ, *Bồ Tát Vô Tận Ý* đọc kệ thưa hỏi rằng:

*“Đức Thế Tôn đủ đầy diệu tướng,
Con nay xin thưa hỏi đôi lần.
Có Bồ Tát tên Quán Thế Âm,
Nhân duyên gì xưng danh hiệu ấy?”*

*Đức Thế Tôn đủ đầy diệu tướng,
Kệ đáp rằng: “Ông hãy lắng nghe,
Bồ Tát Quán Thế Âm hạnh nguyện,
Cũng rộng sâu như biển, như trời.*

¹ Bốn chúng: Bốn hàng đệ tử của Phật. Đó là tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di.

² Tiếng Phạn là *Prabhūtaratna*, dịch âm là *Bào-hữu-La-lan*, dịch nghĩa là *Đa Bảo Phật*, *Bảo Thắng Phật*, *Đại Bảo Phật*, hay *Đa Bảo Như lai*. Trong phẩm thứ 11 trước đó (phẩm *Hiện bảo tháp*, kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*), tháp Phật *Đa Bảo* vừa hóa hiện trước mặt đại chúng, nên *Bồ Tát Quán Thế Âm* nhân đó cúng dường tháp Phật.

PHẨM PHỔ MÔN

*Khéo hóa hiện nơi nơi, chốn chốn,
Trải bao đời để biết hết sao?*

*Vốn đã gặp muôn ngàn đức Phật,
Phát khởi lời nguyện lớn sạch trong.
Ta nay sẽ vì ông lược nói:
Dù nghe tên hay được thấy người,
Trong tâm niệm tưởng hoài không dứt,
Liền diệt đi khổ nạn muôn phần.*

*Hoặc có người khởi tâm hãm hại
Đem bỏ vào hầm lửa đốt thiêu.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Hầm lửa kia liền hóa ao lạnh.*

*Hoặc trôi dạt giữa vùng biển cả,
Gặp quỷ, thần, rồng, cá khốn nguy.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Sóng dữ kia chẳng thể hại mình.*

*Hoặc từ trên đỉnh núi Tu-di,
Bị kẻ ác đẩy xô rơi xuống.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Như mặt trời vững giữa hư không.*

*Hoặc bị kẻ ác tâm rượt đuổi,
Trốn chạy vào tận núi Kim cang.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Dù mảy lông chẳng tổn hại gì.*

*Hoặc gặp phải những phường giặc cướp,
Cầm gậy dao chỉ chực hại người.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Giặc cướp kia liền khởi lòng lành.*

*Hoặc bị nạn vua quan hãm hại,
Chịu thọ hình sắp phải đầu rơi.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Đao kiếm liền tự hủy hoại ngay.*

*Hoặc chịu những oan khiên tù ngục,
Phải gông cùm xiềng xích tay chân.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Liền tự nhiên đượ thoát ngục tù.*

*Hoặc bị những tà ma chú thuật,
Thuốc độc dùng làm hại đến thân.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Tai ách kia trả lại cho người.*

*Hoặc gặp phải nạn tai la-sát,
Với quỷ thần, rông độc hiểm nguy.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Hết thấy đều chẳng hại đến thân.*

*Hoặc bị hại bởi loài thú dữ,
Lấy vuốt, nanh đe dọa khiếp hồn.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Thú dữ kia liền phải chạy xa.*

*Hoặc có những rắn, trăn, rết dữ,
Khí độc phun như lửa khói xông.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Theo âm thanh liền tự phản hồi.*

*Hoặc gặp lúc gió giông sấm dậy,
Mưa ngập trời nước lũ trào dâng.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Ngay tức thời hết thấy tiêu tan.*

*Chúng sanh gặp biết bao khổ nạn,
Bao hiểm nguy rình rập quanh mình.
Sức thần của Quán Âm diệu trí,
Thường cứu nguy bạt khổ thế gian.*

*Đầy đủ sức thần thông biến hóa,
Lại rộng tu phương tiện trí minh.
Gần xa khắp mười phương cõi nước,
Chẳng nơi nào ngài chẳng hiện thân.
Các đường dữ súc sanh, nạ quỷ,
Hoặc là nơi địa ngục khổ cùng.
Chịu những khổ sanh, già, bệnh, chết,
Quán Âm liền cứu vớt dần cho.*

*Chỗ niệm tưởng sạch trong, chân thật,
Trí huệ thêm rộng lớn bao la,
Lòng lân mẫn xót thương tất cả,
Khiến chúng nhân thường lễ bái ngài.*

*Hào quang ngài sáng trong thanh tịnh,
Như mặt trời phá sạch tối tăm.
Thường trừ được nạn tai gió lửa,
Chiếu soi cùng chốn chốn thế gian.*

*Thể lòng bi rên như sấm động,
Diệu ý từ mây lớn chở che.
Đổ mưa Pháp cam lồ khắp cõi,
Dập tắt liền phiền não lửa kia.*

*Tranh giành nhau đến trước cửa quan,
Hoặc giữa chốn trận tiền run rẩy.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Hết thấy điều oán hận lùi xa.*

*Tiếng vi diệu, nghe lời cầu cứu,
Tiếng cõi trời, như sóng biển dâng.
Vượt xa những âm thanh thế tục,
Nên người người phải nhớ niệm xưng.*

*Khi niệm tưởng chớ sanh nghi ngại,
Quán Thế Âm bậc thánh trong lành.
Giữa những chốn nguy nan, ách nạn,
Thường vì người cứu độ chở che.*

*Đã thành tựu đủ đầy công đức,
Dùng mắt lành quán sát chúng sanh.
Phước tích tụ vô biên như biển,
Khắp trời người nên lễ lạy chung.”*

Bấy giờ, Bồ Tát Trì Địa từ chỗ ngồi liền đứng dậy, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào được nghe phẩm kinh nói về sức thần thông tự tại hóa hiện khắp mọi nhà của Bồ Tát Quán Thế Âm này, nên biết rằng chỗ công đức của người ấy thật không phải ít.”

Khi Phật thuyết phẩm kinh Phổ Môn này rồi, trong chúng hội có tám vạn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm vô thượng Bồ-đề cầu quả vị Phật.

**KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
PHẨM PHỔ MÔN BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM
HẾT**

KINH DƯỢC SỬ

DƯỢC SƯ KINH

藥師經

藥師琉璃光如來

本願功德經

唐三藏法師玄奘奉詔譯

如是我聞。一時薄伽梵遊化諸國，至廣嚴城住樂音樹下。與大苾芻衆八千人俱。菩薩摩訶薩三萬六千。及國王大臣婆羅門居士。天龍藥叉人非人等。無量大衆恭敬圍繞而為說法。

爾時曼殊室利法王子。承佛威神從座而起偏袒一肩右膝著地。向薄伽梵曲躬合掌白言。世尊。惟願演說如是相類諸佛名號及本大願殊勝功德。令諸聞者業障消除。為欲利樂像法轉時諸有情故。

爾時世尊讚曼殊室利童子言。

DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI BẢN NGUYỆN CÔNG ĐỨC KINH

Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang phụng chiếu dịch

Như thị ngã văn: Nhất thời *Bạc-già-phạm* du hóa chư quốc, chí Quảng Nghiêm thành, trụ Nhạc âm thụ hạ, dĩ đại *Bật-sô* chúng bát thiên nhân câu. *Bồ Tát ma-ha-tát* tam vạn lục thiên, cập quốc vương, đại thần, *bà-la-môn*, cư sĩ, thiên long bát bộ, nhân, phi nhân đẳng, vô lượng đại chúng cung kính vi nhiều, nhi vị thuyết pháp.

Nhĩ thời, *Mạn-thù-thất-ly* Pháp vương tử, thừa Phật oai thần, tùng tòa nhi khởi, thiên dẫn nhất kiên, hữu tất trước địa, hướng *Bạc-già-phạm*, khúc cung hiệp chưởng, bạch ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện diễn thuyết như thị tương loại chư Phật danh hiệu, cập bản đại nguyện thù thắng công đức, linh chư văn giả nghiệp chướng tiêu trừ, vị dục lợi lạc Tượng pháp chuyển thời chư hữu tình cố.”

Nhĩ thời, Thế Tôn tán *Mạn-thù-thất-ly* Đồng tử ngôn:

善哉善哉，曼殊室利。汝以大悲勸請我說諸佛名號本願功德。為拔業障所纏有情。利益安樂像法轉時諸有情故。汝今諦聽極善思惟。當為汝說。

曼殊室利言。唯然願說。我等樂聞。佛告曼殊室利。東方去此過十殑伽沙等佛土。有世界名淨琉璃。佛號藥師琉璃光如來應正等覺明行圓滿善逝世間解無上丈夫調御士天人師佛薄伽梵。曼殊室利。彼佛世尊藥師琉璃光如來。本行菩薩道時，發十二大願。令諸有情所求皆得。

第一大願。願我來世得阿耨多羅三藐三菩提時。自身光明熾然。照曜無量無數無邊世界。以三十二大丈夫相八十隨好莊嚴其身。令一切有情如我無異。

“Thiện tai, thiện tai! *Mạn-thù-thất-ly*, nhữ dĩ đại bi khuyến thỉnh ngã thuyết chư Phật danh hiệu, bản nguyện công đức, vị bạt nghiệp chướng sở triền hữu tình, lợi ích an lạc tượng pháp chuyển thời chư hữu tình cố. Nhữ kim đế thính, cực thiện tư duy. Đương vị nhữ thuyết.”

Mạn-thù-thất-ly ngôn: “Duy nhiên, nguyện thuyết. Ngã đẳng nhạo văn.”

Phật cáo *Mạn-thù-thất-ly*: “Đông phương khứ thử quá thập *Cãng-già* sa đẳng Phật độ, hữu thế giới danh Tịnh Lưu Ly, Phật hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng, Chánh đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng trọng phu điều ngự sĩ, Thiên nhân sư, Phật, *Bạc-già-phạm*.”

“*Mạn-thù-thất-ly*! Bỉ Phật Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, bốn hành *Bồ Tát* đạo thời, phát thập nhị đại nguyện, linh chư hữu tình sở cầu giai đắc:

“Đệ nhất đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc *Anậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, tự thân quang minh xí nhiên chiếu diệu vô lượng vô số vô biên thế giới. Dĩ tam thập nhị đại trọng phu tướng, bát thập tùy hình trang nghiêm kỳ thân, linh nhất thiết hữu tình như ngã vô dị.

第二大願。願我來世得菩提時。身如琉璃
內外明徹淨無瑕穢。光明廣大功德巍巍。
身善安住焰網莊嚴過於日月。幽冥衆生悉
蒙開曉。隨意所趣作諸事業。

第三大願。願我來世得菩提時。以無量無
邊智慧方便。令諸有情皆得無盡。所受用
物。莫令衆生有所乏少。

第四大願。願我來世得菩提時。若諸有情
行邪道者。悉令安住菩提道中。若行聲聞
獨覺乘者。皆以大乘而安立之。

第五大願。願我來世得菩提時。若有無量
無邊有情。於我法中修行梵行。一切皆令
得不缺戒具三聚戒。設有毀犯聞我名已。
還得清淨不墮惡趣。

第六大願。願我來世得菩提時。若諸有情
。其身下劣諸根不具。醜陋頑愚盲聾瘖啞
孿跛背僂白癩癲狂種種病苦。聞我名已一
切皆得端正黠慧。諸根完具無諸疾苦。

“Đệ nhị đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề
thời, thân như lưu ly, nội ngoại minh triệt, tịnh vô hà
uế, quang minh quảng đại, công đức nguy nguy. Thân
thiện an trụ, diệm vông trang nghiêm, quá ư nhật
nguyệt. U minh chúng sanh tất mông khai hiểu, tùy ý
sở thú tác chư sự nghiệp.

“Đệ tam đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề
thời, dĩ vô lượng vô biên trí huệ phương tiện, linh chư
hữu tình giai đắc vô tận sở thọ dụng vật, mặc linh
chúng sanh hữu sở pháp thiếu.

“Đệ tứ đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề
thời, nhược chư hữu tình hành tà đạo giả, tất linh an
trụ Bồ-đề đạo trung. Nhược hành Thanh văn, Độc giác
thừa giả, giai dĩ Đại thừa nhi an lập chi.

“Đệ ngũ đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề
thời, nhược hữu vô lượng vô biên hữu tình, ư ngã pháp
trung, tu hành phạm hạnh, nhất thiết giai linh đắc bất
khuyết giới, cụ Tam tụ giới. Thiết hữu hủy phạm, văn
ngã danh dĩ, hoàn đắc thanh tịnh, bất đọa ác thú.

“Đệ lục đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề
thời, nhược chư hữu tình, kỳ thân hạ liệt, chư căn bất
cụ, xú lậu ngoan ngu, manh lung ám á, loạn tịch bối lữ,
bạch lại điên cuồng, chủng chủng bệnh khổ, văn ngã
danh dĩ, nhất thiết giai đắc đoan chánh, hiệt huệ, chư
căn hoàn cụ, vô chư tật khổ.

第七大願。願我來世得菩提時。若諸有情。衆病逼切無救無歸無醫無藥無親無家貧窮多苦。我之名號一經其耳。衆病悉除身心安樂。家屬資具悉皆豐足。乃至證得無上菩提。

第八大願。願我來世得菩提時。若有女人。為女百惡之所逼惱。極生厭離願捨女身。聞我名已一切皆得轉女成男具丈夫相。乃至證得無上菩提。

第九大願。願我來世得菩提時。令諸有情。出魔胃網。解脫一切外道纏縛。若墮種種惡見稠林。皆當引攝置於正見。漸令修習諸菩薩行速證無上正等菩提。

第十大願。願我來世得菩提時。若諸有情。王法所加。縛綠鞭撻繫閉牢獄或當刑戮。及餘無量災難陵辱悲愁煎迫。身心受苦。若聞我名。以我福德威神力故。皆得解脫一切憂苦。

“Đệ thất đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược chư hữu tình, chúng bệnh bức thiết, vô cứu, vô qui, vô y, vô dược, vô thân, vô gia, bản cùng đa khổ, ngã chi danh hiệu, nhất kinh kỳ nhĩ, chúng bệnh tất trừ, thân tâm an lạc, gia thuộc tư cụ, tất giai phong túc, nãi chí chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

“Đệ bát đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược hữu nữ nhân, vi nữ bá ác chi sở bức não, cực sanh yếm ly, nguyện xả nữ thân. Văn ngã danh dĩ, nhất thiết giai đắc chuyển nữ thành nam, cụ tượng phu tướng, nãi chí chứng đắc Vô thượng Bồ-đề .

“Đệ cửu đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, linh chư hữu tình xuất ma quyến võng, giải thoát nhất thiết ngoại đạo triền phược. Nhược đọa chủng chủng ác kiến trừ lâm, giai đương dẫn nhiếp, trí ư chánh kiến; tiệm linh tu tập chư Bồ Tát hạnh, tốc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

“Đệ thập đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược chư hữu tình, vương pháp sở gia, phược lục tiên thát, hệ bế lao ngục, hoặc đương hình lục, cập chư vô lượng tai nạn lăng nhục, bi sầu tiền bức thân tâm thọ khổ, nhược văn ngã danh, dĩ ngã phước đức oai thần lực cố, giai đắc giải thoát nhất thiết ưu khổ.

第十一大願。願我來世得菩提時。若諸有情。飢渴所惱。為求食故造諸惡業。得聞我名專念受持。我當先以上妙飲食飽足其身。後以法味。畢竟安樂而建立之。

第十二大願。願我來世得菩提時。若諸有情。貧無衣服。蚊虻寒熱晝夜逼惱。若聞我名專念受持。如其所好即得種種上妙衣服。亦得一切寶莊嚴具華鬘塗香鼓樂衆伎。隨心所翫皆令滿足。

曼殊室利。是為彼世尊藥師琉璃光如來應正等覺行菩薩道時所發十二微妙上願。

復次曼殊室利。彼世尊藥師琉璃光如來行菩薩道時。所發大願及彼佛土功德莊嚴。我若一劫，若一劫餘說不能盡。

然彼佛土一向清淨無有女人。亦無惡趣及苦音聲。琉璃為地。金繩界道。城闕宮閣軒窗羅網皆七寶成。亦如西方極樂世界。功德莊嚴等無差別。

“Đệ thập nhất đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược chư hữu tình, cơ khát sở não, vị cầu thực cố, tạo chư ác nghiệp, đắc văn ngã danh, chuyên niệm thọ trì, ngã đương tiên dĩ thượng diệu ẩm thực, bảo túc kỳ thân, hậu dĩ pháp vị, tất cánh an lạc nhi kiến lập chi.

“Đệ thập nhị đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược chư hữu tình, bản vô y phục, mãn mãn hàn nhiệt, trú dạ bức não, nhược văn ngã danh, chuyên niệm thọ trì, như kỳ sở hảo, tức đắc chủng chủng thượng diệu y phục. Diệc đắc nhất thiết bảo trang nghiêm cụ, hoa man đồ hương, cổ nhạc chúng kỹ. Tùy tâm sở ngoạn, giai linh mãn túc.

“*Mạn-thù-thất-ly!* Thị vi bỉ Thế Tôn Dược sư Lưu ly Quang, Như Lai, ứng, Chánh đẳng giác...hành *Bồ Tát* Đạo thời, sở phát Thập nhị vi diệu thượng nguyện.

“Phục thứ, *Mạn-thù-thất-ly!* Bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, hành *Bồ Tát* đạo thời sở phát đại nguyện, cập bỉ Phật độ công đức trang nghiêm, ngã nhược nhất kiếp, nhược nhất kiếp dư, thuyết bất năng tận.

“Nhiên bỉ Phật độ, nhất hương thanh tịnh, vô hữu nữ nhân, diệc vô ác thú cập khổ âm thanh. Lưu ly vi địa, kim thằng giới đạo, thành khuyết cung các, hiên song la võng, giai thất bảo thành, diệc như Tây phương Cực Lạc thế giới công đức trang nghiêm, đẳng vô sai biệt.

於其國中有二菩薩摩訶薩。一名日光遍照。二名月光遍照。是彼無量無數菩薩衆之上首。次補佛處悉能持彼世尊藥師琉璃光如來正法寶藏。

是故曼殊室利諸有信心善男子善女人等。應當願生彼佛世界。

爾時世尊復告曼殊師利童子言。曼殊室利。有諸衆生。不識善惡唯懷貪吝。不知布施及施果報。愚癡無智闕於信根。多聚財寶勤加守護。見乞者來其心不喜。設不獲已而行施時。如割身肉深生痛惜。

復有無量慳貪有情。積集資財。於其自身尚不受用。何況能與父母妻子奴婢作使及來乞者。彼諸有情從此命終。生餓鬼界或傍生趣。由昔人間曾得暫聞藥師琉璃光如來名故。念在惡趣。暫得憶念彼如來名。即於念時從彼處沒還生人中。得宿命念畏惡趣苦不樂欲樂。好行惠施讚歎施者。一切所有悉無貪惜。漸次尚能以頭目手足血肉身分施來求者。況餘財物。

“Ư kỳ quốc trung, hữu nhị Bồ Tát ma-ha-tát: nhất danh Nhật Quang Biến Chiếu, nhị danh Nguyệt Quang Biến Chiếu. Thị vi bỉ vô lượng vô số Bồ Tát chúng chi thượng thủ. Thứ bổ Phật xứ tất năng trì bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai chánh pháp bảo tạng.

“Thị cố, *Mạn-thù-thất-ly!* Chư hữu tín tâm, thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, ưng đương nguyện sanh bỉ Phật thế giới.”

Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo *Mạn-thù-thất-ly* đồng tử ngôn: “*Mạn-thù-thất-ly!* Hữu chư chúng sanh bất thức thiện ác, duy hoài tham lận, bất tri bố thí cập thí quả báo. Ngu si vô trí, khuyết ư tín căn. Đa tụ tài bảo, cần gia thủ hộ. Kiến khát giả lai, kỳ tâm bất hỷ. Thiết bất hoạch dĩ nhi hành thí thời, như cắt thân nhục, thâm sanh thống tích.

“Phục hữu vô lượng khan tham hữu tình, tích tập tư tài, ư kỳ tự thân thượng bất thọ dụng. Hà hướng năng dĩ phụ mẫu, thê tử, nô tỳ tác sử, cập lai khát giả? Bỉ chư hữu tình, từng thử mạng chung, sanh ngạ quỷ giới hoặc bàng sanh thú. Do tích nhân gian, tăng đắc tạm văn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh cố, niệm tại ác thú, tạm đắc ức niệm bỉ Như Lai danh. Tức ư niệm thời, từng bỉ xứ một, hoàn sanh nhân trung, đắc túc mạng niệm, úy ác thú khổ, bất nhạo dục lạc, háo hành huệ thí, tán tán thí giả. Nhất thiết sở hữu, tất vô tham tích. Tiệm thứ thượng năng dĩ đầu mục, thủ túc, huyết nhục, thân phận, thí lai cầu giả. Hướng dư tài vật?”

復次曼殊室利。若諸有情。雖於如來受諸學處。而破尸羅。有雖不破尸羅而破軌則。有於尸羅軌則雖得不壞然毀正見。有雖不毀正見而棄多聞於佛所說契經深義不能解了。有雖多聞而增上慢。由增上慢覆蔽心故。自是非他嫌謗正法為魔伴黨。如是愚人自行邪見。復令無量俱胝有情墮大險坑。此諸有情。應於地獄傍生鬼趣流轉無窮。

若得聞此藥師琉璃光如來名號。便捨惡行修諸善法。不墮惡趣。設有不能捨諸惡行修行善法。墮惡趣者。以彼如來本願威力。令其現前暫聞名號。從彼命終還生人趣。得正見精進善調意樂。便能捨家趣於非家如來法中。受持學處無有毀犯。正見多聞解甚深義。離增上慢不謗正法。不為魔伴。漸次修行諸菩薩行速得圓滿。

復次曼殊室利。若諸有情慳貪嫉妒自讚毀他。當墮三惡趣中。無量千歲受諸劇苦。

“Phục thứ, *Mạn-thù-thất-ly!* Nhược chư hữu tình, tuy ư Như Lai thọ chư học xứ, nhi phá thi-la. Hữu tuy bất phá thi-la, nhi phá quỹ-tắc. Hữu ư thi-la, quỹ-tắc, tuy đắc bất hoại, nhiên hủy chánh kiến. Hữu tuy bất hủy chánh kiến, nhi khí đa văn, ư Phật sở thuyết khế kinh thâm nghĩa, bất năng giải liễu. Hữu tuy đa văn, nhi tăng thượng mạn. Do tăng thượng mạn phú tế tâm cố, tự thị phi tha, hiềm báng chánh pháp, vi ma bạn đảng. Như thị ngu nhân tự hành tà kiến, phục linh vô lượng câu-chi hữu tình đọa đại hiểm khanh. Thử chư hữu tình ứng ư địa ngục, bàng sanh, quỷ thú, lưu chuyển vô cùng.

“Nhược đắc văn thử Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, tiện xả ác hạnh, tu chư thiện pháp, bất đọa ác thú. Thiết hữu bất năng xả chư ác hạnh, tu hành thiện pháp, đọa ác thú giả, dĩ bỉ Như Lai bản nguyện oai lực, linh kỳ hiện tiền tạm văn danh hiệu, từng bỉ mạng chung, hoàn sanh nhân thú, đắc chánh kiến, tinh tấn, thiện điều ý lạc. Tiện năng xả gia, thú ư phi gia. Như Lai pháp trung, thọ trì học xứ, vô hữu hủy phạm, chánh kiến, đa văn giải thậm thâm nghĩa, ly tăng thượng mạn, bất báng chánh pháp, bất vi ma bạn. Tiệm thứ tu hành chư *Bồ Tát* hạnh, tốc đắc viên mãn.

“Phục thứ, *Mạn-thù-thất-ly!* Nhược chư hữu tình, khan tham tật đố, tự tán hủy tha, đương đọa Tam ác thú trung vô lượng thiên tuế, thọ chư kịch khổ.

受劇苦已。從彼命終來生人間作牛馬駝驢。恒被鞭撻。飢渴逼惱。又常負重隨路而行。

或得為人生居下賤。作人奴婢受他驅役。恒不自在。若昔人中。曾聞世尊藥師琉璃光如來名號。由此善因今復憶念至心歸依。以佛神力眾苦解脫。諸根聰利智慧多聞。恒求勝法常遇善友。永斷魔罣破無明殼。竭煩惱河，解脫一切生老病死憂愁苦惱。復次曼殊室利。若諸有情好喜乖離更相鬥訟惱亂自他。以身語意造作增長種種惡業。展轉常為不饒益事。互相謀害。告召山林樹塚等神。殺諸眾生取其血肉祭祀藥叉羅刹婆等。書怨人名作其形像以惡咒術而咒咀之。厭媚蠱道咒起屍鬼。令斷彼命及壞其身。是諸有情若得聞此藥師琉璃光如來名號彼諸惡事悉不能害。一切展轉皆起慈心。利益安樂無損惱意及嫌恨心。各各歡悅於自所受生於喜足。不相侵凌互為饒益。

“Thọ kịch khổ dĩ, tòng bỉ mạng chung, lai sanh nhân gian, tác ngu mã đà lư, hằng bị tiên thát, cơ khát bức não. Hựu thường phụ trọng, tùy lộ nhi hành.

“Hoặc đắc vi nhân, sanh cư hạ tiện, tác nhân nô tỳ, thọ tha khu dịch, hằng bất tự tại. Nhược tích nhân trung tăng văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, do thử thiện nhân, kim phục ức niệm, chí tâm qui y. Dĩ Phật thần lực, chúng khổ giải thoát, chư căn thông lợi, trí huệ, đa văn, hằng cầu thắng pháp, thường ngộ thiện hữu, vĩnh đoạn ma quuyến, phá vô minh xác, kiệt phiền não hà, giải thoát nhất thiết sanh, lão, bệnh, tử, ưu sầu khổ não.

“Phục thứ, *Mạn-thù-thát-ly!* Nhược chư hữu tình, háo hỷ quai ly, cánh tương đấu tụng, não loạn tự tha, dĩ thân ngữ ý, tạo tác tăng trưởng chủng chủng ác nghiệp, triển chuyển thường vi bất nhiều ích sự, hỗ tương mưu hại. Cáo triệu sơn lâm thọ trung đẳng thần. Sát chư chúng sanh, thủ kỳ huyết nhục, tế tự *Dược-xoa*, La-sát-bà đẳng. Thư oán nhân danh, tác kỳ hình tượng, dĩ ác chú thuật nhi chú trớ chi. Yém my cổ đạo, chú khởi thi quỷ, linh đoạn bỉ mạng cập hoại kỳ thân. Thị chư hữu tình nhược đắc văn thử Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, bỉ chư ác sự tất bất năng hại. Nhất thiết triển chuyển giai khởi từ tâm, lợi ích an lạc, vô tổn não ý cập hiềm hận tâm. Các các hoan duyệt. Ư tự sở thọ, sanh ư hỷ túc, bất tương xâm lăng, hỗ vi nhiều ích.

復次曼殊室利。若有四衆苾芻苾芻尼鄔波索迦鄔波斯迦。及餘淨信善男子善女人等。有能受持八分齋戒。或經一年或復三月受持學處。

以此善根願生西方極樂世界無量壽佛所。聽聞正法而未定者。若聞世尊藥師琉璃光如來名號。臨命終時有八大菩薩。其名曰文殊師利菩薩，觀世音菩薩，得大世菩薩，無盡意菩薩，寶壇華菩薩，藥王菩薩，藥上菩薩，彌勒菩薩。是八大菩薩乘空而來，示其道路。即於彼界種種雜色衆寶華中自然化生。

或有因此生於天上。雖生天中而本善根亦未窮盡。不復更生諸餘惡趣。天上壽盡還生人間。或為輪王統攝四洲。威德自在安立無量百千有情於十善道。或生刹帝利婆羅門居士大家。多饒財寶倉庫盈溢。形相端嚴眷屬具足。聰明智慧。勇健威猛如大力士。

“Phục thứ, *Mạn-thù-thất-ly!* Nhược hữu Tứ chúng: *Bật-sô, Bất-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-ty-ca*, cập dư tịnh tín: thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, hữu năng thọ trì Bát phần trai giới, hoặc kinh nhất niên, hoặc phục tam nguyệt, thọ trì học xứ.

“Dĩ thử thiện căn, nguyện sanh Tây phương Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Phật. Sở thính văn chánh pháp, nhi vị định giả. Nhược văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, lâm mạng chung thời, hữu bát đại *Bồ Tát*, kỳ danh viết: *Văn-thù-sư-ly Bồ Tát*, Quán Thế Âm *Bồ Tát*, Đắc Đại Thế *Bồ Tát*, Vô Tận Ý *Bồ Tát*, Bảo Đàn Hoa *Bồ Tát*, Dược Vương *Bồ Tát*, Dược Thượng *Bồ Tát*, Di Lạc *Bồ Tát*. Thị bát đại *Bồ Tát* thừa không nhi lai, thị kỳ đạo lộ. Tức ư bỉ giới chủng chủng tạp sắc chúng bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh.

“Hoặc hữu nhân thử, sanh ư thiên thượng. Tuy sanh thiên thượng, nhi bản thiện căn diệt vị cùng tận. Bất phục cánh sanh chư dư ác thú. Thiên thượng thọ tận, hoàn sanh nhân gian. Hoặc vi luân vương, thống nhiếp tứ châu, oai đức tự tại, an lập vô lượng bá thiên hữu tình ư thập thiện đạo. Hoặc sanh *sát-đế-ly, bà-la-môn*, cư sĩ, đại gia, đa nhiều tài bảo, thương khố doanh vật, hình tướng đoan chánh, quyền thuộc cụ túc, thông minh trí huệ, đồng kiện oai mãnh như đại lực sĩ.

若是女人得聞世尊藥師如來名號至心受持。於後不復更受女身。

復次曼殊室利。彼藥師琉璃光如來得菩提時由本願力觀諸有情，遇眾病苦，瘦癯乾消黃熱等病。或被厭魅蠱毒所中。或復短命，或時橫死。欲令是等病苦消除，所求願滿。時彼世尊入三摩地名曰除滅一切眾生苦惱。既入定已於肉髻中出大光明。光中演說大陀羅尼曰。

南無薄伽伐帝，鞞殺社婁嚕，薜琉璃，鉢喇婆，喝囉闍也。但陀揭多耶。阿囉喝帝三藐三勃陀耶。怛姪他。唵鞞殺逝。鞞殺逝。鞞殺社。三沒揭帝。莎訶。

爾時光中說此咒已，大地震動放大光明。一切眾生病苦皆除受安穩樂。曼殊室利。若見男子女人有病苦者，應當一心為彼病人，常清淨澡漱，或食或藥，或無蟲水，咒一八遍與彼鰓服食，所有病苦悉皆消滅。若有所求，至心念誦皆得如是無病延年。命終之後生彼世界得不退轉乃至菩提。

“Nhược thị nữ nhân đắc văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, chí tâm thọ trì, ư hậu bất phục cánh thọ nữ thân.

“Phục thứ, *Mạn-thù-thất-ly!* Bỉ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đắc *Bồ-đề* thời, do bản nguyện lực, quán chư hữu tình, ngộ chúng bệnh khổ, sáu luyện càn tiêu, hoàng nhiệt đẳng bệnh. Hoặc bị yếm mỵ, cổ độc sở trúng. Hoặc phục đoản mạng, hoặc thời hoại tử. Dục linh thị đẳng bệnh khổ tiêu trừ, sở cầu nguyện mãn, thời bỉ Thế Tôn nhập Tam-ma địa, danh viết Trì diệt nhất thiết chúng sanh khổ não. Ký nhập định dĩ, ư nhục kế trung, xuất đại quang minh, quang trung diễn thuyết Đại Đà-la-ni viết:

“Nam-mô Bạc-già-phật-đế, Bệ-sái-xã lữ-rô. Bệ-lu-ly, Bát-lạt-bà, hát-ra-xà-giả. Đát-đà-yết-đa-da A ra-hát-đế. Tam miệu. Tam-bộ-đà-da. Đát-điệt-tha. Án. Bệ-sái-thê. Bệ-sái-thê. Bệ-sái-xã. Tam-một-yết-đế, Tá-ha!

“Nhĩ thời, quang trung thuyết thử chú dĩ, đại địa chấn động, phóng đại quang minh. Nhất thiết chúng sanh bệnh khổ giai trừ, thọ an ổn lạc.

“*Mạn-thù-thất-ly!* Nhược kiến nam tử, nữ nhân hữu bệnh khổ giả, ưng đương nhất tâm, vị bỉ bệnh nhân, thường thanh tịnh tẩy rửa, hoặc tự hoặc dược, hoặc vô trùng thủy, chú nhất bá bát biến, dữ bỉ phục thực. Sở hữu bệnh khổ, tất giai tiêu diệt. Nhược hữu sở cầu, chí tâm niệm tụng, giai đắc như thị, vô bệnh diên niên. Mạng chung chi hậu, sanh bỉ thế giới, đắc Bất thối chuyển, nãi chí *Bồ-đề*.

是故曼殊室利。若有男子女人，於彼藥師琉璃光如來，至心慇懃恭敬供養者，常持此咒勿令廢忘。

復次曼殊室利。若有淨信男子女人，得聞藥師琉璃光如來應正等覺所有名號。聞已誦持，晨嚼齒木，澡漱清淨，以諸香花燒香塗香作衆伎樂，供養形像。於此經典若自書若教人書，一心受持，聽聞其義，於彼法師應修供養。一切所有資身之具，悉皆施與勿令乏少。如是便蒙諸佛護念，所求願滿，乃至菩提。

爾時曼殊室利童子白佛言。世尊，我當誓於像法轉時。以種種方便。令諸淨信善男子，善女人等得聞世尊藥師琉璃光如來名號。乃至睡中亦以佛名覺悟其耳。

世尊若於此經受持讀誦。或復為他演說開示。若自書若教人書。恭敬尊重，以種種花香，塗香，末香，燒香，花鬘瓔珞幡蓋伎樂而為供養。

“Thị cố, *Mạn-thù-thất-ly!* Nhược hữu nam tử, nữ nhân, ư bỉ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chí tâm ân trọng, cung kính cúng dường giả, thường trì thủ chú, vật linh phế vong.

“Phục thứ, *Mạn-thù-thất-ly!* Nhược hữu tịnh tín nam tử, nữ nhân, đắc văn Dược Sư Lưu Ly Quang, Như Lai, Ứng, Chánh đẳng giác... sở hữu danh hiệu. Văn dĩ tụng trì: thần tước xỉ mộc, tảo thấu thanh tịnh, dĩ chư hương hoa, thiêu hương, đồ hương, tác chúng kỹ nhạc, cúng dường hình tượng. Ư thủ kinh điển, nhược tự thư, nhược giáo nhân thư, nhất tâm thọ trì, thính văn kỳ nghĩa. Ư bỉ pháp sư, ưng tu cúng dường, nhất thiết sở hữu tư thân chi cụ, tất giai thí dĩ, vật linh pháp thiếu. Như thị tiện mông chư Phật hộ niệm; sở cầu nguyện mãn, nãi chí *Bồ-đề.*”

Nhĩ thời, *Mạn-thù-thất-ly* đồng tử bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã đương thệ ư Tượng pháp chuyển thời, dĩ chúng chúng phương tiện, linh chư tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân đắc văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu. Nãi chí thụ trung, diệc dĩ Phật danh giác ngộ kỳ nhĩ.

“Thế Tôn! Nhược ư thủ kinh thọ trì độc tụng, hoặc phục vị tha diễn thuyết khai thị. Nhược tự thư, nhược giáo nhân thư, cung kính tôn trọng, dĩ chúng chúng hoa hương, mật hương, thiêu hương, hoa man anh lạc, phan cái kỹ nhạc nhi vi cúng dường.

以五色綵作囊盛之。掃灑淨處敷設高座而用安處。爾時四大天王與其眷屬及餘無量百千天衆。皆詣其所供養守護。世尊若此經寶流行之處。有能受持。以彼世尊藥師琉璃光如來本願功德及聞名號。當知是處無復橫死。亦復不為諸惡鬼神奪其精氣。設已奪者還得如故。身心安樂。佛告曼殊室利。如是如是如汝所說。曼殊室利。若有淨信善男子善女人等。欲供養彼世尊藥師琉璃光如來者。應先造立彼佛形像敷清淨座而安處之。散種種花燒種種香。以種種幢幡莊嚴其處。七日七夜受持八分齋戒。食清淨食澡浴香潔著新淨衣。應生無垢濁心無怒害心。於一切有情起利益安樂慈悲喜捨平等之心。鼓樂歌讚右繞佛像。復應念彼如來本願功德讀誦此經思惟其義演說開示。

“Dĩ ngũ sắc thái, tác nang thành chi. Tảo sái tịnh xứ, phu thiết cao tọa nhi dụng an xử. Nhĩ thời, Tứ Đại Thiên vương dĩ kỳ quyến thuộc cập dư vô lượng bá thiên thiên chúng giai nghệ kỳ sở cúng dường thủ hộ.

“Thế Tôn! Nhược thủ kinh bảo lưu hành chi xứ, hữu năng thọ trì, dĩ bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai bản nguyện công đức cập văn danh hiệu, đương tri thị xứ vô phục hoại tử. Diệc phục bất vi chư ác quỷ thần đoạt kỳ tinh khí. Thiết dĩ đoạt giả, hoàn đắc như cố, thân tâm an lạc.”

Phật cáo *Mạn-thù-thất-ly*: “Như thị, như thị. Như nữ sở thuyết.

“*Mạn-thù-thất-ly*! Nhược hữu tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng dụng cúng dường bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai giả, ưng tiên tạo lập bỉ Phật hình tượng, phu thanh tịnh tòa nhi an xử chi. Tán chủng chủng hoa, thiêu chủng chủng hương, dĩ chủng chủng tràng phan, trang nghiêm kỳ xứ. Thất nhật thất dạ, thọ bát phần trai giới, thực thanh tịnh tự. Tảo dụng hương khiết, trước tâm tịnh y. Ứng sanh vô cấu trực tâm, vô nộ hại tâm. Ư nhất thiết hữu tình, khởi lợi ích an lạc, từ bi hỷ xả bình đẳng chi tâm. Cổ nhạc ca tán, hữu nhiều Phật tượng. Phục ưng niệm bỉ Như Lai bản nguyện công đức, đọc tụng thủ kinh, tư duy kỳ nghĩa, diễn thuyết khai thị.

隨所樂求，一切皆遂。求長壽得長壽，求富饒得富饒，求官位得官位，求男女得男女。

若復有人，忽得惡夢。見諸惡相或怪鳥來集。或於住處百怪出現。此人若以衆妙資具。恭敬供養彼世尊藥師琉璃光如來者。惡夢惡相諸不吉祥皆悉隱沒不能為患。

或有水火刀毒懸險惡象師子虎狼熊羆毒蛇惡蠍蜈蚣蚰蜒蚊虻等怖。若能至心憶念彼佛恭敬供養。一切怖畏皆得解脫。

若他國侵擾盜賊反亂。憶念恭敬彼如來者亦皆解脫。

復次曼殊室利。若有淨信善男子善女人等。乃至盡形不事餘天。惟當一心歸佛法僧受持禁戒。若五戒十戒菩薩四百戒苾芻二百五十戒苾芻尼五百戒。於所受中或有毀犯怖墮惡趣。若能專念彼佛名號恭敬供養者。必定不受三惡趣生。

“Tùy sở nhạo cầu, nhất thiết giai toại. Cầu trường thọ đắc trường thọ, cầu phú nhiều đắc phú nhiều, cầu quan vị đắc quan vị, cầu nam nữ đắc nam nữ.

“Nhược phục hữu nhân, hốt đắc ác mộng, kiến chư ác tướng, hoặc quái diệu lai tập, hoặc ư trụ xứ, bá quái xuất hiện. Thử nhân nhược dĩ chúng diệu tư cụ, cung kính cúng dường bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai giả, ác mộng ác tướng, chư bất cát tướng giai tất ẩn một, bất năng vi hoạn.

“Hoặc hữu thủy hỏa, đao độc, huyền hiểm, ác tượng, sư tử, hổ lang, hùng bi, độc xà, ác yết, ngô công, do diên, mân manh đẳng bố. Nhược năng chí tâm ức niệm bỉ Phật, cung kính cúng dường, nhất thiết bố úy giai đắc giải thoát.

“Nhược tha quốc xâm nhiễu, đạo tặc phản loạn, ức niệm cung kính bỉ Như Lai giả, diệc giai giải thoát.

“Phục thứ, *Mạn-thù-thất-ly!* Nhược hữu tịnh tín thiện nam tử thiện nữ nhân đẳng, nãi chí tận hình bất sự dư thiên, duy đương nhất tâm quy Phật, Pháp, Tăng, thọ trì cấm giới, nhược Ngũ giới, Thập giới, *Bồ Tát* tứ bá giới, *Bật-sô* nhị bá ngũ thập giới, *Bật-sô ni* ngũ bá giới. Ư sở thọ trung, hoặc hữu hủy phạm, bố đọa ác thú. Nhược năng chuyên niệm bỉ Phật danh hiệu, cung kính cúng dường giả, tất định bất thọ tam ác thú sanh.

或有女人臨當產時受於極苦。若能至心稱名禮讚恭敬供養彼如來者。衆苦皆除。所生之子身分具足。形色端正見者歡喜。利根聰明安隱少病無有非人奪其精氣。

爾時世尊告阿難言。如我稱揚彼佛世尊藥師琉璃光如來所有功德。此是諸佛甚深行處難可解了。汝為信不。

阿難白言。大德世尊。我於如來所說契經不生疑惑。所以者何。一切如來身語意業無不清淨。

世尊。此日月輪可令墮落妙高山王可使傾動。諸佛所言無有異也。

世尊。有諸衆生信根不具。聞說諸佛甚深行處。作是思惟。云何但念藥師琉璃光如來一佛名號便獲爾所功德勝利。由此不信反生誹謗。彼於長夜失大利樂墮諸惡趣流轉無窮。

佛告阿難。是諸有情。若聞世尊藥師琉璃光如來名號。至心受持不生疑惑。墮惡趣者無有是處。

“Hoặc hữu nữ nhân, lâm đương sản thời, thọ ư cực khổ. Nhược năng chí tâm xưng danh lễ tán, cung kính cúng dường bỉ Như Lai giả, chúng khổ giai trừ. Sở sanh chi tử, thân phận cụ túc, hình sắc đoan chánh, kiến giả hoan hỷ, lợi căn thông minh, an ổn thiểu bệnh. Vô hữu phi nhân đoạt kỳ tinh khí.”

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo A-nan ngôn: “Như ngã xưng dương bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai sở hữu công đức, thử thị chư Phật thậm thâm hành xứ, nan khả giải liễu. Nhữ vi tín phủ?”

A-nan bạch ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã ư Như Lai sở thuyết kế kinh, bất sanh nghi hoặc. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết Như Lai thân, ngữ, ý nghiệp, vô bất thanh tịnh.

“Thế Tôn! Thử nhật nguyệt luân khả linh dọa lạc. Diệu cao sơn vương khả sử khuynh động. Chư Phật sở ngôn, vô hữu dị dã.

“Thế Tôn! Hữu chư chúng sanh, tín căn bất cụ, văn thuyết chư Phật thậm thâm hành xứ, tác thị tư duy: Vân hà đản niệm Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai nhất Phật danh hiệu, tiện hoạch nhĩ sở công đức thắng lợi? Do thử bất tín, phản sanh phỉ báng. Bỉ ư trường dạ, thất đại lợi lạc, dọa chư ác thú, lưu chuyển vô cùng.”

Phật cáo A-nan: “Thị chư hữu tình, nhược văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, chí tâm thọ trì, bất sanh nghi hoặc, dọa ác thú giả vô hữu thị xứ.

阿難。此是諸佛甚深所行難可信解。汝今能受。當知皆是如來威力。

阿難。一切聲聞獨覺及未登地諸菩薩等。皆悉不能如實信解。惟除一生所繫菩薩。

阿難。人身難得。於三寶中信敬尊重亦難可得。得聞世尊藥師琉璃光如來名號復難於是。

阿難。彼藥師琉璃光如來無量菩薩行。無量善巧方便。無量廣大願。我若一劫若一劫餘而廣說者。劫可速盡。彼佛行願善巧方便無有盡也。

爾時衆中有一菩薩摩訶薩。名曰救脫。即從座起偏袒右肩。右膝著地曲躬合掌。而白佛言。大德世尊。像法轉時。有諸衆生。為種種患之所困厄。長病羸瘦不能飲食。喉脣乾燥見諸方暗。死相現前。父母親屬朋友知識啼泣圍繞。

然彼自身臥在本處。見琰魔使引其神識至于琰魔法王之前。然諸有情有俱生神。隨

“A-nan! Thử thị chư Phật thậm thâm sở hành, nan khả tín giải. Nhữ kim năng thọ, đương tri giai thị Như Lai oai lực.

“A-nan! Nhất thiết Thanh văn, Độc giác cập vị đẳng địa chư Bồ Tát đẳng, giai tất bất năng như thật tín giải. Duy trừ Nhất sanh sở hệ Bồ Tát.

“A-nan! Nhân thân nan đắc. Ư Tam Bảo trung, tín kính tôn trọng, diệc nan khả đắc. Văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, phục nan ư thị.

“A-nan! Bỉ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, vô lượng Bồ Tát hạnh, vô lượng thiện xảo phương tiện, vô lượng quảng đại nguyện, ngã nhược nhất kiếp, nhược nhất kiếp dư, nhi quảng thuyết giả, kiếp khả tốc tận, bỉ Phật hạnh nguyện, thiện xảo phương tiện vô hữu tận dã.”

Nhĩ thời, Chúng trung, hữu nhất Bồ Tát Ma-ha-tát, danh viết Cứu Thoát, tức tùng tọa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, khúc cung hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Tượng pháp chuyển thời. Hữu chư chúng sanh, vi chủng chủng hoạn chi sở khổn ách, trường bệnh luy sấu, bất năng ẩm thực, hầu thần càn táo, kiến chư phương ám, tử tướng hiện tiền. Phụ mẫu thân thuộc, bằng hữu tri thức đê khấp vi nhiều.

Nhiên bỉ tự thân, ngọa tại bản xứ, kiến Diêm-ma sứ, dẫn kỳ thần thức chí vu Diêm-ma Pháp vương chi tiền. Nhiên chư hữu tình hữu Câu sanh thần, tùy kỳ sở tác,

其所作若罪若福皆具書之。盡持授與琰魔法王。

爾時彼王推問其人。算計所作隨其罪福而處斷之。時彼病人親屬知識。若能為彼歸依世尊藥師琉璃光如來。請諸眾僧轉讀此經。然七層之燈懸五色續命神幡。或有是處彼識得還。如在夢中明了自見。

或經七日，或二十一日，或三十五日，或四十九日，彼識還時。如從夢覺皆自憶知善不善業所得果報。由自證見業果報故。乃至命難亦不造作諸惡之業。

是故淨信善男子善女人等。皆應受持藥師琉璃光如來名號。隨力所能恭敬供養。

爾時阿難問救脫菩薩曰。善男子。應云何恭敬供養彼世尊藥師琉璃光如來。續命幡燈復云何造。

救脫菩薩言。大德。若有病人欲脫病苦。當為其人。七日七夜受持八分齋戒。應以飲食及餘資具。隨力所辦供養苾芻僧。晝夜六時禮拜供養彼世尊藥師琉璃光如來。

nhược tội nhược phước, giai cụ thư chi, tận trì thọ dữ *Diễm-ma* Pháp vương.

“Nhĩ thời, bỉ vương thối vấn kỳ nhân, toán kế sở tác, tùy kỳ tội phước nhi xử đoán chi. Thời bỉ bệnh nhân thân thuộc tri thức nhược năng vị bỉ, qui y Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thỉnh chư chúng tăng, chuyển đọc thử kinh, nhiên thất tầng chi đăng, huyền ngũ sắc tục mạng thần phan. Hoặc hữu thị xứ bỉ thức đắc hoàn, như tại mộng trung, minh liễu tự kiến.

“Hoặc kinh thất nhật, hoặc nhị thập nhất nhật, hoặc tam thập ngũ nhật, hoặc tứ thập cửu nhật, bỉ thức hoàn thời, như tùng mộng giác, giai tự ức tri thiện bất thiện nghiệp. Sở đắc quả báo, do tự chứng kiến, nghiệp quả báo cố, nãi chí mạng nan, diệc bất tạo tác chư ác chi nghiệp.

“Thị cố tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng giai ưng thọ trì Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, tùy lực sở năng, cung kính cúng dường.”

Nhĩ thời, *A-nan* vấn Cứu Thoát *Bồ Tát* viết: “Thiện nam tử! Ứng vân hà cung kính cúng dường bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai? Tục mạng phan đăng, phục vân hà tạo?”

Cứu Thoát *Bồ Tát* ngôn: “Đại đức! Nhược hữu bệnh nhân dục thoát bệnh khổ, đương vị kỳ nhân, thất nhật thất dạ, thọ trì Bát phần trai giới. Ứng dĩ ẩm thực cập dư chư cụ, tùy lực sở biện, cúng dường *Bát-sô* tăng. Trú dạ lục thời, lễ bái, cúng dường bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu

讀誦此經四十九遍。然四十九燈。造彼如來形像七軀。一一像前各置七燈。一一燈量大如車輪。乃至四十九日光明不絕。造五色綵幡長四十九搩手。應放雜類衆生至四十九。可得過度危厄之難。不為諸橫惡鬼所持。

復次阿難。若刹帝利灌頂王等。災難起時。所謂人中疾疫難。他國侵逼難。自界叛逆難。星宿變怪難。日月薄蝕難。非時風雨難。過時不雨難。彼刹帝利灌頂王等。爾時應於一切有情起慈悲心。赦諸繫閉。依前所說供養之法。供養彼世尊藥師琉璃光如來。由此善根及彼如來本願力故。令其國界即得安隱。風雨順時。穀稼成熟。一切有情無病歡樂。

於其國中。無有暴虐藥叉等神惱有情者。一切惡相皆即隱沒。而刹帝利灌頂王等。壽命色力無病自在。皆得增益。

Ly Quang Như Lai. Đọc tụng thử kinh tứ thập cửu biến, nhiên tứ thập cửu đăng, tạo bử Như Lai hình tượng thất khu. Nhất nhất tương tiên, các trí thất đăng. Nhất nhất đăng lượng, đại như xa luân, nãi chí tứ thập cửu nhật, quang minh bất tuyệt. Tạo ngũ sắc thái phan, trường tứ thập cửu trích thủ. Ứng phóng tạp loại chúng sanh. Chí tứ thập cửu nhật, khả đắc quá độ nguy ách chi nạn, bất vi chư hoạch ác quỷ sở trì.

“Phục thứ, A-nan! Nhược sát-đế-ly Quán đảnh vương đẳng, tai nạn khởi thời, sở vị: nhân trung tật dịch nạn, tha quốc xâm bức nạn, tự giới bạn nghịch nạn, tinh tú biến quái nạn, nhật nguyệt bạc thực nạn, phi thời phong vũ nạn, quá thời bất vũ nạn, bử sát-đế-ly Quán đảnh vương đẳng, nhĩ thời ưng ư nhất thiết hữu tình, khởi từ bi tâm, xá chư hệ bế, y tiên sở thuyết cúng dường chi pháp, cúng dường bử Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Do thử thiện căn cập bử Như Lai bản nguyện lực cố, linh kỳ quốc giới tức đắc an ổn, phong vũ thuận thời, cốc giá thành thực. Nhất thiết hữu tình vô bệnh, hoan lạc.

“Ư kỳ quốc trung, vô hữu bạo ngược Dược-xoa đẳng thần nảo hữu tình giả. Nhất thiết ác tướng giai tức ẩn mật. Nhi sát-đế-ly Quán đảnh vương đẳng, thọ mạng sắc lực, vô bệnh tự tại, giai đắc tăng ích.

阿難。若帝后妃主儲君王子大臣輔相中宮彩女百官黎庶。為病所苦及餘厄難。亦應造立五色神幡然燈續明。放諸生命。散雜色華燒衆名香。病得除愈衆難解脫。

爾時阿難問救脫菩薩言。善男子。云何已盡之命而可增益。

救脫菩薩言。大德。汝豈不聞如來說有九橫死耶。是故勸造續命幡燈修諸福德。以修福故盡其壽命不經苦患。

阿難問言。九橫云何。

救脫菩薩言。若諸有情得病雖輕然無醫藥及看病者。設復遇醫授以非藥。實不應死而便橫死。又信世間邪魔外道妖孽之師。妄說禍福便生恐動。心不自正卜問覓禍。殺種種衆生解奏神明呼諸魍魎請乞福祐欲冀延年。終不能得。

愚癡迷惑信邪倒見。遂令橫死入於地獄無有出期。是名初橫。

二者橫被王法之所誅戮。

“A-nan! Nhược đế hậu phi chúa, trừ quân vương tử, đại thần phụ tướng, trung cung thể nữ, bá quan lê thứ vi bệnh sở khổ, cập dư ách nạn, diệc ứng tạo lập ngũ sắc thần phan, nhiên đăng tục minh, phóng chư sanh mạng tán tạp sắc hoa, thiêu chúng danh hương. Bệnh đặc trừ dữ, chúng nạn giải thoát.”

Nhĩ thời, A-nan vấn Cứu Thoát Bồ Tát ngôn: “Thiện nam tử! Vân hà dĩ tận chi mạng, nhi khả tăng ích?”

Cứu thoát Bồ Tát ngôn: “Đại đức! Nhữ khởi bất văn Như Lai thuyết hữu cửu hoạnh tử da? Thị cố khuyến tạo tục mạng phan đăng, tu chư phước đức. Dĩ tu phước cố, tận kỳ thọ mạng, bất kinh khổ hoạnh.”

A-nan vấn ngôn: “Cửu hoạnh vân hà?”

Cứu Thoát Bồ Tát ngôn: “Nhược chư hữu tình đặc bệnh tuy khinh, nhiên vô y dược cập khán bệnh giả. Thiết phục ngô y, thọ dĩ phi dược. Thật bất ưng tử, nhi tiện hoạnh tử. Hựu tín thế gian tà ma ngoại đạo. Yêu nghiệt chi sư vọng thuyết họa phước, tiện sanh khủng động, tâm bất tự chánh, bốc vấn mệnh họa, sát chủng chủng chúng sanh, giải tấu thần minh, hô chư vông lượng, thỉnh khát phước hựu, dục kí diên niên, chung bất năng đắc.

“Ngu si mê hoặc, tín tà đảo kiến, toại linh hoạnh tử. Nhập ư địa ngục, vô hữu xuất kỳ. Thị danh sơ hoạnh.

“Nhị giả hoạnh bị vương pháp chi sở trừ lục.

三者畋獵嬉戲。耽婬嗜酒放逸無度。橫為非人奪其精氣。
四者橫為火焚。
五者橫為水溺。
六者橫為種種惡獸所噉。
七者橫墮山崖。
八者橫為毒藥，厭禱，咒咀，起屍鬼等之所中害。
九者飢渴所困不得飲食而便橫死。
是為如來略說橫死有此九種。其餘復有無量諸橫難可具說。
復次阿難。彼琰魔王主領世間名籍之記。若諸有情不孝五逆破辱三寶壞君臣法毀於信戒。琰魔法王隨罪輕重考而罰之。是故我今勸諸有情然燈造幡放生修福。令度苦厄不遭眾難。

爾時眾中有十二藥叉大將俱在會坐。
所謂宮毘羅大將，伐折羅大將，迷企羅大將，安底羅大將，頰爾羅大將，珊底羅大

“Tam giả điền liệp hy hý, đām dām thị tửu, phóng dật vô độ, hoạnh vi phi nhân đoạt kỳ tinh khí.

“Tứ giả hoạnh vi hỏa phân.

“Ngũ giả hoạnh vi thủy nịch.

“Lục giả hoạnh vi chủng chủng ác thú sở hám.

“Thất giả hoạnh đoạ sơn nhai.

“Bát giả hoạnh vi độc dược, yếm đảo, chú trớ, khởi thi quỷ đẳng chi sở trúng hại.

“Cửu giả cơ khát sở khốn, bất đắc ẩm thực, nhi tiện hoạnh tử.

“Thị vi Như Lai lược thuyết hoạnh tử hữu thử cửu chủng. Kỳ dư phục hữu vô lượng chư hoạnh, nan khả cụ thuyết.

“Phục thứ, A-nan! Bỉ *Diêm-ma* vương chủ lãnh thế gian danh tịch chi ký. Nhược chư hữu tình bất hiếu ngũ nghịch, phá nhục Tam bảo, hoại quân thần pháp, hủy ư tín giới, *Diêm-ma* Pháp vương, tùy tội khinh trọng, khảo nhi phạt chi. Thị cố ngã kim khuyến chư hữu tình nhiên đặng tạo phan, phóng sanh tu phước, linh độ khổ ách, bất tạo chúng nạn.”

Nhĩ thời, chúng trung hữu Thập nhị *Dược-xoa* Đại tướng, câu tại hội tọa. Sở vị: *Cung-tỳ-la* Đại tướng, *Phạt-chiết-la* Đại tướng, *Mê-xi-la* Đại tướng, *An-đề-la* Đại tướng, *Át-nê-la* Đại tướng, *San-đề-la* Đại tướng,

將，因達羅大將，波夷羅大將，摩虎羅大將，真達羅大將，招杜羅大將，毘羯羅大將。

此十二藥叉大將。一一各有七千藥叉以為眷屬。同時舉聲白佛言。世尊。我等今者蒙佛威力。得聞世尊藥師琉璃光如來名號。不復更有惡趣之怖。我等相率皆同一心。乃至盡形歸佛法僧。誓當荷負一切有情。為作義利饒益安樂。隨於何等村城國邑空閑林中。若有流布此經或復受持藥師琉璃光如來名號恭敬供養者。我等眷屬衛護是人。皆使解脫一切苦難。諸有願求悉令滿足。或有疾厄求度脫者。亦應讀誦此經以五色縷結我名字得如願已然後解結。

爾時世尊讚諸藥叉大將言。善哉善哉大藥叉將。汝等念報世尊藥師琉璃光如來恩德者。常應如是利益安樂一切有情。

爾時阿難白佛言。世尊。當何名此法門我等云何奉持。

Nhân-đạt-la Đại tướng, *Ba-di-la* Đại tướng, *Ma-hổ-la* Đại tướng, *Chân-đạt-la* Đại tướng, *Chiêu-đỗ-la* Đại tướng, *Tỳ-yết-la* Đại tướng.

Thử thập nhị *Dược-xoa* Đại tướng, nhất nhất các hữu thất thiên *Dược-xoa* dĩ vi quyển thuộc, đồng thời cử thanh, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã đẳng kim giả môn Phật oai lực, đắc văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu. Bất phục cánh hữu ác thú chi bố. Ngã đẳng tương suất, giai đồng nhất tâm, nãi chí tận hình, quy Phật, Pháp, Tăng. Thệ đương hà phụ nhất thiết hữu tình, vi tác nghĩa lợi, nhiều ích an lạc. Tùy ư hà đẳng thôn thành quốc ấp, không nhân lâm trung, nhược hữu lưu bố thử kinh, hoặc phục thọ trì Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, cung kính cúng dường giả, ngã đẳng quyển thuộc vệ hộ thị nhân, giai sử giải thoát nhất thiết khổ nạn. Chư hữu nguyện cầu, tất linh mãn túc. Hoặc hữu tật ách cầu độ thoát giả, diệt ung độc tụng thử kinh, dĩ ngũ sắc lữ, kết ngã danh tự, đắc như nguyện dĩ, nhiên hậu giải kết.”

Nhĩ thời, Thế Tôn tán chư *Dược-xoa* Đại tướng ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Đại *Dược-xoa* tướng! Nhữ đẳng niệm báo Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ân đức giả, thường ung như thị lợi ích an lạc nhất thiết hữu tình.”

Nhĩ thời, *A-nan* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Đương hà danh thử pháp môn? Ngã đẳng vân hà phụng trì?”

CHÚ KINH TẬP YẾU

佛告阿難。此法門名說藥師琉璃光如來本願功德。亦名說十二神將饒益有情結願神咒。亦名拔除一切業障。應如是持。
時薄伽梵說是語已。諸菩薩摩訶薩及大聲聞。國王大臣婆羅門居士。天龍藥叉捷達縛阿素洛揭路荼緊捺洛莫呼洛伽人非人等。一切大眾聞佛所說。皆大歡喜，信受奉行。

藥師琉璃光如來 本願功德經 終

DƯỢC SƯ KINH

Phật cáo A-nan: “Thử Pháp môn danh *Thuyết Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai bản nguyện công đức*. Diệc danh *Thuyết Thập nhị Thần tướng nhiêu ích hữu tình kết nguyện thần chú*. Diệc danh *Bạt trừ nhất thiết nghiệp chương*. Ứng như thị trì.”

Thời *Bạc-già-phạm* thuyết thị ngữ dĩ, chư *Bồ Tát ma-ha-tát* cập đại Thanh văn, quốc vương, đại thần, *bà-la-môn*, cư sĩ, thiên, long, *dược-xoa*, *kiện-đạt-phước*, *a-tố-lạc*, *yết-lộ-trà*, *khẩn-nại-lạc*, *mạc-hô-lạc-già*, nhân, phi nhân đẳng, nhất thiết đại chúng văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI BẢN NGUYỆN CÔNG ĐỨC KINH CHUNG

KINH ĐƯỢC SỰ

(Phân dịch nghĩa)

KINH ĐƯỢC SỰ LƯU LY QUANG NHƯ LAI

BẢN NGUYỆN CÔNG ĐỨC

Tôi nghe như thế này: Một lúc nọ, Thế Tôn¹ đi thuyết pháp giáo hóa qua các nước, đến thành Quảng Nghiêm,² ở dưới cội cây có tiếng nhạc,³ với chúng đại tỳ-kheo⁴ là tám ngàn vị, đại Bồ Tát là ba mươi sáu ngàn vị, cùng với các vị quốc vương, đại thần, bà-la-môn, cư sĩ, Tám bộ chúng,⁵

¹ Kinh văn dùng chữ Bạc-già-phạm, tiếng Phạn là *Bhagavān*, cũng đọc là Bà-già-bà, là một trong mười danh hiệu tôn xưng Phật, có nghĩa là Bạc cao quý nhất, Hán dịch là Thế Tôn. Chúng tôi dùng từ Thế Tôn để được phổ cập hơn. Trong suốt bản kinh này, ngài Huyền Trang dùng rất nhiều cách phiên âm mới hơn so với các bản kinh được dịch trước ngài. Để quen thuộc hơn với Phật tử Việt Nam, bất cứ khi nào có thể, chúng tôi sẽ dùng các từ phiên âm thường gặp hơn. Ví dụ: sông Hằng, thay vì sông Căng-già (Ganga).

² Thành Quảng Nghiêm, tiếng Phạn là *Vaiśālī* (Tỳ-xá-ly), một kinh thành lớn ở Ấn Độ vào thời Phật Thích Ca ra đời, chính là nơi cư ngụ của cư sĩ Duy-ma-cật, vị Bồ Tát trong kinh Duy-ma-cật sở thuyết.

³ Kinh văn là “nhạc âm thụ”, nghĩa là cái cây lớn khi gió thổi lùa qua các kẽ lá thì phát ra âm thanh như tiếng nhạc.

⁴ Bản Hán văn dùng Bật-sô, tiếng Phạn là *Bhikṣu*, thường gọi là tỳ-kheo hơn. Bật-sô hay tỳ-kheo đều là âm theo tiếng Phạn, chỉ vị tu sĩ xuất gia đã thọ đủ Đại giới. Các vị nữ tu thì gọi là bật-sô-ni hay tỳ-kheo ni. Dùng đại bật-sô cũng như đại tỳ-kheo, là chỉ cho các vị tăng đức hạnh, đã xuất gia tu tập lâu rồi.

⁵ Thiên Long bát bộ: Tám bộ chúng sanh gồm các loài chẳng phải loài người: 1. Chư thiên, 2. Rồng, 3. Dạ-xoa (hay Được-xoa), 4. Càn-thát-bà, 5. A-tu-la, 6. Ca-lâu-la, 7. Khẩn-na-la, 8. Ma-hầu-la-già.

KINH ĐƯỢC SỰ

cả loài người và các loài chẳng phải người, với vô số đại chúng cung kính hầu quanh Phật mà nghe thuyết pháp.

Lúc ấy, nương oai thần Phật, ngài Pháp vương tử¹ *Văn-thù-sư-ly*² từ chỗ ngồi đứng dậy, trích ống tay áo một bên vai, quỳ gối phải xuống chầm đất,³ hướng về phía đức Thế Tôn mà cúi mình, chấp tay bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Xin ngài diễn thuyết danh hiệu của chư Phật cùng những nguyện lớn công đức thù thắng của các ngài, giúp cho người nghe được tiêu trừ nghiệp chướng, lại cũng giúp cho chúng hữu tình⁴ đời Tượng pháp⁵ sau này sẽ được an vui lợi ích.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn khen ngài *Văn-thù-sư-ly* rằng: “Lành thay, lành thay! *Văn-thù-sư-ly*! Ông đem lòng đại bi khuyến thỉnh ta diễn thuyết danh hiệu của chư Phật, cùng bản nguyện công đức của các ngài, nhờ đó mà trừ bỏ được nghiệp chướng lâu đời⁶ của chúng hữu tình và làm

¹ Pháp vương tử, là tiếng tôn xưng bậc Bồ Tát được xem như con Phật, bởi vì Phật được xưng là Pháp vương.

² Bản Hán văn này ngài Huyền Trang dùng Văn-thù-thất-ly. Trong nhiều kinh khác thường đọc là Văn-thù-sư-ly, đều do theo tiếng Phạn là *Mañjuśrī*. Chúng tôi dùng Văn-thù-sư-ly vì danh hiệu này quen thuộc hơn.

³ Đầu là theo nghi lễ để tỏ lòng tôn kính đối với Phật.

⁴ Hữu tình, cũng thường gọi là chúng sanh. Tiếng Phạn là *Satva* (Tát-đỏa), Chỉ chung các loài có tình thức trong Ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

⁵ Tượng pháp: Thời kỳ sau khi Chánh pháp do Phật truyền dạy đã bắt đầu có sự thay đổi, biến hóa, thường là do những kẻ tin theo tà kiến phá hoại dẫn. Vì thế, tuy vẫn còn người tin Phật, tu học Phật, nhưng không được bằng như trong thời Chánh pháp còn trụ thế. Sau khi Phật nhập diệt, giáo pháp phải dần dần trải qua ba thời kỳ: Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Đến thời Mạt pháp là lúc đạo pháp cực kỳ suy vi, dần dần đi đến chỗ mất hẳn.

⁶ Kinh văn là “nghiệp chướng sở triền”, nghĩa là nghiệp chướng quấn chặt, bám theo, vì vậy nói là lâu đời.

CHỮ KINH TẬP YẾU

an vui lợi ích chúng sanh thời Tượng pháp về sau. Nay ông hãy lắng nghe và hết sức chú tâm suy xét, ta sẽ vì ông mà giảng nói.”

Văn-thù-sư-ly bạch rằng: “Xin Thế Tôn giảng nói, chúng con rất vui được nghe.”

Phật bảo *Văn-thù-sư-ly*: “Về phương Đông, cách đây vô số cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng,¹ có một thế giới tên là Tịnh Lưu Ly. Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng, Chánh đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, *Bạc-già-phạm*.²

“*Văn-thù-sư-ly*! Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai khi còn hành đạo *Bồ Tát* có phát mười hai lời nguyện lớn, khiến cho chúng hữu tình cầu chi được nấy:

“Nguyện lớn thứ nhất: Nguyện về sau khi ta thành Phật,³ từ nơi thân thể hào quang rực rỡ chiếu sáng vô lượng, vô số, vô biên các cõi thế giới. Ta sẽ dùng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp mà trang nghiêm thân thể, khiến cho hết thảy hữu tình đều được thân thể như ta không khác.

¹ Bản Hán văn dùng Căng-già, do đọc theo từ tiếng Phạn là *Ganga*, tức là Hằng Hà. Chúng tôi dùng sông Hằng, vốn là tên gọi quen thuộc hơn.

² Mười hiệu tôn xưng chư Phật này, theo lối dịch cũ trước ngài Huyền Trang là: Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

³ Kinh văn là “đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”, là cách nói đủ, các đoạn sau lại dùng “đắc Bồ-đề” là cách nói lược, đều có nghĩa là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là quả Phật. Chúng tôi đều dịch là “thành Phật” cho nhất quán.

KINH DƯỢC SƯ

“Nguyện lớn thứ hai: Nguyện về sau khi ta thành Phật thì thân thể như ngọc lưu ly, sáng suốt cả trong ngoài, không chút tỳ vết, chiếu sáng rộng khắp, công đức to lớn. Thân thể khéo an trụ, ánh sáng trang nghiêm bao quanh, hơn cả mặt trời, mặt trăng. Các chúng sanh trong cõi u tối sẽ được mở mang chỉ bảo, rồi tùy theo chí hướng mà thành tựu được sự nghiệp.

“Nguyện lớn thứ ba: Nguyện về sau khi ta thành Phật, ta sẽ dùng vô lượng vô biên phương tiện trí huệ mà làm cho chúng hữu tình đều được đầy đủ vật dụng chẳng bao giờ hết, không để cho chúng sanh phải có chỗ thiếu thốn.

“Nguyện lớn thứ tư: Nguyện về sau khi ta thành Phật, nếu có những hữu tình tu theo tà đạo, ta sẽ khiến cho họ trụ yên trong đạo *Bồ-đề*, còn nếu có những kẻ tu theo Thanh văn thừa hoặc Độc giác thừa, ta sẽ khiến cho đều vững tin vào Đại thừa.

“Nguyện lớn thứ năm: Nguyện về sau khi ta thành Phật, nếu có vô lượng vô biên những hữu tình theo lời dạy của ta mà tu hành giữ phạm hạnh,¹ ta sẽ khiến cho tất cả đều được giới hạnh chẳng thiếu sót, đủ Ba nhóm giới.² Như có người phạm vào giới luật, nghe danh hiệu ta

¹ Phạm hạnh, tiếng Phạn là *brahmacharya*, chỉ hạnh tu thanh tịnh của người xuất gia đoạn tuyệt hẳn việc dâm dục.

² Ba nhóm giới (Tam tụ giới). Bao gồm: 1. Nhiếp luật nghi giới: Giới cấm của người tu tại gia hoặc xuất gia. 2. Nhiếp thiện pháp giới: tu học các pháp lành. 3. Nhiều ích chúng sanh giới: làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Ba nhóm giới này được thể hiện qua các câu: Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, phổ cứu nhứt thiết chúng sanh. (Không làm các điều ác, tu các hạnh lành, cứu giúp hết thảy chúng sanh.)

CHỮ KINH TẬP YẾU

rồi, liền được trong sạch như khi chưa phạm giới, chẳng phải đọa vào các nẻo ác.¹

“Nguyện lớn thứ sáu: Nguyện về sau khi ta thành Phật, nếu có những hữu tình thân thể hèn yếu, các căn chẳng đủ,² xấu xa, ngu ngốc, đui điếc, câm ngọng, què cụt, lưng khòm, gẻ lác, điên cuồng, đủ các thứ bệnh khổ, khi nghe được danh hiệu ta rồi, hết thấy đều trở nên đoan chánh, sáng suốt, các căn trọn đủ, không còn bệnh tật khổ não.

“Nguyện lớn thứ bảy: Nguyện về sau khi ta thành Phật, nếu có những hữu tình bị nhiều bệnh hiểm nghèo, không người cứu giúp, không chỗ nương về, không thầy, không thuốc, không thân thích, nhà cửa, nghèo túng, chịu nhiều khổ não, khi nghe được danh hiệu ta một lần, thì bệnh tật dứt hết, thân tâm vui vẻ, yên ổn; nhà cửa, thân thuộc, tiền của đầy đủ, mọi thứ đều dồi dào, dư dả; thậm chí được chứng quả Phật.

“Nguyện lớn thứ tám: Nguyện về sau khi ta thành Phật, nếu có những người nữ vì mang thân nữ mà bị cả trăm việc xấu làm cho bức bách, khổ não, hết sức chán ngán nên nguyện được bỏ thân nữ. Những người ấy nghe được danh hiệu ta rồi, hết thấy đều được chuyển thân nữ thành thân nam, đủ các tướng trượng phu; thậm chí được chứng quả Phật.

“Nguyện lớn thứ chín: Nguyện về sau khi ta thành Phật, sẽ khiến cho các hữu tình thoát khỏi lưới ma bao phủ, giải thoát khỏi hết thấy trói buộc của ngoại đạo. Nếu

¹ Ác thú: Là các cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Cũng gọi là Tam ác đạo.

² Chữ căn bất cụ: Tức là chẳng có đủ sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

KINH DƯỢC SƯ

như bị sa vào rất nhiều những chỗ ác kiến dày đặc như khu rừng rậm, ta sẽ dắt dẫn, đưa đến chánh kiến, khiến cho dần dần tu tập các hạnh *Bồ Tát* và mau chứng quả Phật.

“Nguyện lớn thứ mười: Nguyện về sau khi ta thành Phật, nếu có những hữu tình phạm vào luật nước, bị trói buộc, đánh đập, xiềng xích nơi lao ngục; hoặc sẽ bị chém chết, hay bị vô số những tai nạn lắng nhục, sâu thẳm bức bách, thân tâm khổ sở. Nếu nghe được danh hiệu ta, nhờ sức oai thần do phước đức của ta, hết thấy đều được thoát khỏi mọi sầu ưu khổ não.

“Nguyện lớn thứ mười một: Nguyện về sau khi ta thành Phật, nếu có những hữu tình chịu khổ sở vì đói khát; vì cầu được miếng ăn mà tạo các nghiệp dữ. Nghe được danh hiệu ta mà hết lòng trì niệm, trước tiên ta sẽ dùng các món ăn ngon nhất mà cho ăn uống no đủ; rồi sau mới dùng chánh pháp mà giáo hóa, khiến cho được sự yên vui bền vững.

“Nguyện lớn thứ mười hai: Nguyện về sau khi ta thành Phật, nếu có những hữu tình nghèo hèn không có quần áo; ngày đêm chịu khổ sở vì nóng, vì rét, vì muỗi mòng. Nếu nghe danh hiệu ta mà chuyên niệm thọ trì, tùy theo chỗ ưa thích mà sẽ được mọi thứ y phục tốt đẹp nhất, cũng như đầy đủ hết thấy các món báu để trang sức, cùng với những vòng hoa, hương phết và các thứ âm nhạc. Tùy chỗ ưa thích trong lòng, ta đều khiến cho được đầy đủ.

“*Văn-thù-su-ly!* Đó là mười hai lời nguyện cao quý, vì diệu mà đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai,

CHỮ KINH TẬP YẾU

Ứng, Chánh đẳng giác... đã phát khởi khi còn tu đạo *Bồ Tát*.

“Lại nữa, *Văn-thù-sư-ly!* Những nguyện lớn mà đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ấy đã phát khởi khi còn tu đạo *Bồ Tát*, và những công đức trang nghiêm nơi cõi Phật của ngài, dù trong suốt một kiếp hay hơn một kiếp, ta cũng chẳng thể nói hết. Cõi Phật của ngài hoàn toàn trong sạch, không có người nữ, cũng không có những nẻo ác và âm thanh khổ. Đất đai bằng ngọc lưu ly, có dây bằng vàng giăng ra ngăn thành đường đi. Thành quách, cung điện, nhà cửa, màn lưới... đều do bảy món báu tạo thành, cũng như công đức trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc phương Tây của Phật *A-di-đà*, chẳng hề sai khác.

“Nơi cõi Phật ấy có hai vị đại *Bồ Tát*. Vị thứ nhất tên là Nhật Quang Biến Chiếu. Vị thứ hai tên là Nguyệt Quang Biến Chiếu. Đó là hai vị đứng đầu trong chúng *Bồ Tát* vô số vô lượng nơi đó. Các ngài chỉ còn một lần thọ sanh nữa là thành Phật, có thể truyền giữ kho báu Chánh Pháp của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

“*Văn-thù-sư-ly!* Vì vậy những kẻ nam người nữ có lòng tin, nên phát nguyện sanh về thế giới của đức Phật ấy.”

Lúc ấy, Thế Tôn lại nói với ngài *Văn-thù-sư-ly* rằng: “*Văn-thù-sư-ly!* Có những chúng sanh chẳng biết lành dữ, chỉ ôm ấp tánh tham lam keo lặn, chẳng biết đến bố thí và phước báo của việc bố thí; ngu si không có trí huệ, thiếu mất lòng tin, thường gom góp tiền bạc, của quý, chăm chăm giữ lấy; thấy người đến xin họ chẳng vui lòng.

KINH DƯỢC SƯ

Như gặp lúc bất đắc dĩ mà phải cho, thì tiếc rẻ như phải cắt xẻo da thịt trong thân thể, đau đớn thương tiếc.

“Lại có vô số những người tham lam keo lặn, tích trữ tiền bạc của cải, tự mình chẳng dám tiêu dùng, nói chi đến việc mang cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc hoặc kẻ đến xin? Những người ấy, khi bỏ mạng ở cảnh này thì sanh nơi cảnh giới ngạ quỷ, hoặc trong nẻo súc sanh.¹ Do thuở còn làm người được thoáng nghe qua danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nên nay sanh trong nẻo ác, họ bèn nhớ lại.

“Ngay khi nhớ tưởng đến, liền được bỏ thân nơi nẻo ác, sanh trong loài người, lại nhớ được đời trước của mình, lấy làm ghê sợ sự khổ nơi nẻo ác nên không còn ưa thích dục lạc, chuộng làm việc bố thí, giúp người, khen ngợi những người bố thí. Họ chẳng còn tham tiếc tất cả những thứ mình sở hữu. Dần dần, họ có thể lấy cả đầu, mắt, tay chân, máu thịt, thân thể mà cho những kẻ đến xin, hướng chi là những tài vật khác?

“Lại nữa, *Văn-thù-sư-ly!* Nếu có những người tuy được học đạo nơi đức Như Lai, nhưng phạm vào các giới cấm;² hoặc chẳng phạm giới, nhưng phạm vào quy tắc;³ hoặc chẳng phạm giới và quy tắc, nhưng hủy phạm chánh

¹ Ngài Huyền Trang dùng trong Hán văn là “bàng sanh thú”, cũng tức là từ “súc sanh” thường dùng trong các bản dịch khác trước ngài. Vì là những loài sanh sống bên cạnh loài người nên gọi là bàng sanh, kỳ thật cũng như gọi là súc sanh, không khác.

² Hán văn là “phá Thi-la”. Thi-la là đọc theo tiếng Phạn Sila, Hán dịch là “thanh lương”, nghĩa là làm cho được mát mẻ, hàm ý dập tắt lửa dục thiêu đốt. Cũng dịch là “giới”, tức là các giới cấm. Vì thọ trì các giới cấm có thể giúp người dập tắt lửa dục, nên gọi là “thanh lương”.

³ Những điều quy định để sống chung hòa hợp trong Tăng-già.

CHỮ KINH TẬP YẾU

kiến;¹ hoặc chẳng hủy phạm chánh kiến, nhưng chẳng được nghe biết nhiều, chỗ Phật thuyết những nghĩa sâu trong kinh điển² chẳng thể hiểu rõ. Hoặc tuy nghe biết nhiều, nhưng sanh ra kiêu mạn thái quá.³ Do kiêu mạn thái quá che lấp cả tâm tánh nên bao giờ cũng cho mình là đúng, người khác là sai, chê ghét chánh pháp, làm bạn với ma. Những kẻ ngu si như vậy chẳng những tự mình đi theo tà kiến, còn làm cho vô số người khác phải đọa vào hố sâu hiểm ác.

“Những người ấy tội đáng phải lưu chuyển mãi mãi trong các cõi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nhưng nếu được nghe danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, liền bỏ các điều ác, tu các pháp lành, chẳng đọa các nẻo ác.

“Ví như họ chẳng bỏ được các điều ác mà tu các pháp lành, nên phải đọa vào các nẻo ác, nhưng nhờ oai lực bản nguyện của đức Như Lai, khiến cho khi ấy được thoảng nghe qua danh hiệu của Ngài, đến lúc mạng chung trong nẻo ác, liền sanh trở lại làm người, được chánh kiến, tinh tấn, khéo điều hòa tâm ý vui vẻ, liền có thể lìa bỏ gia đình, hướng đến cảnh sống không có gia đình. Ở trong giáo pháp Như Lai thọ trì tu học, không hề hủy phạm chánh kiến, nghe rộng biết nhiều, hiểu được nghĩa sâu kín, lìa bỏ tâm kiêu mạn, chẳng chê bai Chánh pháp,

¹ Hay nói cách khác là rơi vào tà kiến.

² Bản chữ Hán dùng Khế kinh. Kinh điển Phật thuyết đều khế hợp với căn cơ của các hạng chúng sanh, nên gọi là Khế kinh, tiếng Phạn là Sutra, thường gọi chung là Kinh điển.

³ Kiêu mạn thái quá (tăng thượng mạn): như tự mình mê tối mà cho là sáng suốt, tự mình chưa chứng đắc, nghĩ rằng đã chứng đắc. Vì thế mà khinh mạn hết thảy mọi người, tự đề cao mình lên thái quá.

KINH DƯỢC SƯ

chẳng làm bạn với ma. Dần dần tu tập và làm theo các hạnh *Bồ Tát*, mau chóng được thành tựu đầy đủ.¹

“Lại nữa, *Văn-thù-sư-ly!* Nếu những người có tâm tham lam tật đố, khen mình chê người, tội đáng đọa trong vào ba nẻo ác đến vô lượng ngàn năm, gánh chịu các khổ não nặng nề, cho đến khi mạng chung từ nẻo ác, rồi sanh lại cõi thế gian mà làm bò, ngựa, lạc đà, lừa, thường bị đòn roi đánh đập, đói khát khổ sở, lại phải thường chở đồ vật nặng nề mà đi trên đường. Nếu được làm người, phải sanh vào nơi hạ tiện, làm tôi tớ người khác, bị sai khiến phục dịch nặng nề, thường chẳng được tự do theo ý mình.

“Nếu như thưở trước khi làm người từng được nghe danh hiệu đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, do nhân lành ấy nay tưởng nhớ đến, chí tâm qui y. Nhờ sức thần của Phật liền thoát hết mọi khổ não, các căn đều nhanh nhạy, không ngăn ngại, lại được trí huệ, nghe nhiều biết rộng, thường cầu giáo pháp cao trổi, thường gặp bạn lành, mãi mãi đoạn tuyệt những quyến thuộc của ma, phá vỡ lớp bọc vô minh, làm khô nước sông phiền não, giải thoát hết thảy mọi nỗi khổ não sanh, già, bệnh, chết.

“Lại nữa, *Văn-thù-sư-ly!* Nếu có những người ưa thích gây việc ngang trái chia lìa, lại hay tranh chấp kiện tụng, gây não loạn cho mình và người khác; dùng thân, miệng, ý mà tăng trưởng mọi thứ nghiệp dữ; từ lâu thường làm những việc chẳng chút lợi ích, mưu hại lẫn nhau; cầu đảo các vị thần núi, thần rừng, thần cây cối, thần đất đai;

¹ Mau chóng được thành tựu đầy đủ (tốc đắc viên mãn), ở đây ý nói đến việc trọn thành quả Phật.

CHỮ KINH TẬP YẾU

giết hại chúng sanh để lấy máu thịt mà tế tự các loài *duộc-xoa, la-sát-bà...*;¹ viết tên kẻ oán thù, làm hình tượng kẻ ấy, rồi trừ ẻo bằng chú thuật ác độc; dùng sâu độc ếm hại người khác; đọc chú thuật gọi thầy ma dầy, sai khiến đi hại mạng, làm tổn hại thân thể kẻ khác. Những người ấy, nếu được nghe danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai rồi thì những việc ác kia không thể làm hại được, hết thấy đều dần dần phát khởi lòng lành, muốn làm những việc lợi ích an lạc, không có ý nào hại, không ôm lòng oán hận. Ai nấy đều vui vẻ. Tùy theo chỗ có được đều tự thấy vui đủ, chẳng xâm hại lẫn nhau, lại còn làm lợi ích cho nhau.

“Lại nữa, *Văn-thù-su-ly!* Nếu trong số bốn chúng: *tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di*² cùng những người có lòng tin trong sạch, những kẻ nam người nữ lòng lành, có những người thường thọ trì được Tám phần trai giới³ qua một năm, hoặc lại qua ba tháng thọ trì học tập giáo pháp. Do những căn lành ấy, liền nguyện được sanh ở thế giới

¹ Duộc-xoa: Các bản dịch khác dùng dạ-xoa, đều là đọc từ tiếng Phạn yakṣa. La-sát-bà (rākṣasa), trước gọi là La-sát, giống cái gọi là La-sát-tư (rākṣasī).

² Ngài Huyền Trang dùng các từ Bất-xô, Bất-xô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-ti-ca để chỉ cho 4 chúng đệ tử Phật. Chúng tôi chọn dùng các cách viết tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di vì thấy quen thuộc với đa số hơn. Đây là hàng tăng sĩ xuất gia nam, nữ (tỳ-kheo, tỳ-kheo ni) và 2 chúng cư sĩ nam, nữ tu tại gia (ưu-bà-tắc, ưu-bà-di).

³ Tám phần trai giới (Bát phần trai giới), cũng gọi là Bát quan trai giới, là 8 điều giới hạnh dành cho cả người xuất gia lẫn tại gia, có thể tùy ý phát nguyện thọ trì. Tám điều ấy là: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cướp, 3. Không dâm dục, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu, 6. Không ngồi nằm trên giường ghế cao rộng, 7. Không dùng các loại hoa hương phấn sáp để làm đẹp, 8. Không xem, nghe các loại ca hát kỹ nhạc. Ngoài ra, người thọ giới còn phải ăn chay và không ăn quá giờ Ngọ.

KINH DƯỢC SƯ

Cực Lạc phương Tây của Phật Vô Lượng Thọ.¹ Tuy được nghe Chánh pháp nhưng tâm trí thật chưa quyết định. Nếu nghe danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, lúc mạng chung liền có tám vị đại Bồ Tát là: *Bồ Tát Văn-thù-su-ly, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đắc Đại Thế, Bồ Tát Vô Tận Ý, Bồ Tát Bảo Đàn Hoa, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dược Thượng, Bồ Tát Di-lặc*. Tám vị đại Bồ Tát này từ không trung mà đến, chỉ rõ đường đi cho kẻ vừa mạng chung ấy. Liền đó, tự nhiên được hóa sanh từ giữa những đóa hoa quý đủ màu nơi thế giới kia.

“Hoặc lại có người do nhân duyên như vậy được sanh lên cõi trời. Tuy sanh nơi cõi trời, nhưng căn lành từ trước chưa hết, không phải đọa sanh trong các nẻo ác. Khi hết tuổi thọ nơi cõi trời, sanh trở lại nhân gian. Hoặc làm bậc Luân Vương thống lãnh bốn châu, oai đức tự tại, giúp cho vô lượng trăm ngàn người được vững trụ yên ổn nơi mười điều lành;² hoặc sanh trong các nhà danh giá thuộc dòng *sát-đế-ly, bà-la-môn*, cư sĩ, giàu có sung túc, kho lẫm tràn đầy, lại được hình tướng đoan chánh, quyền thuộc đầy đủ, thông minh trí huệ, mạnh mẽ oai dũng như đại lực sĩ.

¹ Phật Vô Lượng Thọ, tức là Phật A-di-đà.

² Mười điều lành (Thập thiện đạo), cũng gọi là Thập thiện, ngược lại với mười điều ác (Thập ác). Thập thiện là: 1. Không giết hại, thường tha thứ, phóng sanh. 2. Không trộm cắp, thường làm việc bố thí. 3. Không tà dâm, thường giữ phạm hạnh. 4. Không nói láo, thường nói lời chân thật. 5. Không nói lời thô tục, thường nói lời có đạo nghĩa, có lợi ích. 6. Không nói lời công kích, phải nói hòa hợp. 7. Không nói lời độc ác, miệng chửi, phải nói hiền lành. 8. Không tham lam, thường quán xét mọi vật là giả dối, vô thường. 9. Không oán giận, thường hành từ bi nhẫn nhục. 10. Không si mê tà kiến, thường tu tập trí tuệ sáng suốt, chánh kiến.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Nếu có người nữ nghe danh hiệu đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, hết lòng thọ trì, về sau chẳng còn phải sanh làm thân nữ.

“Lại nữa, *Văn-thù-su-ly!* Khi đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thành Phật, do nơi nguyện lực từ trước nên quán sát thấy những chúng sanh gặp nhiều bệnh khổ, gầy ốm xanh xao hoặc nóng bức, vàng da... Hoặc bị trù ếm, trúng phải sâu độc, hoặc chết yếu, hoặc chết bất đắc kỳ tử... Vì muốn giúp cho chúng sanh trừ các bệnh khổ, chỗ mong cầu được trọn đủ, nên đức Thế Tôn ấy nhập vào phép định¹ gọi là *Trừ diệt hết thấy khổ não của chúng sanh*. Ngài vào phép định ấy rồi, từ nơi nhục kế² liền phóng ra ánh hào quang chói sáng. Trong hào quang vang ra tiếng diễn thuyết câu đại thần chú³ rằng:

“Nam-mô Bạc-già-phật-đế, Bê-sái-xã lữ-rô. Bê-lu-ly, Bát-lạt-bà, hát-ra-xà-giả. Đát-đà-yết-đa-da A ra-hát-đế. Tam miệu. Tam-bộ-đà-da. Đát-điệt-tha. Án. Bê-sái-thệ. Bê-sái-thệ. Bê-sái-xã. Tam-một-yết-đế, Tá-ha!”

“Lúc ấy, từ trong hào quang thuyết ra câu thần chú rồi, khắp mặt đất liền chấn động, phóng ánh sáng chói lòa. Hết thấy bệnh khổ của chúng sanh đều dứt trừ, được hưởng sự vui vẻ, yên ổn.

¹ Bản Hán văn dùng Tam-ma-địa, thường đọc là Tam-muội hơn, đều do theo tiếng Phạn là *Samādhi*, Hán dịch là Định, tức là phép tu khi hành giả nhập vào thì tập trung hoàn toàn tâm trí, không bị chi phối bởi ngoại cảnh.

² Chỗ đỉnh cao trên đầu một vị Phật. Đây là một trong 32 tướng tốt của Phật.

³ Bản Hán văn dùng Đại đà-la-ni. Đà-la-ni là đọc theo tiếng Phạn *Dhāraṇī*, Hán dịch là Chân ngôn, hay Thần chú. Đó là những câu linh ngữ có sức mạnh thần bí nhờ vào sự giá trị của chữ Phật hoặc các vị thần.

KINH DƯỢC SƯ

“*Văn-thù-su-ly!* Nếu thấy có kẻ nam người nữ nào thân mang bệnh khổ, nên hết lòng vì người bệnh ấy mà súc miệng chải răng, đối trước những thức ăn, thuốc uống hoặc nước sạch không có trùng mà trì tụng thần chú ấy một trăm lẻ tám lần, rồi mang cho người bệnh ăn hoặc uống. Bệnh khổ của người ấy hết thấy đều tiêu diệt.

“Người có điều mong cầu nên hết lòng tụng niệm thần chú ấy, đều được thỏa mãn, lại được không bệnh tật và thêm tuổi thọ. Khi mạng chung, được sanh về cõi Phật Dược Sư, được địa vị Bất thối chuyển,¹ cho đến đắc quả Bồ-đề.

“*Văn-thù-su-ly!* Vì vậy, nếu có kẻ nam người nữ nào hết lòng trân trọng nhớ ơn, cung kính cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nên thường tụng trì thần chú ấy, đừng để dứt mất.

“Lại nữa, *Văn-thù-su-ly!* Nếu có những kẻ nam người nữ lòng tin trong sạch, được nghe danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng, Chánh đẳng giác... Nghe rồi liền trì tụng: mỗi buổi sáng đều chải răng, súc miệng sạch sẽ, dùng hương hoa, hương đốt, hương phết, trỗi các thứ âm nhạc, cúng dường hình tượng Phật; lại dùng kinh điển này, hoặc tự sao chép hoặc bảo người khác sao chép, hết lòng thọ trì, nghe rõ nghĩa lý trong kinh. Đối với vị pháp sư ấy, nên cúng dường hết thấy những món cần dùng cho thân thể, đừng để thiếu thốn. Như vậy sẽ được chư Phật hộ niệm, những điều mong cầu đều được thỏa mãn, cho đến được đắc quả Bồ-đề.”

¹ Tiếng Phạn là *Avaiartika* (A-bệ-bạt-trí), Hán dịch là Bất thối chuyển, là địa vị Bồ Tát chẳng còn thối tâm, ngày càng đến gần với quả Phật.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Lúc ấy, ngài *Văn-thù-sư-ly* bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nguyện rằng đến thời Tượng pháp, con sẽ dùng mọi phương tiện để giúp cho những kẻ nam người nữ có lòng tin trong sạch đều được nghe danh hiệu đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cho đến trong giấc ngủ cũng đọc danh hiệu Phật cho họ nghe biết vào tai.

“Bạch Thế Tôn! Nếu có những ai thọ trì, đọc tụng kinh này, hoặc mang ra mà diễn thuyết, chỉ bảo cho người khác. Hoặc tự sao chép, hoặc bảo người khác sao chép, cung kính tôn trọng, dùng các thứ hương hoa, hương phết, hương bột, hương đốt, vòng hoa, chuỗi ngọc, tàn che, lọng phủ, các thứ âm nhạc mà cúng dường kinh này. Lại dùng hàng lụa năm màu làm bao túi để đựng kinh. Dọn rửa sạch sẽ nơi yên tịnh, thiết đặt tòa cao để đặt kinh lên đó. Bấy giờ, bốn vị Đại Thiên vương cùng với quyến thuộc và vô lượng trăm ngàn Thiên chúng sẽ cùng đến nơi ấy cúng dường, gìn giữ hộ trì.

“Thế Tôn! Nếu kinh quý này lưu hành ở đâu, có người thường thọ trì, do nơi công đức bản nguyện của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và việc được nghe danh hiệu ngài, nên biết rằng nơi ấy không có việc chết bất đắc kỳ tử, cũng không có việc quỷ dữ đoạt lấy tinh khí của người. Ví như đã bị đoạt mất rồi, liền trở lại như cũ, thân tâm được an lạc.”

Phật bảo *Văn-thù-sư-ly*: “Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như ông vừa nói đó.

“*Văn-thù-sư-ly*! Nếu những thiện nam tử và thiện nữ nhân có lòng tin trong sạch, muốn cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, trước hết nên tạo

KINH DƯỢC SƯ

lập hình tượng, thiết tòa thanh tịnh mà đặt lên yên ổn. Rồi rải nhiều loại hoa, đốt nhiều loại hương, dùng nhiều thứ cờ, phướn mà trang nghiêm chỗ ấy. Trong bảy ngày bảy đêm, thọ tám phần trai giới, chỉ dùng những món ăn trong sạch. Tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo sạch, phát tâm trong sạch không chút cấu nhiễm, uestrực, sân hận, độc hại; đối với hết thảy hữu tình phát khởi tâm bình đẳng, từ, bi, hỷ, xả, an lạc, lợi ích. Rồi thổi âm nhạc, ca tán, đi quanh hình tượng Phật theo hướng bên phải.¹ Lại nên nghĩ nhớ đến công đức bản nguyện của đức Như Lai ấy, đọc tụng kinh này, suy xét nghĩa kinh, diễn thuyết, chỉ bảo cho người khác. Như vậy thì chỗ mong cầu đều được toại nguyện. Như cầu sống lâu tất được sống lâu, cầu giàu có sẽ được giàu có, cầu quan chức tất được quan chức, hoặc muốn cầu trai, gái, thảy đều như nguyện.

“Lại như có người gặp cơn ác mộng, thấy các tướng dữ ghê sợ, hoặc những loài chim quái dị bay đến tụ tập; hoặc nơi chỗ ở có hàng trăm việc kỳ quái xuất hiện. Nếu người ấy biết đem những món quý đẹp mà cung kính cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì các tướng dữ, ác mộng, những điềm chẳng lành, thảy đều tự mất, không thể làm tổn hại.

“Hoặc gặp những nạn dữ như nước, lửa, đao độc, đi qua đường hiểm, voi dữ, sư tử, cọp, sói, gấu đen, gấu trắng, rắn rết độc, bò cạp, muỗi mòng... gây ra khiếp sợ. Nếu có thể hết lòng tưởng nhớ đức Phật ấy, cung kính cúng dường, liền được giải thoát khỏi hết thảy nạn dữ.

¹ “Hữu nhiều Phật tượng”, đi chậm rãi, trang nghiêm theo vòng tròn quanh tượng Phật theo chiều bên phải. Đây là nghi thức để tỏ lòng tôn kính. Có khi cũng gọi nghi thức này là “hành đạo”.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Hoặc gặp khi nước khác xâm lấn, trộm cướp, giặc loạn, cung kính nghĩ nhớ đến Ngài, đều được giải thoát khỏi các nạn ấy.

“Lại nữa, *Văn-thù-sư-ly!* Nếu những kẻ nam người nữ có lòng tin trong sạch, cho đến trọn đời chẳng phụng sự thiên thần nào cả, chỉ một lòng qui y nơi Phật, Pháp, Tăng, thọ trì giới cấm, hoặc Năm giới, hoặc Mười giới, hoặc Bốn trăm giới *Bồ Tát*, hoặc Hai trăm năm mươi giới *tỳ-kheo*, hoặc Năm trăm giới *tỳ-kheo* ni. Trong khi thọ giới, như có chỗ hủy phạm, sợ dọa vào nẻo ác; nếu biết chuyên tâm niệm danh hiệu Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cung kính cúng dường, nhất định chẳng phải sanh vào Ba nẻo ác.

“Hoặc có người nữ khi sanh con, chịu đau đớn khổ sở cùng cực. Nếu có thể chí tâm xưng niệm danh hiệu, tán lễ, cung kính cúng dường đức Như Lai ấy, thì các sự đau đớn khổ sở đều trừ dứt. Khi sanh con ra thân thể đầy đủ, hình sắc đoan chánh ai thấy cũng vui mừng, lại được thông minh lanh lợi, an ổn ít bệnh, không bị loài phi nhân¹ đoạt mất tinh khí.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo *A-nan* rằng: “Nay ta xưng tán, khen ngợi những công đức của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chính là chỗ hành vi rất sâu xa của chư Phật, khó hiểu thấu được. Ông có tin được chăng?”

A-nan bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn đức độ cao vời, đối với các kinh điển mà Như Lai thuyết con chẳng hề

¹ Phi nhân: các chúng sanh chẳng phải thuộc loài người. Ở đây muốn nói đến các loài quỷ dữ, hung thần, thường nhân những lúc thuận tiện mà hại người.

KINH DƯỢC SƯ

sanh lòng nghi hoặc. Vì sao vậy? Tất cả nghiệp thân, miệng, ý của đức Như Lai, không có gì là không thanh tịnh.

“Thế Tôn! Hai vầng nhật nguyệt kia có thể làm cho rơi rụng xuống. Núi chúa Diệu Cao¹ có thể làm cho nghiêng ngã.² Nhưng những lời chư Phật dạy không hề sai khác.

“Thế Tôn! Có những chúng sanh chẳng đủ lòng tin, nghe nói chỗ hành vi rất sâu xa của chư Phật, liền suy nghĩ rằng: Vì sao chỉ niệm danh hiệu của một đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mà được các công đức cao trổi, ích lợi dường ấy? Nghĩ vậy nên chẳng tin, quay lại báng bỏ. Những người ấy mãi mãi về sau chẳng được điều lợi ích, vui mừng lớn,³ phải dọa các nẻo ác, lưu chuyển không cùng.”

Phật bảo *A-nan*: “Những người này nếu nghe danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chí tâm thọ trì, chẳng sanh lòng nghi hoặc, thì không có lẽ nào lại dọa vào những nẻo ác.

“*A-nan!* Đó là chỗ hành vi rất sâu xa của chư Phật, khó tin hiểu được. Nay ông có thể nhận lãnh được, nên biết rằng đó là nhờ oai lực của Như Lai.

¹ Núi chúa Diệu Cao (Diệu Cao sơn vương), tức là núi chúa Tu-di (Meru).

Kinh Phật dùng núi Tu-di làm ví dụ là núi cao lớn hơn hết trong các núi.

² Ví dụ những việc rất khó làm, nhưng vẫn còn có thể làm được.

³ Điều lợi ích vui mừng rất lớn: Tức là được sự hộ trì, cứu vớt do nơi bản nguyện của đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Nguyện lực ấy dù cứu độ cho vô số vô lượng chúng sanh, nhưng chẳng thể cứu vớt những kẻ không có lòng tin.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“A-nan! Hết thấy các bậc Thanh văn, Độc giác,¹ cùng các vị Bồ Tát chưa lên thập địa,² đều chẳng thể tin hiểu đúng như thật. Chỉ trừ bậc Bồ Tát Nhất sanh sở hệ³ mà thôi.

“A-nan! Sanh ra làm người là khó, đối với Tam Bảo biết kính tin, tôn trọng cũng là khó. Được nghe danh hiệu đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai cũng khó như vậy!

“A-nan! Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai có vô số các hạnh Bồ Tát, vô số phương tiện khéo léo tinh tế, vô số những lời nguyện lớn lao bao quát. Dù ta có thuyết rộng trong suốt một kiếp, hay hơn một kiếp, thời gian ấy sẽ qua rất nhanh mà các hạnh nguyện, phương tiện của ngài chẳng thể nói hết!”

Lúc ấy, trong chúng hội có một vị đại Bồ Tát tên là Cứu Thoát, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch tay áo bên vai phải, quỳ gối phải xuống, cúi người chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn đức độ cao vời, trong thời Tượng pháp có những chúng sanh bị khốn khổ vì nhiều thứ bệnh hoạn, kéo dài làm cho suy nhược, gầy ốm, không ăn uống được, miệng khô cổ nóng, nhìn thấy chỗ nào cũng đen tối, cái chết hiện ra cận kề. Cha mẹ, quyến thuộc, bạn bè quen biết kêu khóc vây quanh. Riêng tự thân người ấy vẫn nằm yên đó mà nhìn thấy sứ giả của vua Diêm-ma⁴

¹ Tức là các vị tu theo Tiểu thừa.

² Bồ Tát chưa lên Thập địa (vị đẳng địa Bồ Tát), là hàng Bồ Tát phát tâm tu tập nhưng chưa chứng đắc các quả vị từ Sơ địa cho đến Thập địa.

³ Nhất sanh sở hệ Bồ Tát: Vị Bồ Tát còn một lần hóa sanh trước khi thành Phật. Cũng gọi là Bồ Tát Nhất sanh bổ xứ.

⁴ Vua Diêm-ma, cũng gọi là Diêm Vương, vị vua cai quản cõi âm ty, nơi thần thức người chết đến thọ nghiệp.

KINH DƯỢC SƯ

dẫn thần thức mình đến trước vua ấy. Mỗi người đều có một vị thần Câu sanh¹ ghi chép đủ các điều tội phước đã làm, đưa hết cho Diêm-ma Pháp vương. Vua Diêm-ma bấy giờ mới tra hỏi, cân nhắc các việc đã làm, tùy theo tội phước mà xử đoán.

“Khi ấy, nếu những thân quyến của người bệnh có thể vì người ấy mà qui y đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thỉnh chư tăng đến đọc tụng riêng một kinh này, thấp đèn bảy tầng, treo phướn thần năm màu nối mạng.² Hoặc thần thức người kia liền được trở về như người trong mộng, tự thấy tỏ rõ. Hoặc trải qua bảy ngày, hoặc hai mươi một ngày, hoặc ba mươi lăm ngày, hoặc bốn mươi chín ngày, thần thức người kia mới được trở về, như trong mộng tỉnh ra, tự nhớ biết hết các nghiệp lành dữ của mình. Những chỗ quả báo đều tự thấy biết. Vì thấy biết rõ quả báo của nghiệp, nên cho dù mạng sống có bị đe dọa cũng chẳng dám làm việc dữ.

“Vì vậy, những kẻ nam người nữ lòng lành, có lòng tin trong sạch, đều nên thọ trì danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, tùy sức mình mà thường cung kính cúng dường.”

Lúc ấy, A-nan hỏi Bồ Tát Cứu Thoát: “Thưa ngài, nên cung kính cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly

¹ Câu sanh thần: Vị thần sanh ra đồng thời với mỗi hữu tình, cùng sống với hữu tình ấy mà ghi nhận hết thấy các việc lành dữ tạo tác trong đời. Thật ra có thể hiểu đây là Tạng thức, phần ghi chứa các chủng tử thiện ác của mỗi người.

² Thắp đèn bảy tầng, treo phướn thần năm màu nối mạng (nhiên thất tầng chi đăng, huyền ngũ sắc tục mạng thần phan): Dùng đèn và phướn ấy để tỏ lòng mong cầu cho người bệnh được nối lại mạng sống, tăng thêm tuổi thọ.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Quang Như Lai như thế nào? Đền, phước nối mạng nên làm như thế nào?”

Bồ Tát Cứu Thoát đáp: “Này đại đức! Nếu có người bệnh muốn thoát bệnh khổ, thì quyến thuộc nên vì người ấy, thọ trì Tám phần trai giới trong bảy ngày đêm. Nên tùy sức mình mà sắm sửa các món ăn thức uống cùng những đồ dùng cần thiết cúng dường chư *tỳ-kheo* tăng. Ngày đêm sáu thời¹ đi quanh cung kính lễ bái,² cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Đọc tụng kinh này bốn mươi chín lần, thấp bốn mươi chín ngọn đèn. Tạo bảy hình tượng đức Như Lai ấy, trước mỗi hình tượng đặt bảy ngọn đèn, mỗi ngọn đèn đều lớn như bánh xe. Như vậy cho đến bốn mươi chín ngày, ánh sáng chẳng dứt. Làm phước bằng lụa năm màu dài bốn mươi chín gang tay. Nên giải thoát sanh mạng cho nhiều loại chúng sanh.³ Cho đến bốn mươi chín ngày có thể qua khỏi nạn nguy ách, chẳng còn bị các loài quỷ ác hại níu giữ.

“Lại nữa, *A-nan*! Nếu những vị vua dòng *sát-đế-ly*⁴ có thọ lễ Quán đảnh⁵ gặp nhiều tai nạn khởi lên, như là:

¹ Ngày đêm sáu thời (trú dạ lục thời): Thời gian ngày xưa chia mỗi ngày đêm ra sáu thời. Ngày có ba thời là sáng, trưa, chiều. Đêm có ba thời là đầu hôm, giữa khuya và cuối đêm.

² Đi quanh cung kính lễ bái (lễ bái hành đạo): Hiếu chính xác là đi chậm rãi vòng quanh hình tượng Phật theo hướng tay phải. Đây là nghi thức lễ bái để tỏ lòng tôn kính. Từ “hành đạo” ở đây chỉ cho nghi thức lễ bái, không có nghĩa là “tu tập, thực hành đạo”.

³ Nên giải thoát sanh mạng cho nhiều loại chúng sanh. (Ứng phước tạ loại chúng sanh), thường gọi là phóng sanh, nghĩa là cứu lấy sanh mạng cho những chúng sanh đang bị nguy khốn.

⁴ Sát-đế-ly hay Sát-ly, tiếng Phạn là *Kṣatriya*, tức là dòng vua chúa, một trong bốn giai cấp ở Ấn Độ vào thời đức Phật.

⁵ Lễ Quán đảnh: Khi vua mới lên ngôi, một vị tu sĩ bà-la-môn đức độ dùng nước lấy ngoài biển lớn mà rưới lên đầu vua để ban phép lành, trong một nghi thức gọi là lễ Quán đảnh. Vị vua thọ phép này rồi mới được

KINH DƯỢC SƯ

bệnh dịch trong nhân dân, nạn xâm lăng từ nước khác, phản nghịch ở nước mình, nạn tinh tú biến đổi quái lạ, nạn nhật thực nguyệt thực,¹ nạn mưa gió trái mùa, nạn hạn hán... Bấy giờ, những vị vua ấy nên khởi lòng từ bi đối với tất cả hữu tình, phóng thích kẻ tù tội, y theo phép cúng dường vừa nói trên mà cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Nhờ căn lành đó cùng với nguyện lực của đức Như Lai, cõi nước ấy liền được yên ổn, mưa thuận gió hòa, lúa thóc được mùa; hết thảy người người đều không bệnh tật, sung sướng vui vẻ. Trong nước không có những thần *dược-xoa* bạo ác quấy rối hữu tình. Hết thảy tướng ác đều mất đi. Riêng những vị vua ấy được sống lâu, đẹp đẽ, khỏe mạnh, không bệnh tật, không trói buộc, thảy đều được tăng phần lợi ích.

“Này *A-nan*! Nếu các vị hoàng hậu, vương phi, công chúa, vương tử sắp nối ngôi, đại thần, tể tướng, thế nữ trong cung, quan chức, hoặc dân thường, bị khổ sở vì bệnh tật và các tai ách, thì cũng nên làm phước thần năm màu, thấp đèn sáng liên tục, giải thoát sanh mạng cho chúng sanh, rải hoa đủ loại nhiều màu, xông đốt các loại danh hương cúng dường đức Như Lai Dược Sư Quang Lưu Ly. Bệnh tật liền hết, thoát khỏi mọi tai nạn.”

Lúc ấy, *A-nan* hỏi *Bồ Tát* Cứu Thoát rằng: “Thưa ngài, khi mạng sống đã hết làm sao lại có thể tăng thêm?”

xem là cai trị một cách danh chánh ngôn thuận, được chư thần hộ trì. Nếu là bạo chúa, kẻ oán ngôi thì không được các các vị bà-la-môn ban phép này cho. Nên trong câu này có ý muốn nói đến các vị vua được lên ngôi một cách chính đáng.

¹ Theo cách hiểu thời xa xưa thì nhật thực, nguyệt thực, đều là điềm bất tường, báo trước những tai ương.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Bồ Tát Cứu Thoát đáp: “Này đại đức! Ông chẳng nghe Như Lai nói đến chín cách chết oan uổng¹ hay sao? Vì vậy nên mới khuyên làm phước và đèn nối mạng, tu các việc phước đức. Nhờ tu phước nên trọn đời chẳng phải trải qua những cơn hoạn nạn, khổ não.”

Ngài A-nan liền hỏi: “Thế nào là chín cách chết oan uổng?”

Bồ Tát Cứu Thoát đáp: “Như có những người mắc bệnh nhẹ nhưng không thầy, không thuốc, cũng không có người thăm bệnh. Như được gặp thầy, lại cho thuốc sai. Thật chẳng đáng chết, nhưng lại phải chết uổng. Lại tin theo những tà ma ngoại đạo ở thế gian; nghe các thầy yêu nghiệt nói bậy việc họa phước, sanh ra sợ sệt, dao động, chẳng giữ được lòng chân chánh, bói toán hỏi việc tai họa, giết hại các loại chúng sanh, tâu bày lên các đấng thần minh, kêu gọi các loài quỷ thần sông, rạch, núi, hồ; thỉnh cầu ban phước, hy vọng kéo dài mạng sống, nhưng rốt cuộc chẳng thể được. Kẻ ngu si mê hoặc tin theo tà kiến điên đảo đành phải chết uổng. Đọa vào địa ngục chẳng biết lúc nào ra khỏi. Đó là cách chết oan uổng thứ nhất.

“Cách chết oan uổng thứ nhì là do phép vua mà bị tru diệt.²

¹ Chết oan uổng (hoạnh tử): không đáng chết mà chết, chưa dứt thọ mạng mà chết. Cũng gọi là chết oan, chết bất đắc kỳ tử.

² Theo luật pháp của vua chúa ngày xưa, có những người phạm tội nặng nề vua sai giết cả ba họ (tru di tam tộc). Người chết theo cách này, tự mình không phạm tội, chỉ bởi nằm trong “tam tộc” của kẻ có tội mà chết nên gọi là chết oan uổng. Ba họ bị giết đó là: họ nội (tức là họ cha), họ ngoại (tức là họ mẹ), và họ của vợ.

KINH DƯỢC SƯ

“Cách chết oan uổng thứ ba là do ưa thích săn bắn, tham dâm mê rượu, phóng túng vô độ, bất ngờ bị loài phi nhân¹ đoạt mất tinh khí mà chết.

“Cách chết oan uổng thứ tư là bị nạn lửa đốt cháy mà chết.

“Cách chết oan uổng thứ năm là chìm dưới nước mà chết.

“Cách chết oan uổng thứ sáu là bị các loài thú dữ ăn thịt.

“Cách chết oan uổng thứ bảy là té chết nơi núi non hiểm trở.

“Cách chết oan uổng thứ tám là do thuốc độc, do trừ ếm, chú thuật, các loài thầy ma đứng dậy hóa quỷ² hại chết.

“Cách chết oan uổng thứ chín là đói khát khốn khổ, do chẳng được ăn uống nên phải chết uổng.

“Đó là chín cách chết oan uổng mà Như Lai đã lược nói ra. Lại còn vô số những cách chết oan uổng khác nữa, khó nói hết được.

“Lại nữa, A-nan! Vua Diêm-ma giữ việc ghi chép tên họ của người thế gian. Nếu những hữu tình nào phạm tội bất hiếu, Năm tội nghịch,³ phá hoại mạ nhục Tam Bảo,

¹ Loài phi nhân: chẳng phải loài người, ở đây chỉ các loài dạ-xoa, a-tu-la... ác quỷ, hung thần.

² Các loài thầy ma đứng dậy hóa quỷ (Khởi thi quỷ đảng): là những thầy ma do tà thuật gọi dậy mà sai đi hại người.

³ Năm tội nghịch (ngũ nghịch). Đó là: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá sự hòa hợp của tăng chúng, làm thân Phật chảy máu. Phạm một trong

CHƯ KINH TẬP YẾU

làm hư hoại phép tắc vua tôi,¹ hủy hoại lòng tin, giới cấm, thì vua *Diêm-ma* tùy theo tội nặng nhẹ mà tra khảo hành phạt họ. Vì vậy nên nay tôi khuyên người ta hãy thấp đèn, treo phướn, phóng sanh, tu phước, để được thoát khổ ách, chẳng phải gặp các tai nạn.”

Lúc ấy, có mười hai vị đại tướng *dược-xoa* đang ngồi trong Pháp hội. Đó là: Đại tướng *Cung-tỳ-la*, Đại tướng *Phạt-chiết-la*, Đại tướng *Mê-xi-la*, Đại tướng *An-đề-la*, Đại tướng *Át-nê-la*, Đại tướng *San-đề-la*, Đại tướng *Nhân-đạt-la*, Đại tướng *Ba-di-la*, Đại tướng *Ma-hổ-la*, Đại tướng *Chân-đạt-la*, Đại tướng *Chiêu-đồ-la*, Đại tướng *Tỳ-yết-la*.

Mười hai đại tướng *dược-xoa* ấy, mỗi vị đều có bảy ngàn *dược-xoa* là quyến thuộc, đồng thanh lên tiếng bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con nay nhờ oai lực Phật nên được nghe danh hiệu đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Chúng con chẳng còn sợ dọa vào các nẻo ác. Chúng con bảo nhau đồng lòng tin theo Phật, Pháp, Tăng cho đến trọn đời. Thề nguyện gánh vác cho hết thảy hữu tình, làm những việc nghĩa lợi, nhiều ích, an lạc. Dù là thôn quê, thành thị, đồng vắng, rừng sâu, bất cứ nơi đâu mà có người lưu hành, phân phát kinh này, hoặc có người thọ trì danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cung kính cúng dường, chúng con và quyến thuộc sẽ theo hộ vệ những người ấy, khiến cho thoát khỏi tất cả nạn khổ. Như có mong cầu điều chi, đều làm cho được thỏa mãn. Hoặc có người nào bệnh tật, tai ách cầu được độ thoát, cũng nên đọc tụng kinh này, dùng

KINH DƯỢC SƯ

những tấm lụa năm màu mà kết danh hiệu của chúng con vào. Sau khi được như nguyện rồi sẽ tháo gỡ ra.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn khen các đại tướng *dược-xoa* rằng: “Lành thay, lành thay! Chư tướng Đại *dược-xoa*! Các ông nghĩ tưởng việc báo đáp ân đức của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thường nên làm lợi ích an lạc như vậy cho tất cả hữu tình.”

Bấy giờ, ngài *A-nan* bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nên gọi tên pháp môn này là gì? Chúng con nên phụng trì như thế nào?”

Phật bảo *A-nan*: “Pháp môn này tên là: *Thuyết giảng về công đức bản nguyện của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai*. Cũng tên là: *Thuyết giảng về Thần chú kết nguyện của mười hai vị thần tướng làm lợi ích hữu tình*. Lại cũng tên là: *Trừ diệt hết thảy nghiệp chướng*. Nên theo như vậy mà phụng trì.”

Khi đức Thế Tôn thuyết dạy những lời ấy rồi, các vị đại *Bồ Tát*, đại Thanh văn, quốc vương, đại thần, *bà-la-môn*, cư sĩ, trời, rồng, *dược-xoa*, *kiện-đạt-phước*, *a-tổ-lạc*, *yết-lô-trà*, *khẩn-nại-lạc*, *mạc-hồ-lạc-già*,¹ cả loài người và chẳng phải người, tất cả đại chúng nghe Phật thuyết kinh này rồi, thảy đều hết sức vui vẻ, tin nhận, vâng làm.

KINH DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI

BẢN NGUYỆN CÔNG ĐỨC

năm tội nghịch ấy phải dọa vào Vô gián địa ngục. Bị hành hạ chẳng có lúc nào gián đoạn nên gọi là vô gián.

¹ Làm hư hoại phép tắc vua tôi (hoại quân thần pháp): làm đảo lộn phép tắc, mối quan hệ giữa vua tôi, như làm tôi giết vua, hoặc vua chẳng giữ đúng phép với bầy tôi...

¹ Những tên gọi này ngài Huyền Trang đều dùng khác với các bản dịch chữ Hán trước ngài, như *dược-xoa* → *dạ-xoa*, *kiện-đạt-phước* → *càn-thát-bà*, *a-tổ-lạc* → *a-tu-la*, *yết-lô-trà* → *ca-lâu-la*, *khẩn-nại-lạc* → *khẩn-na-la*, *mạc-hồ-lạc-già* → *ma-hầu-la-già*...

KINH KIM CANG

金剛般若波羅蜜經

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

如是我聞。一時佛在舍衛國，祇樹給孤獨園。與大比丘衆，千二百五十人俱。爾時，世尊食時，著衣持鉢，入舍衛大城乞食。於其城中，次第乞已。還至本處，飯食訖，收衣鉢，洗足已，敷座而坐。時長老須菩提，在大衆中，即從座起，偏袒右肩，右膝著地，合掌恭敬而白佛言。希有，世尊。如來善護念諸菩薩，善付囑諸菩薩。世尊。善男子，善女人，發阿耨多羅三藐三菩提心，應云何住，云何降伏其心。佛言。善哉善哉。須菩提。如汝所說。如來善護念諸菩薩。善付囑諸菩薩。汝今諦聽。當為汝說。善男子，善女人，發阿耨多羅三藐三菩提心，應如是住，如是降伏其心。

KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH

Dao Tần Tam Tạng Pháp Sư Cửu-ma-la-thập dịch

Như thị ngã văn. Nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại tỳ-kheo chúng thiên nhị bá ngũ thập nhân câu.

Nhĩ thời Thế Tôn thực thời, trước y trì bát nhập Xá-vệ đại thành khát thực. Ủ kỳ thành trung thứ đệ khát dĩ, hoàn đảo bản xứ, phạn thực ngật, thâu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa.

Thời Trưởng lão Tu-bồ-đề tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn: “Hy hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát.

“Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, ưng vân hà trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?”

Phật ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Tu-bồ-đề, như nữ sở thuyết. Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát. Nhữ kim đế thính, đương vị nữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm.”

唯然世尊。願樂欲聞。
佛告須菩提。諸菩薩摩訶薩，應如是降伏其心。
所有一切衆生之類。若卵生，若胎生，若濕生，若化生，若有色，若無色，若有想，若無想，若非有想非無想，我皆令入無餘涅槃。而滅度之。
如是滅度無量無數無邊衆生，實無衆生得滅度者。
何以故。須菩提。若菩薩有我相，人相，衆生相，壽者相，即非菩薩。
復次須菩提。菩薩於法，應無所住，行於布施。所謂，不住色布施，不住聲，香，味，觸，法布施。
須菩提。菩薩應如是布施，不住於相。
何以故。若菩薩不住相布施，其福德不可思量。
須菩提。於意云何。東方虛空可思量不。不也世尊。

“Duy nhiên Thế Tôn. Nguyên nhạo dục văn.”

Phật cáo *Tu-bồ-đề*: “Chữ *Bồ Tát* ma-ha-tát ứng như thị hàng phục kỳ tâm: Sở hữu nhất thiết chúng sanh chi loại, nhược noãn sanh, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hóa sanh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng, nhược phi hữu tướng phi vô tướng, ngã giai linh nhập Vô dư *Niết-bàn* nhi diệt độ chi. Như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh, thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả.

“Hà dĩ cố? *Tu-bồ-đề*, nhược *Bồ Tát* hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi *Bồ Tát*.

“Phục thứ *Tu-bồ-đề*, *Bồ Tát* ư pháp ứng vô sở trụ hành ư bố thí. Sở vị, bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí.

“*Tu-bồ-đề*, *Bồ Tát* ứng như thị bố thí, bất trụ ư tướng.

“Hà dĩ cố? Nhược *Bồ Tát* bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lương.

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? Đông phương hư không khả tư lương phủ?”

“Phát dã, Thế Tôn.”

須菩提。南，西，北方，四維，上下虛空，可思量不。不也世尊。須菩提。菩薩無住相布施，福德亦復如是，不可思量。須菩提。菩薩但應如所教住。須菩提。於意云何。可以身相見如來不。不也世尊。不可以身相得見如來。何以故。如來所說身相即非身相。佛告須菩提。凡所有相皆是虛妄。若見諸相非相，則見如來。須菩提白佛言。世尊。頗有衆生，得聞如是言說章句，生實信不。佛告須菩提。莫作是說。如來滅後，後五百歲。有持戒修福者，於此章句能生信心，以此為實。當知是人。不於一佛，二佛，三四五佛而種善根。已於無量千萬佛，所種諸善根。聞是章句，乃至一念，生淨信者。須菩提。如來悉知悉見是諸衆生得如是無量福德。

“*Tu-bồ-đề*, nam, tây, bắc phương, tứ duy, thượng, hạ hư không khả tư lương phủ?”

“Phát dā, Thế Tôn.”

“*Tu-bồ-đề!* *Bồ Tát* vô trụ tướng bố thí phước đức, diệp phục như thị, bất khả tư lương. *Tu-bồ-đề*, *Bồ Tát* dẫn ứng như sở giáo trụ.

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ?”

“Phát dā, Thế Tôn. Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng.”

Phật cáo *Tu-bồ-đề*: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai.”

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, phả hữu chúng sanh đắc văn như thị ngôn thuyết chương cú sanh thật tín phủ?”

Phật cáo *Tu-bồ-đề*: “Mạc tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bá tuế, hữu trì giới tu phước giả, ư thủ chương cú năng sanh tín tâm, dĩ thủ vi thật. Đương tri thị nhân bất ư nhất Phật, nhị Phật, tam tứ ngũ Phật nhi chủng thiện căn. Dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở chủng chư thiện căn. Văn thị chương cú, nãi chí nhất niệm sanh tịnh tín giả. *Tu-bồ-đề*, Như Lai tất tri, tất kiến thị chư chúng sanh đắc như thị vô lượng phước đức.

何以故。是諸衆生無復我相人相衆生相壽者相。無法相亦無非法相。

何以故。是諸衆生。若心取相，則為著我，人，衆生，壽者。若取法相，即著我，人，衆生，壽者。何以故。若取非法相，即著我，人，衆生，壽者。

是故不應取法。不應取非法。以是義故。如來常說汝等比丘。知我說法如筏喻者。法尚應捨何況非法。

須菩提。於意云何。如來得阿耨多羅三藐三菩提耶。如來有所說法耶。須菩提言。如我解佛所說義。無有定法名阿耨多羅三藐三菩提亦無有定法如來可說。何以故。如來所說法皆不可取，不可說。非法，非非法。

所以者何。一切賢聖皆以無為法，而有差別。

須菩提。於意云何。若人滿三千大千世界七寶，以用布施。是人所得福德，寧為多不。

“Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng diệc vô phi pháp tướng.

“Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh nhược tâm thủ tướng tắc vi trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Hà dĩ cố? Nhược thủ pháp tướng, tức trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nhược thủ phi pháp tướng, tức trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thị cố bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp.

“Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết, nữ đẳng tỳ-kheo tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp?”

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? Như Lai đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* da? Như Lai hữu sở thuyết pháp da?”

Tu-bồ-đề ngôn: “Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp danh *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết pháp giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết hiện thánh giai dĩ vô vi pháp, nhi hữu sai biệt.”

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? Nhược nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo dĩ dụng bố thí. Thị nhân sở đắc phước đức ninh vi đa phủ?”

CHỮ KINH TẬP YẾU

須菩提言。甚多世尊。何以故。是福德即非福德性，是故如來說福德多。

若復有人，於此經中受持，乃至四句偈等，為他人說。其福勝彼。何以故。須菩提。一切諸佛及諸佛阿耨多羅三藐三菩提法，皆從此經出。

須菩提。所謂佛法者，即非佛法。

須菩提。於意云何。須陀洹能作是念。我得須陀洹果不。須菩提言。不也世尊。

何以故。須陀洹名為入流而無所入。不入色聲香味觸法。是名須陀洹。

須菩提。於意云何。斯陀含能作是念。我得斯陀含果不。須菩提言。不也世尊。何以故。斯陀含名一往來，而實無往來。是名斯陀含。

須菩提。於意云何。阿那含能作是念。我得阿那含果不。須菩提言。不也世尊。何以故。阿那含名為不來，而實無來。是故名阿那含。

KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

Tu-bồ-đề ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn. Hà dĩ cố? Thị phước đức tức phi phước đức tánh, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa.”

“Nhược phục hữu nhân ư thị kinh trung thọ trì, nãi chí tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thắng bi.

“Hà dĩ cố? *Tu-bồ-đề*, nhất thiết chư Phật cập chư Phật *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* pháp giai tùng thử kinh xuất.

“*Tu-bồ-đề*, sở vị Phật pháp giả tức phi Phật pháp.

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? *Tu-đà-hoàn* năng tác thị niệm: Ngã đắc *Tu-đà-hoàn* quả phủ?”

Tu-bồ-đề ngôn: “Phất dã, Thế Tôn. Hà dĩ cố? *Tu-đà-hoàn* danh vi nhập lưu, nhi vô sở nhập. Bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thị danh *Tu-đà-hoàn*.”

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? *Tu-đà-hàm* năng tác thị niệm: Ngã đắc *Tu-đà-hàm* quả phủ?”

Tu-bồ-đề ngôn: “Phất dã, Thế Tôn. Hà dĩ cố? *Tu-đà-hàm* danh nhất vãng lai, nhi thật vô vãng lai. Thị danh *Tu-đà-hàm*.”

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? *A-na-hàm* năng tác thị niệm: Ngã đắc *A-na-hàm* quả phủ?”

Tu-bồ-đề ngôn: “Phất dã, Thế Tôn. Hà dĩ cố? *A-na-hàm* danh vi bất lai, nhi thật vô lai. Thị cố danh *A-na-hàm*.”

須菩提。於意云何。阿羅漢能作是念。我得阿羅漢道不。須菩提言。不也世尊。

何以故。實無有法名阿羅漢。世尊。若阿羅漢作是念。我得阿羅漢道。即為著我人衆生壽者。

世尊。佛說我得無諍三昧，人中最為第一。是第一離欲阿羅漢。我不作是念。我是離欲阿羅漢。

世尊。我若作是念我得阿羅漢道。世尊則不說須菩提是樂阿蘭那行者。以須菩提實無所行。而名須菩提是樂阿蘭那行。

佛告須菩提。於意云何。如來昔在然燈佛所。於法有所得不。世尊。如來在然燈佛所。於法實無所得。

須菩提。於意云何。菩薩莊嚴佛土不。不也世尊。何以故。莊嚴佛土者，即非莊嚴。是名莊嚴。

是故須菩提。諸菩薩摩訶薩應如是生清淨心。不應住色生心。不應住聲香味觸法生心。應無所住而生其心。

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? *A-la-hán* năng tác thị niệm: Ngã đắc *A-la-hán* đạo phủ?”

Tu-bồ-đề ngôn: “Phát dã, Thế Tôn. Hà dĩ cố? Thật vô hữu pháp danh *A-la-hán*. Thế Tôn, nhược *A-la-hán* tác thị niệm: Ngã đắc *A-la-hán* đạo. Tức vi trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

“Thế Tôn, Phật thuyết ngã đắc Vô tránh Tam-muội, nhân trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục *A-la-hán*. Ngã bất tác thị niệm: Ngã thị ly dục *A-la-hán*.

“Thế Tôn, ngã nhược tác thị niệm: Ngã đắc *A-la-hán* đạo, Thế Tôn tác bất thuyết: *Tu-bồ-đề* thị nhạo *A-lan-na* hạnh giả. Dĩ *Tu-bồ-đề* thật vô sở hành, nhi danh *Tu-bồ-đề* thị nhạo *A-lan-na* hạnh.”

Phật cáo *Tu-bồ-đề*: “Ư ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp hữu sở đắc phủ?”

“Thế Tôn, Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thật vô sở đắc.”

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? *Bồ Tát* trang nghiêm Phật độ phủ?”

“Phát dã, Thế Tôn. Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật độ giả tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.”

“Thị cố *Tu-bồ-đề*, chư *Bồ Tát* ma-ha-tát ưng như thị sanh thanh tịnh tâm: Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.”

CHỮ KINH TẬP YẾU

須菩提。譬如有人身如須彌山王。於意云何。是身為大不。須菩提言。甚大，世尊。何以故。佛說非身，是名大身。

須菩提。如恒河中所有沙數。如是沙等恒河。於意云何。是諸恒河沙，寧為多不。

須菩提言。甚多，世尊。但諸恒河尚多無數，何況其沙。須菩提。我今實言告汝。

若有善男子，善女人。以七寶滿爾所恒河沙數三千大千世界，以用布施，得福多不。

須菩提言。甚多，世尊。佛告須菩提。若善男子，善女人。於此經中，乃至受持

四句偈等為他人說，而此福德勝前福德。復次須菩提。隨說是經乃至四句偈等。當

知此處一切世間天人阿修羅。皆應供養如佛塔廟。

何況有人盡能受持讀誦。須菩提。當知是人成就最上第一希有之法。若是經典所在之處。則為有佛，若尊重弟子。

KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

“*Tu-bồ-đề*, thí như hữu nhân, thân như *Tu-di* sơn vương. Ư ý vân hà, thị thân vi đại phủ?”

Tu-bồ-đề ngôn: “Thậm đại, Thế Tôn. Hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân thị danh đại thân.”

“*Tu-bồ-đề*, như Hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẳng Hằng hà. Ư ý vân hà, thị chư Hằng hà sa đẳng ninh vi đa phủ?”

Tu-bồ-đề ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn. Đản chư Hằng hà thượng đa vô số, hà huống kỳ sa.”

“*Tu-bồ-đề*! Ngã kim thật ngôn cáo nhữ. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân dĩ thất bảo mãn sở Hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới, dĩ dụng bố thí đắc phước đa phủ?”

Tu-bồ-đề ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn.”

Phật cáo *Tu-bồ-đề*: “Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư thử kinh trung nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, nhi thử phước đức thắng tiên phước đức.

“Phục thứ *Tu-bồ-đề*, tùy thuyết thị kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri thử xứ nhất thiết thế gian thiên, nhân, *a-tu-la* giai ưng cúng dường như Phật tháp miếu. Hà huống hữu nhân tận năng thọ trì độc tụng.

“*Tu-bồ-đề*, đương tri thị nhân thành tựu tối thượng đệ nhất hy hữu chi pháp. Nhược thị kinh điển sở tại chi xứ, tắc vi hữu Phật nhược tôn trọng đệ tử.”

爾時須菩提白佛言。世尊。當何名此經。
我等云何奉持。
佛告須菩提。是經名為金剛般若波羅蜜。
以是名字，汝當奉持。
所以者何。須菩提。佛說般若波羅蜜，即
非般若波羅蜜。
須菩提。於意云何。如來有所說法不。
須菩提白佛言。世尊。如來無所說。
須菩提。於意云何。三千大千世界所有微
塵是為多不。
須菩提言。甚多，世尊。
須菩提。諸微塵如來說非微塵。是名微塵。
如來說世界非世界。是名世界。
須菩提。於意云何。可以三十二相見如來
不。
不也世尊。不可以三十二相得見如來。何
以故。如來說三十二相即是非相。是名三
十二相。

Nhĩ thời *Tu-bồ-đề* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn!
Đương hà danh thử kinh? Ngã đẳng vân hà phụng trì?”

Phật cáo *Tu-bồ-đề*: “Thị kinh danh vi Kim cang *Bát-nhã Ba-la-mật*. Dĩ thị danh tự nhữ đương phụng trì. Sở dĩ giả hà? *Tu-bồ-đề*, Phật thuyết *Bát-nhã ba-la-mật* tức phi *Bát-nhã ba-la-mật*.

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ?”

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, Như Lai vô sở thuyết.”

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới sở hữu vi trần thị vi đa phủ?”

Tu-bồ-đề ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn.”

“*Tu-bồ-đề*, chư vi trần Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh vi trần. Như Lai thuyết thế giới phi thế giới, thị danh thế giới.

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ?”

“Phất dã, Thế Tôn. Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng.”

須菩提。若有善男子，善女人，以恒河沙等身命布施。若復有人於此經中，乃至受持四句偈等為他人說，其福甚多。爾時須菩提聞說是經，深解義趣。涕淚悲泣，而白佛言。希有，世尊。佛說如是甚深經典。我從昔來所得慧眼。未曾得聞如是之經。世尊。若復有人得聞是經。信心清淨則生實相。當知是人成就第一希有功德。

世尊。是實相者即是非相。是故如來說名實相。

世尊。我今得聞如是經典。信解受持不足為難。若當來世，後五百歲，其有衆生得聞是經信解受持，是人則為第一希有。何以故。此人無我相，人相，衆生相，壽者相。所以者何。我相即是非相。人相，衆生相，壽者相即是非相。何以故。離一切諸相，即名諸佛。

“*Tu-bồ-đề*, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân dĩ Hằng hà sa đẳng thân mạng bố thí. Nhược phục hữu nhân ư thử kinh trung nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thậm đa.”

Nhĩ thời *Tu-bồ-đề* văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khắp nhi bạch Phật ngôn: “Hy hữu Thế Tôn, Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển. Ngã từng tích lai sở đắc huệ nhãn, vị tăng đắc văn như thị chi kinh.

“Thế Tôn, nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh tác sanh thật tướng. Đương tri thị nhân thành tựu đệ nhất hy hữu công đức.

“Thế Tôn! Thị thật tướng giả tức thị phi tướng, thị cố Như Lai thuyết danh thật tướng.

“Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì bất túc vi nan. Nhược đương lai thế hậu ngũ bá tuế, kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị kinh tín giải thọ trì. Thị nhân tác vi đệ nhất hy hữu. Hà dĩ cố? Thử nhân vô ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Sở dĩ giả hà? Ngã tướng tức thị phi tướng. Nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức thị phi tướng. Hà dĩ cố? Ly nhất thiết chư tướng tức danh chư Phật.”

佛告須菩提。如是如是。若復有人，得聞是經，不驚，不怖，不畏。當知是人甚為希有。

何以故。須菩提。如來說第一波羅蜜非第一波羅蜜。是名第一波羅蜜。

須菩提。忍辱波羅蜜，如來說非忍辱波羅蜜。

何以故。須菩提。如我昔為歌利王割截身體。我於爾時無我相，無人相，無衆生相，無壽者相。何以故。我於往昔節節支解時，若有我相，人相，衆生相，壽者相，應生瞋恨。

須菩提。又念過去於五百世作忍辱仙人。於爾所世無我相，無人相，無衆生相，無壽者相。

是故須菩提。菩薩應離一切相發阿耨多羅三藐三菩提心。不應住色生心，不應住聲香味觸法生心。應生無所住心。

若心有住，則為非住。

是故佛說菩薩心不應住色布施。

Phật cáo *Tu-bồ-đề*: “Nhu thị, như thị. Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, bát kinh, bát bố, bát úy, đương tri thị nhân thậm vi hy hữu.

“Hà dĩ cố? *Tu-bồ-đề*, Như Lai thuyết đệ nhất *ba-la-mật* phi đệ nhất *ba-la-mật*, thị danh đệ nhất *ba-la-mật*.

“*Tu-bồ-đề*! Nhẫn nhục *ba-la-mật* Như Lai thuyết phi Nhẫn nhục *ba-la-mật*. Hà dĩ cố? Như ngã tích vị *Ca-ly* vương cát triệt thân thể. Ngã ư nhĩ thời vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

“Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích tiết tiết chi giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ưng sanh sân hận.

“*Tu-bồ-đề*, hựu niệm quá khứ ư ngũ bá thế tác nhẫn nhục tiên nhân. Ứ nhĩ sở thế vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

“Thị cố *Tu-bồ-đề*, *Bồ Tát* ưng ly nhất thiết tướng phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

“Bát ưng trụ sắc sanh tâm, bát ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ứng sanh vô sở trụ tâm.

“Nhược tâm hữu trụ tắc vi phi trụ.

“Thị cố Phật thuyết *Bồ Tát* tâm bất ưng trụ sắc bố thí.

須菩提。菩薩為利益一切衆生。應如是布施。

如來說一切諸相，即是非相。又說一切衆生，即非衆生。

須菩提。如來是真語者，實語者，如語者，不誑語者，不異語者。

須菩提。如來所得法，此法無實無虛。

須菩提。若菩薩心住於法而行布施。如人入闇，則無所見。

若菩薩心不住法而行布施。如人有目，日光明照，見種種色。

須菩提。當來之世若有善男子善女人。能於此經受持讀誦。則為如來以佛智慧，悉知是人，悉見是人，皆得成就無量無邊功德。

須菩提。若有善男子善女人。初日分以恒河沙等身布施。中日分復以恒河沙等身布施。後日分亦以恒河沙等身布施。如是無量百千萬億劫以身布施。

“*Tu-bồ-đề!* Bồ Tát vị lợi ích nhất thiết chúng sanh, ứng như thị bố thí.

“Như Lai thuyết nhất thiết chư tướng tức thị phi tướng, hựu thuyết nhất thiết chúng sanh tức phi chúng sanh.

“*Tu-bồ-đề!* Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cưỡng ngữ giả, bất dị ngữ giả.

“*Tu-bồ-đề!* Như Lai sở đắc pháp. Thử pháp vô thật vô hư.

“*Tu-bồ-đề,* nhược Bồ Tát tâm trụ ư pháp nhi hành bố thí, như nhân nhập ám, tắc vô sở kiến.

“Nhược Bồ Tát tâm bất trụ pháp nhi hành bố thí, như nhân hữu mục, nhật quang minh chiếu kiến chủng chủng sắc.

“*Tu-bồ-đề,* đương lai chi thế nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân năng ư thử kinh thọ trì độ tụng, tắc vi Như Lai dĩ Phật trí huệ tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành tựu vô lượng vô biên công đức.

“*Tu-bồ-đề,* nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân sơ nhật phần dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí, trung nhật phần phục dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí, hậu nhật phần diệc dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí. Như thị vô lượng bá thiên vạn ức kiếp dĩ thân bố thí.

CHỮ KINH TẬP YẾU

若復有人聞此經典信心不逆，其福勝彼。何況書寫受持讀誦為人解說。須菩提。以要言之。是經有不可思議，不可稱量，無邊功德。如來為發大乘者說。為發最上乘者說。若有人能受持讀誦廣為人說。如來悉知是人悉見是人。皆得成就不可量不可稱無有邊不可思議功德。如是人等則為荷擔如來阿耨多羅三藐三菩提。何以故。須菩提。若樂小法者，著我見，人見，衆生見，壽者見，則於此經不能聽受，讀誦，為人解說。須菩提。在在處處若有此經，一切世間天人阿修羅所應供養。當知此處則為是塔，皆應恭敬作禮圍繞，以諸華香而散其處。復次，須菩提。善男子，善女人，受持讀誦此經。若為人輕賤。是人先世罪業應墮惡道，以今世人輕賤故，先世罪業則為消滅。當得阿耨多羅三藐三菩提。

KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

“Nhược phục hữu nhân văn thử kinh điển tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bỉ. Hà hướng thơ tả, thọ trì, độc tụng, vị nhân giải thuyết.

“*Tu-bồ-đề*, dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bát khả tư nghị, bát khả xưng lượng, vô biên công đức.

“Như Lai vị phát Đại thừa giả thuyết, vị phát Tối thượng thừa giả thuyết. Nhược hữu nhân năng thọ trì độc tụng, quảng vị nhân thuyết, Như Lai tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân giai đắc thành tựu bát khả lượng, bát khả xưng, vô hữu biên, bát khả tư nghị công đức.

“Như thị nhân đẳng tác vi hà đảm Như Lai *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Hà dĩ cố? *Tu-bồ-đề*, nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tác ư thử kinh bất năng thính thọ, độc tụng, vị nhân giải thuyết.

“*Tu-bồ-đề*, tại tại xứ xứ nhược hữu thử kinh, nhất thiết thế gian thiên, nhân, *a-tu-la* sở ưng cúng dường. Đương tri thử xứ tác vi thị tháp, giai ưng cung kính tác lễ vi nhiều, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ.

“Phục thứ *Tu-bồ-đề*! Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì độc tụng thử kinh, nhược vi nhân khinh tiện. Thị nhân tiên thế tội nghiệp ưng đọa ác đạo, dĩ kim thế nhân khinh tiện cố, tiên thế tội nghiệp tác vi tiêu diệt, đương đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

須菩提。我念過去無量阿僧祇劫。於然燈佛前。得值八百四千萬億那由他諸佛。悉皆供養承事無空過者。若復有人於後末世。能受持讀誦此經，所得功德。於我所供養諸佛功德。百分不及一。千萬億分乃至算數譬喻所不能及。

須菩提。若善男子善女人於後末世。有受持讀誦此經。所得功德我若具說者，或有人聞心則狂亂狐疑不信。

須菩提。當知是經義不可思議，果報亦不可思議。

爾時須菩提白佛言。世尊。善男子善女人。發阿耨多羅三藐三菩提心。云何應住云何降伏其心。佛告須菩提。善男子，善女人發阿耨多羅三藐三菩提者，當生如是心。我應滅度一切衆生。滅度一切衆生已，而無有一衆生實滅度者。何以故。須菩提。若菩薩有我相，人相，衆生相，壽者相，即非菩薩。

“*Tu-bồ-đề*, ngã niệm quá khứ vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp, ư Nhiên Đăng Phật tiền đắc trí bát bá tứ thiên vạn ức *na-do-tha* chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự vô không quá giả. Nhược phục hữu nhân ư hậu mạt thế, năng thọ trì độc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật công đức, bá phần bát cập nhất, thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

“*Tu-bồ-đề*, nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư hậu mạt thế hữu thọ trì độc tụng thử kinh sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhân văn tâm tắc cuồng loạn hồ nghi bất tín.

“*Tu-bồ-đề*, đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệc bất khả tư nghị.”

Nhĩ thời *Tu-bồ-đề* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, vân hà ưng trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?”

Phật cáo *Tu-bồ-đề*: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả, đương sanh như thị tâm: Ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng sanh. Diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ, nhi vô hữu nhất chúng sanh thật diệt độ giả.

“Hà dĩ cố? *Tu-bồ-đề*, nhược *Bồ Tát* hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi *Bồ Tát*.

所以者何。須菩提。實無有法發阿耨多羅三藐三菩提者。

須菩提。於意云何。如來於然燈佛所有法得阿耨多羅三藐三菩提不。不也世尊。如我解佛所說義。佛於然燈佛所無有法得阿耨多羅三藐三菩提。佛言。如是如是。

須菩提。實無有法如來得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。若有法如來得阿耨多羅三藐三菩提者。然燈佛則不與我受記。汝於來世當得作佛。號釋迦牟尼。以實無有法得阿耨多羅三藐三菩提。是故然燈佛與我受記作是言。汝於來世當得作佛號釋迦牟尼。何以故。如來者即諸法如義。

若有人言如來得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。實無有法佛得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。如來所得阿耨多羅三藐三菩提。於是中無實無虛。是故如來說一切法皆是佛法。

“Sở dĩ giả hà? *Tu-bồ-đề*, thật vô hữu pháp phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả.

“*Tu-bồ-đề*, ư ý vân hà? Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở hữu pháp đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* phủ?”

“Phất dã, Thế Tôn. Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở vô hữu pháp đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Phật ngôn: “Như thị, như thị. *Tu-bồ-đề*, thật vô hữu pháp Như Lai đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

“*Tu-bồ-đề*, nhược hữu pháp Như Lai đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả, Nhiên Đăng Phật tác bất dữ ngã thọ ký: Nhữ ư lai thế đương đắc tác Phật hiệu *Thích-ca Mâu-ni*. Dĩ thật vô hữu pháp đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thị cố Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký, tác thị ngôn: Nhữ ư lai thế đương đắc tác Phật hiệu *Thích-ca Mâu-ni*.”

“Hà dĩ cố? Như Lai giả tức chư pháp như nghĩa.

“Nhược hữu nhân ngôn: Như Lai đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. *Tu-bồ-đề!* Thật vô hữu pháp Phật đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

“*Tu-bồ-đề!* Như Lai sở đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, ư thị trung vô thật, vô hư.

“Thị cố Như Lai thuyết nhất thiết pháp giai thị Phật pháp.

CHÚ KINH TẬP YẾU

須菩提。所言一切法者，即非一切法。

是故名一切法。

須菩提。譬如人身長大。須菩提言。世尊。如來說人身長大，即為非大身。是名大身。

須菩提。菩薩亦如是。若作是言。我當滅度無量衆生即不名菩薩。

何以故。須菩提。實無有法名為菩薩。是故佛說一切法無我無人無衆生無壽者。須菩提。若菩薩作是言。我當莊嚴佛土。是不名菩薩。何以故。如來說莊嚴佛土者，即非莊嚴，是名莊嚴。

須菩提。若菩薩通達無我法者。如來說名真是菩薩。

須菩提。於意云何。如來有肉眼不。

如是世尊。如來有肉眼。

須菩提。於意云何。如來有天眼不。

如是世尊。如來有天眼。

須菩提。於意云何。如來有慧眼不。

如是世尊。如來有慧眼。

KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

“*Tu-bồ-đề!* Sở ngôn nhất thiết pháp giả, tức phi nhất thiết pháp, thị cố danh nhất thiết pháp. *Tu-bồ-đề,* thí như nhân thân trường đại.”

Tu-bồ-đề ngôn: “Thế Tôn, Như Lai thuyết nhân thân trường đại tức vi phi đại thân, thị danh đại thân.”

“*Tu-bồ-đề!* Bồ Tát diệt như thị. Nhược tác thị ngôn: Ngã đương diệt độ vô lượng chúng sanh tức bất danh Bồ Tát. Hà dĩ cố? *Tu-bồ-đề!* Thật vô hữu pháp danh vi Bồ Tát. Thị cố Phật thuyết nhất thiết pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả.”

“*Tu-bồ-đề!* Nhược Bồ Tát tác thị ngôn: “Ngã đương trang nghiêm Phật độ”, thị bất danh Bồ Tát. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm thị danh trang nghiêm.”

“*Tu-bồ-đề!* Nhược Bồ Tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chân thị Bồ Tát.”

“*Tu-bồ-đề!* Ư ý vân hà? Như Lai hữu nhục nhãn phủ?”

“Như thị, Thế Tôn. Như Lai hữu nhục nhãn.”

“*Tu-bồ-đề!* Ư ý vân hà? Như Lai hữu thiên nhãn phủ?”

“Như thị, Thế Tôn. Như Lai hữu thiên nhãn.”

“*Tu-bồ-đề!* Ư ý vân hà? Như Lai hữu huệ nhãn phủ?”

“Như thị, Thế Tôn. Như Lai hữu huệ nhãn.”

CHÚ KINH TẬP YẾU

須菩提。於意云何。如來有法眼不。
如是世尊。如來有法眼。
須菩提。於意云何。如來有佛眼不。
如是世尊。如來有佛眼。
須菩提。於意云何。恒河中所有沙，佛
說是沙不。
如是世尊。如來說是沙。
須菩提。於意云何。如一恒河中所有沙
，有如是等恒河。是諸恒河所有沙數佛
世界。如是寧為多不。
甚多世尊。
佛告須菩提。爾所國土中所有衆生若干
種心如來悉知。何以故。如來說諸心皆
為非心，是名為心。
所以者何。須菩提。過去心不可得。現
在心不可得。未來心不可得。
須菩提。於意云何若有人滿三千大千世
界七寶以用布施。是人以是因緣得福多
不。
如是世尊。此人以是因緣，得福甚多。

KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

“*Tu-bồ-đề!* Ứ ý vân hà? Như Lai hữu pháp nhãn
phủ?”
“Như thị, Thế Tôn. Như Lai hữu pháp nhãn.”
“*Tu-bồ-đề!* Ứ ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhãn
phủ?”
“Như thị, Thế Tôn. Như Lai hữu Phật nhãn.”
“*Tu-bồ-đề!* Ứ ý vân hà? Hằng hà trung sở hữu sa,
Phật thuyết thị sa phủ?”
“Như thị, Thế Tôn. Như Lai thuyết thị sa.”
“*Tu-bồ-đề!* Ứ ý vân hà? Như nhất Hằng hà trung sở
hữu sa, hữu như thị đẳng Hằng hà, thị chư Hằng hà sở
hữu sa số Phật thế giới. Như thị ninh vi đa phủ?”
“Thậm đa, Thế Tôn.”
Phật cáo *Tu-bồ-đề!*: “Nhĩ sở quốc độ trung sở hữu
chúng sanh nhược can chủng tâm Như Lai tất tri. Hà dĩ
cố? Như Lai thuyết chư tâm giai vi phi tâm, thị danh vi
tâm.
Sở dĩ già hà? *Tu-bồ-đề!* Quá khứ tâm bất khả đắc,
hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.
“*Tu-bồ-đề!* Ứ ý vân hà? Nhược hữu nhân mãn tam
thiên đại thiên thế giới thất bảo dĩ dụng bố thí, thị
nhân dĩ thị nhân duyên đắc phước đa phủ?”
“Như thị, Thế Tôn. Thử nhân dĩ thị nhân duyên đắc
phước thậm đa.”

須菩提。若福德有實。如來不說得福德多。以福德無故。如來說得福德多。
須菩提。於意云何。佛可以具足色身見不。不也世尊。如來不應以具足色身見。何以故。如來說具足色身。即非具足色身。是名具足色身。
須菩提。於意云何。如來可以具足諸相見不。不也世尊。如來不應以具足諸相見。何以故。如來說諸相具足即非具足。是名諸相具足。
須菩提。汝勿謂如來作是念。我當有所說法。莫作是念。何以故。若人言如來有所說法即為謗佛。不能解我所說故。
須菩提。說法者，無法可說，是名說法。
爾時慧命須菩提白佛言。世尊。頗有衆生於未來世。聞說是法生信心不。佛言。須菩提。彼非衆生非不衆生。

“*Tu-bồ-đề!* Nhược phước đức hữu thật, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa. Dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa.

“*Tu-bồ-đề!* Ư ý vân hà? Phật khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ?”

“Phất dã, Thế Tôn. Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết cụ túc sắc thân tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân.

“*Tu-bồ-đề!* Ư ý vân hà? Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ?”

“Phất dã, Thế Tôn. Như Lai bất ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tướng cụ túc tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc.”

“*Tu-bồ-đề!* Nhữ vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương hữu sở thuyết pháp. Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược nhân ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố.

“*Tu-bồ-đề!* Thuyết pháp giả vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp.”

Nhĩ thời Huệ Mạng *Tu-bồ-đề* bạch Phật ngôn: “Phả hữu chúng sanh ư vị lai thế văn thuyết thị pháp sanh tín tâm phủ?”

Phật ngôn: “*Tu-bồ-đề!* Bĩ phi chúng sanh phi bất chúng sanh.

何以故。須菩提。衆生，衆生者，如來說非衆生。是名衆生。

須菩提白佛言。世尊。佛得阿耨多羅三藐三菩提。為無所得耶。

如是如是。須菩提。我於阿耨多羅三藐三菩提。乃至無有少法可得，是名阿耨多羅三藐三菩提。

復次須菩提。是法平等無有高下。是名阿耨多羅三藐三菩提。以無我，無人，無衆生，無壽者，修一切善法，即得阿耨多羅三藐三菩提。

須菩提。所言善法者，如來說非善法，是名善法。

須菩提。若三千大千世界中所有諸須彌山王。如是等七寶聚有人持用布施。若人以此般若波羅蜜經乃至四句偈等。受持讀誦為他人說。於前福德百分不及一。百千萬億分乃至算數譬喻所不能及。須菩提。於意云何。汝等勿謂如來作是念。我當度衆生。須菩提。莫作是念。

Hà dĩ cố? *Tu-bồ-đề!* Chúng sanh, chúng sanh giả, Như Lai thuyết phi chúng sanh thị danh chúng sanh.”

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: “Phật đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, vi vô sở đắc da?”

Phật ngôn: “Như thị, như thị. *Tu-bồ-đề*, ngã ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nãi chí vô hữu thiếu pháp khả đắc, thị danh *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

“Phục thứ *Tu-bồ-đề!* Thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ, thị danh *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, tu nhất thiết thiện pháp tức đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. *Tu-bồ-đề!* Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết phi thiện pháp thị danh thiện pháp.

“*Tu-bồ-đề!* Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung sở hữu chư *Tu-di* sơn vương, như thị đẳng thất bảo tụ, hữu nhân trì dụng bố thí. Nhược nhân dĩ thủ *Bát-nhã ba-la-mật kinh*, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì độc tụng vị tha nhân thuyết, ư tiền phước đức bá phần bất cập nhất, bá thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

“*Tu-bồ-đề!* Ư ý vân hà? Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương độ chúng sanh. *Tu-bồ-đề!* Mạc tác thị niệm.

CHỮ KINH TẬP YẾU

何以故。實無有衆生如來度者。若有衆生如來度者。如來則有我人衆生壽者。

須菩提。如來說有我者即非有我。而凡夫之人以為有我。須菩提。凡夫者，如來說即非凡夫。

須菩提。於意云何。可以三十二相觀如來不。

須菩提言。如是如是以三十二相觀如來。佛言。須菩提。若以三十二相觀如來者。轉輪聖王則是如來。

須菩提白佛言。世尊。如我解佛所說義。不應以三十二相觀如來。

爾時世尊而說偈言。

若以色見我，
以音聲求我，
是人行邪道，
不能見如來。

須菩提。汝若作是念。如來不以具足相故得阿耨多羅三藐三菩提。

KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

Hà dĩ cố? Thật vô hữu chúng sanh Như Lai độ giả. Nhược hữu chúng sanh Như Lai độ giả, Như Lai tác hữu ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

“*Tu-bồ-đề!* Như Lai thuyết hữu ngã giả tức phi hữu ngã, nhi phàm phu chi nhân dĩ vi hữu ngã.

“*Tu-bồ-đề!* Phàm phu giả, Như Lai thuyết tức phi phàm phu.

“*Tu-bồ-đề!* Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai phủ?”

Tu-bồ-đề ngôn: “Như thị, như thị. Dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai.”

Phật ngôn: “*Tu-bồ-đề!* Nhược dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai giả, Chuyển Luân Thánh vương tác thị Như Lai.”

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai.”

Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

“*Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã.
Thị nhân hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai.*”

“*Tu-bồ-đề!* Nhữ nhược tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.*”

須菩提。莫作是念。如來不以具足相故得阿耨多羅三藐三菩提。

須菩提。若作是念。發阿耨多羅三藐三菩提者說諸法斷滅相。莫作是念。

何以故。發阿耨多羅三藐三菩提心者。於法不說斷滅相。

須菩提。若菩薩以滿恒河沙等世界七寶布施。若復有人知一切法無我得成於忍。此菩薩勝前菩薩所得功德。

何以故。須菩提。以諸菩薩不受福德故。

須菩提白佛言。世尊云何菩薩不受福德。

須菩提。菩薩所作福德不應貪著。是故說不受福德。

須菩提。若有人言如來若來，若去，若坐，若臥。是人解我所說義。何以故。如來者，無所從來，亦無所去，故名如來。

須菩提。若善男子善女人。以三千大千世界碎為微塵。於意云何。是微塵衆寧為多不。

Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“*Tu-bồ-đề!* Nhược tác thị niệm: Phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả thuyết chư pháp đoạn diệt tướng. Mạc tác thị niệm.

“Hà dĩ cố? Phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng.

“*Tu-bồ-đề!* Nhược *Bồ Tát* dĩ mãn Hằng hà sa đẳng thế giới thất bảo bố thí. Nhược phục hữu nhân tri nhất thiết pháp vô ngã đắc thành ư nhân. Thử *Bồ Tát* thắng tiền *Bồ Tát* sở đắc công đức. Hà dĩ cố? Dĩ chư *Bồ Tát* bất thọ phước đức cố.”

“*Tu-bồ-đề* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Vân hà *Bồ Tát* bất thọ phước đức?”

“*Tu-bồ-đề!* *Bồ Tát* sở tác phước đức bất ưng tham trước. Thị cố thuyết bất thọ phước đức.

“*Tu-bồ-đề!* Nhược hữu nhân ngôn Như Lai nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, thị nhân bất giải ngã sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Như Lai giả, vô sở tùng lai diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai.

“*Tu-bồ-đề!* Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân dĩ tam thiên đại thiên thế giới toái vi vi trần. Ư ý vân hà? Thị vi trần chúng ninh vi đa phủ?”

CHÚ KINH TẬP YẾU

甚多世尊。何以故。若是微塵衆實有者。佛則不說是微塵衆。所以者何。佛說微塵衆，即非微塵衆。是名微塵衆。

世尊。如來所說三千大千世界即非世界。是名世界。

何以故。若世界實有者即是一合相。如來說一合相即非一合相。是名一合相。

須菩提。一合相者即是不可說。但凡夫之人貪著其事。

須菩提。若人言佛說我見，人見，衆生見，壽者見。須菩提。於意云何。是人解我所說義不。

世尊。是不解如來所說義。何以故。世尊說我見，人見，衆生見，壽者見，即非我見，人見，衆生見，壽者見，是名我見，人見，衆生見，壽者見。

須菩提。發阿耨多羅三藐三菩提心者。於一切法。應如是知，如是見，如是信解，不生法相。

KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

“Thậm đa, Thế Tôn. Hà dĩ cố? Nhược thị vi trần chúng thật hữu giả, Phật tác bất thuyết thị vi trần chúng.

“Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi trần chúng tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng.

“Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới tức phi thế giới, thị danh thế giới.

“Hà dĩ cố? Nhược thế giới thật hữu giả, tức thị nhất hiệp tướng. Như Lai thuyết nhất hiệp tướng tức phi nhất hiệp tướng, thị danh nhất hiệp tướng.”

“*Tu-bồ-đề!* Nhất hiệp tướng giả tức thị bất khả thuyết. Đản phạm phu chi nhân tham trước kỳ sự.

“*Tu-bồ-đề!* Nhược nhân ngôn Phật thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. *Tu-bồ-đề!* U ý vân hà? Thị nhân giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?”

“Thế Tôn! Thị nhân bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa.

“Hà dĩ cố? Thế Tôn thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức phi ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.”

“*Tu-bồ-đề!* Phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm giả, ư nhất thiết pháp ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng.

CHÚ KINH TẬP YẾU

須菩提。所言法相者。如來說即非法相。
是名法相。

須菩提。若有人以滿無量阿僧祇世界七寶
持用布施。若有善男子善女人發菩薩心者
。持於此經乃至四句偈等。受持讀誦為人
演說其福勝彼。云何為人演說。不取於相
，如如不動。何以故。

一切有為法，
如夢幻泡影，
如露亦如電，
應作如是觀。

佛說是經已。長老須菩提及諸比丘比丘尼
優婆塞優婆夷。一切世間天人阿修羅。聞
佛所說皆大歡喜。信受奉行。

金剛般若波羅蜜經
終

KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

“*Tu-bồ-đề!* Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết
tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.

“*Tu-bồ-đề!* Nhược hữu nhân dĩ mãn vô lượng *a-tăng-*
kỳ thế giới thất bảo trì dụng bố thí. Nhược hữu thiện
nam tử, thiện nữ nhân phát Bồ-đề tâm giả, trì ư thủ
kinh, nãi chí tứ cú kệ đấng, thọ trì độc tụng, vị nhân
diễn thuyết, kỳ phước thắng bỉ.

“Vân hà vị nhân diễn thuyết? Bát thủ ư tướng, như
như bất động. Hà dĩ cố?”

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng ảo bào ảnh,
Như lộ diệc như điện.
Ứng tác như thị quán.”*

Phật thuyết thị kinh dĩ, Trưởng lão *Tu-bồ-đề*, cập
chư *tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di*, nhất thiết
thế gian, thiên, nhân, *a-tu-la...* văn Phật sở thuyết giai
đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH

CHUNG

KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

(Phân dịch nghĩa)

Tôi nghe như thế này. Có một lúc Phật ở thành Xá-vệ, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, cùng các vị đại tỳ-kheo là một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Đến giờ thọ trai, đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Vào trong thành, theo thứ tự khất thực, rồi trở về tinh xá. Thọ trai xong, thu dọn y bát, rửa chân tay, trải tòa ra ngồi.

Lúc ấy Trưởng lão Tu-bồ-đề từ chỗ ngồi trong đại chúng đứng dậy, bày vai phải, quỳ gối phải, cung kính chấp tay bạch Phật rằng: “Thế Tôn, thật ít có! Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ Tát, khéo dặn dò các vị Bồ Tát.

“Thế Tôn! Nếu có những kẻ nam người nữ lòng lành phát tâm cầu đạo Vô Thượng Bồ-đề,¹ nên trụ tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?

Phật dạy: “Lành thay! Lành thay! Tu-bồ-đề, đúng như ông vừa nói. Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ Tát, khéo dặn dò các vị Bồ Tát. Nay hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà giảng thuyết.

¹ Kinh văn là “phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”, thường được nói gọn là phát tâm Bồ-đề. A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là đọc theo âm tiếng Phạn (Anuttarā-saṃyak-saṃbodhi), Hán dịch là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng tức là quả vị Phật. Người phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là người nguyện sẽ tu học cho đến khi được quả vị Phật, quyết không thối chí giữa đường.

KINH KIM CANG

“Nếu có kẻ nam người nữ lòng lành phát tâm Bồ-đề, nên trụ tâm như thế này, nên hàng phục tâm như thế này.”

“Bạch Thế Tôn! Con nguyện được lắng nghe.”

Phật dạy Tu-bồ-đề: “Các vị Đại Bồ Tát¹ nên hàng phục tâm như thế này: Đối với tất cả các loài chúng sanh: hoặc sanh từ bào thai, hoặc sanh từ trứng, hoặc sanh nơi ẩm thấp, hoặc do biến hóa sanh ra, hoặc có sắc, hoặc không có sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng,² ta đều độ cho nhập vào Vô dư Niết-bàn.³ Như vậy diệt độ vô số chúng sanh, nhưng thật không có chúng sanh nào được diệt độ.⁴

“Vì sao vậy? Tu-bồ-đề, nếu Bồ Tát có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả,⁵ thì chẳng phải là Bồ Tát.¹

¹ Theo kinh văn ở đây, Bồ Tát (viết tắt theo âm tiếng Phạn là Bodhisattva – viết đủ là Bồ-đề Tát-đỏa) được hiểu theo nghĩa rộng, là tất cả những ai phát tâm tu đạo Đại thừa, tu hạnh Bồ Tát. Theo Hán dịch là Giác hữu tình, nghĩa là những người phát tâm hành đạo Bồ Tát, mang lại sự giác ngộ cho hết thảy chúng sanh. Theo giáo lý Đại thừa, người phát tâm Bồ-đề tức là đã tin sâu vào chân tâm, tự tánh, nên đều gọi là Bồ Tát. Hiểu theo nghĩa này mới có thể tin nhận phần giảng thuyết của Phật từ đây trở về sau. Nếu hiểu theo nghĩa Bồ Tát là quả vị chúng đấng, giác ngộ (như trong Thập địa Bồ Tát), thì người mới phát tâm chẳng được dự phần trong hội Kim Cang này, như vậy là không đúng.

² Đại ý của đoạn này muốn nêu lên hết thảy các loài chúng sanh trong Ba cõi (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới).

³ Vô dư Niết-bàn: tiếng Phạn là Nirupadhiṣṣa-nirvāṇa, trạng thái giải thoát hoàn toàn của người tu tập, không còn Năm uẩn, Mười hai xứ, Mười tám giới và các căn.

⁴ Phát tâm độ thoát hết thảy vô số chúng sanh, nhưng không thấy có chúng sanh nào thật sự được mình độ thoát.

⁵ Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả: gọi chung là Bốn tướng ngã nhân, đều do nhận thức sai lầm về thực tại mà sanh ra. Tướng ngã: chấp rằng có

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Lại nữa, *Tu-bồ-đề!* *Bồ Tát* theo đúng pháp, nên lấy tâm không chỗ trụ mà làm việc bố thí. Nghĩa là chẳng nên trụ nơi hình sắc mà bố thí, chẳng nên trụ nơi âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp tướng mà bố thí.

“*Tu-bồ-đề!* *Bồ Tát* nên bố thí như vậy đó, không trụ nơi tướng.

“Vì sao vậy? Nếu *Bồ Tát* bố thí với tâm không trụ tướng, phước đức ấy chẳng thể suy lường.

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Hư không phương đông có thể suy lường được chăng?”

“Bạch Thế Tôn, chẳng thể được.”

“*Tu-bồ-đề!* Hư không các phương nam, tây, bắc, bốn phương phụ,² phương trên, phương dưới có thể suy lường được chăng?”

“Bạch Thế Tôn, chẳng thể được.”

“*Tu-bồ-đề!* *Bồ Tát* bố thí với tâm không trụ tướng, phước đức cũng như vậy, chẳng thể suy lường.

“*Tu-bồ-đề!* *Bồ Tát* chỉ nên trụ tâm theo như chỗ đã chỉ dạy.

cái “ta” và những “vật của ta”, trong khi thực chất chỉ có sự giả hợp của Năm uẩn, Bốn đại. Tướng nhân: chấp rằng có “người khác”, trong khi thực chất đó cũng chỉ là sự giả hợp tạm bợ của Năm uẩn. Tướng chúng sanh: chấp rằng có một cái “ta” đưa vào trong Năm uẩn tạo thành sự sanh khởi. Tướng thọ giả: chấp rằng có sự tồn tại của cái “ta” trong một thời gian, một hạn kỳ, mà gọi là thọ mạng.

¹ Nếu thấy có chúng sanh được mình độ thoát, tức rơi vào chỗ đối đãi, mắc vào các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

² Bốn phương phụ: là các phương đông nam, đông bắc, tây nam, tây bắc.

KINH KIM CANG

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Có thể dùng thân tướng mà thấy Như Lai chăng?”

“Bạch Thế Tôn, chẳng thể được. Chẳng thể dùng thân tướng mà thấy Như Lai.

“Vì sao vậy? Như Lai dạy rằng thân tướng thật chẳng phải là thân tướng.”

Phật bảo *Tu-bồ-đề*: “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng, thật chẳng phải tướng, tức là thấy Như Lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Liệu có chúng sanh nào nghe lời thuyết dạy này¹ được sanh lòng tin chân thật chăng?”

Phật bảo *Tu-bồ-đề*: “Chớ nên nói thế! Như Lai diệt độ rồi, năm trăm năm sau nữa có những người tu phước giữ theo giới luật, đối với lời thuyết dạy này thường sanh lòng tin, nhận là chân thật. Nên biết những người này chẳng phải chỉ ở nơi một, hai, ba, bốn, năm đức Phật gieo trồng căn lành, mà thật đã ở nơi vô số ngàn vạn đức Phật gieo trồng căn lành. Nghe lời thuyết dạy này, dù chỉ một niệm cũng sanh lòng tin trong sạch.

“*Tu-bồ-đề!* Như Lai tất sẽ thấy biết những chúng sanh ấy được vô lượng phước đức. Vì sao vậy? Những chúng sanh ấy không sanh khởi lại các tướng *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*, không khởi *pháp tướng*, cũng không khởi *phi pháp tướng*.

¹ Kinh văn là “ngôn thuyết như thị chương cú”, tức là chỉ đến những lời Phật dạy nêu trên.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Vì sao vậy? Những chúng sanh ấy nếu tâm chấp giữ tướng, tức mắc vào *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*. Nếu giữ lấy *pháp tướng* tức mắc vào *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*. Vì sao vậy? Nếu giữ lấy *phi pháp tướng*, tức mắc vào *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*.”

“Vì thế, chẳng nên chấp giữ lấy *pháp*, cũng chẳng nên chấp giữ lấy *phi pháp*.”

“Do nơi nghĩa này, Như Lai thường nói: Các vị *tỳ-kheo* nên biết, pháp Phật thuyết dạy như cái bè qua sông.¹ Pháp còn nên xả bỏ, hướng chỉ những gì chẳng phải pháp?”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Như Lai có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng? Như Lai có chỗ thuyết pháp chẳng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Theo như chỗ con hiểu nghĩa Phật đã dạy, không có pháp xác định gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp xác định nào Như Lai có thể thuyết.”

“Vì sao vậy? Chỗ thuyết pháp của Như Lai thấy đều chẳng thể chấp giữ lấy, chẳng thể nói ra, chẳng phải là pháp, cũng chẳng phải phi pháp.”

“Vì sao vậy? Tất cả các bậc thánh hiền đều dùng pháp vô vi, nhưng có chỗ sai biệt nhau.”

¹ Tức là phương tiện giúp người đạt đến chỗ giải thoát, cũng như cái bè là phương tiện giúp người sang sông. Nếu muốn đạt ngộ mà còn chấp giữ lấy pháp, khác chi người sang sông chẳng chịu rời bỏ cái bè?

KINH KIM CANG

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Nếu có người dùng bảy món báu đầy trong cõi ba ngàn đại thiên thế giới mà bố thí, được phước đức nhiều chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao vậy? Phước đức, thật chẳng phải là tánh phước đức, nên Như Lai nói là nhiều phước đức.”

“Nếu lại có người thọ trì chỉ bốn câu kệ trong kinh này,¹vì người khác mà giảng nói, phước này hơn hẳn phước bố thí kia.”

“Vì sao vậy? Hết thấy chư Phật và giáo pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các ngài đều từ nơi kinh này mà ra.”

“*Tu-bồ-đề!* Vì vậy mà nói rằng: pháp Phật tức chẳng phải là pháp Phật .”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Vị *Tu-đà-hoàn* có được khởi niệm: Ta được quả *Tu-đà-hoàn* chẳng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, chẳng thể được. Vì sao vậy? *Tu-đà-hoàn* gọi là *nhập vào dòng*,² nhưng thật không có chỗ nhập. Chẳng nhập vào hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp tướng, nên mới gọi là *Tu-đà-hoàn*.”

¹ Kinh văn là “nãi chí tứ cú kệ đẳng”, ý nói chỉ cần ít ỏi đến như là bốn câu kệ trong kinh này thôi. Hướng chỉ có kẻ thọ trì nhiều hơn, hoặc trọn quyển kinh? Có người hiểu “tứ cú kệ” ở đây như là “chỗ tinh yếu của kinh”, e là không đúng, vì văn nghĩa được hiểu rõ qua hai chữ “nãi chí”, nghĩa là nêu “tứ cú kệ” lên chỉ để làm một mức độ thí dụ mà thôi, không chỉ cụ thể bài kệ nào cả.

² *Tu-đà-hoàn*, tiếng Phạn là Śrotāpanna, Hán dịch là Nhập lưu hay Dự lưu, nghĩa là “nhập vào dòng”, ở đây là dòng các vị thánh. Đây là quả vị thứ nhất trong bốn quả thánh của Tiểu thừa, tức là Sơ quả, quả đầu tiên, nên xem như mới bắt đầu được nhập vào, dự vào dòng thánh.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Vị *Tu-đà-hàm* có được khởi niệm: Ta được quả *Tu-đà-hàm* chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, chẳng được. Vì sao vậy? *Tu-đà-hàm* gọi là *một lần trở lại*,¹ nhưng thật không có trở lại, nên mới gọi là *Tu-đà-hàm*.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Vị *A-na-hàm* có được khởi niệm: Ta được quả *A-na-hàm* chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, chẳng được. Vì sao vậy? *A-na-hàm* gọi là *không trở lại*,² nhưng thật chẳng phải là không trở lại, nên mới gọi là *A-na-hàm*.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Vị *A-la-hán*³ có được khởi niệm: Ta được đạo *A-la-hán* chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, chẳng được. Vì sao vậy? Thật không có pháp gọi là *A-la-hán*. Thế Tôn! Nếu vị *A-la-hán* khởi niệm rằng: Ta được đạo *A-la-hán*, tức là vướng mắc vào *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*.”

“Thế Tôn! Phật bảo rằng con được phép *Tam-muội Vô tránh*, cao quý nhất trong loài người, là bậc *A-la-hán* cao

¹ *Tu-đà-hàm* tiếng Phạn là *Sakṛdāgāmin*, Hán dịch là Nhất vãng lai hay Nhất lai, nghĩa là “một lần trở lại”. Đây là quả thứ hai trong bốn quả thánh. Người chứng đắc quả thánh này vẫn còn phải tái sanh một lần nữa trong cõi trời người, nên gọi là Nhất vãng lai hoặc Nhất lai.

² *A-na-hàm* tiếng Phạn là *Anāgāmi*, Hán dịch là Bất lai hay Bất hoàn, nghĩa là “không trở lại”. Đây là quả vị thứ ba trong bốn quả thánh, chỉ còn thấp hơn quả *A-la-hán*. Người chứng đắc quả này, do nghiệp lực đã hết nên không còn phải thọ thân tái sanh. Thật ra thì người này cũng phải tái sanh lên một cõi trời gọi là Bất hoàn thiên, sống ở đó và tu tập cho đến khi hết thọ thân ấy thì thành *A-la-hán*.

³ *A-la-hán*, tiếng Phạn là *Arhat*, là quả vị cuối cùng, cao nhất trong bốn quả thánh. Vị *A-la-hán* đã hoàn toàn dứt bỏ mọi triền phược, đạt đến cảnh giới giải thoát của Tiểu thừa hay còn gọi là Hữu dư Niết-bàn.

KINH KIM CANG

quý nhất là bỏ tham dục. Con chẳng khởi niệm này: Ta là bậc *A-la-hán* là bỏ tham dục.

“Bạch Thế Tôn! Nếu con khởi niệm này: Ta được đạo *A-la-hán*, Thế Tôn tất chẳng nói: *Tu-bồ-đề* ưa thích hạnh *A-lan-na*.¹ Vì con đây thật không vướng mắc ở chỗ làm, nên mới nói rằng: *Tu-bồ-đề* ưa thích hạnh *A-lan-na*.”

Phật bảo *Tu-bồ-đề*: “Ý ông nghĩ sao? Như Lai trước kia ở nơi Phật Nhiên Đăng có chỗ được pháp chăng?”

“Bạch Thế Tôn, chẳng có. Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng thật không có chỗ được pháp.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? *Bồ Tát* có trang nghiêm cõi Phật chăng?”

“Bạch Thế Tôn, chẳng có. Vì sao vậy? Việc trang nghiêm cõi Phật đó, thật chẳng phải trang nghiêm, gọi là trang nghiêm.”

“*Tu-bồ-đề!* Vì vậy mà các vị đại *Bồ Tát* nên sanh tâm thanh tịnh như thế này: Chẳng nên trụ nơi hình sắc mà sanh tâm, chẳng nên trụ nơi âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp tướng mà sanh tâm. Nên ở nơi không chỗ trụ mà sanh tâm.

¹ Kinh văn là “nhạo *A-lan-na* hạnh giả”, nghĩa là người ưa thích hạnh *A-lan-na*. *A-lan-na*, tiếng Phạn là *Arañña*, thường nhiều nơi khác trong kinh Phật vẫn đọc là *A-lan-nhã* hay *A-luyện-nhã*. Danh từ này dùng chỉ nơi yên tĩnh, thanh tịnh, vị tỷ-kheo sống ở đó để chuyên tâm tu tập. Vì thế mà thường được dùng với nghĩa chung chỉ cho chùa chiền, tự viện. Hán dịch là Vô tránh thanh hay Viển ly xứ, nghĩa là nơi không có những tiếng cãi cọ, tranh chấp, nơi xa lìa thế tục.

Hạnh *A-lan-nhã* là một trong mười hai hạnh đầu đà. Người giữ hạnh này chỉ chọn sống suốt đời ở những nơi *A-lan-nhã*.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“*Tu-bồ-đề!* Như người kia có thân hình như núi chúa *Tu-di*. Ý ông nghĩ sao? Thân ấy là lớn chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất lớn. Vì sao vậy? Phật thuyết chẳng phải thân, gọi là thân lớn.”

“*Tu-bồ-đề!* Như trong sông Hằng có bao nhiêu là cát, mỗi hạt lại là một sông Hằng. Ý ông nghĩ sao? Số cát trong tất cả những sông Hằng ấy là nhiều chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Chỉ số sông Hằng như thế còn nhiều không kể hết, huống chi là cát trong những con sông ấy!”

“*Tu-bồ-đề!* Nay ta dùng lời chân thật bảo cho ông biết. Như có những kẻ nam người nữ lòng lành, dùng bảy món báu đầy trong số ba ngàn đại thiên thế giới nhiều bằng số cát của những sông Hằng ấy mang ra bố thí, được phước nhiều chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều.”

Phật bảo *Tu-bồ-đề*: “Nếu có những kẻ nam người nữ lòng lành, thọ trì dù chỉ bốn câu kệ trong kinh này, vì người khác giảng nói, phước đức này hơn cả phước đức bố thí kia.

“Lại nữa, *Tu-bồ-đề!* Theo như kinh này mà thuyết dạy, cho đến chỉ bốn câu kệ, nên biết là nơi ấy hết thảy thế gian, trời, người, *a-tu-la* đều nên cúng dường như tháp miếu Phật. Huống chi có người đem hết sức mà thọ trì, đọc tụng. *Tu-bồ-đề!* Nên biết là người này thành tựu được pháp cao quý bậc nhất ít có.

“Nếu kinh điển này ở tại nơi nào, tức như có Phật hoặc bậc đệ tử cao quý đáng tôn trọng ở đó.”

KINH KIM CANG

Lúc ấy *Tu-bồ-đề* bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi tên là gì? Chúng con phải vâng giữ như thế nào?”

Phật bảo *Tu-bồ-đề*: “Kinh này gọi tên là Kim Cang *Bát-nhã Ba-la-mật*. Nên theo như tên kinh mà vâng giữ. Vì sao vậy? *Tu-bồ-đề!* Phật thuyết *Bát-nhã Ba-la-mật* tức chẳng phải *Bát-nhã Ba-la-mật*.

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Như Lai có chỗ thuyết pháp chăng?”

Tu-bồ-đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Như Lai không có chỗ thuyết pháp.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Số vi trần¹ trong ba ngàn đại thiên thế giới có nhiều chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều.”

“*Tu-bồ-đề!* Những vi trần ấy, Như Lai thuyết chẳng phải vi trần, gọi là vi trần. Như Lai thuyết thế giới chẳng phải thế giới, gọi là thế giới.

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Có thể dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai chăng?”

“Bạch Thế Tôn, chẳng thể được. Chẳng thể dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai. Vì sao vậy? Như Lai thuyết ba mươi hai tướng tức chẳng phải tướng, gọi là ba mươi hai tướng.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu có những kẻ nam người nữ lòng lành, dùng thân mạng nhiều như số cát sông Hằng để bố thí.

¹ Vi trần: Hạt bụi rất nhỏ.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Lại có người thọ trì kinh này, cho đến chỉ bốn câu kệ, vì người khác giảng nói, phước ấy rất nhiều.”¹

Bấy giờ, *Tu-bồ-đề* nghe thuyết kinh này, hiểu sâu nghĩa thú, cảm động đến rơi lệ, bạch Phật rằng: “Thật ít có thay, Thế Tôn! Phật thuyết kinh điển này rất sâu xa, con từ trước đến nay đều được huệ nhãn nhưng chưa từng được nghe kinh như vậy.

“Bạch Thế Tôn! Nếu có người cũng được nghe kinh này, đem lòng tin tưởng trong sạch, liền khởi sanh tướng chân thật. Nên biết là người ấy thành tựu được công đức cao quý bậc nhất ít có.

“Bạch Thế Tôn! Tướng chân thật ấy tức là chẳng phải tướng, nên Như Lai gọi là tướng chân thật.

“Thế Tôn! Nay con được nghe kinh điển này, tin hiểu thọ trì chẳng lấy chi làm khó. Nhưng nếu năm trăm năm sau nữa, có chúng sanh nào được nghe kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy quả là bậc nhất ít có. Vì sao vậy? Người ấy không có các tướng *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*.

“Vì sao vậy? Tướng *ngã* chẳng phải là tướng; tướng *nhân, chúng sanh, thọ giả* cũng chẳng phải là tướng. Vì sao vậy? Lìa hết thấy các tướng, gọi là chư Phật.”

¹ Đoạn này dịch sát theo kinh văn, nhưng so với một số đoạn khác trong kinh thì có phần tối nghĩa. Ở đây dẫn ra hai trường hợp là có dụng ý so sánh. Căn cứ theo ý kinh ở một số đoạn khác tương tự, thì phước đức trì kinh hơn hẳn phước đức bố thí (có thể ngầm hiểu ở đây là chấp tướng bố thí). Nhưng riêng đoạn này chỉ thấy nêu là “kỳ phước thậm đa” mà không thấy có sự so sánh. Có thể do “tam sao thất bản” qua nhiều đời, đã có sự thiếu sót ở đây chăng? Tuy nhiên, có thể căn cứ vào những đoạn khác trong kinh để hiểu đầy đủ đoạn này mà không sợ sai lệch.

KINH KIM CANG

Phật bảo *Tu-bồ-đề*: “Đúng vậy, đúng vậy! Nếu có người được nghe kinh này mà chẳng thấy kinh sợ hoảng hốt, nên biết người ấy rất là ít có.

“Vì sao vậy? *Tu-bồ-đề*! Như Lai dạy rằng bậc nhất *Ba-la-mật*, tức chẳng phải bậc nhất *Ba-la-mật*, gọi là bậc nhất *Ba-la-mật*.

“*Tu-bồ-đề*! Nhẫn nhục *Ba-la-mật*, Như Lai nói là chẳng phải nhẫn nhục *Ba-la-mật*.

“Vì sao vậy? *Tu-bồ-đề*! Như ta xưa kia bị vua *Ca-ly* cắt xẻo thân thể từng phần. Lúc bấy giờ, ta không có các tướng *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*. Vì sao vậy? Trong lúc ta bị cắt xẻo từng phần thân thể, nếu có các tướng *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*, tất phải sanh lòng sân hận.”

“*Tu-bồ-đề*! Lại nhớ đến quá khứ năm trăm đời trước, ta làm một vị tiên nhẫn nhục. Lúc ấy ta cũng không có các tướng *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*.

“Bởi vậy, *Tu-bồ-đề*, *Bồ Tát* nên lìa hết thấy các tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng nên trụ nơi hình sắc sanh tâm, chẳng nên trụ nơi âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp tướng sanh tâm. Nên sanh tâm không có chỗ trụ. Nếu tâm có chỗ trụ, tức là chẳng trụ.

“Vì thế Phật dạy các vị *Bồ Tát* chẳng nên trụ tâm nơi hình sắc mà bố thí. *Tu-bồ-đề*! *Bồ Tát* vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, nên bố thí như vậy.

“Như Lai dạy rằng hết thấy các tướng tức chẳng phải tướng. Lại dạy rằng hết thấy chúng sanh tức chẳng phải chúng sanh.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“*Tu-bồ-đề!* Lời nói của đấng Như Lai là chân chánh, đúng thật, như nghĩa, không hư dối, không sai khác.

“*Tu-bồ-đề!* Như Lai có chỗ được pháp, pháp ấy không thật không hư.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu *Bồ Tát* trụ tâm nơi pháp làm việc bố thí, cũng như người vào chỗ tối, không thể nhìn thấy.

“Nếu *Bồ Tát* chẳng trụ tâm nơi pháp làm việc bố thí, như người có mắt, khi ánh sáng mặt trời chiếu soi thấy đủ các màu sắc.

“*Tu-bồ-đề!* Về sau nếu có những kẻ nam người nữ lòng lạnh, thường hay thọ trì đọc tụng kinh này, Như Lai dùng trí huệ Phật thấy biết những người này đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu có những kẻ nam người nữ lòng lạnh, vừa lúc đầu ngày dùng thân mạng nhiều như cát sông Hằng mà bố thí, đến giữa ngày lại dùng thân mạng nhiều như cát sông Hằng mà bố thí, đến cuối ngày cũng lại dùng thân mạng nhiều như cát sông Hằng mà bố thí. Cứ như vậy trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp, dùng thân mạng mà bố thí. Nếu có người nghe kinh điển này, trong lòng tin theo chẳng nghịch, được phước nhiều hơn cả những người dùng thân mạng mà bố thí kia. Huống chi là sao chép, thọ trì, đọc tụng, vì người giảng giải!

“*Tu-bồ-đề!* Nói tóm lại một lời quan trọng nhất: Kinh này có vô lượng vô biên công đức, chẳng thể suy lường. Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà thuyết dạy, vì người phát tâm Tối thượng thừa mà thuyết dạy. Nếu có người thường hay thọ trì, đọc tụng, rộng vì người khác mà thuyết giảng, Như Lai tất sẽ thấy biết những người này

KINH KIM CANG

đều được thành tựu công đức vô lượng vô biên chẳng thể suy lường. Những người như vậy có thể đảm đương gánh vác đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai.

“Vì sao vậy? *Tu-bồ-đề!* Nếu kẻ ưa pháp nhỏ, vướng mắc vào những kiến giải *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*, tức chẳng thể thọ trì đọc tụng, vì người khác mà giảng giải kinh này.

“*Tu-bồ-đề!* Bất cứ nơi nào có kinh này, hết thấy thế gian, các hàng trời, người, *a-tu-la* đều nên cúng dường. Nên biết nơi ấy tức là tháp Phật, nên cung kính đi quanh lễ bái, dùng các thứ hương hoa rải lên nơi ấy.

“Lại nữa, *Tu-bồ-đề!* Những kẻ nam người nữ lòng lạnh, thọ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khác khinh chê, thì người trì kinh ấy dù cho đời trước đã tạo ác nghiệp lẽ ra phải đọa vào các đường dữ, nay nhân bị người khinh chê, ác nghiệp đời trước liền tiêu diệt, được thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“*Tu-bồ-đề!* Ta nhớ thuở quá khứ vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp trước Phật Nhiên đăng, ta đã được gặp tám trăm bốn ngàn vạn ức *na-do-tha* đức Phật, và đều cung kính phụng sự không chút lỗi lầm. Nếu có người đời mạt pháp sau này thường thọ trì tụng đọc kinh này. Người ấy được công đức so với công đức cúng dường chư Phật của ta vượt hơn bội phần, trăm phần ta chẳng theo kịp một, ngàn vạn ức phần, cho đến tính toán, thí dụ cũng chẳng thể theo kịp được.

“*Tu-bồ-đề!* Những kẻ nam người nữ lòng lạnh vào đời mạt pháp thọ trì đọc tụng kinh này được nhiều công đức, nếu ta nói ra đầy đủ sẽ có người nghe qua sanh tâm cuồng loạn, nghi ngờ chẳng tin.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“*Tu-bồ-đề!* Nên biết rằng, nghĩa kinh này không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, *Tu-bồ-đề* bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Những kẻ nam người nữ lòng lành phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên trụ tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?”

Phật bảo *Tu-bồ-đề*: “Những kẻ nam người nữ lòng lành phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên khởi tâm như thế này: Ta nên diệt độ hết thấy chúng sanh; diệt độ hết thấy chúng sanh, nhưng thật không có chúng sanh nào diệt độ.

“Vì sao vậy? *Tu-bồ-đề!* Nếu *Bồ Tát* có các tướng *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*, tức không phải *Bồ Tát*.

“Vì sao vậy? *Tu-bồ-đề!* Thật không có pháp phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?”

“Bạch Thế Tôn, chẳng có. Như con hiểu theo nghĩa Phật thuyết, Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng trước kia không có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Phật nói: “Đúng vậy, đúng vậy! *Tu-bồ-đề*, thật không có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu như có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Phật Nhiên Đăng hẳn đã không thọ ký cho ta: Ông về sau sẽ thành Phật hiệu *Thích-ca Mâu-ni*.

KINH KIM CANG

“Vì thật không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta rằng: Ông về sau sẽ thành Phật, hiệu là *Thích-ca Mâu-ni*.

“Vì sao vậy? Nói Như Lai đó, tức là nghĩa *như*¹ của các pháp.

“Nếu có người nói: Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. *Tu-bồ-đề!* Thật không có pháp Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“*Tu-bồ-đề!* Như Lai có chỗ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong chỗ ấy không thật, không hư.

“Vì thế, Như Lai dạy rằng: Hết thấy các pháp đều là Phật pháp.

“*Tu-bồ-đề!* Nói là hết thấy các pháp, tức chẳng phải pháp, vì thế gọi là hết thấy các pháp.

“*Tu-bồ-đề!* Ví như thân người dài lớn.”

Tu-bồ-đề nói: “Bạch Thế Tôn, Như Lai nói rằng thân người dài lớn tức chẳng phải là thân lớn, gọi là thân lớn.”

“*Tu-bồ-đề!* *Bồ Tát* cũng lại như vậy. Nếu nói rằng: Ta đang độ cho vô lượng chúng sanh, tức chẳng gọi là *Bồ Tát*.

“Vì sao vậy? *Tu-bồ-đề!* Thật không có pháp gọi là *Bồ Tát*. Vì thế Phật thuyết hết thấy các pháp đều không có các tướng *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu *Bồ Tát* nói rằng: Ta đang làm trang nghiêm cõi Phật, như vậy chẳng gọi là *Bồ Tát*. Vì sao

¹ Nghĩa như: Tức là nghĩa chân thật, được hiểu theo đúng với bản chất thật của sự vật, hiện tượng.

CHỮ KINH TẬP YẾU

vậy? Như Lai dạy rằng, trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, gọi là trang nghiêm.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu *Bồ Tát* thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó thật là *Bồ Tát*.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có nhục nhãn.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có thiên nhãn.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Như Lai có huệ nhãn chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có huệ nhãn.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp nhãn chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có pháp nhãn.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có Phật nhãn.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Trong sông Hằng có cát, Phật nói đó là cát chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai nói đó là cát.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Như trong một con sông Hằng có bao nhiêu cát, lại có số sông Hằng cũng nhiều như số cát ấy, lại có số thế giới Phật nhiều như số cát

KINH KIM CANG

trong tất cả những con sông Hằng đó, như vậy là nhiều chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, rất nhiều.”

Phật bảo *Tu-bồ-đề*: “Hết thấy chúng sanh trong số cõi Phật nhiều như vậy, nếu khởi tâm suy nghĩ, Như Lai đều biết. Vì sao vậy? Như Lai dạy rằng, các tâm đều là không phải tâm, nên gọi là tâm.

“Vì sao như thế? *Tu-bồ-đề!* Tâm quá khứ chẳng thể nắm bắt. Tâm hiện tại chẳng thể nắm bắt. Tâm vị lai chẳng thể nắm bắt.

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Nếu có người dùng bảy món báu đầy trong cõi ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí. Do nhân duyên ấy, được phước nhiều chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, quả đúng như vậy. Người ấy do nhân duyên bố thí, được phước rất nhiều.”

“*Tu-bồ-đề!* Nếu phước đức có thật, Như Lai chẳng nói là được nhiều phước đức. Vì phước đức không, nên Như Lai nói là được nhiều phước đức.

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy sắc thân đầy đủ thấy đó là Phật chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, chẳng được. Chẳng nên lấy sắc thân đầy đủ thấy là Như Lai. Vì sao vậy? Như Lai dạy rằng, sắc thân đầy đủ tức chẳng phải sắc thân đầy đủ, gọi là sắc thân đầy đủ.”

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Có thể dùng các tướng đầy đủ thấy là Như Lai chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, chẳng được. Chẳng nên dùng các tướng đầy đủ thấy là Như Lai. Vì sao vậy? Như Lai dạy

CHỮ KINH TẬP YẾU

rằng, các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, gọi là các tướng đầy đủ.”

“*Tu-bồ-đề!* Ông đừng cho rằng Như Lai có ý nghĩ này: Ta đang có chỗ thuyết pháp. Chớ nghĩ như thế. Vì sao vậy? Nếu có người nói Như Lai có chỗ thuyết pháp, tức là hủy báng Phật, chẳng thể hiểu được chỗ ta thuyết dạy.

“*Tu-bồ-đề!* Người thuyết pháp, chẳng pháp nào có thể thuyết, gọi là thuyết pháp.”

Bấy giờ, Huệ Mạng¹ *Tu-bồ-đề* bạch Phật: “Thế Tôn! Liệu có chúng sanh nào ở đời vị lai nghe thuyết pháp này sanh lòng tin theo chẳng?”

Phật dạy: “*Tu-bồ-đề!* Đó chẳng phải là chúng sanh, chẳng phải không là chúng sanh.

“Vì sao vậy? *Tu-bồ-đề!* Chúng sanh đó Như Lai dạy rằng chẳng phải chúng sanh, gọi là chúng sanh.”

Tu-bồ-đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Phật được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là không có chỗ được sao?”

Phật nói: “Đúng vậy, đúng vậy. *Tu-bồ-đề!* Ta đối với quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng có lấy một phần nhỏ pháp có thể được, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“Lại nữa, *Tu-bồ-đề!* Pháp này bình đẳng không có cao thấp, gọi tên là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trừ bỏ các tướng *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả* mà tu hết

¹ Một trong các danh hiệu của Trưởng lão Tu-bồ-đề (*Subhūti*). Những tên gọi khác theo Hán dịch là Thiện Nghiệp, Thiện Hiện, Thiện Cát.

KINH KIM CANG

thầy pháp lành, tức thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“*Tu-bồ-đề!* Chỗ nói là pháp lành, Như Lai dạy rằng chẳng phải pháp lành, gọi là pháp lành.

“*Tu-bồ-đề!* Như trong ba ngàn đại thiên thế giới có các núi chúa *Tu-di*, có người dùng bảy món báu tích tụ nhiều như các núi ấy mà bố thí. Lại có người lấy kinh *Bát-nhã Ba-la-mật* này, thậm chí chỉ bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói. Phước đức của người bố thí, so với người trì kinh thật trăm phần chẳng bì được một, trăm ngàn vạn ức phần, cho đến tính toán, thí dụ cũng chẳng thể theo kịp được.

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Các ông đừng cho rằng Như Lai có ý nghĩ này: Ta đang độ chúng sanh.

“*Tu-bồ-đề!* Chớ nghĩ như thế. Vì sao vậy? Thật không có chúng sanh nào được Như Lai độ. Nếu có chúng sanh được Như Lai độ, Như Lai tất có các tướng *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*.

“*Tu-bồ-đề!* Như Lai dạy rằng có *ngã*, tức chẳng phải có *ngã*, nhưng phạm phu cho là có *ngã*.

“*Tu-bồ-đề!* Phạm phu, Như Lai dạy rằng chẳng phải phạm phu.

“*Tu-bồ-đề!* Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy ba mươi hai tướng mà quán đó là Như Lai chẳng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Đúng vậy, đúng vậy. Lấy ba mươi hai tướng mà quán, đó là Như Lai.”

CHÚ KINH TẬP YẾU

Phật bảo *Tu-bồ-đề*: “Nếu lấy ba mươi hai tướng mà quán đó là Như Lai, vậy Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai.”¹

Tu-bồ-đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Theo như chỗ con hiểu nghĩa Phật thuyết dạy, chẳng nên lấy ba mươi hai tướng mà quán đó là Như Lai.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

“*Nếu dùng sắc thấy Ta,
Dùng âm thanh cầu Ta.
Là người hành tà đạo,
Chẳng thể thấy Như Lai.*”

“*Tu-bồ-đề!* Nếu ông khởi ý nghĩ rằng: Như Lai chẳng dùng các tướng đầy đủ mà được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. *Tu-bồ-đề!* Chớ nghĩ như thế. Chớ nghĩ rằng Như Lai chẳng dùng các tướng đầy đủ mà được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu ông khởi ý nghĩ rằng: Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thuyết giảng tướng đoạn diệt của các pháp. Chớ nghĩ như thế. Vì sao vậy? Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với pháp chẳng thuyết tướng đoạn diệt.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu *Bồ Tát* dùng bảy báu đầy trong những thế giới nhiều như cát sông Hằng mang ra bố thí. Lại có người hiểu biết hết thấy các pháp là *vô ngã* nên thành

¹ Vì Chuyển Luân Thánh Vương cũng có đủ ba mươi hai tướng tốt như Phật.

KINH KIM CANG

tự được hạnh nhân nhục. Công đức của người này vượt hơn vị *Bồ Tát* làm việc bố thí.

“Vì sao vậy? *Tu-bồ-đề!* Là vì các vị *Bồ Tát* chẳng thọ nhận phước đức.”

Tu-bồ-đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là *Bồ Tát* chẳng thọ nhận phước đức?”

“*Tu-bồ-đề!* *Bồ Tát* có làm việc phước đức đều chẳng nên tham trước. Nên nói là chẳng thọ nhận phước đức.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu có người nói: Như Lai có đến, hoặc có đi, hoặc có ngồi, hoặc có nằm. Người ấy thật chẳng hiểu nghĩa ta thuyết dạy. Vì sao vậy? Như Lai đó, chẳng từ đâu mà đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu có những kẻ nam người nữ lòng lạnh, lấy cả ba ngàn đại thiên thế giới nghiền nát thành vi trần. Ý ông nghĩ sao? Số vi trần ấy là nhiều chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao vậy? Nếu những vi trần này là thật có, Phật tất chẳng nói là vi trần. Vì sao như thế? Phật dạy rằng các vi trần, tức chẳng phải vi trần, gọi là vi trần.

“Thế Tôn! Chỗ Như Lai nói ba ngàn đại thiên thế giới, tức chẳng phải thế giới, gọi là thế giới.

“Vì sao vậy? Nếu thế giới là có thật, tức là một tướng hòa hợp. Như Lai dạy rằng một tướng hòa hợp tức chẳng phải một tướng hòa hợp, gọi là một tướng hòa hợp.”

“*Tu-bồ-đề!* Một tướng hòa hợp tức là chẳng thể nói ra. Chỉ vì kẻ phàm phu tham chấp nơi sự việc.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu có người nói rằng Phật thuyết dạy những kiến giải *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*. *Tu-bồ-*

CHỮ KINH TẬP YẾU

đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy có hiểu được nghĩa ta thuyết dạy chăng?”

“Bạch Thế Tôn, người ấy chẳng hiểu được nghĩa Như Lai thuyết dạy. Vì sao vậy? Thế Tôn dạy rằng những kiến giải *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*, chẳng phải là những kiến giải *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*, gọi là những kiến giải *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*.”

“*Tu-bồ-đề!* Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với hết thảy các pháp, nên thấy biết như thế này, tin hiểu như thế này, chẳng sanh khởi pháp tướng.

“*Tu-bồ-đề!* Chỗ nói là pháp tướng đó, Như Lai dạy rằng chẳng phải pháp tướng, gọi là pháp tướng.

“*Tu-bồ-đề!* Nếu có người dùng bảy món báu đầy khắp trong vô số *a-tăng-kỳ* thế giới mà bố thí. Lại có những kẻ nam người nữ lòng lành phát tâm *Bồ-đề*, giữ làm theo kinh này, thậm chí chỉ bốn câu kệ, thọ trì đọc tụng, vì người diễn thuyết, phước đức này hơn phước bố thí kia.

“Thế nào là vì người diễn thuyết? Chẳng chấp giữ nơi tướng, như như chẳng động. Vì sao vậy?

“*Hết thảy pháp hữu vi,
Như mộng ảo, bọt nước,
Như sương sa, điện chớp.
Nên quán sát như vậy.*”

KINH KIM CANG

Phật thuyết kinh này rồi, Trưởng lão *Tu-bồ-đề* cùng các vị *tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di*,¹ hết thảy thế gian, trời, người, *a-tu-la*, nghe Phật thuyết dạy đều hết sức hoan hỷ, tin nhận, vâng làm theo.

KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

¹ *Tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di*: gọi chung là Bốn chúng, tức là hàng đệ tử Phật. *Tỳ-kheo* và *tỳ-kheo ni* là hai chúng xuất gia. *Ưu-bà-tắc* và *ưu-bà-di* là hai chúng tại gia, tức là hàng cư sĩ nam và cư sĩ nữ.

ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA KINH
ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA KINH

(Tiêu Tề Thiên Trúc Sa-môn Đàm-ma-già-đà-da-xá dịch)

大乘無量義經

蕭齊天竺沙門曇摩伽陀耶舍譯

德行
品第一

如是我聞。一時佛在王舍城耆闍崛山中。與大比丘衆萬二千人俱。菩薩摩訶薩八萬人。天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽諸比丘比丘尼優婆塞優婆夷俱。大轉輪王小轉輪王。金輪銀輪諸轉輪王。國王王子國臣國民。國士國女國大長者。各與眷屬百千萬數而自圍遶。來詣佛所頭面禮足遶百千匝。燒香散華種種供養。供養佛已退一面坐。

ĐỨC HẠNH

PHẨM ĐỆ NHẤT

Như thị ngã văn. Nhất thời, Phật trụ Vương-xá thành, Kỳ-xà-quật sơn trung, dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu. Bồ Tát ma-ha-tát vạn nhân. Thiên, long, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hâu-la-già, chư tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, cập ưu-bà-tắc, ưu-bà-di câu. Đại Chuyển luân vương, Tiểu Chuyển luân vương, kim luân, ngân luân, chư luân chi vương, quốc vương, vương tử, quốc thần, quốc dân, quốc sĩ, quốc nữ, quốc đại trưởng giả, các dữ quyển thuộc bá thiên vạn số nhi tự vi nhiều, lai nghê Phật sở, đầu diện lễ túc nhiều bá thiên táp, thiêu hương, tán hoa, chủng chủng cúng dường. Cúng dường Phật dĩ, thối nhất diện tọa.

其菩薩名曰文殊師利法王子。大威德藏法王子。無憂藏法王子。大辯藏法王子。彌勒菩薩。導首菩薩。藥王菩薩。藥上菩薩。花幢菩薩。花光幢菩薩。陀羅尼自在王菩薩。觀世音菩薩。大勢至菩薩。常精進菩薩。寶印手菩薩。寶積菩薩。寶杖菩薩。越三界菩薩。毘摩跋羅菩薩。香象菩薩。大香象菩薩。師子吼王菩薩。師子遊戲世菩薩。師子奮迅菩薩。師子精進菩薩。勇銳力菩薩。師子威猛伏菩薩。莊嚴菩薩。大莊嚴菩薩。如是等菩薩摩訶薩，八萬人俱。

是諸菩薩。莫不皆是法身大士。戒定慧解脫解脫知見之所成就。其心禪寂常在三昧。恬安憚怕無為無欲。顛倒亂想不復得入。靜寂清澄志玄虛漠。守之不動億百千劫。無量法門悉現在前。得大智慧通達諸法。曉了分別性相真實。有無長短，明現顯白。

Kỳ *Bồ Tát* danh viết *Văn-thù-su-ly* Pháp vương tử, Đại Oai Đức Tạng Pháp vương tử, Vô Ưu Tạng Pháp vương tử, Đại Biện Tạng Pháp vương tử, Di-lặc *Bồ Tát*, Đạo Thủ *Bồ Tát*, Dược Vương *Bồ Tát*, Dược Thượng *Bồ Tát*, Hoa Tràng *Bồ Tát*, Hoa Quang *Bồ Tát*, Đà-la-ni Tự Tại Vương *Bồ Tát*, Quán Thế Âm *Bồ Tát*, Đại Thế Chí *Bồ Tát*, Thường Tinh Tấn *Bồ Tát*, Bảo Ấn Thủ *Bồ Tát*, Bảo Tích *Bồ Tát*, Bảo Trượng *Bồ Tát*, Việt Tam Giới *Bồ Tát*, Tỳ-ma-bạt-la *Bồ Tát*, Hương Tượng *Bồ Tát*, Đại Hương Tượng *Bồ Tát*, Sư Tử Hống Vương *Bồ Tát*, Sư Tử Du Hý Thế *Bồ Tát*, Sư Tử Phấn Tấn *Bồ Tát*, Sư tử Tinh Tấn *Bồ Tát*, Dũng Nhuệ Lực *Bồ Tát*, Sư Tử Oai Mãnh Phục *Bồ Tát*, Trang Nghiêm *Bồ Tát*, Đại Trang Nghiêm *Bồ Tát*. Như thị đẳng *Bồ Tát ma-ha-tát* bát vạn nhân câu.

Thị chư *Bồ Tát* mạc bất giai thị Pháp thân đại sĩ. Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến chi sở thành tựu. Kỳ tâm thiên tịch, thường tại *Tam-muội*, diêm an đạm bạc, vô vi vô dục, diên đảo loạn tướng bất phục đắc nhập. Tĩnh tịch thanh trừng, chí huyền hư mịch, thủ chí bất động, ức bá thiên kiếp. Vô lượng pháp môn tất hiện tại tiền. Đắc đại trí huệ, thông đạt chư pháp, hiểu liễu phân biệt tánh tướng chân thật, hữu, vô, trường, đoản, minh hiện hiển bạch.

CHỮ KINH TẬP YẾU

又能善知諸根性欲。以陀羅尼無礙辯才。
請佛轉法輪。隨順能轉。微涕先墮以淹欲
塵。開涅槃門扇解脫風。除世熱惱致法清
涼。次降甚深十二因緣。用灑無明老病死
等。猛盛熾然苦聚日光。

爾乃洪注無上大乘。潤漬衆生諸有善根。
布善種子遍功德田。普令一切發菩提萌。
智慧日月方便時節。扶疏增長大乘事業。
令衆疾成阿耨多羅三藐三菩提。常住快樂
微妙真實。無量大悲救苦衆生。

是諸衆生真善知識。是諸衆生大良福田。
是諸衆生不請之師。是諸衆生安隱樂處。
救處護處大依止處。處處為衆作大導師能
為生盲而作眼目。聾聵啞者作耳鼻舌。諸
根毀缺能令具足。顛狂荒亂作大正念。船
師大船師運載群生渡生死河。置涅槃岸。
醫王大醫王。分別病相曉了藥性。隨病授
藥令衆樂服。調御大調御。無諸放逸行。
猶如象馬師。能調無不調。

ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA KINH

Hựu thiện năng tri chư căn tánh dục, dĩ *đà-la-ni* vô ngại biện tài, thỉnh Phật Chuyển Pháp luân, tùy thuận năng chuyển. Vì trích tiên đạo, dĩ yêm dục trần. Khai *Niết-bàn* môn, phiền giải thoát phong, trừ thế nhiệt não, trí pháp thanh lương. Thứ giảng thậm thâm Thập nhị nhân duyên, dụng sái vô minh, lão, bệnh, tử đặng, mãn thành xí nhiên, khổ tụ nhật quang.

Nhĩ nãi hồng chú vô thượng Đại thừa, nhuận tí chúng sanh, chư hữu thiện căn. Bồ thiện chủng tử, biến công đức điền, phổ linh nhất thiết phát *Bồ-đề* manh. Trí huệ nhật nguyệt, phương tiện thời tiết phò sơ tăng trưởng Đại thừa sự nghiệp, linh chúng tât thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề*. Thường trụ khoái lạc, vi diệu, chân thật, vô lượng đại bi cứu khổ chúng sanh.

Thị chư chúng sanh chân thiện tri thức. Thị chư chúng sanh đại lương phước điền. Thị chư chúng sanh bất thỉnh chi sư. Thị chư chúng sanh an ổn lạc xứ, cứu xứ, hộ xứ, đại y chỉ xứ. Xứ xứ vị chúng tác đại lương đạo, đạo sư, đại đạo sư. Năng vị sanh manh, nhi tác nhãn mục. Lung, nghị, á giả, tác nhĩ, ty, thiết. Chư căn hủy khuyết, năng linh cụ túc. Điền cuồng hoang loạn, tác đại chánh niệm. Thuyền sư, đại thuyền sư vận tải quần sanh, độ sanh tử hà, trí *Niết-bàn* ngạn. Y vương, đại y vương, phân biệt bệnh tướng, hiểu liễu dược tánh, tùy bệnh thọ dược linh chúng lạc phục. Điều ngự, Đại điều ngự, vô chư phóng dật hạnh, do như tượng mã sư, năng điều vô bất điều.

師子勇猛威伏衆獸。難可沮壞。遊戲菩薩諸波羅蜜。於如來地堅固不動。安住願力廣淨佛國。不久得成阿耨多羅三藐三菩提。是諸菩薩摩訶薩。皆有如是不思議德。其比丘名曰大智舍利弗。神通目捷連。慧命須菩提。摩訶迦旃延。彌多羅尼子。富樓那。阿若憍陳如等。天眼阿那律。持律憂波離。侍者阿難。佛子羅云。憂波難陀。離婆多。劫賓那。薄拘羅。阿周陀。莎伽陀。頭陀大迦葉。憂樓頻螺迦葉。伽耶迦葉。那提迦葉。如是等比丘萬二千人。皆阿羅漢盡諸結漏無復縛著。真正解脫。爾時大莊嚴菩薩摩訶薩遍觀衆坐各定意已。與衆中八萬菩薩摩訶薩俱。從坐而起來詣佛所。頭面禮足遶百千匝。燒散天華天香天衣天瓔珞天無價寶。從上空中旋轉來下。四面雲集而獻於佛。天廚天鉢器。天百味充滿盈溢。見色聞香自然飽足。天幢天幡天幟蓋天妙樂具。處處安置作天伎樂。娛樂於佛。

Sư tử dũng mãnh, oai phục chúng thú, nan khả tư hoại. Du hý Bồ Tát chư Ba-la-mật. Ở Như Lai địa kiên cố bất động, an trụ nguyện lực, quảng tịnh Phật quốc, bất cửu đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Thị chư Bồ Tát Ma-ha-tát giai hữu như thị bất tư nghị đức.

Kỳ *tỳ-kheo* danh viết: Đại trí Xá-ly-phát, Thần thông Mục-kiền-liên, Huệ mạng Tu-Bồ-đề, Ma-ha Ca-chiên-diên, Di-đa-la-ni tử Phú-lâu-na, A-nhã Kiêu-trần-như đẳng, Thiên nhân A-na-luật, Trì luật Ưu-ba-ly, Thị giả A-nan, Phật tử La-vân, Ưu-ba-nan-đà, Ly-bà-đa, Kiếp-tân-na, Bạc-câu-la, A-châu-đa, Tá-già-đa, Đâu-đa Đại Ca-diếp, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp đẳng. Như thị *tỳ-kheo* vạn nhị thiên nhân, giai A-la-hán tận chư kết lậu, vô phục phược trước, chân chánh giải thoát.

Nhĩ thời, Đại Trang Nghiêm Bồ Tát ma-ha-tát biến quan chúng tọa, các định ý dĩ, dữ chúng trung bát vạn Bồ Tát ma-ha-tát câu, từng tòa nhi khởi, lai nghê Phật sở, đầu diện lễ túc, nhiễu bá thiên tấp, thiêu tán thiên hoa, thiên hương, thiên y, thiên anh lạc, thiên vô giá bảo, từng thượng không trung, triền chuyển lai há, tứ diện vân tập, nhi hiển ư Phật. Thiên trụ, thiên bát khí, thiên bá vị sung mãn doanh dật. Kiến sắc, văn hương, tự nhiên bảo túc. Thiên tràng, thiên phan, thiên hiên cái, thiên diệu nhạc cụ, xú xú an trí; tác thiên kỹ nhạc, ngâu lạc ư Phật.

即前胡跪，合掌一心俱共同聲說偈讚言。

大哉大悟大聖主
無垢無染無所著
天人象馬調御師
道風德香熏一切
智恬情怕慮凝靜
意滅識亡心亦寂
永斷夢妄思想念
無復諸大陰界入
其身非有亦非無
非因非緣非自他
非方非圓非短長
非出非沒非生滅
非造非起非為作
非坐非臥非行住
非動非轉非閑靜
非進非退非安危

Tức tiên hồ quỳ, hiệp chưởng nhất tâm, câu cộng đồng thính, thuyết kệ tán ngôn:

*Đại tai, đại ngộ, đại thánh chủ,
Vô cấu, vô nhiễm, vô sở trước.
Thiên nhân, tượng mã điều ngự sư,
Đạo phong, đức hương huân nhất thiết.*

*Trí diêm tình bạc, lự ngưng tĩnh,
Ý diệt thức vong, tâm diệt tịch;
Vĩnh đoạn mộng vọng tư tưởng niệm,
Vô phục chư đại, ám, giới, nhập.*

*Kỳ thân phi hữu diệc phi vô,
Phi nhân, phi duyên, phi tự tha,
Phi phương, phi viên, phi đoản trường,
Phi xuất, phi một, phi sanh diệt.*

*Phi tạo, phi khởi, phi vi tác,
Phi tọa, phi ngọa, phi hành trụ,
Phi động, phi chuyển, phi nhàn tĩnh,
Phi tấn, phi thoái, phi an nguy.*

非是非非非得失
非彼非此非去來
非青非黃非赤白
非紅非紫種種色
戒定慧解知見生
三明六通道品發
慈悲十力無畏起
衆生善業因緣出
示為丈六紫金暉
方整照曜甚明徹
毫相月旋項日光
旋髮紺青頂肉髻
淨眼明鏡上下眴
眉睫紺舒方口頰
脣舌赤好若丹果
白齒四十猶珂雪
額廣鼻脩面門開
胸表萬字師子臆
手足柔軟具千輻
腋掌合縵內外握

*Phi thị, phi phi, phi đắc thất,
Phi bỉ, phi thử, phi khứ lai;
Phi thanh phi hoàng, phi xích bạch,
Phi hồng phi tử, chủng chủng sắc.*

*Giới, Định, Huệ, Giải, Tri kiến sanh,
Tam minh, Lục thông, Đạo phẩm phát,
Từ bi, Thập lực, Vô úy khởi,
Chúng sanh thiện nghiệp nhân duyên xuất.*

*Thị vi trượng lục tử kim huy,
Phương chĩnh chiếu diệu thậm minh triệt;
Hào tướng nguyệt triền, hạng nhật quang,
Triền phát hám thanh, đỉnh nhục kế.*

*Tịnh nhãn minh cảnh thượng hạ huyễn,
Mi, tiếp hám thu, phương khẩu giáp;
Thần, thiết xích hảo nhược đơn quả,
Bạch xỉ tứ thập do kha tuyết.*

*Ngạch quảng, tử tu, diện môn khai,
Hung biểu vạn tự, sư tử úc,
Thủ, túc nhu nhuyễn cụ thiên phúc.
Dịch, chưởng hiệp mạn nội ngoại ác,*

臂臑肘長指直纖
皮膚細軟毛右旋
踝膝不現陰馬藏
細筋鎖骨鹿膊腸
表裏映徹淨無垢
淨水莫染不受塵
如是等相三十二
八十種好似可見
而實無相非相色
一切有相眼對絕
無相之相有相身
衆生身相相亦然
能令衆生歡喜禮
投心表敬誠慇懃
因是自高我慢除
成就如是妙色軀
我等八萬之等衆
俱共稽首咸歸命
善滅思想心意識
象馬調御無著聖

Tý, dong chầu trường, chỉ trực tiêm,
Bì phu tế nhuyễn, mao hữu triền;
Lỏa tất bất hiện, âm mã tàng,
Tế cân tỏa cốt, lộc đoan trường.

Biển lý ánh triệt tịnh vô cấu,
Tịnh thủy mạc nhiễm bất thọ trần;
Như thị đẳng tướng tam thập nhị,
Bát thập chủng hảo tự khả kiến.

Nhi thật vô tướng, phi tướng sắc,
Nhất thiết hữu tướng nhân đối tuyệt;
Vô tướng chi tướng, hữu tướng thân,
Chúng sanh thân tướng, tướng diệc nhiên.

Năng linh chúng sanh hoan hỷ lễ,
Đầu tâm biểu kính thành ân cần;
Nhân thị tự cao ngã mạn trừ,
Thành tựu như thị diệu sắc khu.

Ngã đẳng bát vạn chi đẳng chúng,
Câu cộng khể thủ hàm qui mạng;
Thiện diệt tư tưởng, tâm, ý, thức,
Tượng mã điều ngự Vô trước Thánh.

稽首歸依法色身
戒定慧解知見聚
稽首歸依妙種相
稽首歸依難思議
梵音雷震嚮八種
微妙清淨甚深遠
四諦六度十二緣
隨順衆生心業轉
有聞莫不心意開
無量生死衆結斷
有聞或得須陀洹
斯陀阿那阿羅漢
無漏無為緣覺處
無生無滅菩薩地
或得無量陀羅尼
無礙樂說大辯才
演說甚深微妙偈
遊戲澡浴法清池
或躍飛騰現神足
出沒水火身自由

*Khể thủ qui y Pháp sắc thân,
Giới, Định, Huệ, Giải, Tri kiến tụ.
Khể thủ qui y Diệu chủng tướng,
Khể thủ qui y nan tư nghị.*

*Phạm âm lôì chấn hưởng bát chủng,
Vi diệu, thanh tịnh, thậm thâm viển.
Tứ đế, Lục độ, Thập nhị duyên,
Tùy thuận chúng sanh tâm nghiệp chuyển.*

*Hữu văn mạc bất tâm ý khai,
Vô lượng sanh tử chúng kết đoạn.
Hữu văn hoặc đắc Tu-đà-hoàn,
Tư-đà, A-na, A-la-hán,*

*Vô lậu Vô vi Duyên giác xứ,
Vô sanh Vô diệt Bồ Tát Địa:
Hoặc đắc vô lượng đà-la-ni,
Vô ngại lạc thuyết đại biện tài.*

*Diễn thuyết thậm thâm vi diệu kệ,
Du hý, tảo dục pháp thanh trì;
Hoặc được, phi, đăng, hiện thân túc,
Xuất một thủy hỏa, thân tự do.*

如是法輪相如是
清淨無邊難思議
我等咸復共稽首
歸依法輪轉以時
稽首歸依梵音聲
稽首歸依緣諦度
世尊往昔無量劫
懃苦修習衆德行
為我人天龍神王
普及一切諸衆生
能捨一切諸難捨
財寶妻子及國城
於法內外無所吝
頭目髓腦悉施人
奉持諸佛清淨戒
乃至失命不毀傷
若人刀杖來加害
惡口罵辱終不瞋
歷劫挫身不倦惰
晝夜攝心常在禪

*Như thị Pháp luân tướng như thị,
Thanh tịnh vô biên, nan tư nghị.
Ngã đẳng hàm phục cộng khể thủ,
Qui y Pháp luân chuyển dĩ thời.*

*Khể thủ qui y phạm âm thanh,
Khể thủ qui y duyên đế độ;
Thế Tôn vãng tích vô lượng kiếp,
Cần khổ tu tập chúng đức hạnh.*

*Vị ngã nhân, thiên, long, thần vương,
Phổ cập nhất thiết chư chúng sanh;
Năng xả nhất thiết chư nan xả,
Tài bảo, thê tử cập quốc thành.*

*Ư pháp nội ngoại vô sở lận,
Đầu mục tử não tất thí nhân.
Phụng trì chư Phật thanh tịnh giới,
Nãi chí thất mạng bất hủy thương.*

*Nhược nhân đao trượng lai gia hại,
Ác khẩu mạ nhục chung bất sân;
Lịch kiếp tỏa thân bất quyện nọa,
Trú dạ nhiếp tâm thường tại thiên.*

遍學一切衆道法
智慧深入衆生根
是故今得自在力
於法自在為法王
我復咸共禮稽首
歸依能懃諸難懃

說法
品第二
(正宗)

爾時大莊嚴菩薩摩訶薩與八萬菩薩摩訶薩
。說是偈讚佛已俱白佛言。世尊。我等八
萬菩薩之衆。今者欲於如來法中有所諮問
。不審世尊。垂愍聽不。
佛告大莊嚴菩薩及八萬菩薩言。善哉善哉
善男子。善知是時。恣汝所問。如來不久
當般涅槃。涅槃之後普令一切無復餘疑。
欲何所問便可說也。

*Biến học nhất thiết chúng đạo pháp,
Trí huệ thâm nhập chúng sanh căn.
Thị cố kim đắc tự tại lực,
Ư pháp tự tại vi Pháp vương.
Ngã phục hàm cộng lễ khể thủ
Qui y năng cần chư nan cần.*

THUYẾT PHÁP
PHẨM ĐỆ NHỊ
(Chánh tông)

Nhĩ thời, Đại Trang Nghiêm Bồ Tát ma-ha-tát dữ
bát vạn Bồ Tát ma-ha-tát thuyết thị kệ tán Phật dĩ, câu
bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã đẳng bát vạn Bồ Tát
chi chúng, kim giả dục ư Như Lai pháp trung, hữu sở tư
vấn. Bất thãm Thế Tôn thùy mẫn thính phủ?”

Phật cáo Đại Trang nghiêm Bồ Tát cập bát vạn Bồ
Tát ngôn: “Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, thiện tri
thị thời, tứ như sở vấn. Như Lai bất cử đương bát Niết-
bàn. Niết-bàn chi hậu, phổ linh nhất thiết vô phục dư
nghĩ. Dục hà sở vấn tiện khả thuyết dã.”

於是大莊嚴菩薩與八萬菩薩。即共同聲白佛言。世尊。菩薩摩訶薩欲得疾成阿耨多羅三藐三菩提。應當修行何等法門。何等法門。能令菩薩摩訶薩疾成阿耨多羅三藐三菩提。

佛告大莊嚴菩薩及八萬菩薩言。善男子。有一法門。能令菩薩疾得阿耨多羅三藐三菩提。若有菩薩學是法門者。則能疾得阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。是法門者。號字何等其義云何。菩薩云何修行。

佛言。善男子。是一法門。名為無量義。菩薩欲得修學無量義者。應當觀察一切諸法。自本來今性相空寂。無大無小無生無滅。非住非動不進不退。猶如虛空無有二法。而諸衆生虛妄橫計。是此是彼是得是失。起不善念造衆惡業。輪迴六趣備諸苦毒。無量億劫不能自出。菩薩摩訶薩如是諦觀。生憐愍心發大慈悲將欲救拔。

Ư thị Đại Trang Nghiêm Bồ Tát dữ bát vạn Bồ Tát túc cộng đồng thỉnh bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát dục đắc tậ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề, ưng đương tu hành hà đẳng pháp môn? Hà đẳng pháp môn năng linh Bồ Tát ma-ha-tát tậ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề?”

Phật cáo Đại Trang Nghiêm Bồ Tát cập bát vạn Bồ Tát ngôn: “Thiện nam tử! Hữu nhất pháp môn năng linh Bồ Tát tậ đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Nhược hữu Bồ Tát học thị pháp môn giả, tắc năng tậ đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề.”

“Thế Tôn! Thị pháp môn giả hiệu tự hà đẳng? Kỳ nghĩa vân hà? Bồ Tát vân hà tu hành?”

Phật ngôn: “Thiện nam tử! Thị nhất pháp môn danh vi Vô lượng nghĩa. Bồ Tát dục đắc tu học Vô lượng nghĩa giả, ưng đương quán sát nhất thiết chư pháp, tự bản lai kim, tánh tướng không tịch, vô đại vô tiểu, vô sanh vô diệt, phi trụ phi động, bất tấn bất thoái, do như hư không. Vô hữu thị pháp, nhi chư chúng sanh hư vọng hoạnh kế: thị thử, thị bỉ, thị đắc, thị thất.

“Khởi bất thiện niệm, tạo chúng ác nghiệp: luân hồi Lục thú, bị chư khổ độc. Vô lượng ức kiếp, bất năng tự xuất. Bồ Tát ma-ha-tát như thị đế quan, sanh lân mẫn tâm, phát đại từ bi tương dục cứu bạt.

又復深入一切諸法。法相如是生如是法。法相如是住如是法。法相如是異如是法。法相如是滅如是法。法相如是能生惡法。法相如是能生善法。住異滅者亦復如是。菩薩如是觀察四相始末。悉遍知己。次復諦觀一切諸法。念念不住新新生滅。復觀即時生住異滅。如是觀已。而入衆生諸根性欲。性欲無量故。說法無量。說法無量故義亦無量。無量義者。從一法生。其一法者。即無相也。如是無相。無相不相。不相無相。名為實相。菩薩摩訶薩安住如是真實相已。所發慈悲明諦不虛。於衆生所真能拔苦。苦既拔已。復為說法令諸衆生受於快樂。善男子。菩薩若能如是修一法門無量義者。必得疾成阿耨多羅三藐三菩提。善男子。如是甚深無上大乘無量義經。文理真正尊無過上。三世諸佛所共守護。無有衆魔群道得入。不為一切邪見生死之所壞敗。

“Hựu phục thâm nhập nhất thiết chư pháp: pháp tướng như thị sanh như thị pháp; pháp tướng như thị trụ như thị pháp; pháp tướng như thị diệt như thị pháp; pháp tướng như thị năng sanh ác pháp; pháp tướng như thị năng sanh thiện pháp. Trụ, dị, diệt, giả, diệc phục như thị. *Bồ Tát* như thị quán sát tứ tướng thủy mặt, tất biến tri dĩ.

“Thứ phục đế quán nhất thiết chư pháp: niệm niệm bất trụ, tân tân sanh diệt. Phục quán tức thời sanh, trụ, dị, diệt. Như thị quán dĩ, nhi nhập chúng sanh chư căn tánh dục. Tánh dục vô lượng, cố thuyết pháp vô lượng. Thuyết pháp vô lượng, cố nghĩa diệc vô lượng.

Vô lượng nghĩa giả, tòng nhất pháp sanh. Kỳ nhất pháp giả, tức vô tướng dã. Như thị vô tướng, vô tướng bất tướng. Bất tướng vô tướng, danh vi thật tướng. *Bồ Tát ma-ha-tát* an trụ như thị chân thật tướng dĩ, sở phát từ bi, minh đế bất hư. Ủ chúng sanh sở, chân năng bạt khổ. Khổ ký bạt dĩ, phục vị thuyết pháp, linh chư chúng sanh thọ ư khoái lạc.

“Thiện nam tử! *Bồ Tát Ma-ha-tát* nhược năng như thị tu nhất pháp môn Vô lượng nghĩa giả, tất đắc tậ thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Như thị thậm thâm vô thượng *Đại thừa Vô lượng nghĩa Kinh*, văn lý chân chánh, tôn vô quá thượng. Tam thế chư Phật sở cộng thủ hộ. Vô hữu chúng ma quần đạo đắc nhập. Bất vi nhất thiết tà kiến sanh tử chi sở hoại bại.

是故善男子。菩薩摩訶薩，若欲疾成無上菩提。應當修學如是甚深無上大乘無量義經。

爾時大莊嚴菩薩復白佛言。世尊。世尊說法不可思議。衆生根性亦不可思議。法門解脫亦不可思議。我等於佛所說諸法。無復疑難。而諸衆生生迷惑心故重諮問。

世尊。自從如來得道已來四十餘年。常為衆生演說諸法四相之義。苦義空義無常無我。無大無小無生無滅。一切無相。法性法相本來空寂不來不去不出不沒。若有聞者。或得煖法頂法忍法世第一法須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道。發菩提心登第一地第二第三至第十地。往日所說諸法之義。與今所說有何等異。而言甚深無上大乘無量義經。菩薩修行必得疾成無上菩提。是事云何。唯願世尊。慈哀一切。廣為衆生而分別之。普令現在及未來世有聞法者無餘疑網。

Thị cố thiện nam tử! *Bồ Tát ma-ha-tát* nhược dục tậ thành Vô thượng *Bồ-đề*, ưng đương tu học như thị thậm thâm Vô thượng *Đại thừa Vô lượng nghĩa* Kinh.

Nhĩ thời, Đại Trang Nghiêm *Bồ Tát* phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thế Tôn thuyết pháp bất khả tư nghị. Chúng sanh căn tánh diệc bất khả tư nghị. Pháp môn giải thoát diệc bất khả tư nghị. Ngã đẳng ư Phật sở thuyết chư pháp, vô phục nghi nan. Nhi chư chúng sanh sanh mê hoặc tâm, cố trùng tư vấn.

“Thế Tôn! Tự từng Như Lai đắc đạo dĩ lai, tứ thập dư niên, thường vị chúng sanh, diễn thuyết chư pháp: Tứ tướng chi nghĩa: Khổ nghĩa, không nghĩa, vô thường, vô ngã, vô đại, vô tiểu, vô sanh, vô diệt, nhất tướng vô tướng, pháp tánh pháp tướng bổn lai không tịch, bất lai bất khứ, bất xuất bất một. Nhược hữu văn giả, hoặc đắc Noãn pháp, Đảnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp, *Tu-đà-hoàn* quả, *Tư-đà-hàm* quả, *A-na-hàm* quả, *A-la-hán* quả, Bích chi Phật đạo, phát *Bồ-đề* tâm, đẳng Đệ nhất địa, Đệ nhị địa, Đệ tam chí Đệ thập địa. Vãng nhật sở thuyết chư pháp chi nghĩa dĩ kim sở thuyết hữu hà đẳng dị nhi ngôn: Thậm thâm Vô thượng *Đại thừa Vô lượng nghĩa* Kinh, *Bồ Tát* tu hành, tậ đắc tậ thành Vô thượng *Bồ-đề*? Thị sự vân hà? Duy nguyện Thế Tôn từ ai nhất thiết, quảng vị chúng sanh nhi phân biệt chi, phổ linh hiện tại cập vi lai thế hữu văn pháp giả, vô dư nghi võng.

於是佛告大莊嚴菩薩。善哉善哉大善男子。能問如來如是甚深無上大乘微妙之義。當知汝能多所利益。安樂人天拔苦衆生。真大慈悲信實不虛。以是因緣必得疾成無上菩提。亦令一切今世來世諸有衆生得成無上菩提。

善男子。自我道場菩提樹下端坐六年。得成阿耨多羅三藐三菩提。以佛眼觀一切諸法不可宣說。所以者何。以諸衆生性欲不同。性欲不同種種說法。種種說法以方便力。四十餘年未曾顯實。是故衆生得道差別。不得疾成無上菩提。

善男子。法譬如水能洗垢穢若井若池若江若河溪渠大海。皆悉能洗諸有垢穢。其法水者亦復如是。能洗衆生諸煩惱垢。

善男子。水性是一。江河井池溪渠大海。各各別異。其法性者亦復如是。洗除塵勞等無差別。三法四果二道不一。

Ư thị, Phật cáo Đại Trang Nghiêm Bồ Tát: Thiện tai, thiện tai! Đại thiện nam tử! Năng vấn Như Lai như thị thậm thâm vô thượng Đại thừa vi diệu chi nghĩa! Đương tri nhữ năng đa sở lợi ích an lạc nhân thiên, bạt khổ chúng sanh, chân đại từ bi, tín thật bất hư. Dĩ thị nhân duyên, tất đắc tột thành Vô thượng Bồ-đề, diệt linh nhất thiết kim thể, lai thế chư hữu chúng sanh đắc thành Vô thượng Bồ-đề.

Thiện nam tử! Tự ngã đạo tràng Bồ-đề thọ hạ, đoan tọa lục niên, đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề, dĩ Phật nhãn quán nhất thiết chư pháp bất khả tuyên thuyết. Sở dĩ giả hà? Dĩ chư chúng sanh tánh dục bất đồng, chủng chủng thuyết pháp. Dĩ phương tiện lực, tứ thập dư niên vị hiển chân thật. Thị cố chúng sanh đắc đạo sai biệt, bất đắc tột thành Vô thượng Bồ-đề.

Thiện nam tử! Pháp tử như thủy, năng tẩy cấu uế. Nhược tỉnh, nhược trì, nhược giang, nhược hà, Khê, cừ, đại hải, giai tất năng tẩy chư hữu cấu uế. Kỳ pháp thủy giả diệt phục như thị, năng tẩy chúng sanh chư phiền não cấu.

Thiện nam tử! Thủy tánh thị nhất. Giang, hà, tỉnh, trì, Khê, cừ, đại hải các các biệt dị. Kỳ pháp tánh giả diệt phục như thị, tẩy trừ trần lao, đẳng vô sai biệt. Tam pháp, Tứ quả, Nhị đạo bất nhất.

CHỮ KINH TẬP YẾU

善男子。水雖俱洗。而并非池。池非江河。溪渠非海。如來世雄於法自在。所說諸法亦復如是。初中後說。皆能洗除衆生煩惱。而初非中。而中非後。初中後說。文辭雖一而義各異。

善男子。我起樹王詣波羅奈鹿野園中。為阿若拘鄰等五人轉四諦法輪時。亦說諸法本來空寂代謝不住念念生滅。

中間於此及以處處為諸比丘并衆菩薩。辯演宣說十二因緣六波羅蜜。亦說諸法本來空寂代謝不住念念生滅。

今復於此演說大乘無量義經。亦說諸法本來空寂代謝不住念念生滅。

善男子。是故初說中說今說。文辭是一而義別異。義異故。衆生解異。解異故。得法得果得道亦異。

善男子。初說四諦。為求聲聞人。而八億諸天來下聽法。發菩提心。

ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA KINH

Thiện nam tử! Thủy tuy câu tẩy, nhi tinh phi trì, trì phi giang hà, kê cừ phi hải. Như Lai thế hùng ư pháp tự tại, sở thuyết chư pháp, diệc phục như thị. Sơ, trung hậu thuyết giai năng tẩy trừ chúng sanh phiền não. Nhi sơ phi trung, nhi trung phi hậu. Sơ trung, hậu thuyết, văn từ tuy nhất, nhi nghĩa các dị.

Thiện nam tử! Ngã khởi thọ vương, nghệ Ba-la-nại, Lộc dã viên trung, vị A-nhã Câu-lân đảnh ngũ nhân chuyển Tứ đế pháp luân thời. Diệc thuyết chư pháp bốn lai không tịch, đại tạ bất trụ niệm niệm sanh diệt.

Trung gian ư thử cập dĩ xứ xứ, vị chư *tỳ-kheo* tinh chúng *Bồ Tát*, biện diễn tuyên thuyết Thập nhị nhân duyên, Lục *Ba-la-mật*. Diệc thuyết chư pháp bốn lai không tịch, đại tạ bất trụ niệm niệm sanh diệt.

Kim phục ư thử, diễn thuyết *Đại thừa Vô lượng nghĩa* Kinh. Diệc thuyết chư pháp, bốn lai không tịch, đại tạ bất trụ, niệm niệm sanh diệt.

Thiện nam tử! Thị cố sơ thuyết, trung thuyết, kim thuyết, văn từ thị nhất, nhi nghĩa biệt dị. Nghĩa dị cố, chúng sanh giải dị. Giải dị cố, đắc pháp, đắc quả, đắc đạo diệc dị.

Thiện nam tử! Sơ thuyết Tứ đế, vị cầu Thanh văn nhân, nhi bát ức chư thiên lai há thính pháp, phát *Bồ-đề* tâm.

CHỮ KINH TẬP YẾU

中於處處演說甚深十二因緣。為求辟支佛人。而無量衆生發菩提心。

或住聲聞。次說方等十二部經摩訶般若華嚴海空。演說菩薩歷劫修行。而百千比丘萬億人天無量得須陀洹得斯陀含得阿那含得阿羅漢。住辟支佛因緣法中。

善男子。以是義故。故知說同而義別異。義異故。衆生解異。解異故。得法得果得道亦異。

是故善男子。自我得道初起說法至于今日。演說大乘無量義經。未曾不說苦空無常無我。非真非假非大非小本來不生。今亦不滅一相無相。法相法性不來不去。而衆生四相所遷。

善男子。以是義故。諸佛無有二言。能以一音普應衆聲。能以一身。示百千萬億那由他無量無數恒河沙身。一一身中。又示若干百千萬億那由他阿僧祇恒河沙種種類形。一一形中。又示若干百千萬億那由他阿僧祇恒河沙形。

ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA KINH

Trung ư xứ xứ, diễn thuyết thậm thậm Thập nhị nhân duyên, vị cầu *Bích-chi* Phật nhân, nhi vô lượng chúng sanh phát *Bồ-đề* tâm,

Hoặc trụ Thanh văn, thứ thuyết Phương đẳng Thập nhị bộ kinh, *Ma-ha* Bát-nhã, Hoa nghiêm Hải không, tuyên thuyết *Bồ Tát* lịch kiếp tu hành, nhi bá thiên *tỳ-kheo*, vạn ức nhân thiên, vô lượng chúng sanh đắc *Tu-đà-hoàn*, *Tư-đà-hàm*, *A-na-hàm*, *A-la-hán* quả, trụ *Bích-chi* Phật nhân duyên pháp trung.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, cố tri thuyết đồng, nhi nghĩa biệt dị. Nghĩa dị cố, chúng sanh giải dị. Giải dị cố, đắc pháp, đắc quả, đắc đạo diệt dị.

Thị cố, thiện nam tử! Tự ngã đắc đạo, sơ khởi thuyết pháp chí vu kim nhật diễn thuyết *Đại thừa Vô lượng nghĩa* Kinh, vị tăng bất thuyết khổ, không, vô thường, vô ngã, phi chân phi giả, phi đại phi tiểu, bốn lai bất sanh, kim diệt bất diệt, nhất tướng vô tướng, pháp tướng pháp tánh bất lai bất khứ, nhi chúng sanh tứ tướng sở thiên.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, chư Phật vô hữu nhị ngôn. Năng dĩ nhất âm, phổ ứng chúng thanh, năng dĩ nhất thân, thị bá thiên vạn ức *na-do-tha* vô lượng vô số Hằng hà sa thân. Nhất nhất thân trung hựu thị nhược can bá thiên vạn ức *na-do-tha a-tăng-kỳ* Hằng hà sa chủng chủng loại hình. Nhất nhất hình trung hựu thị nhược can bá thiên vạn ức *na-do-tha a-tăng-kỳ* Hằng hà sa hình.

善男子。是則諸佛不可思議甚深境界。非二乘所知。亦非十住菩薩所及。唯佛與佛乃能究了。

善男子。是故我說微妙甚深無上大乘無量義經。文理真正尊無過上。三世諸佛所共守護。無有衆魔外道得入。不為一切邪見生死之所壞敗。菩薩摩訶薩若欲疾成無上菩提。應當修學如是甚深無上大乘無量義經。

佛說是已。於是三千大千世界六種震動。自然空中雨種種花。天憂鉢羅華鉢曇摩華拘物頭華分陀利華。又雨無數種種天香天衣天瓔珞天無價寶。於上空中展轉來下。供養於佛及諸菩薩聲聞大衆。天廚天鉢器。天百味充滿盈溢。天幢天幡天幟蓋天妙樂具處處安置。作天伎樂歌歎於佛。

Thiện nam tử! Thị tắc chư Phật bất khả tư nghị thậm thâm cảnh giới. Phi Nhị thừa sở tri, diệc phi Thập trụ *Bồ Tát* sở cập. Duy Phật dữ Phật nãi năng cứu liễu.

Thiện nam tử! Thị cố ngã thuyết vi diệu thậm thâm Vô thượng *Đại thừa Vô lượng nghĩa* Kinh, văn lý chân chánh, tôn vô quá thượng. Tam thế chư Phật sở cộng thủ hộ. Vô hữu chúng ma ngoại đạo đắc nhập. Bất vi nhất thiết tà kiến sanh tử chi sở hoại bại. *Bồ Tát ma-ha-tát* nhược dục tột thành Vô thượng *Bồ-đề*, ưng đương tu học như thị thậm thâm Vô thượng *Đại thừa Vô lượng nghĩa* Kinh.

Phật thuyết thị dĩ, ư thị tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động. Tự nhiên không trung vũ chủng chủng hoa: thiên *ưu-bát-la* hoa, *bát-đàm-ma* hoa, *câu-vật-đầu* hoa, *phân-đà-ly* hoa. Hựu vũ vô số chủng chủng thiên hương, thiên y, thiên anh lạc, thiên vô giá bảo. Ứ thượng không trung triển chuyển lai há, cúng dường ư Phật cập chư *Bồ Tát* Thanh văn Đại chúng, thiên trù, thiên bát khí, thiên bá vị sung mãn doanh dật. Thiên tràng, thiên phan, thiên hiên cái, thiên diệu nhạc cụ xứ xứ an trí, tác thiên kỹ nhạc, ca tán ư Phật.

又復六種震動。東方恒河沙等諸佛世界。亦雨天華天香天衣天瓔珞天無價寶。天廚天鉢器天百味。天幢天幡天幟蓋天妙樂具作天伎樂。歌歎彼佛及彼菩薩聲聞大眾。南西北方四維上下亦復如是。於是眾中三萬二千菩薩摩訶薩得無量義三昧。三萬四千菩薩摩訶薩得無數無量陀羅尼門。能轉一切三世諸佛不退轉法輪。其諸比丘比丘尼優婆塞優婆夷。天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽。大轉輪王小轉輪王銀輪鐵輪諸轉輪王。國王王子國臣國民。國士國女國大長者。及諸眷屬百千眾俱。聞佛如來說是經時。或得煖法頂法世間第一法須陀洹果。斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛果。又得菩薩無生法忍。又得一陀羅尼又得二陀羅尼。又得三陀羅尼。又得四陀羅尼五六七八九十陀羅尼。又得百千萬億陀羅尼。又得無量無數恒河沙阿僧祇陀羅尼。皆能隨順轉不退轉法輪。無量眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

Hựu phục lục chủng chấn động. Đông phương Hằng hà sa đẳng Phật thế giới diệc vũ thiên hoa, thiên hương, thiên y, thiên anh lạc, thiên vô giá bảo, thiên trù, thiên bát khí, thiên bá vị, thiên tràng, thiên phan, thiên hiên cái, thiên diệu nhạc cụ, tác thiên kỹ nhạc, ca thán bỉ Phật cập Bồ Tát Thanh văn Đại chúng. Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, Thượng, Hạ diệc phục như thị. Ủ thị chúng trung, tam vạn nhị thiên Bồ Tát ma-ha-tát đắc Vô lượng nghĩa Tam-muội. Nhị vạn tứ thiên Bồ Tát ma-ha-tát đắc vô lượng vô số đà-la-ni môn, năng chuyển nhất thiết tam thế chư Phật Bất thối pháp luân. Kỳ chư tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, long, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, Đại Chuyển luân vương, Tiểu chuyển luân vương, ngân luân, thiết luân, chư luân chi vương, quốc vương, vương tử, quốc thân, quốc dân, quốc sĩ, quốc nữ, quốc đại trưởng giả cập chư quyến thuộc bá thiên chúng câu, văn Phật sở thuyết như thị kinh thời, hoặc đắc Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhân pháp, Thế gian đệ nhất pháp, Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, Bích-chi Phật quả. Hựu đắc Bồ Tát Vô sanh pháp Nhân. Hựu đắc nhất đà-la-ni. Hựu đắc nhị đà-la-ni. Hựu đắc tam đà-la-ni. Hựu đắc tứ đà-la-ni, ngũ, lục, thất, bát, cửu, thập đà-la-ni. Hựu đắc bá thiên vạn ức đà-la-ni. Hựu đắc vô lượng vô số Hằng hà a-tăng-kỳ đà-la-ni, giai năng tùy thuận chuyển Bất thối chuyển pháp luân. Vô lượng chúng sanh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề tâm.

十功德
品第三

爾時大莊嚴菩薩摩訶薩復白佛言。世尊。世尊說是微妙甚深無上大乘無量義經。真實甚深甚深甚深。所以者何。於此衆中。諸菩薩摩訶薩及諸四衆。天龍鬼神國王臣民諸有衆生聞是甚深無上大乘無量義經。無不獲得陀羅尼門。三法四果菩提之心。當知此經。文理真正尊無過上。三世諸佛之所守護。無有衆魔群道得入。不為一切邪見生死之所壞敗。所以者何。一聞能持一切法故。若有衆生得聞是經。則為大利。所以者何。若能修行。必得疾成阿耨多羅三藐三菩提。其有衆生不得聞者。當知是等為失大利。過無量無邊不可思議阿僧祇劫。終不得成阿耨多羅三藐三菩提。所以者何。不知菩提大道直故行於險徑多留難故。

THẬP CÔNG ĐỨC
PHẨM ĐỆ TAM

Nhĩ thời, Đại Trang Nghiêm Bồ Tát Ma-ha-tát phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thế Tôn thuyết thị vi diệu thậm thâm Vô thượng Đại thừa Vô lượng nghĩa Kinh chân thật thậm thâm! Thậm thâm, thậm thâm! Sở dĩ giả hà? Ư thử chúng trung, chư Bồ Tát ma-ha-tát cập chư tứ chúng, thiên, long, quỷ, thần, quốc vương, thần dân, chư hữu chúng sanh văn thị thậm thâm Vô thượng Đại thừa Vô lượng nghĩa Kinh, vô bất hoạch đắc Đà-la-ni môn, Tam pháp, Tứ quả, Bồ-đề chi tâm.

“Đương tri thử pháp văn lý chân chánh, tôn vô quá thượng, tam thế chư Phật chi sở thủ hộ. Vô hữu chúng ma quân đạo đắc nhập. Bất vi nhất thiết tà kiến sanh tử chi sở hoại bại. Sở dĩ giả hà? Nhất văn năng trì nhất thiết pháp cố. Nhược hữu chúng sanh năng văn thị kinh, tác vi đại lợi. Sở dĩ giả hà? Nhược năng tu hành tất đắc tột thành Vô thượng Bồ-đề. Kỳ hữu chúng sanh bất đắc văn giả, đương tri thị đẳng vi thất đại lợi. Quá vô lượng vô biên bất bất khả tư nghị a-tăng-kỳ kiếp, chung bất đắc thành vô thượng Bồ-đề. Sở dĩ giả hà? Bất tri Bồ-đề đại đạo trực cố, hành ư hiểm kính, đa lưu nạn cố.

世尊。是經典者不可思議。唯願世尊。廣為大衆慈哀敷演是經甚深不思議事。

世尊。是經典者。從何所來。去何所至。住何所住。乃有如是無量功德不思議力。令衆疾成阿耨多羅三藐三菩提。

爾時世尊告大莊嚴菩薩摩訶薩言。善哉善哉善男子。如是如是如汝所言。善男子。我說是經甚深甚深真實甚深。所以者何。令衆疾成阿耨多羅三藐三菩提故。一聞能持一切法故。於諸衆生大利益故。行大直道無留難故。

善男子。汝問是經。從何所來，去至何所，住何所住者。當善諦聽。

善男子。是經本從諸佛宮宅中來。去至一切衆生發菩提心。住諸菩薩所行之處。

善男子。是經。如是來如是去如是住。是故此經。能有如是無量功德不思議力。令衆疾成無上菩提。

善男子。汝寧欲聞是經復有十不思議功德力不。

“Thế Tôn! Thị kinh diễn giả bất khả tư nghị. Duy nguyện Thế Tôn quảng vị đại chúng, từ ai phu diễn thị kinh thậm thâm bất tư nghị sự.

“Thế Tôn! Thị kinh diễn giả tòng hà sở lai? Khứ hà sở chí? Trụ hà sở trụ? Nãi hữu như thị vô lượng công đức, bất tư nghị lực, linh chúng tạt thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề*?”

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Đại Trang Nghiêm *Bồ Tát ma-ha-tát* ngôn: “Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Như thị, như thị. Như nhữ sở ngôn. Thiện nam tử! Ngã thuyết thị kinh thậm thâm thậm thâm, chân thật thậm thâm! Sở dĩ giả hà? Linh chúng tạt thành vô thượng *Bồ-đề* cố. Nhất văn năng trì nhất thiết pháp cố, ư chư chúng sanh đại lợi ích cố, hành đại trực đạo, vô lưu nạn cố.

“Thiện nam tử! Nhữ vấn thị kinh tòng hà sở lai, khứ chí hà sở, trụ hà sở trụ giả. Đương thiện đế thỉnh.

“Thiện nam tử! Thị kinh bản tòng chư Phật cung trạch trung lai, khứ chí nhất thiết chúng sanh phát *Bồ-đề* tâm, trụ chư *Bồ Tát* sở trụ chi xứ.

“Thiện nam tử! Thị kinh như thị lai, như thị khứ, như thị trụ. Thị cố thử kinh năng hữu như thị vô lượng công đức, bất tư nghị lực, linh chúng tạt thành Vô thượng *Bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Nhữ ninh dục văn thị kinh phục hữu thập bất tư nghị công đức lực phủ?”

大莊嚴菩薩言。願樂欲聞。
佛言。善男子。第一，是經能令菩薩未發心者，發菩提心。無慈仁者，起慈仁心。好殺戮者，起大悲心。生嫉妒者，起隨喜心。有愛著者，起能捨心。諸慳貪者，起布施心。多憍慢者，起持戒心。瞋恚盛者，起忍辱心。生懈怠者，起精進心。諸散亂者，起禪定心。於愚癡者，起智慧心。未能度彼者，起度彼心。行十惡者，起十善心。樂有為者，志無為心。有退心者，作不退心。為有漏者，起無漏心。多煩惱者，起除滅心。
善男子。是名是經第一功德不思議力。
善男子。第二，是經不可思議功德力者，若有衆生得是經者。若一轉，若一偈，乃至一句，則能通達百千億義。無量數劫不能演說所受持法。所以者何。以其是法義無量故。

Đại Trang Nghiêm *Bồ Tát* ngôn: “Nguyện nhạo dục văn.”

Phật ngôn: “Thiện nam tử! Đệ nhất, thị kinh năng linh *Bồ Tát* vị phát tâm giả, phát *Bồ-đề* tâm. Vô từ nhân giả, khởi từ nhân tâm. Háo sát lục giả, khởi đại bi tâm. Sanh tạt đố giả, khởi tùy hỷ tâm. Hữu ái trước giả, khởi năng xả tâm. Chư khan tham giả, khởi bố thí tâm. Đa kiêu mạn giả, khởi trì giới tâm. Sân nhuế thanh giả, khởi nhẫn nhục tâm. Sanh giải đãi giả, khởi tinh tấn tâm. Chư tán loạn giả, khởi thiên định tâm. Ư ngu si giả, khởi trí huệ tâm. Vị năng độ bỉ giả, khởi độ bỉ tâm. Hành thập ác giả, khởi thập thiện tâm. Nhạo hữu vi giả, chí vô vi tâm. Hữu thói tâm giả, tác bất thói tâm. Vi hữu lậu giả, khởi vô lậu tâm. Đa phiền não giả, khởi trừ diệt tâm.

“Thiện nam tử! Thị danh thị kinh đệ nhất công đức bất tư nghị lực.

“Thiện nam tử! Đệ nhị, thị kinh bất khả tư nghị công đức lực giả, nhược hữu chúng sanh đắc văn thị kinh giả, nhược nhất chuyển, nhược nhất kệ, nãi chí nhất cú, tác năng thông đạt bá, thiên, ức nghĩa. Vô lượng số kiếp, bất năng diễn thuyết sở thọ trì pháp. Sở dĩ giả hà? Dĩ kỳ thị pháp nghĩa vô lượng cố.

善男子。是經譬如從一種子生百千萬。百千萬中。一一復生百千萬數。如是展轉乃至無量。是經典者亦復如是。從於一法生百千義。百千義中。一一復生百千萬數。如是展轉。乃至無量無邊之義。是故此經。名無量義。

善男子。是名是經第二功德不思議力。善男子。第三是經不可思議功德力者。若有衆生得聞是經。若一轉若一偈乃至一句。通達百千萬億義已。雖有煩惱如無煩惱。出生入死無怖畏想。於諸衆生憐愍心。於一切法得勇健想。如壯力士能擔能持諸有重者。是持經人亦復如是。能荷無上菩提重任。擔負衆生出生死道。未能自度已能度彼。猶如船師身嬰重病。四體不御安止此岸。有好堅牢船舟。常辦諸度彼者之具。給與而去。是持經者亦復如是。雖嬰五道諸有之身百八重病常恒相纏。安止無明老死此岸。而有堅牢此大乘經無量義辦。能度衆生。衆生如說行者得度生死。

“Thiện nam tử! Thị kinh tử như tùng nhất chủng tử sanh bá thiên vạn số. Như thị triển chuyển nãi chí vô lượng. Thị kinh diễn giả diệc phục như thị. Tùng nhất pháp sanh bá thiên nghĩa. Bá thiên nghĩa trung, nhất nhất nghĩa phục sanh bá thiên vạn số. Như thị triển chuyển nãi chí vô lượng, vô biên chi nghĩa. Thị cố thử kinh danh Vô lượng nghĩa.

“Thiện nam tử! Thị danh thị kinh đệ nhị công đức bất tư nghị lực.

“Thiện nam tử! Đệ tam thị kinh bất khả tư nghị công đức lực giả, nhược hữu chúng sanh đắc văn thị kinh, nhược nhất chuyển, nhược nhất kệ, nãi chí nhất cú, thông đạt bá thiên vạn ức nghĩa dĩ, tuy hữu phiền não, như vô phiền não, xuất sanh nhập tử, vô bố úy tưởng. Ư chư chúng sanh, sanh lân mẫn tưởng. Ư nhất thiết pháp, đắc dũng kiện tưởng, như tráng lực sĩ năng đảm năng trì chư hữu trọng giả. Thị trì kinh nhân diệc phục như thị. Năng hà vô lượng Bồ-đề trọng nhậm, đảm phụ chúng sanh xuất sanh tử đạo. Vị năng tự độ, dĩ năng độ tha. Do như thuyền sư, thân anh trọng bệnh, tứ thể bất ngự, an chỉ thử ngạn, hữu hảo kiên lao châu thuyền thường biện chư độ bỉ giả chi cụ, cấp dữ nhi khứ. Thị trì kinh giả diệc phục như thị. Tuy anh ngũ đạo chư hữu chi thân, bá bát trọng bệnh thường hằng tương triền; an chỉ vô minh, lão, tử thử ngạn, nhi hữu kiên lao thử Đại thừa kinh Vô lượng nghĩa biện, năng độ chúng sanh. Chúng sanh như thuyết hành giả, đắc độ sanh tử.

善男子。是名是經第三功德不思議力。
善男子。第四是經不可思議功德力者。若有衆生得聞是經。若一轉若一偈乃至一句。得勇健想。雖未自度而能度他。與諸菩薩以為眷屬。諸佛如來。常向是人而演說法。是人聞已。悉能受持隨順不逆。轉復為人隨宜廣說。

善男子。是人譬如國王夫人新生王子。若一日若二日若至七日。若一月若二月若至七月。若一歲若二歲若至七歲。雖復不能領理國事。已為臣民之所宗敬。諸大王子以為伴侶。王及夫人。愛心偏重常與共語。所以者何。以稚小故。

善男子。是持經者亦復如是。諸佛國王是經夫人。和合共生是菩薩子。

“Thiện nam tử! Thị danh thị kinh đệ tam công đức bất tư nghị lực.

“Thiện nam tử! Đệ tứ thị kinh bất khả tư nghị công đức lực giả, nhược hữu chúng sanh đắc văn thị kinh nhược nhất chuyển, nhược nhất kệ, nãi chí nhất cú, đắc dũng kiện tướng. Tuy vị tự độ, nhi năng độ tha. Dĩ chư Bồ Tát dĩ vi quyến thuộc. Chư Phật Như Lai thường hương thị nhân nhi diễn thuyết pháp. Thị nhân văn dĩ, tất năng thọ trì, tùy thuận bất nghịch, chuyển phục vị nhân tùy nghi quảng thuyết.

“Thiện nam tử! Thị nhân tử như quốc vương phu nhân tân sanh vương tử. Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược chí thất nhật, nhược nhất ngoạt, nhược nhị ngoạt, nhược chí thất ngoạt, nhược nhất tuế, nhược nhị tuế, nhược chí thất tuế, tuy phục bất năng lãnh lý quốc sự, dĩ vi thân dân chi sở tôn kính. Chư đại vương tử dĩ vi bạn lữ. Vương cập phu nhân ái tâm thiên trọng, thường dĩ cộng ngữ. Sở dĩ giả hà? Dĩ trĩ tiểu cố.

Thiện nam tử! Thị trì kinh giả diệc phục như thị. Chư Phật quốc vương, thị kinh phu nhân hòa hiệp cộng sanh thị Bồ Tát tử.

CHỮ KINH TẬP YẾU

若是菩薩得聞是經。若一句若一偈。若一轉若二轉。若十若百若千若萬。若億萬億若恒河沙。無量無數轉。雖復不能體真理極。雖復不能震動三千大千國土雷震梵音轉大法輪。已為一切四眾八部之所宗仰。諸大菩薩以為眷屬。深入諸佛祕密之法。所可演說無違無失。常為諸佛之所護念。慈愛偏覆。以新學故。

善男子。是名是經第四功德不思議力。

善男子。第五是經不可思議功德力者。若善男子，善女人，若佛在世，若滅度後，其有受持，讀誦，書寫如是甚深無上大乘無量義經。是人雖復具縛煩惱未能遠離諸凡夫事。而能示現大菩提道。延於一日以為百劫。百劫亦能促為一日。令彼眾生歡喜信伏。

善男子。是善男子善女人。譬如龍子始生七日。即能興雲亦能降雨。

善男子。是名是經第五功德不思議力。

ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA KINH

“Nhược thị *Bồ Tát* đắc văn thị kinh nhược nhất cú, nhược nhất kệ, nhược nhất chuyển, nhược nhị chuyển, nhược thập, nhược bá, nhược thiên, nhược vạn, nhược ức vạn Hằng hà sa số chuyển, tuy phục bất năng thể chân lý cực, tuy phục bất năng chấn động tam thiên đại thiên quốc độ, lôi chấn Phạm âm, chuyển Đại pháp luân, dĩ vi nhất thiết Tứ chúng, Bát bộ chi sở tôn ngưỡng. Chư Đại *Bồ Tát* dĩ vi quyển thuộc. Thâm nhập chư Phật bí mật chi pháp, sở khả diễn thuyết vô vi, vô thất, thường vi chư Phật chi sở hộ niệm, từ ái thiên phúc. Dĩ tân học cố.

“Thiện nam tử! Thị danh thị kinh đệ tứ công đức bất tư nghị lực.

“Thiện nam tử! Đệ ngũ, thị kinh bất khả tư nghị công đức lực giả, nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân nhược Phật tại thế, nhược diệt độ hậu, kỳ hữu thọ trì, độc tụng, thơ tả như thị thậm thâm Vô thượng *Đại thừa Vô lượng nghĩa* Kinh, thị nhân tuy phục cụ phược phiền não, vị năng viễn ly chư phàm phu sự, nhi năng thị hiện đại *Bồ-đề* đạo. Diên ư nhất nhật, dĩ vi bá kiếp, bá kiếp diệc năng xúc vi nhất nhật, linh bỉ chúng sanh hoan hỷ tín phục.

“Thiện nam tử! Thị Thiện nam tử, thiện nữ nhân tử như long tử thủy sanh thất nhật, tức năng hưng vân, diệc năng giáng vũ.

“Thiện nam tử! Thị danh thị kinh đệ ngũ công đức bất tư nghị lực.

CHÚ KINH TẬP YẾU

善男子。第六是經不可思議功德力者。若善男子，善女人，若佛在世，若滅度後，受持，讀誦是經典者。雖具煩惱而為衆生說法。令得遠離煩惱生死斷一切苦。衆生聞已修行得法得果得道。與佛如來等無差別。

譬如王子。雖復稚小。若王遊巡及以疾病。委是王子領理國事。王子是時依大王命如法教令。群寮百官宣流正化。國土人民各隨其安。如大王治等無有異。

持經善男子善女人亦復如是。若佛在世若滅度後。是善男子。雖未得住初不動地。依佛如是用說教法而敷演之。衆生聞已一心修行。斷除煩惱得法得果乃至得道。

善男子。是名是經第六功德不思議力。

善男子。第七是經不可思議功德力者。若善男子善女人。於佛在世若滅度後得聞是經。歡喜信樂生希有心。受持讀誦書寫解說如法修行發菩提心。起諸善根興大悲意。欲度一切苦惱衆生。未得修行六波羅蜜

ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA KINH

“Thiện nam tử! Đệ lục, thị kinh bất khả tư nghị công đức lực giả, nhược Thiện nam tử, thiện nữ nhân nhược Phật tại thế, nhược diệt độ hậu, thọ trì, đọc tụng thị kinh điển giả, tuy cụ phiền não, nhi vị chúng sanh thuyết pháp, linh viễn ly phiền não sanh tử, đoạn nhất thiết khổ. Chúng sanh văn dĩ, tu hành đắc pháp, đắc quả, đắc đạo, dữ Phật Như Lai đẳng vô sai biệt.

“Tỷ như vương tử, tuy phục trĩ tiểu, nhược vương tuần du cập dĩ tật bệnh, ủy thị vương tử lãnh lý quốc sự. Vương tử thị thời y đại vương mạng, như pháp giáo lệnh quần liêu bá quan, tuyên lưu chánh hóa. Quốc độ nhân dân, các tùy kỳ an như đại vương trị, đẳng vô hữu dị.

“Trì kinh thiện nam tử, thiện nữ nhân diệc phục như thị. Nhược Phật tại thế, nhược diệt độ hậu, thị thiện nam tử tuy vị đắc trụ Sơ bất động địa, y Phật như thị sở dụng thuyết giáo nhi phụ diễn chi. Chúng sanh văn dĩ, nhất tâm tu hành, đoạn trừ phiền não, đắc pháp, đắc quả, nãi chí đắc đạo.

“Thiện nam tử! Thị danh thị kinh đệ lục công đức bất tư nghị lực.

“Thiện nam tử! Đệ thất, thị kinh bất khả tư nghị công đức lực giả, nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược Phật tại thế, nhược Phật diệt hậu, đắc văn thị kinh, hoan hỷ tín lạc, sanh hy hữu tâm, thọ trì, đọc tụng, thơ tả, giải thuyết, như pháp tu hành, phát Bồ-đề tâm, khởi chư thiện căn, hưng đại bi ý, dục độ nhất thiết khổ não chúng sanh. Vị đắc tu hành lục Ba-la-mật,

CHỮ KINH TẬP YẾU

六波羅蜜自然在前。即於是身得無生忍。生死煩惱一時斷壞。昇第七地大菩薩位。譬如健人為王除怨。怨既滅已王大歡喜。賞賜半國之封悉以與之。持經男子女人亦復如是。於諸行人最為勇健。六度法寶不求自至。生死怨敵自然散壞證無生忍。半佛國寶封賞安樂。善男子。是名是經第七功德不思議力善男子。第八是經不可思議功德力者。若善男子善女人。於佛在世若滅度後。有人能得是經典者。敬信如視佛身令等無異。愛樂是經受持讀誦書寫頂戴如法奉行。堅固戒忍兼行檀度。深發慈悲。以此無上大乘無量義經。廣為人說。若人先來都不信有罪福者。以是經示之。設種種方便強化令信。以經威力故。令其人心忽然得迴。信心既發。勇猛精進故。能得是經威德勢力，得道，得果。

ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA KINH

lục *Ba-la-mật* tự nhiên tại tiên. Tức ư thị thân, đắc Vô sanh pháp nhẫn. Sanh tử phiền não nhất thời đoạn hoại, thăng Đệ thất địa đại *Bồ Tát* vị. Tỷ như kiện nhân vị vương trừ oán. Oán ký diệt dĩ, vương đại hoan hỷ, thưởng tứ bán quốc chi phong tất dĩ dĩ chi.

“Trì kinh nam tử, nữ nhân diệc phục như thị. Ư chư hành nhân tối vi dũng kiện, Lục độ pháp bảo bất cầu tự chí. Sanh tử oán địch tự nhiên tán hoại, chứng Vô sanh nhẫn. Bán Phật quốc bảo, phong thưởng an lạc.

“Thiện nam tử! Thị danh thị kinh đệ thất công đức bất tư nghị lực.

“Thiện nam tử! Đệ bát, thị kinh bát khả tư nghị công đức lực giả, nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược Phật tại thế, nhược diệt độ hậu, hữu nhân năng đắc thị kinh điển giả, kính tín như thị Phật thân, linh đẳng vô dị, ái lạc thị kinh, thọ trì, độc tụng, thơ tả, đảnh đối, như pháp phụng hành, kiên cố giới, nhẫn, kiêm hành Đàn độ, thâm phát từ bi, dĩ thủ Vô thượng *Đại thừa Vô lượng nghĩa* Kinh quảng vị nhân thuyết. Nhược nhân tiên lai, đô bất tín hữu tội phước giả, dĩ thị kinh thị chi, thiết chủng chủng phương tiện, cương hóa linh tín. Dĩ kinh oai lực cố, linh kỳ nhân tâm hốt nhiên đắc hồi. Tín tâm ký phát, dũng mãnh tinh tấn cố, năng đắc thị kinh oai đức thế lực, đắc đạo, đắc quả.

是故善男子善女人。以蒙化功故男子女人即於是身得無生法忍得至上地。與諸菩薩以為眷屬。速能成就衆生淨佛國土。不久得成無上菩提。

善男子。是名是經第八功德不思議力。

善男子。第九是經不可思議功德力者。若善男子，善女人，若佛在世，若滅度後，有得是經歡喜踊躍，得未曾有。受持讀誦書寫供養。廣為衆人分別解說是經義者。即得宿業餘衆重障一時滅盡。便得清淨速得大辯。次第莊嚴諸波羅蜜。獲諸三昧首楞嚴三昧。入大總持門。勤精進力。速得越上地。善能分身散體遍十方國土。拔濟一切二十五有極苦衆生悉令解脫。是故是經有如此力。

善男子。是名是經第九功德不思議力。

“Thị cố thiện nam tử, thiện nữ nhân dĩ môn hóa công cố, nam tử, nữ nhân tức ư thị thân, đắc Vô sanh pháp nhẫn, đắc chí Thượng địa, dữ chư Bồ Tát dĩ vi quyến thuộc, tốc năng thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ. Bất cửu đắc thành vô thượng Bồ-đề.

“Thiện nam tử! Thị danh thị kinh đệ bát công đức bất tư nghị lực.

“Thiện nam tử! Đệ cửu, thị kinh bất khả tư nghị công đức lực giả, nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân nhược Phật tại thế, nhược diệt độ hậu, hữu đắc thị kinh, hoan hỷ dũng dục, đắc vị tăng hữu, thọ trì, độc tụng, thơ tả, cúng dường, quảng vị chúng nhân phân biệt giải thuyết thị kinh nghĩa giả, tức đắc tức nghiệp dư chúng trọng chướng nhất thời diệt tận, tiện đắc thanh tịnh, đãi đắc đại biện, thứ đệ trang nghiêm chư Ba-la-mật, hoạch chư Tam-muội, Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, nhập đại tổng trì môn, cần tinh tấn lực, tốc đắc việt Thượng địa, thiện năng phân thân tán thể, biến thập phương quốc độ, bạt tế nhất thiết Nhị thập ngũ hữu, cực khổ chúng sanh, tất linh giải thoát. Thị cố thị kinh hữu như thử lực.

“Thiện nam tử! Thị danh thị kinh đệ cửu công đức bất tư nghị lực.

善男子。第十是經不可思議功德力者。若善男子善女人。若佛在世及滅度後。若得是經發大歡喜生希有心。即自受持讀誦書寫供養如說修行。

復能廣勸在家出家人。受持讀誦書寫供養解說如法修行。既令餘人修行是經力故得道得果。皆由是善男子善女人慈心懃化力故。

是善男子善女人。即於是身便捷無量諸陀羅尼門。於凡夫地自然初時能發無數阿僧祇弘誓大願。深能發救一切衆生成就大悲廣能救苦。厚集善根饒益一切。而演法澤洪潤枯涸。以衆法藥練諸衆生安樂一切。漸見超登住法雲地。恩澤普潤慈被無外。攝苦衆生令入道跡。是故此人不久得成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。是名是經第十功德不思議力。

“Thiện nam tử! Đệ thập, thị kinh bất khả tư nghị công đức lực giả, nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược Phật tại thế, nhược diệt độ hậu, nhược đắc thị kinh, phát đại hoan hỷ, sanh hy hữu tâm, tức tự thọ trì, đọc, tụng, thơ tả, cúng dường, như thuyết tu hành.

“Phục năng quảng khuyến tại gia, xuất gia nhân thọ trì, đọc tụng, thơ tả, cúng dường, giải thuyết, như pháp tu hành; ký linh dư nhân tu hành thị kinh lực cố, đắc đạo, đắc quả, giai do thị thiện nam tử, thiện nữ nhân từ tâm khuyến hóa lực cố.

“Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân tức ư thị thân tiện đãi vô lượng chư *đà-la-ni* môn. Ư phàm phu địa, tự nhiên sơ thời năng phát vô số *a-tăng-kỳ* hoàng thế đại nguyện, thâm năng phát cứu nhất thiết chúng sanh, thành tựu đại bi, quảng năng bạt khổ, hậu tập thiện căn, nhiều ích nhất thiết, nhi diễn pháp trạch, hồng nhuận khô hạc. Dĩ chúng pháp được, luyện chư chúng sanh, an lạc nhất thiết. Tiệm kiến siêu đẳng trụ Pháp vân địa, ân trạch phổ nhuận, từ bị vô ngoại, nhiếp khổ chúng sanh, linh nhập đạo tích. Thị cố thử nhân bất cửu đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Thị danh thị kinh đệ thập công đức bất tư nghị lực.

善男子。如是無上大乘無量義經。極有大威神之力。尊無過上。能令諸凡夫皆成聖果。永離生死而得自在。是故此經名無量義也。能令一切衆生於凡夫地生起諸菩薩無量道芽。令功德樹蔚茂扶疏增長。是故此經號不可思議功德力也。

於時大莊嚴菩薩摩訶薩及八萬菩薩摩訶薩同聲白佛言。世尊。佛所說甚深微妙無上大乘無量義經。文理真正尊無過上。三世諸佛所共守護。無有衆魔群道得入。不為一切邪見生死之所壞敗。是故此經乃有如是十種功德不思議力也。大饒益無量一切衆生。令一切諸菩薩摩訶薩各得無量義三昧。或得百千陀羅尼門。或得菩薩諸地諸忍。或得緣覺阿羅漢四道果證。

世尊慈愍。快為我等說如是法。令我大獲法利。甚為奇特。未曾有也。世尊慈恩實難可報。

“Thiên nam tử! Như thị Vô thượng Đại thừa Vô lượng nghĩa Kinh cực hữu đại oai thần chi lực, tôn vô quá thượng, năng linh chư phàm phu giai thành thánh quả, vĩnh ly sanh tử, nhi đắc tự tại. Thị cố thử kinh danh Vô lượng nghĩa dã. Năng linh nhất thiết chúng sanh, ư phàm phu địa, sanh khởi chư Bồ Tát vô lượng đạo nha, linh công đức thọ uất mậu phù sơ tăng trưởng. Thị cố thử kinh hiệu Bất khả tư nghị công đức lực dã.”

Ở thời Đại Trang Nghiêm Bồ Tát ma-ha-tát cập bát vạn Bồ Tát ma-ha-tát đồng thanh bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như Phật sở thuyết thậm thâm vi diệu Vô thượng Đại thừa Vô lượng nghĩa Kinh, văn lý chân chánh, tôn vô quá thượng, tam thế chư Phật sở cộng thủ hộ, vô hữu chúng ma quần đạo đắc nhập. Bất vi nhất thiết tà kiến sanh tử chi sở hoại bại. Thị cố thử kinh nãi hữu như thị thập công đức bất tư nghị lực dã. Đại nhiều ích vô lượng nhất thiết chúng sanh, linh nhất thiết chư Bồ Tát ma-ha-tát các đắc Vô lượng nghĩa Tam-muội, hoặc đắc bá thiên đà-la-ni môn, hoặc đắc Bồ Tát chư địa, chư nhẫn, hoặc đắc Duyên giác, A-la-hán, Tứ đạo quả chứng.

“Thế Tôn từ mẫn, khoái vị ngã đẳng, thuyết như thị pháp, linh ngã đại hoạch pháp lợi, thậm vi kỳ đặc, vị tăng hữu dã. Thế Tôn từ ân thật nan khả báo.”

CHÚ KINH TẬP YẾU

作是語已爾時三千大千世界六種震動。於上空中復雨種種華。天憂鉢羅華。鉢曇摩華。拘物頭華。分陀利華。

又雨無數種種天香天衣天瓔珞天無價寶。於上空中旋轉來下。供養於佛及諸菩薩聲聞大眾。天廚天鉢器。天百味充滿盈溢。見色聞香自然飽足。天幢天幡天幟蓋。天妙樂具處處安置。作天伎樂歌歎於佛。

又復六種震動東方恒河沙等諸佛世界。亦雨天華天香天衣天瓔珞天無價寶。天廚天鉢器天百味。見色聞香自然飽足。天幢天幡天幟蓋天妙樂具。作天伎樂歌歎彼佛及彼菩薩聲聞大眾。

南西北方四維上下亦復如是。

ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA KINH

Tác thị ngữ dĩ, nhĩ thời tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động. Ư thượng không trung, phục vũ chủng chủng hoa, thiên *ưu-bát-la* hoa, *bát-đàm-ma* hoa, *câu-vật-đâu* hoa, *phân-đà-ly* hoa.

Hựu vũ vô số chủng chủng thiên hương, thiên y, thiên anh lạc, thiên vô giá bảo, ư thượng không trung triển chuyển lai há, cúng dường ư Phật cập chư *Bồ Tát* Thanh văn đại chúng thiên trụ, thiên bát khí, thiên bá vị sung mãn doanh dật. Kiến sắc, văn hương tự nhiên bão túc. Thiên tràng, thiên phan, thiên hiên cái, thiên diệu nhạc cụ xú xú an trí, tác thiên kỹ nhạc, ca tán ư Phật.

Hựu phục lục chủng chấn động. Đông phương Hằng hà sa đảnh chư Phật thế giới diệc vũ thiên hoa, thiên hương, thiên y, thiên anh lạc, thiên vô giá bảo, thiên trụ, thiên bát khí, thiên bá vị, kiến sắc, văn hương, tự nhiên bão túc. Thiên tràng, thiên phan, thiên hiên cái, thiên diệu nhạc cụ, tác thiên kỹ nhạc ca tán bỉ Phật cập bỉ *Bồ Tát* Thanh văn đại chúng.

Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, Thượng, Hạ diệc phục như thị.

正宗分竟

爾時佛告大莊嚴菩薩摩訶薩及八萬菩薩摩訶薩言。汝等當於此經應深起敬心如法修行。廣化一切勤心流布。常當慇懃晝夜守護。普令衆生各獲法利。

汝等真是大慈大悲。以立神通願力愛護是經勿使冰凝滯。於當來世必令廣行闍浮提。令一切衆生使得見聞讀誦書寫供養。以是之故亦疾令汝等速得阿耨多羅三藐三菩提。

流通分

是時大莊嚴菩薩摩訶薩。與八萬菩薩摩訶薩。即從座起來詣佛所。頭面禮足遶百千匝。即前胡跪俱共同聲白佛言。世尊。我等快蒙世尊慈愍。為我等說是甚深微妙無上大乘無量義經。敬受佛敕。於如來滅後。當廣令流布是經典者。普令一切受持讀誦書寫供養。

(Chánh tông phần cánh)

Nhĩ thời, Phật cáo Đại Trang Nghiêm *Bồ Tát ma-ha-tát* cập bát vạn *Bồ Tát ma-ha-tát* ngôn: “Nhữ đẳng đương ư thủ kinh, ưng thâm khởi kính tâm, như pháp tu hành, quảng hóa nhất thiết, cần tâm lưu bố, thường đương ân cần, trú dạ thủ hộ, linh chư chúng sanh, các hoach pháp lợi.

“Nhữ đẳng chân thị đại từ đại bi, dĩ lập thần thông nguyện lực ái hộ thị kinh, vật sử băng ngưng trệ. Ư đương lai thế, tất linh quảng hành *Diêm-phù-đề*, linh nhất thiết chúng sanh đắc kiến văn, độc tụng, thơ tả, cúng dường. Dĩ thị chi cố, diệc tất linh nhữ đẳng tốc đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề*.”

(Lưu thông phần)

Thị thời, Đại Trang Nghiêm *Bồ Tát ma-ha-tát* dữ bát vạn *Bồ Tát ma-ha-tát* tức tùng tòa khởi, lai nghê Phật sở, đầu diện lễ túc, nhiễu bá thiên táp, tức tiền hồ quị, đồng thanh bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã đẳng khoái mônng Thế Tôn từ mẫn, vị ngã đẳng thuyết thị thậm thâm vi diệu Vô thượng *Đại thừa Vô lượng nghĩa* Kinh. Kính thọ Phật sắc, ư Như Lai diệt hậu, đương quảng linh lưu bố thị kinh điển giả, phổ linh nhất thiết thọ trì, độc tụng, thơ tả, cúng dường.

唯願世尊。勿垂憂慮。我等當以願力。普令一切得是經典威神福力。

爾時佛讚言。善哉善哉。諸善男子。汝等今者真是佛子。大慈大悲深能拔苦救厄者矣。一切衆生之良福田。廣為一切作大良導。一切衆生大依止處。一切衆生之大施主。常以法利廣施一切。

爾時，大會皆大歡喜。為佛作禮。受持而去。

大乘無量義經

終

“Duy nguyện Thế Tôn vật thù ưu lự. Ngã đẳng đương dĩ nguyện lực, phổ linh nhất thiết đắc thị kinh điển oai thần phước lực.”

Nhĩ thời Phật tán ngôn: “Thiện tai, thiện tai! Chư thiện nam tử! Nhữ đẳng kim giả chân thị Phật tử, đại từ, đại bi, thâm năng bạt khổ cứu ách giả hỹ! Nhất thiết chúng sanh chi lương phước điền, quảng vị nhất thiết tác đại lương đạo. Nhất thiết chúng sanh đại y chỉ xứ. Nhất thiết chúng sanh chi đại thí chủ, thường dĩ pháp lợi, quảng thí nhất thiết.”

Nhĩ thời, đại hội giai đại hoan hỷ, vị Phật tác lễ, thọ trì nhi khứ.

ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA KINH

CHUNG

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

(Phân dịch nghĩa)

PHẨM THỨ NHẤT

ĐỨC HẠNH

Tôi nghe như thế này. Có một lúc, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật¹ gần thành Vương Xá² với chúng đại tỳ-kheo³ mười hai ngàn người, đại Bồ Tát là tám mươi ngàn người. Chư thiên, rồng,⁴ dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, chư tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cùng hội lại. Các vị vua Đại Chuyển luân, Tiểu Chuyển luân, Kim luân, Ngân luân, các Luân vương khác,⁵ quốc vương, vương tử, quan, dân, sĩ thứ, nữ sĩ, đại

¹ Tiếng Phạn là Gṛdhrakūṭa, cũng đọc là Khuất-sá-bá-đà, Hán dịch là Thấu sơn, Linh sơn, hay Linh thứu sơn. Núi này nằm gần kinh thành Vương Xá.

² Tiếng Phạn là Rājagaha, phiên âm là La-duyệt, Hán dịch là Vương xá. Thành này là kinh đô nước Ma-kiệt-đà (Magadha), do vua Tần-bà-sa-la (Bimbisāra) trị vì.

³ Tỳ-kheo (Bhikṣu) là người đàn ông xuất gia, đã thọ Cụ túc giới. Tỳ-kheo có ba nghĩa:

1. Khất sĩ: Thầy tu đi khất thực, cầu pháp.
2. Bố ma: Tu hành thanh tịnh, khiến cho tà ma phải sợ sệt.
3. Phá ác: Tu hành dẹp trừ các sự ác, các phiền não.

⁴ Tiếng Phạn là Na-già (Nāga), loài rồng. Rồng chúa gọi là Long vương, ở nơi cung điện gọi là Long cung. Đây là một bộ trong tám bộ chúng sanh (Thiên long bát bộ) thường hiện lại nghe Phật thuyết pháp.

⁵ Vào thời ấy quyền lực của vua chúa được biểu hiện bằng biểu tượng bánh xe quý. Vua Chuyển luân là vị vua thống nhiếp các chư hầu, có

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

trưởng giả trong nước, mỗi người đều có quyền thuộc đi theo đến số trăm ngàn vạn, đồng đến chỗ Phật, lấy đầu và mặt làm lễ dưới chân Phật, đi quanh Phật cả trăm ngàn vòng,¹ thiêu hương, rải hoa, cúng dường đủ món. Cúng dường xong, tất cả đều lui lại ngồi sang một bên.

Trong hàng Bồ Tát có các vị: Pháp vương tử Văn-thù-sư-ly, Pháp vương tử Đại Oai Đức Tạng, Pháp vương tử Vô Ưu Tạng, Pháp vương tử Đại Biện Tạng, Bồ Tát Di-lặc, Bồ Tát Đạo Thủ, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dược Thượng, Bồ Tát Hoa Tràng, Bồ Tát Hoa Quang, Bồ Tát Đà-la-ni Tự Tại Vương, Bồ Tát Thường Tinh Tấn, Bồ Tát Bảo Ấn Thủ, Bồ Tát Bảo Tích, Bồ Tát Bảo Trượng, Bồ Tát Việt Tam Giới, Bồ Tát Tỳ-ma-bạt-la, Bồ Tát Hương Tượng, Bồ Tát Đại Hương Tượng, Bồ Tát Sư Tử Hống Vương, Bồ Tát Sư Tử Du Hý Thế, Bồ Tát Sư Tử Phấn Tấn, Bồ Tát Sư tử Tinh Tấn, Bồ Tát Đông Nhuệ Lực, Bồ Tát Sư Tử Oai Mãnh Phục, Bồ Tát Trang Nghiêm, Bồ Tát Đại Trang Nghiêm. Các vị đại Bồ Tát như vậy là tám mươi ngàn người cùng đến hội.

Chư Bồ Tát này đều là các vị Pháp thân Đại sĩ,² thành tựu được Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát Tri kiến. Tâm ý thiên tịch, thường ở trong Tam-muội, điềm an đạm bạc, không còn hành vi, không chỗ tham

bánh xe lớn bằng thất bảo quý nhất. Các vua nhỏ hơn tùy theo quyền lực biểu hiện bằng các bánh xe vàng, bánh xe bạc... đều gọi chung là Luân vương, là những vị vua được chính thức công nhận.

¹ Đi quanh Phật: là nghi lễ để bày tỏ sự tôn kính, cũng gọi nghi thức này là "hành đạo".

² Pháp thân Đại sĩ: Pháp thân đối với sanh thân, báo thân, nhục thân. Pháp thân hợp bởi năm phần: Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát Tri kiến, lại có đủ bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, không mắc vào các sự khổ: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Vị Bồ Tát đã được Pháp thân như vậy gọi là Pháp thân Đại sĩ. Đại sĩ là tiếng tôn xưng, thường dùng thay cho Bồ Tát.

CHỮ KINH TẬP YẾU

muốn;¹ những tư tưởng điên đảo, rối loạn đều đã dứt sạch chẳng còn trở lại; vắng lặng trong sạch đến chỗ huyền vi hư tịch; chí nguyện không lay chuyển cho đến trăm ngàn kiếp; vô lượng pháp môn đều tự thấy biết trong hiện tại; được trí huệ lớn, thông đạt các pháp, hiểu rõ và phân biệt tánh tướng chân thật: có không, dài ngắn đều hiện rõ. Các ngài lại khéo biết được tánh dục của các căn; dùng phép Tổng trì,² tài biện thuyết không ngăn ngại;³ khi chư Phật chuyển bánh xe pháp,⁴ có thể tùy thuận chuyển theo.⁵ Trước hết, nhổ giọt nước pháp vi diệu làm êm lắng bụi bặm tham dục; mở cửa *Niết-bàn*, quạt gió giải thoát trừ bỏ não nhiệt thế gian, đặt vào nơi Pháp trong sạch

¹ Không còn hành vi, không chỗ tham muốn: sở hành của Bồ Tát đều tùy nơi lòng đại bi mà phát khởi, theo nhân duyên mà thị hiện, không như những hành vi tạo nghiệp của chúng sanh, lại cũng không do lòng ham muốn thúc giục.

² Pháp Tổng trì (đà-la-ni): Đà-la-ni, tiếng Phạn là *Dhāraṇī*, Hán dịch là Tổng trì, có nghĩa là thâm nhiếp, bao gồm hết thảy. Pháp Tổng trì là nhất tâm trì tụng những câu chân ngôn, mật chú, tuy ngắn nhưng có sức thâm nhiếp ý nghĩa huyền diệu, bao quát của một pháp môn.

³ Tài biện thuyết không ngăn ngại (Vô ngại biện tài): Có thể diễn thuyết, biện luận thông suốt mọi vấn đề mà không bị giới hạn bởi tri thức hay năng lực diễn đạt.

⁴ Bánh xe pháp, tiếng Phạn là *Dharma-cakra*, là biểu tượng chỉ cho giáo pháp mà Phật đã truyền dạy, cũng như các loại bánh xe vàng, bánh xe bạc... là biểu tượng quyền lực của vua chúa thời ấy. Chuyển Pháp luân (quay bánh xe pháp) là từ chỉ cho việc thuyết pháp, nhất là thuyết pháp lần đầu tiên của chư Phật. Như đức Phật Thích-ca thuyết pháp lần đầu tiên tại vườn Lộc, thành Ba-la-nại, được gọi là Chuyển pháp luân.

⁵ Có thể tùy thuận chuyển theo (tùy thuận năng chuyển): Bồ Tát trong pháp hội nghe Phật thuyết pháp, do đã thông đạt nên cũng có thể tùy theo chỗ Phật thuyết mà làm rõ thêm cho các chúng sanh khác. Như trong kinh *Được Sư chẳng hạn*, khi Phật thuyết về công đức bốn nguyện của đức *Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai* thì Bồ Tát Cứu Thoát cũng tùy theo chỗ thuyết của Phật mà thuyết giảng rõ hơn trước chúng hội. Hoặc như trong kinh *Duy-ma-cật*, hầu hết các phẩm đều do Bồ Tát *Duy-ma-cật* thuyết ra.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

mát mẽ. Kế đó, dạy cho pháp sâu xa là Mười hai nhân duyên,¹ để dập tắt ngọn lửa vô minh, già, bệnh, chết, đang thiêu đốt; gom bầy hết các nỗi khổ dưới ánh sáng mặt trời, rồi mới tưới mưa pháp Vô thượng Đại thừa, thấm nhuần hết thảy những chúng sanh có thiện căn. Các ngài gieo hạt giống lành trên ruộng công đức, khiến cho nảy lên mầm *Bồ-đề*. Trí huệ các ngài chói sáng như mặt trời, mặt trăng; phương tiện linh hoạt biến chuyển như thời tiết, cùng giúp cho tăng trưởng sự nghiệp Đại thừa, khiến cho nhiều người được mau chóng được thành quả Phật.² Các ngài thường trụ nơi chỗ khoái lạc, vi diệu, chân thật đem lòng đại bi vô lượng³ cứu khổ cho chúng sanh. Đối với chúng sanh, các ngài là thiện tri thức chân chánh, là ruộng phước tốt đẹp rộng lớn, là bậc thầy không đợi cầu thỉnh, là nơi nương cậy an ổn, khoái lạc để chúng sanh theo về được chở che, giúp đỡ. Ở khắp mọi nơi, các ngài vì chúng sanh mà làm bậc thầy dạy đạo cao cả, dẫn dắt đưa về nẻo chánh. Các ngài thường vì kẻ đui mù mà làm mắt sáng, vì kẻ điếc mà làm tai nghe. Những

¹ Mười hai nhân duyên (Thập nhị nhân duyên): giáo lý căn bản của Duyên giác thừa, chỉ rõ vòng sanh khởi tương tác của tất cả các pháp trong thế gian. Vòng tròn khép kín này gồm có 12 mắt xích, không có điểm khởi đầu và kết thúc. Đó là: 1. Vô minh, 2. Hành, 3. Thức, 4. Danh sắc, 5. Lục nhập, 6. Xúc, 7. Thọ, 8. Ái, 9. Thủ, 10. Hữu, 11. Sanh, 12. Lão bệnh tử.

Quán xét rõ 12 nhân duyên này thì nhận ra bản chất của hết thảy sự việc, phá tan chấp ngã. Từ đó đoạn dứt được những nguyên nhân sanh khởi mà thoát ra khỏi vòng sanh tử. Theo giáo lý này đến rốt ráo thì chứng quả Bích-chi Phật, còn gọi là Duyên giác Phật hay Độc giác Phật.

² Bản Hán văn dùng "A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề", tiếng Phạn là *Anuttarā-saṃyak-saṃbodhi*, Hán dịch là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là quả Phật Thế Tôn.

³ Lòng đại bi vô lượng. Vô lượng Đại bi là một trong Tứ vô lượng: Vô lượng Đại từ, Vô lượng Đại bi, Vô lượng Đại hỷ, Vô lượng Đại xả. Riêng Vô lượng Đại bi là chí nguyện bao la, quyết cứu khổ cho tất cả chúng sanh.

CHỮ KINH TẬP YẾU

kẻ nào các căn¹ không đầy đủ hoặc bị hư hoại, các ngài khiến cho được lành lặn, đầy đủ. Vì kẻ điên cuồng, hoang loạn mà khiến cho vào sâu trong chánh niệm. Các ngài làm người đưa thuyền lớn, chuyên chở chúng sanh qua sông sanh tử, đến bờ *Niết-bàn*. Các ngài làm thầy thuốc giỏi, phân biệt rõ triệu chứng bệnh, hiểu rành tánh chất của thuốc, tùy bệnh mà cho khiến người bệnh vui lòng dùng thuốc. Các ngài làm bậc dạy dỗ điều phục, không có những nét phóng túng buông thả, như người khéo dạy voi ngựa, có thể điều phục hết tất cả. Các ngài như sư tử dũng mãnh, oai lực làm cho các thú đều tùng phục, khó bề ngang nghịch. Các ngài dạo chơi trong các pháp *ba-la-mật* của hàng *Bồ Tát*, đối với địa vị Như Lai, lập chí kiên cố không lay chuyển, trụ yên nơi nguyện lực, làm trong sạch khắp cõi Phật, không bao lâu nữa sẽ thành tựu quả Phật. Các vị đại *Bồ Tát* ấy đều có đủ các đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Trong hàng *tỳ-kheo* có các vị: Đại trí *Xá-ly-phát*, Thần thông *Mục-kiền-liên*, Huệ Mạng *Tu-Bồ-đề*, *Ma-ha Ca-chiên-diên*, *Phú-lâu-na Di-đa-la-ni* tử, nhóm các ông *A-nhã Kiều-trần-như*, Thiên nhân *A-na-luật*, Trì luật *Ưu-ba-ly*, Thị giả *A-nan*, Phật tử *La-vân*, *Ưu-ba-nan-đa*, *Ly-bà-đa*, *Kiếp-tân-na*, *Bạc-câu-la*, *A-châu-đa*, *Tá-già-đa*, *Đâu-đa* Đại *Ca-diếp*, *Ưu-lâu-tân-loa Ca-diếp*, *Già-da Ca-diếp*, *Na-đề Ca-diếp* và các vị đệ tử.² Cả thầy mười hai ngàn người, đều là bậc *A-la-hán* đã dứt hết các mối phiền

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

não trói buộc, chẳng bao giờ bị ràng buộc trở lại nữa, thật sự được giải thoát.

Lúc ấy, Đại *Bồ Tát* Đại Trang Nghiêm quán sát khắp chúng hội, biết rõ tâm ý của mỗi vị, liền cùng với tám mươi ngàn vị đại *Bồ Tát* đứng dậy tiến đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, đi quanh theo Phật cả trăm ngàn vòng, rồi đốt hương trời, rải hoa trời cúng dường. Lại có những y phục, chuỗi ngọc, châu báu vô giá của cõi trời, từ trên không trung dần dần hiện xuống, bao quanh bốn phía mà cúng dường Phật. Lại có những món ăn đủ trăm mùi vị được nấu ở nhà bếp cõi trời, đựng trong các chén bát cõi trời, hiện ra đầy đủ, dư dật. Chỉ cần nhìn và ngửi các món ăn ấy, tự nhiên đã thấy no đủ rồi. Các loại cờ xí, lọng phướn, nhạc cụ vi diệu trên cõi trời được bày biện ra khắp nơi, trỗi lên âm nhạc cõi trời để cúng dường làm vui Phật.¹ Liền đó, các vị *Bồ Tát* đều quỳ xuống, một lòng chấp tay cùng nhau đọc kệ tán thán Phật. Kệ rằng:

*“Lớn thay! Bậc giác ngộ, Thánh chủ!
Dứt sạch cấu nhiễm, không sở trước.
Bậc thầy điều phục khắp trời người,
Đạo đức như hương xông khắp chốn.*

*Trí tuệ, tình cảm đều ngưng lắng,
Ý diệt, thức quên, tâm tịch tĩnh.
Vĩnh viễn dứt trừ tướng hư vọng,*

¹ Các căn: Tức là lục căn, gồm có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

² Khi ba anh em các ông *Ưu-lâu-tân-loa Ca-diếp*, *Già-da Ca-diếp* và *Na-đề Ca-diếp* về quy y theo Phật, họ đều dẫn theo chúng đệ tử của mình mà cùng xuất gia theo Phật, cả thầy đến ngàn người.

¹ Nên hiểu đây là tấm lòng cung kính của kẻ cúng dường. Thật ra đức Thế Tôn chẳng phải vui vì những cách giúp vui như vậy. Ngài tự có niềm vui giải thoát bất tận của bậc giác ngộ.

CHỮ KINH TẬP YẾU

*Không còn các đại, ẩm, giới, nhập.¹
Thân ấy chẳng có cũng chẳng không,
Chẳng phải nhân duyên, chẳng dây kia,
Chẳng vương chẳng tròn, chẳng dài ngắn,
Chẳng hiện, chẳng mất, chẳng sanh diệt.*

*Cũng chẳng tạo tác, chẳng sanh khởi,
Chẳng ngồi, chẳng nằm, chẳng đi đứng,
Chẳng động, chẳng chuyển, chẳng giữ yên,
Chẳng tới chẳng lui, chẳng an nguy.
Chẳng phải, chẳng trái, chẳng được mất,
Chẳng đây, chẳng đó, chẳng đến đi.
Cũng chẳng xanh vàng, chẳng đỏ trắng,
Chẳng hồng chẳng tía, mọi màu sắc.*

*Sanh Giới, Định, Huệ, Giải, Tri kiến.²
Được Tam minh, Lục thông, Đạo phẩm.¹*

¹ Đại, ẩm, giới, nhập: Đại là Tứ đại, bốn chất lớn, hợp thành hết thấy vật chất, kể cả thân thể con người. Đó là đất (tượng trưng cho sự rắn chắc), nước (tượng trưng cho sự ẩm ướt), gió (tượng trưng cho sự chuyển động), lửa (tượng trưng cho sức nóng). Theo quan niệm thời xưa, bốn yếu tố này tạo thành hết thấy vạn vật trong vũ trụ. Ẩm là Ngũ ẩm, hay Ngũ uẩn, năm uẩn, hợp thành thân mạng chúng sanh. Đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Giới là Thập bát giới, mười tám giới, gồm 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) hợp với sáu trần (hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, các pháp) và sáu thức (nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức). Nhập là Thập nhị nhập, mười hai điều tương quan, tác động lẫn nhau. Gồm có 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) nhập với sáu trần (hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, các pháp), 6 trần nhập với sáu căn, tạo thành 12 nhập.

² Tức là Giới, Định, Huệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến, năm phần Pháp thân.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

*Khởi Từ bi, Thập lục, Vô úy,²
Hiện ra theo nghiệp lành chúng sanh,

Thân cao lớn sắc vàng chói sáng,
Nghiêm trang tề chỉnh chiếu diệu hình.
Đầu tỏa ánh dương, mày như nguyệt,³
Tóc xoáy xám xanh, đảnh nhục kế.¹*

¹ Tam minh, Lục thông, Đạo phẩm: Tam minh là ba trí sáng suốt của bậc giải thoát: 1. Túc mạng minh: biết những đời trước của người và của mình luân chuyển như thế nào. 2. Thiên nhãn minh: Thấy biết khắp nơi trong vô lượng cõi thế giới không ngăn ngại. 3. Lưu tận minh: Biết những cảnh khổ, nguyên nhân của khổ và do đó diệt hết tất cả phiền não.

Lục thông là 6 phép thần thông: 1. Thiên nhãn thông, 2. Thiên nhĩ thông, 3. Túc mạng thông, 4. Tha tâm thông, 5. Thần túc thông, 6. Lưu tâm thông.

Đạo phẩm, hay Tam thập thất đạo phẩm: là 37 phẩm đạo, hợp thành quả Bồ đề, gồm có: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo.

² Từ bi, Thập lục, Vô úy: Từ, tiếng Phạn là Maitrī, là lòng thương tất cả chúng sanh, sẵn lòng giúp cho được vui sướng, lợi ích. Bi, tiếng Phạn là Karuṇā, là lòng thương xót, cảm thông đối với những đau khổ của chúng sanh, muốn giải thoát cho họ khỏi sự đau khổ ấy. Đây là hai trong số bốn Vô lượng tâm là Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Thập lục, tiếng Phạn là Daśabala, hay Thập trí lực, mười sức mạnh trí tuệ của Phật: 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực, 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực, 3. Tri chư thiên giải thoát tam muội trí lực, 4. Tri chúng sanh tâm tánh trí lực, 5. Tri chủng chủng giải trí lực, 6. Tri chủng chủng giới trí lực, 7. Tri nhất thiết sở đạo trí lực, 8. Tri thiên nhân vô ngại trí lực, 9. Tri túc mạng vô lậu trí lực, 10. Tri vinh đoạn tập khí trí lực.

Vô úy, tiếng Phạn là Abhaya, không sợ hãi. Chư Phật được sự không sợ hãi vì các ngài đã diệt trừ tận gốc rễ mọi nguyên nhân dẫn đến sự sợ hãi.

³ Đầu tỏa ánh dương, mày như nguyệt: Đây nói về hai tướng tốt của Phật. Đứng từ phía trước mà chiêm ngưỡng Phật, thì thấy trên đầu ngài, nơi sau ót, tỏa lên một vòng hào quang sáng như ánh mặt trời. Còn nơi hai chân mày gặp nhau ở giữa trán có một xoáy lông trắng (bạch hào) xoáy theo chiều qua bên phải, từ nơi đó tỏa ra ánh hào quang như ánh trăng.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Mắt sáng như gương, chiếu trên dưới,
Mi, mày dài đẹp, miệng vuông vắn.
Môi, lưỡi đỏ tươi như trái chín,
Răng trắng như ngọc, đủ bốn mươi.²

Trán rộng, mũi cao, khuôn mặt lớn,
Ngực hiện chữ vạn, ức sư tử,
Tay chân mềm mại, đủ luân tướng,³
Hai nách đầy đặn, tay uyển chuyển.⁴

Cánh tay dài đẹp, ngón thon nhỏ.⁵
Da mềm, lông xoay về bên phải.⁶
Mắt cá, đầu gối chẳng lộ xương,
Dương vật tự ẩn không dễ thấy,⁷

Gân nhỏ bao xương, chân sơn dương,
Sáng suốt trong ngoài, sạch không bợn,

¹ Đánh nhục kế, tiếng Phạn là Uṣṇīṣa (Ô-sắc-ni-sa), cũng là một trong 32 tướng tốt của Phật. Đó là chỗ nổi cao trên đỉnh đầu của Phật.

² Hàm răng của Phật trắng đều và có đến bốn mươi chiếc. Đây là một trong các tướng tốt người thường không có được.

³ Tướng tốt ở lòng bàn chân Phật gọi là Thiên phúc, hay Thiên phúc luân. Những đường chỉ dưới lòng bàn chân xoáy tròn, nhìn vào giống như hình bánh xe có cả ngàn cái nan hoa, nên gọi là Thiên phúc luân.

⁴ Hai bàn tay Phật, bên trái, bên phải đều cầm nắm được linh hoạt, uyển chuyển như nhau.

⁵ Ngón tay của Phật thon dài, đầu nhỏ lại như búp măng.

⁶ Các lỗ chân lông của Phật đều có lông mọc đều đặn, xoáy về hướng bên phải, gọi là tướng *mao hữu triền*.

⁷ Tướng này của Phật gọi là *âm tàng tướng*, tức là bộ phận sinh dục ẩn kín, dù cởi bỏ y phục cũng không nhìn thấy.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

Như nước sạch trong chẳng bụi trần.
Đủ ba mươi hai tướng như thế.
Tám mươi vẻ đẹp như hiện rõ,
Nhưng thật không tướng, ngoài sắc tướng.

Mỗi mỗi tướng hiện đều tuyệt hảo,
Là tướng vô tướng, thân hiện tướng,
Chúng sanh có tướng nên tùy hiện,
Khiến cho chúng sanh hoan hỷ lễ.

Tâm thành, cung kính, ân cần lễ,
Nhân đó trừ tỵ cao, ngã mạn,
Được sắc thân tốt đẹp như vậy.

Chúng con nay đủ tám vạn người,
Cùng nhau đánh lễ về nương theo.
Bậc khéo dứt tướng, tâm, ý, thức,
Bậc thánh Vô trước giỏi điều phục.

Đánh lễ nương theo Pháp sắc thân,
Gồm Giới, Định, Huệ, Giải, Tri kiến.¹
Đánh lễ nương theo Muôn tướng tốt,²
Đánh lễ nương theo Khó nghĩ bàn.¹

¹ Pháp sắc thân hay Pháp thân bao gồm năm phần là Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến.

² Muôn tướng tốt (Diệu chứng tướng): Thân Phật do vô lượng pháp lành hội tụ nên có đủ vô lượng tướng tốt, dù nói là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, nhưng thật cũng không thể nói hết. Vì vậy nên tôn xưng Phật là Muôn tướng tốt.

CHỮ KINH TẬP YẾU

*Phạm âm² như sấm vọng tám loại,³
Vi diệu, trong sạch, rất sâu xa.
Tứ đế, Lục độ, Thập nhị duyên,⁴
Tùy tâm nghiệp chúng sanh thuyết dạy.⁵*

¹ Khó nghĩ bàn (Nan tư nghị): Hành tướng chữ Phật dù là bậc Bồ Tát Thập địa cũng không thể hiểu hết trọn vẹn, chỉ có Phật với Phật mới có thể trọn hiểu. Vì vậy nên tôn xưng Phật là Khó nghĩ bàn.

² Phạm thanh tướng, tiếng Phạm là Brahma-svara, nghĩa là Phật có giọng nói như Phạm thiên vương (Phạm âm), vua cõi trời. Giọng nói của Phạm thiên vương có năm tính chất: 1. Nghe vang dội như tiếng sấm, 2. Tiếng thanh cao vọng rất xa, khiến người nghe vui vẻ, sung sướng. 3. Khiến người nghe kính mến. 4. Giảng giải đạo lý ngắn gọn, dễ hiểu. 5. Người nghe không thấy chán.

³ Vọng tám loại (hưởng bát chủng): Âm thanh Phật nói ra tùy căn cơ của chúng sanh mà tiếp nhận, đủ cả tám loại âm thanh (Bát chủng thanh). Tám loại âm thanh ấy là :

1. Âm thanh do loài hữu tình phát ra, thành ngôn ngữ, ví dụ như tiếng nói loài người.

2. Âm thanh do loài hữu tình phát ra, nhưng không phải ngôn ngữ, ví dụ như tiếng người vỗ tay.

3. Âm thanh do loài vô tình phát ra, nhưng có ý nghĩa như ngôn ngữ, ví dụ như những âm thanh do Phật dùng thần thông tạo ra để giáo hóa chúng sanh.

4. Âm thanh do loài vô tình tạo ra, không phải ngôn ngữ, ví dụ như tiếng suối chảy róc rách.

Bốn loại âm thanh này, mỗi loại đều lại chia làm hai loại nữa là âm thanh vừa ý (khả ý) và âm thanh chẳng vừa ý (bất khả ý), như vậy tạo thành 8 loại.

⁴ Tứ đế, Lục độ, Thập nhị duyên: Những giáo pháp căn bản của các thừa khác nhau. Giáo pháp Tứ đế (Bốn chơn lý: Khổ, Tập, Diệt, Đạo) là của Thanh văn thừa, giúp người tu chứng bốn Thánh quả, mà quả cao nhất là A-la-hán, giải thoát mọi phiền não, sanh tử. Giáo pháp Thập nhị duyên hay Thập nhị nhân duyên (xem chú giải số 13) là của Duyên giác thừa, người tu chứng đắc đến quả Phật Bích-chi, hay còn gọi là Phật Duyên giác, Phật Độc giác. Giáo pháp Lục độ hay Lục ba-la-mật (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ) là dành cho Bồ Tát thừa, người tu các hạnh này hướng đến quả Phật Như Lai.

⁵ Hết thấy các pháp do Phật thuyết ra tuy thấy dường như sai khác (Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ) nhưng thật ra không hề sai khác, chỉ tùy

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

*Người nghe đều được mở tâm ý,
Dứt sạch phiền não chốn sanh tử.
Hoặc nghe, đắc quả Tu-đà-hoàn,
Tu-đà, A-na, A-la-hán.¹
Thành Duyên giác, vô lậu vô vi,
Hoặc Bồ Tát, chẳng sanh chẳng diệt.
Hoặc được vô lượng môn Tổng trì,
Đại tài biện thuyết không ngăn ngại.*

*Diễn thuyết kệ thâm sâu vi diệu,
Dạo chơi, tắm mát ao Pháp lành,
Hoặc bay, hoặc nhảy, hiện thần biến,
Ra vào lửa, nước, thân tự do.*

*Như vậy, tướng Pháp luân như vậy,
Thanh tịnh vô biên khó nghĩ bàn.
Chúng con lại cùng nhau đánh lễ,
Nương theo bánh xe Pháp chuyển rời.*

*Cúi đầu nương theo tiếng Phạm âm,
Cúi đầu nương theo Pháp vô thượng.²
Đức Thế Tôn từ vô lượng kiếp,*

theo căn cơ của mỗi chúng sanh mà thuyết dạy khác nhau. Cuối cùng đều nhắm đến mục đích là dứt khổ, được vui.

¹ Bốn Thánh quả của Thanh văn thừa, nói đủ là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Xem các chú giải số 9, 10, 12 và 13 của kinh Tứ thập nhị chương có nói rõ về các quả vị này.

² Bản Hán văn viết "khể thủ quy y duyên, đế, độ". Duyên là Thập nhị nhân duyên, đế là Tứ đế, độ là Lục độ; đều là các giáo pháp vô thượng của đức Thế Tôn đã thuyết, nên dịch là "Cúi đầu nương theo Pháp vô thượng".

CHỮ KINH TẬP YẾU

*Cần khổ tu tập các đức hạnh.
Vì khắp trời, người, rồng, quỷ thần,
Cùng hết thấy muôn loại chúng sanh;
Đã từng dứt bỏ điều khó bỏ,
Như tài sản, vợ, con, cõi nước...*

*Vì Pháp, trong ngoài đều chẳng tiếc,
Đầu, mắt, tủy, não bố thí người;
Phụng trì giới thanh tịnh chư Phật,
Cho đến bỏ mạng, chẳng hủy phạm.*

*Nếu kẻ cầm dao, gây hại mình,
Mắng nhiếc, mạ nhục, chẳng hề giận.
Nhiều kiếp bỏ thân, chẳng lười nhác,
Đêm ngày nhiếp tâm tại thiền định.*

*Học khắp hết thấy các đạo pháp,
Trí huệ hiểu sâu căn chúng sanh.
Cho nên nay được sức tự tại,
Đối pháp tự tại thành Pháp vương.*

*Chúng con lại cùng nhau đánh lễ.
Nương theo Bậc tinh cần khó làm.*

• • •

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

PHẨM THỨ NHÌ

THUYẾT PHÁP

(Phần chánh tông)

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Đại Trang Nghiêm cùng với tám mươi ngàn vị đại Bồ Tát khác đọc kệ khen Phật như vậy rồi, cùng nhau bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con cả thấy tám mươi ngàn Bồ Tát, nay đối với giáo pháp của Như Lai có chỗ muốn thưa hỏi, chẳng biết Thế Tôn có rủ lòng thương mà nghe chăng?”

Phật bảo Bồ Tát Đại Trang Nghiêm và tám mươi ngàn Bồ Tát ấy rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, khéo biết đúng lúc thưa hỏi, hãy cứ tùy ý. Còn chẳng bao lâu Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Ta sẽ khiến cho sau đó chẳng còn ai nghi ngờ gì nữa. Như có điều muốn hỏi, ta sẽ nhân đây mà giảng giải cho.”

Liền đó, Bồ Tát Đại Trang Nghiêm với tám vạn Bồ Tát đồng thanh bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Bồ Tát muốn mau thành quả Phật nên tu hành những pháp môn nào? Những pháp môn nào có thể khiến Bồ Tát mau thành quả Phật?”

Phật bảo các vị Bồ Tát rằng: “Thiện nam tử! Có một pháp môn có thể khiến Bồ Tát mau thành quả Phật. Nếu Bồ Tát nào học pháp môn ấy, có thể mau thành quả Phật.”

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Bạch Thế Tôn! Pháp môn ấy gọi tên là gì? Ý nghĩa như thế nào? *Bồ Tát* phải tu hành như thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Pháp môn ấy gọi là *Vô lượng nghĩa*. *Bồ Tát* muốn tu học pháp Vô lượng nghĩa ấy, nên quán sát hết thấy các pháp: từ xưa cho đến nay tánh tướng vốn không tịch, chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng sanh chẳng diệt, không phải trụ, không phải động, không tiến, không lùi, giống như hư không. Chẳng hề có hai pháp, nhưng chúng sanh hư vọng chấp kể rằng: đây là cái này, đây là cái kia, thế này là được, thế này là mất... khởi lên ý nghĩ chẳng lành, tạo ra những nghiệp dữ, luân hồi trong sáu nẻo,¹ chịu mọi thứ khổ độc. Trải qua vô lượng kiếp, không thể tự ra khỏi được. *Bồ Tát* quán xét thật kỹ như vậy, sanh lòng thương xót, phát tâm đại từ bi, muốn cứu bạt hết khổ nạn.

“Rồi lại quán sâu vào hết thấy các pháp: pháp tướng như thế này, sanh ra pháp như thế này; pháp tướng như thế này, trụ pháp như thế này; pháp tướng như thế này, biến đổi pháp như thế này; pháp tướng như thế này, diệt pháp như thế này. Pháp tướng như thế này có thể sanh ác pháp; pháp tướng như thế này có thể sanh thiện pháp. Các tướng trụ, dị, diệt lại cũng như vậy. *Bồ Tát* quán sát bốn tướng² từ khởi đầu đến cuối cùng, tất theo đó mà hiểu biết được cùng khắp tất cả.

¹ Sáu nẻo (Lục thú hay Lục đạo). Chúng sanh do nghiệp lực bị xô đẩy theo sáu nẻo luân hồi là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, nhân loại, chư thiên).

² Bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt là quy luật chung cho tất cả sắc tướng. Sanh là sanh ra, phát khởi nên, do hội đủ nhân duyên mà hiện ra. Ví dụ mèo mẹ sanh ra mèo con, do hội đủ các điều kiện thụ thai, mang thai đều thuận lợi. Trụ là tùy theo nhân duyên mà tồn tại, kéo dài thọ mạng, đời

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

“Kể đó lại quán xét hết thấy các pháp: trong từng giây phút chẳng hề trụ yên, liên tục sanh ra rồi diệt đi. Lại quán xét thấy cả bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt đều đồng thời xảy ra. Quán xét như vậy rồi, *Bồ Tát* hiểu rõ được căn tánh, chỗ tham muốn của từng chúng sanh. Vì tham muốn vô lượng, nên thuyết pháp vô lượng. Vì thuyết pháp vô lượng, nên nghĩa cũng vô lượng.

“Vô lượng nghĩa ấy là từ một pháp sanh ra. Một pháp ấy, tức là vô tướng. Cái vô tướng như thế là chẳng có tướng nào không phải tướng. Chẳng có tướng nào không phải tướng, gọi đó là *thật tướng*. *Bồ Tát* trụ yên nơi tướng chân thật như thế rồi, có phát khởi lòng từ bi sẽ đúng thật minh bạch, chẳng hề hư vọng. Đối với chúng sanh, thật có thể cứu bạt mọi khổ nạn. Cứu bạt khổ nạn rồi, lại thuyết pháp cho nghe, khiến được thọ hưởng sự khoan khoái, vui vẻ.

sống hoặc thời gian hiện hữu trong tình trạng đúng thật với bản chất sanh ra. Như mèo con sanh ra, được nuôi dưỡng lớn lên, có đủ các tính chất của loài mèo, chẳng hạn như leo trèo, bắt chuột... Đời sống của mèo kéo dài tùy theo nghiệp lực và các điều kiện nhân duyên khác. Dị là sự biến đổi, chuyển biến do không còn hội đủ các nhân duyên tồn tại. Trong giai đoạn này sự vật tồn tại nhưng không còn duy trì được bản chất khi sanh ra, tiến dần đến diệt vong. Như mèo đã già, cơ thể suy yếu, cho dù còn sống nhưng không còn duy trì được những tính chất thông thường nữa, như không thể leo trèo, bắt chuột... Diệt là giai đoạn cuối cùng, khi mọi nhân duyên tạo thành sự vật ấy không còn, sự vật phải hủy hoại, không còn tồn tại nữa. Như mèo chết đi, thân thể hoại rữa... không còn tồn tại.

Các giai đoạn này thật ra không có sự phân vạch rõ nét, rạch ròi, mà bao hàm, đan xen với nhau. Như sanh ra tức là đã có trụ, mỗi mỗi giây phút tồn tại đều chịu sự biến đổi, đó là dị. Nếu xét kỹ trong mỗi sự vật, thì trong mỗi thời khắc đều có những yếu tố cấu thành sự vật đó bị hủy hoại đi, đó là diệt. Quán xét đúng thật về sanh, trụ, dị, diệt là hiểu thấu được bản chất của sự vật, pháp tướng.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Thiện nam tử! Nếu *Bồ Tát* có thể theo như thế mà tu pháp môn Vô lượng nghĩa ấy, tất sẽ mau đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* này sâu xa, cao cả hơn hết, ý nghĩa chân thật, chính đáng, tôn quý hơn hết. Ba đời¹ chư Phật đều giữ gìn, bảo hộ; chúng ma, ngoại đạo không thể xâm nhập vào. Tất cả tà kiến sanh tử không thể làm cho bại hoại được.

“Thiện nam tử! Vì vậy nên *Bồ Tát* muốn mau thành Vô thượng *Bồ-đề*, nên tu học kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* thâm sâu, cao cả nhất này.”

Lúc ấy, *Bồ Tát* Đại Trang Nghiêm lại bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chỗ thuyết pháp của Thế Tôn không thể nghĩ bàn. Căn tánh của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn. Pháp môn giải thoát lại cũng không thể nghĩ bàn. Chúng con đối với các pháp mà Phật thuyết không còn nghi nan, nhưng vì tâm tánh chúng sanh còn sanh mê hoặc, nên phải thưa hỏi lại thế này.

“Bạch Thế Tôn! Từ khi Như Lai đắc đạo đến nay, hơn bốn mươi năm, thường vì chúng sanh diễn thuyết các pháp: Nghĩa của bốn tướng, nghĩa khổ, nghĩa không, vô thường, vô ngã, không lớn không nhỏ, không sanh không diệt. Một tướng vô tướng, từ xưa đến nay pháp tánh pháp tướng vốn là không tịch, chẳng lại, chẳng đi, chẳng hiện ra, chẳng biến mất. Người nghe thuyết pháp, hoặc được Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp,²

¹ Ba đời (Tam thế) là Quá khứ, Hiện tại và Tương lai.

² Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp là 4 Thiện căn. Noãn pháp và Đỉnh pháp hợp thành Động thiện. Người mới phát lòng tin nơi kinh điển Phật thuyết, ban sơ được Noãn pháp như lửa mới nhen,

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

được quả *Tu-đà-hoàn*, quả *Tu-đà-hàm*, quả *A-na-hàm*, quả *A-la-hán*,¹ quả *Bích-chi* Phật,² hoặc phát tâm *Bồ-đề*, được Đệ nhất địa, Đệ nhị địa, Đệ tam cho đến Đệ thập địa.³

cảm nhận được hơi ấm nên gọi là Noãn pháp. Tiếp đến Đỉnh pháp là cao nhất trong Động thiện, như đỉnh đầu là cao nhất trong thân thể, nên gọi là Đỉnh pháp. Nhẫn pháp và Thế đệ nhất pháp hợp thành Bất động thiện. Nhẫn pháp là pháp đầu, người được pháp này có trí tuệ vững chắc không lay động, hiểu sâu lý Tứ đế được thành Đức nhẫn, nên gọi là Nhẫn pháp. Thế đệ nhất pháp là mức cao nhất trong Bất động thiện, trong 4 thiện căn, cũng là bậc cao nhất trong trí tuệ hữu lậu thế gian, nên gọi là Thế đệ nhất pháp. Vượt cao hơn mức này, người tu bất đầu chứng đắc vô lậu trí.

¹ Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán là bốn Thánh quả của Thanh văn thừa.

² Phật Bích-chi, cũng gọi là Phật Duyên giác, Phật Độc giác: Quả Phật chứng đắc nhờ tu tập pháp Thập nhị nhân duyên, là Niết-bàn của Duyên giác thừa.

³ Thập địa, tiếng Phạn là Daśabhūmi, tức là 10 địa vị của hàng Bồ Tát, được tính từ Sơ địa (hay Đệ nhất địa) lên đến Thập địa. Cụ thể bao gồm:

1. Hoan hỷ địa, tiếng Phạn là Pramuditā-bhūmi: Đạt đến địa vị này, Bồ Tát được hoan hỷ trên đường tu học, phát tâm cứu độ cho tất cả chúng sinh thoát khỏi luân hồi, không còn nghĩ đến bản thân mình nữa. Bồ Tát vì thế thực hiện hạnh bố thí không cầu được phúc đức, chứng được tính vô ngã của tất cả các pháp.

2. Ly cấu địa, tiếng Phạn là Vimalā-bhūmi: Đạt đến địa vị này, Bồ Tát nghiêm trì giới luật và thực hành thiền định.

3. Phát quang địa, tiếng Phạn là Prabhākārī-bhūmi: Đạt đến địa vị này, Bồ Tát chứng được luật vô thường, tu trí tâm mình, thực hành nhẫn nhục khi gặp chướng ngại trên đường hóa độ chúng sinh. Ở địa vị này, Bồ Tát trừ được ba độc là tham, sân, si và được bốn cấp định an chỉ của bốn xứ, chứng đạt năm phần trong lục thông.

4. Diệm huệ địa, tiếng Phạn là Arciṣmatī-bhūmi: Đạt đến địa vị này, Bồ Tát trừ tuyệt hết những quan niệm sai lầm, tu tập trí huệ và 37 pháp Bồ-đề phần.

5. Cự nan thắng địa, tiếng Phạn là Sudurjayā-bhūmi: Đạt đến địa vị này, Bồ Tát nhập định, đạt được trí huệ, từ đó liễu ngộ được pháp Tứ diệu đế và chân như, diệt hết các mối nghi ngờ và biết phân biệt, lại tiếp tục hành trì 37 giác chi.

6. Hiện tiền địa, tiếng Phạn là Abhimukhī-bhūmi: Đạt đến địa vị này, Bồ Tát liễu ngộ tất cả pháp là vô ngã, chứng được lý mười hai nhân duyên

CHỮ KINH TẬP YẾU

Nghĩa của các pháp đã thuyết ngày trước với nghĩa được thuyết hôm nay có gì khác nhau chẳng mà nói rằng: Kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* sâu xa, cao cả nhất này, nếu *Bồ Tát* tu hành tất mau được thành Vô thượng *Bồ-đề*? Việc ấy là thế nào? Nguyên đức Thế Tôn rủ lòng thương xót hết thấy chúng sanh mà phân biệt rõ, giúp cho người nghe pháp hôm nay cũng như về sau không còn nghi ngờ nữa.”

Liên đó, Phật bảo *Bồ Tát* Đại Trang Nghiêm rằng: “Lành thay, lành thay! Đại thiện nam tử, có thể thừa hồi Như Lai về nghĩa Đại thừa thâm sâu, vi diệu, cao cả hơn hết như thế. Nên biết rằng ông có thể giúp nhiều lợi ích, an lạc cho người và chư thiên, cứu bạt khổ não cho chúng sanh. Thật là đại từ bi, lòng tin chân thật chẳng thể hư hoại. Vì nhân duyên ấy, ông sẽ mau được thành Vô

và chuyển hóa trí phân biệt thành trí bát-nhã, nhận thức được tánh không. Bồ Tát ở địa vị này đã đạt trí huệ Bồ-đề. Bồ Tát nhờ đó có thể nhập Niết-bàn thường trụ, nhưng vì lòng từ bi thương xót chúng sanh mà trụ lại thế gian, nhưng không bị sanh tử ràng buộc. Cảnh giới này gọi là Niết-bàn vô trụ.

7. Viên hành địa, tiếng Phạn là *Dūraṅgamā-bhūmi*: Đạt đến địa vị này Bồ Tát có đầy đủ mọi khả năng, phương tiện để giáo hóa chúng sanh. Ở địa vị này, Bồ Tát có thể tùy nguyện lực hóa thân ở bất kỳ hình tướng nào.

8. Bất động địa, tiếng Phạn là *Acalā-bhūmi*: Đạt đến địa vị này, Bồ Tát không còn bị dao động bởi bất kỳ một cảnh ngộ nào, và đã biết chắc khi nào mình sẽ đạt quả vị Phật.

9. Thiện huệ địa, tiếng Phạn là *Sādhumatī-bhūmi*: Đạt đến địa vị này, Bồ Tát đạt trí huệ viên mãn, có đủ thập lực, lục thông, bốn tự tín và tám giải thoát, thông đạt cơ sở của mọi giáo pháp và giảng dạy cho chúng sanh.

10. Pháp vân địa, tiếng Phạn là *Dharmameghā-bhūmi*: Đạt đến địa vị này, Bồ Tát chứng đạt nhất thiết trí, đại hạnh. Ở địa vị này, Bồ Tát có Pháp thân viên mãn, ngự trên tòa sen với vô số Bồ Tát chung quanh trên cung trời Đâu-suất. Quả vị Phật lúc này đã được chư Phật ấn chứng.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

thượng *Bồ-đề*, lại khiến cho nhiều chúng sanh hiện tại và sau này được thành Vô thượng *Bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Từ khi ta ở nơi đạo tràng dưới cội *Bồ-đề* được thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề*,¹ dùng Phật nhãn² quán sát thấy tất cả các pháp không thể tuyên thuyết được. Vì sao vậy? Là bởi căn tánh, lòng tham muốn của chúng sanh chẳng đồng như nhau. Vì căn tánh và lòng tham muốn chẳng đồng nhau, nên phải dùng nhiều phương cách thuyết pháp. Hơn bốn mươi năm qua ta dùng sức phương tiện mà thuyết pháp, thật chưa nói rõ được lẽ chân thật đệ nhất. Vì thế mà chúng sanh tuy đắc đạo nhiều bậc khác nhau, nhưng chẳng được mau thành Vô thượng *Bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Pháp tử như nước, có thể rửa sạch được sự dơ nhớp. Dù là nước giếng, nước ao, nước sông, nước biển... thấy đều rửa sạch được sự dơ nhớp. Pháp cũng như vậy, có thể rửa sạch được sự dơ nhớp phiền não của chúng sanh.

“Thiện nam tử! Tánh của nước chỉ là một mà thôi. Nhưng giếng, ao, sông, biển... thì khác nhau chẳng giống. Tánh của pháp lại cũng vậy, đều rửa trừ được bụi bặm

¹ Bản Hán văn có thêm cụm từ “đoan tọa lục niên”, xét về văn nghĩa không quan trọng lắm, nhưng có thể gây nghi vấn, vì theo nhiều kinh điển khác thì đức Phật không ngồi 6 năm dưới cội Bồ-đề, mà qua 6 năm khổ hạnh rồi mới tìm đến cội Bồ-đề thiền tọa 49 ngày, thành Chánh giác. Chúng tôi chưa hiểu được có sự sai sót như thế nào trong đoạn Hán văn này, nhưng xét thấy có thể loại bỏ cụm từ này mà không làm thay đổi ý kinh.

² Phật nhãn: khả năng quán sát, thấy biết của chư Phật. Đây là một trong ngũ nhãn: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn.

CHỮ KINH TẬP YẾU

trần lao, không có khác biệt. Tuy nhiên, Tam pháp, Tứ quả, Nhị đạo¹ là phân biệt, chẳng phải một.

“Thiện nam tử! Nước ở các nơi tuy đều có thể dùng để rửa sạch được cả, nhưng giếng chẳng phải là ao, ao chẳng phải là sông, sông chẳng phải là biển. Như Lai là bậc Thế hùng² tự tại đối với các pháp, thuyết diễn các pháp cũng giống như vậy. Những pháp mà ngài thuyết ra ban đầu, khoảng giữa, về sau, thấy đều có thể rửa trừ phiền não của chúng sanh. Tuy nhiên, ban đầu chẳng phải khoảng giữa, khoảng giữa chẳng phải về sau. Những pháp thuyết ra, văn từ tuy là một, nhưng vào lúc đầu, khoảng giữa, về cuối lại mang nghĩa khác nhau.

“Thiện nam tử! Ta rời khỏi cây Thọ vương³ đến vườn Lộc dã⁴ thành *Ba-la-nại*, vì nhóm ông *A-nhã Câu-lân*⁵ năm người mà chuyển bánh xe pháp Tứ Đế,⁶ thuyết dạy rằng: *Các pháp xưa nay vốn không tịch, chuyển đổi không dừng nghỉ, niệm niệm sanh diệt.*

¹ Tam pháp, Tứ quả, Nhị đạo: Tam pháp là Giáo pháp, Hành pháp, Chứng pháp. Tứ quả là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Nhị đạo là Vô ngại đạo, Giải thoát đạo.

² Thế hùng: Bực hùng mạnh nhất ở thế gian.

³ Thọ vương: Vua loài cây, tức là cây Bồ-đề. Tôn xưng như vậy vì đức Thích-ca đấng đạo thành Phật dưới cội cây ấy.

⁴ Lộc dã, tiếng Phạn là Mrgadāva, khu vườn rộng ở gần thành Ba-la-nại, còn gọi là Vườn Nai vì trong vườn có rất nhiều nai.

⁵ A-nhã Câu-lân, tiếng Phạn là Ājñāta Kauṇḍinya, thường đọc là A-nhã Kiêu-trần-như. A-nhã, Hán dịch là Dĩ tri, Tri bốn tế hay Liễu bốn tế. Câu-lân hay Kiêu-trần-như, Hán dịch là Hỏa khí. Nhóm của ông này có 5 người, trước cùng tu khổ hạnh với Phật. Sau, Phật bỏ không theo lối tu khổ hạnh, bọn ông bèn bỏ đi, đến tu ở vườn Lộc dã. Do có nhân duyên như vậy, sau khi thành đạo Phật đến thuyết pháp độ cho nhóm này trước nhất.

⁶ Tứ đế: Bốn chân lý. Cũng gọi là Tứ diệu đế, Tứ thánh đế, Tứ chân đế. Tứ Đế là: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

“Khoảng thời gian sau đó, ta thuyết pháp ở đây và khắp mọi nơi khác, vì chư *tỳ-kheo* và *Bồ Tát* mà biện diễn tuyên thuyết Mười hai nhân duyên, Sáu *Ba-la-mật*. Cũng thuyết dạy rằng: *Các pháp xưa nay vốn không tịch, chuyển đổi không dừng nghỉ, niệm niệm sanh diệt.*

“Nay ta ở đây, diễn thuyết kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa*. Cũng lại thuyết dạy rằng: *Các pháp xưa nay vốn không tịch, chuyển đổi không dừng nghỉ, niệm niệm sanh diệt.*

“Thiện nam tử! Vậy nên thuyết pháp lúc ban đầu, khoảng giữa, hiện nay, văn từ tuy là một nhưng nghĩa khác nhau. Bởi nghĩa khác nhau, nên chỗ hiểu của chúng sanh cũng khác nhau. Bởi chỗ hiểu khác nhau, nên sự đắc pháp, đắc quả, đắc đạo cũng khác nhau.

“Thiện nam tử! Ban đầu ta thuyết Tứ đế với những người cầu Thanh văn,¹ nhưng có tám trăm ngàn chư thiên cũng đến nghe pháp phát tâm *Bồ-đề*.²

“Thời gian sau đó, ta diễn thuyết Mười hai nhân duyên rất thâm sâu với những người cầu quả Phật *Bích-chi*,³ nhưng có vô lượng chúng sanh phát *Bồ-đề* tâm, hoặc được đắc nhập vào pháp Thanh văn.

¹ Thanh văn: Tiếng Phạn là Shravaka (Xá-la-bà-ca), hàng đệ tử Phật nhờ nghe âm thanh thuyết pháp của Phật mà chứng ngộ, ở đây là pháp Tứ đế. Thanh văn thừa tu tập chứng đắc các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, và cao nhất là A-la-hán. Người cầu Thanh văn là người tu tập chỉ mong được chứng đắc các quả vị của Thanh văn thừa.

² Phát tâm Bồ-đề: Phát nguyện tu hành mãi cho đến khi thành Phật, đắc quả Vô thượng Bồ-đề, quyết không thoái chí nửa chừng.

³ Phật Bích-chi, hay Bích-chi-ca Phật-đà (Tiếng Phạn là Pratyeka-Bouddha). Hán dịch là Duyên giác hay Độc giác. Quả vị tu chứng nhờ quán sát lý Mười hai nhân duyên, nên gọi là Duyên giác. Đôi khi người tu tự quán sát

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Về sau, ta thuyết dạy Mười hai bộ kinh Phương đẳng, *Ma-ha-bát-nhã*, Hoa nghiêm Hải không, nói việc *Bồ Tát* tu hành trải qua nhiều kiếp, nhưng có trăm ngàn *tỳ-kheo*, vạn ức người và chư thiên, vô lượng chúng sanh được đắc quả *Tu-đà-hoàn*, *Tu-đà-hàm*, *A-na-hàm*, *A-la-hán*, hoặc đắc nhập vào pháp nhân duyên của hàng Phật *Bích-chi*.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy, nên phải biết rằng thuyết dạy tuy giống như nhau, nhưng nghĩa lại khác nhau. Bởi nghĩa khác nhau, nên chỗ hiểu của chúng sanh cũng khác nhau; sự đắc pháp, đắc quả, đắc đạo cũng khác nhau.

“Thiện nam tử! Vậy nên từ khi ta thành đạo bắt đầu thuyết pháp, cho tới ngày nay diễn thuyết kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa*, chưa có khi nào mà chẳng thuyết những lẽ khổ, không, vô thường, vô ngã, chẳng phải chân, chẳng phải giả, chẳng phải lớn, chẳng phải nhỏ, xưa vốn chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt, một tướng vô tướng, pháp tánh pháp tướng chẳng đến chẳng đi; nhưng có sự chuyển đổi bốn tướng của chúng sanh.

“Thiện nam tử! Hiểu theo nghĩa ấy, chư Phật chẳng nói hai lời,¹ nhưng có thể dùng một thứ tiếng mà phổ ứng các thứ tiếng, có thể dùng một thân mà chỉ ra cho thấy số thân nhiều như số cát của trăm ngàn vạn ức *na-do-tha* vô lượng vô số sông Hằng. Mỗi một thân ấy, đều lại chỉ ra cho thấy các loại hình khác nhau nhiều như số cát của trăm ngàn vạn ức *na-do-tha a-tăng-kỳ* sông Hằng. Mỗi

Mười hai nhân duyên mà giác ngộ, chúng đạo vào những lúc không có Phật ra đời, nên gọi là Độc giác.

¹ Chẳng nói hai lời: nghĩa là trước sau đều nhất quán, không sai khác.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

một hình ấy, lại chỉ ra cho thấy số hình nhiều như số cát của trăm ngàn vạn ức *na-do-tha a-tăng-kỳ* sông Hằng.

“Thiện nam tử! Đó là cảnh giới thâm sâu không thể nghĩ bàn của chư Phật, không phải chỗ mà hàng Nhị thừa¹ có thể biết được. Cho đến *Bồ Tát* Thập trụ² cũng chẳng thấu đến. Chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu rõ.

“Thiện nam tử! Vậy nên ta nói kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* là vi diệu, sâu xa, cao cả hơn hết; ý nghĩa chân thật, chính đáng, tôn quý hơn hết. Ba đời chư Phật đều giữ gìn, bảo hộ; chúng ma, ngoại đạo không thể xâm nhập vào. Tất cả tà kiến sanh tử không thể làm cho bại hoại được. Nếu *Bồ Tát* muốn mau thành Vô thượng *Bồ-đề*, nên tu học kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa*, thâm sâu, cao cả hơn hết như thế này.”

Phật thuyết như vậy rồi, liền đó ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách.³ Tự nhiên trên không

¹ Nhị thừa: Thanh văn thừa và Duyên giác thừa (hay Bích-chi Phật thừa). Thinh văn thừa là những người tu tập Tứ diệu đế. Duyên giác thừa tu tập Mười hai nhân duyên. Hai thừa ấy là phương tiện của Phật thuyết ra để tiếp độ những người căn cơ còn thấp kém, chưa thể tin nhận Đại-thừa. Vì vậy, sự giải thoát của hàng Nhị thừa thật ra chưa phải là giải thoát rốt ráo.

² Bồ Tát thập trụ: Tức là những vị Bồ Tát đã chứng đắc được một trong 10 địa vị từ Sơ địa đến Thập địa.

³ Chấn động sáu cách (Lục chủng chấn động): Theo kinh Đại phẩm Bát-nhã, quyển 1, thì 6 cách chấn động này là:

1. Phương đông vọt lên, phương tây chìm xuống.
2. Phương tây vọt lên, phương đông chìm xuống.
3. Phương nam vọt lên, phương bắc chìm xuống.
4. Phương bắc vọt lên, phương nam chìm xuống.
5. Bốn phương vọt lên, ở giữa chìm xuống.
6. Ở giữa vọt lên, bốn phương chìm xuống.

Theo kinh Trường-a-hàm, quyển 2, thì sáu cách chấn động là nói sáu lần đại địa chấn động trong cuộc đời thị hiện của Phật:

CHỮ KINH TẬP YẾU

mưa xuống đủ các loại hoa cõi trời như *uu-bát-la*, *bát-đàm-ma*, *câu-vật-đầu*, *phân-đà-ly*. Lại mưa xuống vô số các loại hương cõi trời, các loại y phục, chuỗi ngọc, châu báu vô giá trên cõi trời. Các món ấy từ trên không trung dần dần hạ xuống mà cúng dường Phật và chúng *Bồ Tát*, Thanh văn. Lại có những món ăn đủ trăm mùi vị được nấu ở nhà bếp cõi trời, đựng trong các chén bát cõi trời, hiện ra đầy đủ, dư dật. Các loại cờ xí, lọng phướn, nhạc cụ vi diệu trên cõi trời được bày biện ra khắp nơi, trỗi lên âm nhạc cõi trời để ca ngợi, tán thán Phật.

Lại chấn động sáu cách lần nữa. Các thế giới chư Phật ở phương Đông, nhiều như số cát sông Hằng, cũng mưa xuống những hoa, hương cõi trời, các loại y phục, chuỗi ngọc, châu báu vô giá trên cõi trời. Lại có những món ăn đủ trăm mùi vị được nấu ở nhà bếp cõi trời, đựng trong các chén bát cõi trời; các loại cờ xí, lọng phướn, nhạc cụ vi diệu trên cõi trời trỗi lên âm nhạc cõi trời để ca ngợi, tán thán chư Phật cõi ấy và chúng *Bồ Tát*, Thanh văn.

Ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương phụ, phương trên, phương dưới đều lại cũng như vậy.

1. Chấn động lúc Phật nhập vào bào thai.
2. Chấn động lúc Phật ra khỏi bào thai.
3. Chấn động lúc Phật thành đạo.
4. Chấn động lúc Phật chuyển pháp luân.
5. Chấn động lúc Phật sắp xả bỏ thân mạng.
6. Chấn động lúc Phật nhập Niết-bàn.

Lại căn cứ theo kinh Niết-bàn, thì không có chấn động lúc Phật sắp xả bỏ thân mạng, mà thêm vào chấn động lúc Phật xuất gia. Cách hiểu này hợp lý hơn vì lúc Phật sắp xả bỏ thân mạng cũng là lúc nhập Niết-bàn.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

Bấy giờ trong chúng hội có ba mươi hai ngàn vị đại *Bồ Tát* liền được phép *Tam-muội Vô lượng nghĩa*. Hai mươi bốn ngàn vị đại *Bồ Tát* được vô lượng vô số môn Tổng trì, có thể chuyển bánh xe Pháp của hết thấy chư Phật ba đời, chẳng để thối lui. Các vị *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo* ni, *uu-bà-tắc*, *uu-bà-di*, trời, rồng, *dạ-xoa*, *càn-thát-bà*, *a-tu-la*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *Ma-hầu-la-già*, vua Đại Chuyển luân, vua Tiểu Chuyển luân, các vua Ngân luân, Thiết luân..., quốc vương, vương tử, quan, dân, sĩ thứ, đại trưởng giả... và quyến thuộc trăm ngàn người tụ hội, nghe Phật thuyết kinh này rồi, hoặc được Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế gian đệ nhất pháp; hoặc đắc quả *Tu-đà-hoàn*, *Tư-đà-hàm*, *A-na-hàm*, *A-la-hán*, *Bích-chi* Phật. Lại có những người được Vô sanh Pháp nhẫn của hàng *Bồ Tát*. Lại có những người được một môn Tổng trì, hai môn Tổng trì, ba môn Tổng trì, bốn môn Tổng trì, hoặc năm, sáu, bảy, tám, chín, mười môn Tổng trì. Lại có những người được trăm ngàn vạn ức môn Tổng trì. Lại có những người được số môn Tổng trì nhiều như số cát của vô lượng vô số *a-tăng-kỳ* sông Hằng. Thấy đều có thể tùy thuận mà chuyển bánh xe Pháp chẳng để thối lui. Có vô lượng chúng sanh phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề*.

PHẨM THỨ BA

MƯỜI CÔNG ĐỨC

Lúc ấy, Đại *Bồ Tát* Đại Trang Nghiêm lại bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuyết kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* vi diệu, thâm sâu, cao cả nhất này, thật rất thâm sâu, rất thâm sâu!

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Vì sao vậy? Trong chúng hội này, các vị đại *Bồ Tát* và Tứ chúng,¹ trời, rồng, quỷ thần, quốc vương, quan, dân... những chúng sanh nào nghe kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* thâm sâu, cao cả nhất này, ai ai cũng được các môn Tổng trì, Tam pháp, Tứ quả, hoặc phát tâm *Bồ-đề*. Nên biết rằng pháp này ý nghĩa chân thật, chánh đáng, tôn quý hơn hết. Ba đời chư Phật đều giữ gìn, bảo hộ; chúng ma, ngoại đạo không thể xâm nhập vào. Tất cả tà kiến sanh tử không thể làm cho bại hoại được. Vì sao vậy? Vì nghe được một pháp này có thể nắm hiểu tất cả các pháp. Nếu chúng sanh nào nghe được kinh này, tất được lợi ích lớn. Vì sao vậy? Nếu biết tu hành theo kinh này, tất được mau thành Vô thượng *Bồ-đề*. Chúng sanh nào chẳng nghe được kinh này, nên biết rằng đã mất đi lợi ích lớn, dù trải qua vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp không thể nghĩ bàn, cũng không bao giờ được thành Vô thượng *Bồ-đề*. Vì sao vậy? Vì chẳng biết con đường lớn thẳng tắt đến *Bồ-đề*, lại đi theo nẻo hiểm nguy, vướng nhiều tai nạn.

“Bạch Thế Tôn! Kinh điển này thật chẳng thể nghĩ bàn. Xin đức Thế Tôn đem lòng thương xót, diễn giải rộng với đại chúng chỗ thâm sâu chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

“Bạch Thế Tôn! Kinh điển này từ đâu đến, sẽ đi về đâu, trụ ở nơi nào, mà lại có được vô lượng công đức, sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn như vậy, khiến người tu được mau thành quả Phật?”

¹ Bốn chúng (Tứ chúng hay Tứ bộ chúng): 1. Tỳ-kheo (hàng xuất gia nam), 2. Tỳ-kheo ni, (hàng xuất gia nữ), 3. Ưu-bà-tắc (hàng tại gia nam), 4. Ưu-bà-di, (hàng tại gia nữ).

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

Lúc ấy, đức Thế Tôn nói với *Bồ Tát* Đại Trang Nghiêm rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói đó. Thiện nam tử! Ta thuyết kinh này rất thâm sâu, quả thật rất thâm sâu. Vì sao vậy? Vì khiến cho người tu mau thành Vô thượng *Bồ-đề*; vì nghe được kinh này một lần, có thể nắm hiểu được tất cả các pháp; vì có lợi ích lớn đối với chúng sanh; vì là con đường lớn thẳng tắt đến *Bồ-đề*, không vướng tai nạn.

“Thiện nam tử! Ông hỏi rằng kinh này từ đâu đến, sẽ đi về đâu, trụ ở nơi nào. Hãy khéo lắng nghe đây.

“Thiện nam tử! Kinh này vốn từ trong nhà ở của chư Phật mà ra; sẽ đi đến chỗ phát tâm *Bồ-đề* của hết thảy chúng sanh; trụ vào chỗ trụ của chư *Bồ Tát*.

“Thiện nam tử! Chỗ đến của kinh này là như vậy, chỗ đi là như vậy, chỗ trụ là như vậy. Cho nên kinh này có được vô lượng công đức, sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn, khiến người tu mau thành Vô thượng *Bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Kinh này lại có mười sức mạnh công đức chẳng thể nghĩ bàn, người có muốn nghe chăng?”

Bồ Tát Đại Trang Nghiêm thưa: “Con rất vui mừng được nghe.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Thứ nhất là, kinh này có thể khiến cho *Bồ Tát* chưa phát tâm sẽ phát tâm *Bồ-đề*. Với người không có lòng nhân từ, lại làm cho khởi lòng nhân từ; kẻ ưa giết hại khởi tâm đại bi; kẻ hay tạt đổ khởi tâm tùy hỷ; kẻ trói buộc nơi luyến ái khởi tâm xả bỏ; kẻ tham lam bủn xỉn khởi tâm bố thí; kẻ kiêu căng ngã mạn khởi tâm trì giới; kẻ hay sân nhuế khởi lòng

CHỮ KINH TẬP YẾU

nhấn nhục; kẻ lười nhác khởi lòng tinh tấn; kẻ tán loạn khởi tâm thiền định; kẻ ngu si khởi tâm trí huệ; kẻ chưa từng cứu độ người khác khởi tâm cứu độ; kẻ làm mười điều ác khởi tâm làm mười điều lành; kẻ thích hữu vi hướng đến vô vi; kẻ có lòng thối chuyển sanh tâm chẳng thối chuyển; kẻ theo hữu lậu khởi tâm vô lậu; kẻ nhiều phiền não khởi tâm trừ dứt.

“Thiện nam tử! Đó gọi là sức mạnh công đức thứ nhất chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

“Thiện nam tử! Sức mạnh công đức thứ hai chẳng thể nghĩ bàn của kinh này là, nếu chúng sanh nào được nghe kinh này, dù nghe qua hết một lần, hoặc chỉ một bài kệ, cho đến chỉ một câu thôi, ắt có thể thông đạt được trăm, ngàn, ức nghĩa của các pháp. Dù trải qua vô lượng số kiếp cũng không thể diễn thuyết cho hết các pháp đã nắm hiểu được. Vì sao vậy? Vì pháp hiểu được từ kinh này có vô lượng nghĩa.

“Thiện nam tử! Kinh này tỷ như một hạt giống, sanh ra trăm, ngàn, vạn hạt. Trong trăm, ngàn, vạn hạt này, mỗi hạt lại sanh ra đến số trăm, ngàn, mười ngàn. Cứ như vậy mà tăng dần cho đến vô lượng. Kinh điển này lại cũng như vậy. Do một pháp mà sanh ra trăm, ngàn nghĩa. Trong trăm, ngàn nghĩa này mỗi nghĩa lại sanh ra đến số trăm, ngàn, mười ngàn. Cứ như vậy mà tăng dần cho đến vô lượng, vô biên nghĩa. Vì vậy mà gọi tên kinh này là Vô lượng nghĩa.

“Thiện nam tử! Đó là sức mạnh công đức thứ hai chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

“Thiện nam tử! Sức mạnh công đức thứ ba chẳng thể nghĩ bàn của kinh này là, nếu chúng sanh nào được nghe

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

kinh này, dù nghe qua hết một lần, hoặc chỉ một bài kệ, cho đến chỉ một câu thôi, thông đạt được trăm, ngàn, ức nghĩa của các pháp rồi, tuy có phiền não cũng như không phiền não; ra vào chốn sanh tử lòng không sợ sệt. Đối với chúng sanh, sanh lòng thương xót. Đối với hết thảy các pháp, lòng mạnh mẽ, dững mãnh.

“Như người lực sĩ đủ sức gánh vác những món nặng nề. Người trì kinh này lại cũng như vậy, có thể nhận lấy nhiệm vụ nặng nề là Vô thượng Bồ-đề, gánh vác chúng sanh ra khỏi đường sanh tử. Tuy chưa độ thoát chính mình, đã có thể độ cho kẻ khác. Cũng như người chèo thuyền, dù thân mang bệnh nặng, tay chân chẳng cử động, nằm yên nơi bờ sông bên này, nhưng đã có thuyền tốt, chắc chắn, lại đủ các dụng cụ để đưa khách, liền giúp người qua bờ sông bên kia được. Người trì kinh này lại cũng như vậy. Tuy mang xác thân nằm trong Năm nẻo,¹ một trăm lẻ tám bệnh nặng² thường bám lấy thân, chỉ nằm yên ở bờ bên này là vô minh, già, chết; nhưng đã có thuyền tốt, chắc chắn là kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* này, có thể cứu độ được chúng sanh. Nếu chúng sanh theo lời thuyết dạy mà làm, ắt vượt qua được con sông sanh tử.

“Thiện nam tử! Đó là sức mạnh công đức thứ ba chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

¹ Năm nẻo (Ngũ đạo): Năm nẻo luân hồi của những chúng sanh chưa được giải thoát: trời, người, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Nói Ngũ đạo cũng như Lục đạo, duy chỉ thiếu A-tu-la mà thôi.

² Một trăm lẻ tám bệnh nặng (Bá bát trọng bệnh): Tức là một trăm lẻ tám phiền não của chúng sanh. Kể ra là: 88 kiến hoặc trong Ba cõi, 10 tu hoặc, 10 triển cái (Vô tâm, vô quý, hôn trầm, ác tác, não, tật, trạo cử, thùy miên, phẫn, phược).

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Thiện nam tử! Sức mạnh công đức thứ tư chẳng thể nghĩ bàn của kinh này là: nếu chúng sanh nào được nghe kinh này, dù nghe qua hết một lần, hoặc chỉ một bài kệ, cho đến chỉ một câu thôi, được tư tưởng dưng mãnh, mạnh mẽ. Tuy chưa thể tự độ thoát chính mình, nhưng có thể cứu độ cho người khác; làm quyến thuộc với chư *Bồ Tát*. Chư Phật Như Lai thường hướng về người trì kinh mà diễn thuyết các pháp; được nghe rồi có thể thọ trì, tùy thuận chẳng nghịch; lại còn vì người khác mà tùy nghi thuyết rộng.

“Thiện nam tử! Người ấy tỷ như vị hoàng tử mới sanh của vua và phu nhân. Dù mới sanh ra chỉ một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày, hoặc một tháng, hai tháng, cho đến bảy tháng, hoặc được một tuổi, hai tuổi cho đến bảy tuổi, tuy chưa có thể lo liệu việc nước, nhưng đã được quan và dân tôn kính, lại thường kết giao với các vị con lớn của vua. Vua và phu nhân hết lòng chiều chuộng thương yêu, thường cùng trò chuyện. Vì sao vậy? Vì hoàng tử còn bé thơ.

“Thiện nam tử! Người trì kinh này lại cũng như vậy. Chư Phật là vua, kinh này là phu nhân, hòa hiệp nhau mà sanh ra *Bồ Tát*. Nếu *Bồ Tát* được nghe kinh này, dù là một câu, một bài kệ, hoặc nghe qua hết một lần, hai lần, mười lần, trăm lần, ngàn vạn, ức vạn lần, cho đến nhiều lần như số cát sông Hằng, vô lượng vô số lần, tuy chưa đạt được tột cùng chân lý, chưa thể làm chấn động ba ngàn đại thiên cõi nước, phát tiếng Phạm âm như sấm rền mà chuyển Đại Pháp luân, nhưng đã được hết thấy

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

Tứ chúng, Bát bộ¹ tôn trọng, kính ngưỡng. Được các vị đại *Bồ Tát* nhận làm quyến thuộc. Thâm nhập vào các pháp bí mật của chư Phật, chỗ diễn thuyết không lỗi lầm, không bỏ mất; thường được chư Phật hộ niệm, đem lòng từ ái chở che cho. Vì là người mới tu học.

“Thiện nam tử! Đó là sức mạnh công đức thứ tư chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

“Thiện nam tử! Sức mạnh công đức thứ năm chẳng thể nghĩ bàn của kinh này là: Trong khi Phật còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, nếu có những kẻ nam, người nữ lòng lành, có thể thọ trì, đọc tụng sao chép kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* thâm sâu cao cả nhất này, những người ấy cho dù bị nhiều phiền não trói buộc, chưa thể lìa xa các việc phàm phu, nhưng lại có thể thị hiện đạo lớn *Bồ-đề*; có thể kéo dài một ngày ra thành trăm kiếp; có thể rút ngắn trăm kiếp thành một ngày, khiến cho chúng sanh hoan hỷ tin phục.

“Thiện nam tử! Những kẻ nam người nữ lòng lành ấy cũng tỷ như rồng con, mới sanh được bảy ngày liền có thể kéo mây, làm mưa.

“Thiện nam tử! Đó gọi là sức mạnh công đức thứ năm chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

“Thiện nam tử! Sức mạnh công đức thứ sáu chẳng thể nghĩ bàn của kinh này là: Trong khi Phật còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, nếu có những kẻ nam, người nữ lòng lành, có thể thọ trì, đọc tụng kinh điển này, dù vẫn còn nhiều phiền não, nhưng có thể vì chúng sanh mà thuyết

¹ Bát bộ: Tám bộ chúng sanh, đó là: 1. Thiên, 2. Long, 3. Dạ xoa, 4. Càn-thát-bà, 5. A-tu-la, 7. Khẩn-na-la, 8. Ma-hầu-la-già.

CHỮ KINH TẬP YẾU

pháp, khiến cho lìa xa phiền não sanh tử và dứt trừ hết thấy khổ não. Chúng sanh nghe thuyết pháp rồi tu hành đắc pháp, đắc quả, đắc đạo, so với Phật Như Lai không còn khác biệt. Ví như vị vương tử tuy còn nhỏ tuổi, nhưng nếu vua đi tuần du hoặc gặp lúc có bệnh, ủy quyền cho vương tử ấy lo liệu việc trị nước, vương tử liền vâng lệnh truyền của vua, y theo phép tắc mà sai khiến hết thấy quan thuộc, nêu rõ chánh hóa. Nhân dân trong nước nhờ đó mà được an ổn cũng như khi vua cai trị, chẳng khác chi cả.

“Người trì kinh này lại cũng như vậy. Trong khi Phật tại thế hoặc đã diệt độ, tuy chưa trụ được ở Sơ, Bất động địa,¹ nhưng cũng y theo lời giảng dạy của Phật mà diễn bày ra, chúng sanh nghe rồi hết lòng tu hành, dứt trừ phiền não, đắc pháp, đắc quả, cho đến đắc đạo.

“Thiện nam tử! Đó gọi là sức mạnh công đức thứ sáu chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

“Thiện nam tử! Sức mạnh công đức thứ bảy chẳng thể nghĩ bàn của kinh này là: Trong khi Phật còn tại thế hoặc đã diệt độ, nếu có những kẻ nam, người nữ lòng lành, được nghe kinh này, trong lòng vui vẻ, hoan hỷ tin nhận, cho đó là việc ít có, liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng giải, y theo pháp mà tu hành, phát tâm *Bồ-đề*, sanh khởi các thiện căn, vững lòng đại bi, muốn cứu độ tất cả chúng sanh khổ não. Khi chưa tu hành Sáu *Ba-la-mật*, Sáu *Ba-la-mật* tự nhiên hiện ra. Ngay trong đời này

¹ Sơ, Bất động địa: Địa vị ban sơ (Sơ địa), và địa vị thứ 8 trong Thập địa của Bồ Tát.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

liền được Vô sanh Pháp nhẫn,¹ phiền não sanh tử nhất thời liền dứt trừ hết sạch, thăng lên địa vị thứ bảy² của đại *Bồ Tát*. Tỷ như một người dũng mãnh, giúp trừ kẻ oán nghịch cho vua. Kẻ oán nghịch trừ xong, vua rất hoan hỷ, đem một nửa cõi nước mà phong thưởng cho. Người trì kinh này lại cũng như vậy, so trong những kẻ tu hành là bậc dũng mãnh hơn hết. Món pháp quý báu là Sáu *ba-la-mật*, tuy người chẳng cầu, mà tự nhiên hiện đến. Kẻ oán nghịch là sanh tử tự nhiên bị diệt mất, liền chứng Vô sanh nhẫn, được phong thưởng bằng một nửa cõi nước là món báu của Phật, khiến được an ổn, vui thỏa.

“Thiện nam tử! Đó gọi là sức mạnh công đức thứ bảy chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

“Thiện nam tử! Sức mạnh công đức thứ tám chẳng thể nghĩ bàn của kinh này là: Trong khi Phật còn tại thế hoặc đã nhập diệt, nếu có kẻ nam, người nữ lòng lành nào gặp được kinh điển này, đem lòng kính trọng, tin nhận, chẳng khác gì như được thấy thân Phật; lại ưa thích, mến mộ kinh này, liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, hết sức cung kính, y như pháp mà vâng làm theo; vững vàng nơi giới luật, nhẫn nhục, cùng thực hành Bồ thí *ba-la-mật*, phát tâm từ bi sâu vững; đem kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* này thuyết rộng với nhiều người khác. Nếu có người khi vừa mới đến chẳng tin việc tội phước, liền đem kinh này mà chỉ bảo cho, dùng đủ mọi phương tiện, cố giáo hóa cho họ được lòng tin. Nhờ oai lực của kinh

¹ Vô sanh Pháp nhẫn, hay Vô sanh nhẫn: Đức nhẫn nhục của người chứng ngộ lý vô sanh của các pháp: thật tánh mọi sự vật đều không có sanh ra, không diệt đi. Hiểu lý thật tánh ấy thì không buồn, không giận đối với pháp hữu tình và vô tình.

² Địa vị thứ bảy, tức là Viên hành địa trong Thập địa của Bồ Tát.

CHỮ KINH TẬP YẾU

này, khiến cho người ấy hốt nhiên hồi tâm. Đã khởi lòng tin rồi, nhờ sự dũng mãnh tinh tấn, có thể có được thể lực oai đức của kinh này, lại đắc đạo, đắc quả.

“Cho nên những kẻ nam, người nữ có lòng lành, nhờ sự giáo hóa của kinh này mà ngay trong đời hiện tại được chứng Vô sanh Pháp nhẫn, lên tới Thượng địa¹ làm quyến thuộc với chư Bồ Tát, nhanh chóng thành tựu cho chúng sanh, làm trong sạch cõi Phật, chẳng bao lâu sẽ được Vô thượng Bồ-đề.

“Thiện nam tử! Đó gọi là sức mạnh công đức thứ tám chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

“Thiện nam tử! Sức mạnh công đức thứ chín chẳng thể nghĩ bàn của kinh này là: Trong khi Phật còn tại thế hoặc đã nhập diệt, nếu có kẻ nam, người nữ lòng lành nào gặp được kinh điển này, vui mừng sung sướng, cho là việc chưa từng có, liền thọ trì, đọc tụng, cúng dường, lại sao chép ra, vì mọi người khác mà phân biệt giảng nói nghĩa kinh. Người ấy liền được nhất thời dứt sạch mọi nghiệp chướng nặng nề từ đời trước, tâm liền được thanh tịnh, được đại tài biện luận, lần lượt hội đủ các Ba-la-mật mà trang nghiêm đức hạnh; được các phép Tam-muội, Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, nhập vào môn đại Tổng trì; được sức chuyên cần tinh tấn, nhanh chóng vượt lên đến Thượng địa; có thể biến hóa phân thân ra khắp các cõi nước mười phương, cứu vớt tất cả chúng sanh khổ sở

¹ Thượng địa: Tức là các địa vị trong Thập địa của hàng Bồ Tát.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

trong hai mươi lăm cảnh Hữu,¹ khiến cho đều được giải thoát. Cho nên kinh này có được sức mạnh như vậy.

“Thiện nam tử! Đó là sức mạnh công đức thứ chín chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

“Thiện nam tử! Sức công đức thứ mười chẳng thể nghĩ bàn của kinh này là: Trong khi Phật còn tại thế hoặc đã nhập diệt, nếu có kẻ nam, người nữ lòng lành nào gặp được kinh điển này, hết sức vui mừng, cho là việc chưa từng có, liền tự mình thọ trì, đọc tụng, cúng dường, lại sao chép ra, rồi y theo lời dạy mà tu hành. Lại khuyến khích được nhiều người tại gia, xuất gia cùng thọ trì, đọc tụng, cúng dường, sao chép kinh này, theo như pháp mà tu hành. Khiến cho kẻ khác tu hành, nhờ sức kinh này nên đắc đạo, đắc quả; đó đều là do sức khuyến hóa lòng lành của người trì kinh. Nên ngay trong đời này, người ấy liền được vô lượng các môn Tổng trì. Ở địa vị phàm phu mà tự nhiên có thể phát vô số a-tăng-kỳ lời thệ nguyện rộng lớn, có thể thừa sức cứu vớt hết thảy chúng sanh, thành tựu đức đại bi, cứu bạt những nỗi khổ rộng khắp, gom góp đủ các căn lành, làm lợi ích cho tất cả; lại tuôn mưa Pháp thấm nhuần tốt tươi cho những nơi khô hạn, dùng món thuốc Pháp mà ban cho chúng sanh, khiến hết thảy đều được an lạc; dần dần vượt lên đến Pháp vân địa,² ban ân trạch thấm nhuần mọi chốn, lòng từ trải khắp nơi nơi, gồm thâu mọi khổ não của chúng sanh, khiến họ bước vào nẻo đạo. Do vậy, chẳng bao lâu người ấy sẽ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề.

¹ Hai mươi lăm cảnh Hữu (Nhị thập ngũ Hữu): 25 cảnh có chúng sanh cư ngụ: 14 cảnh thuộc về Dục giới, 7 cảnh thuộc về Sắc giới, 4 cảnh thuộc về Vô sắc giới.

² Địa vị thứ mười trong Thập địa của hàng Bồ Tát.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Thiện nam tử! Đó là sức mạnh công đức thứ mười chẳng thể nghĩ bàn của kinh này.

“Thiện nam tử! Kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* cao quý hơn hết này có sức đại oai thần như thế, tôn quý chẳng gì bằng, có thể giúp cho phàm phu được thành Thánh quả, mãi mãi dứt lia sanh tử, thấy đều được tự tại. Vì vậy nên gọi tên kinh là Vô lượng nghĩa, có thể khiến cho hết thấy chúng sanh ở địa vị phàm phu sanh khởi vô lượng mầm đạo của chư *Bồ Tát*, làm cho cây công đức trở nên to lớn, sum sê. Vì vậy nên kinh này có danh hiệu là *Sức công đức chẳng thể nghĩ bàn*.”

Lúc ấy, Đại *Bồ Tát* Đại Trang Nghiêm cùng với tám mươi ngàn vị đại *Bồ Tát* đồng thanh bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* thâm sâu, vi diệu, cao cả hơn hết mà Phật đã thuyết, ý nghĩa chân thật, chánh đáng, cao quý hơn hết, chư Phật ba đời đều gìn giữ, hộ trì, chúng ma ngoại đạo không thể xâm nhập, tất cả tà kiến sanh tử không thể làm hư hoại. Cho nên kinh này mới có mười sức mạnh công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, làm lợi ích rất nhiều cho vô lượng hết thấy chúng sanh, khiến tất cả chư đại *Bồ Tát* đều được phép *Tam-muội* Vô lượng nghĩa, hoặc được trăm ngàn môn Tổng trì, hoặc được các địa vị trong Thập địa, các pháp nhẫn của *Bồ Tát*, hoặc được các quả Duyên giác, *A-la-hán*, chứng bốn Đạo quả.¹ Đức Thế Tôn thương xót đã vui lòng giảng thuyết cho chúng con nghe pháp ấy, khiến được sự lợi ích rất lớn về giáo pháp. Thật là rất lạ, chưa từng có vậy! Chúng con thật khó báo đáp từ ân của Thế Tôn!”

¹ Bốn Đạo quả, hay Bốn Thánh quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

Lời ấy vừa nói xong, khắp ba ngàn cõi đại thiên thế giới liền chấn động sáu cách. Từ trên không trung, mưa xuống các thứ hoa cõi trời như hoa *ưu-bát-la*, hoa *bát-đàm-ma*, hoa *câu-vật-đầu*, hoa *phân-đà-ly*, lại mưa xuống vô số hương cõi trời, các thứ y phục, anh lạc, châu báu vô giá cõi trời. Từ trên không trung, những thứ ấy dần dần hạ xuống mà cúng dường Phật cùng với chư *Bồ Tát*, Thanh văn, đại chúng. Lại có những món ăn đủ trăm mùi vị được nấu ở nhà bếp cõi trời, đựng trong các chén bát cõi trời, hiện ra đầy đủ, dư dật. Chỉ cần nhìn và ngửi các món ăn ấy, tự nhiên đã thấy no đủ rồi. Các loại cờ xí, lọng phướn, nhạc cụ vi diệu trên cõi trời được bày biện ra khắp nơi, trỗi lên âm nhạc cõi trời để ca ngợi, tán thán Phật.

Lại chấn động sáu cách lần nữa. Các thế giới chư Phật ở phương đông, nhiều như số cát sông Hằng, cũng mưa xuống những hoa, hương cõi trời, các loại y phục, chuỗi ngọc, châu báu vô giá trên cõi trời. Lại có những món ăn đủ trăm mùi vị được nấu ở nhà bếp cõi trời, đựng trong các chén bát cõi trời; chỉ cần nhìn và ngửi các món ăn ấy, tự nhiên đã thấy no đủ rồi. Các loại cờ xí, lọng phướn, nhạc cụ vi diệu trên cõi trời trỗi lên âm nhạc cõi trời để ca ngợi, tán thán chư Phật cõi ấy và chúng *Bồ Tát*, Thanh văn.

Ở phương nam, phương tây, phương bắc, bốn phương phụ,¹ phương trên, phương dưới đều lại cũng như vậy.

(Hết phần chánh tông)

¹ Bốn phương phụ là các phương đông nam, đông bắc, tây nam và tây bắc.

CHÚ KINH TẬP YẾU

Lúc ấy Phật bảo Đại Bồ Tát Đại Trang nghiêm và tám mươi ngàn vị đại Bồ Tát rằng: “Đối với kinh này, các người nên khởi lòng kính trọng sâu xa, y như pháp mà tu hành, giáo hóa cho hết thấy, hết lòng truyền bá, lưu hành, thường nên ân cần ngày đêm giữ gìn, bảo vệ, khiến cho chúng sanh đều được lợi ích về pháp. Các người đúng thật là đại từ, đại bi, đã lập nguyện thần thông mà ưa thích bảo hộ kinh này, chớ để ngưng trệ. Về đời sau, nên lưu hành rộng khắp cõi *Diêm-phù-đề*,¹ khiến cho tất cả chúng sanh đều được thấy, nghe, đọc tụng, cúng dường, sao chép ra. Nhờ vào việc ấy, sẽ giúp các người cũng mau đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề*.”

(Từ chương trên đây trở xuống là phần Lưu thông)²

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Đại Trang Nghiêm với tám mươi ngàn đại Bồ Tát liền đứng dậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đi quanh Phật cả trăm ngàn vòng, rồi cùng nhau quỳ xuống, đồng thanh bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con lấy làm vui thích được đức Thế Tôn đem lòng từ mẫn thuyết cho nghe kinh *Đại thừa Vô lượng nghĩa* thâm sâu, vi diệu, cao cả hơn hết này. Chúng con kính vâng lời dạy của Phật, sau khi Như Lai diệt độ, chúng con sẽ làm cho khắp nơi được lưu hành kinh điển này, khiến cho hết thấy chúng sanh đều thọ trì, đọc tụng, cúng dường, sao chép thêm ra. Xin đức Thế Tôn đừng đem lòng lo lắng, chúng con sẽ dùng nguyện lực khiến

¹ Diêm-phù-đề, Tiếng Phạn là Jambudvīpa, chỉ cho cả thế giới, cả địa cầu này.

² Trong các kinh điển thường đều có chia ra phần Lưu thông và phần Chánh tông. Phần Lưu thông nói lên nguyên do, xuất xứ... Phần Chánh tông truyền đạt ý nghĩa chính yếu đặc thù của mỗi bộ kinh.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

cho hết thấy chúng sanh đều được oai thần phước lực của kinh điển này.”

Bấy giờ, Phật khen rằng: “Lành thay, lành thay! Các thiện nam tử! Nay các ông quả thật là Phật tử, đại từ, đại bi, có thể thừa sức cứu bạt khổ ách; là ruộng phước màu mỡ¹ cho hết thấy chúng sanh; rộng vì hết thấy chúng sanh mà làm người dẫn dắt cho theo về đúng nẻo; làm chỗ nương dựa chắc chắn của chúng sanh; là bậc đại thí chủ, thường đem sự lợi ích về giáo pháp mà bố thí rộng rãi cho tất cả.”

Lúc ấy, hết thấy chúng hội đều vui mừng hoan hỷ, lễ bái đức Phật, thọ trì rồi lui ra.

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

CHUNG

¹ Ruộng phước màu mỡ (luồng phước điển): Bậc xứng đáng nhận sự cúng dường của chúng sanh, vì thế người cúng dường có thể được phước đức vô lượng. Bởi ý nghĩa đó nên ví như mảnh ruộng màu mỡ để chúng sanh gieo trồng hạt giống phước đức, có thể gặt hái được rất nhiều lợi lạc về sau.

四十二章經

後漢迦葉摩騰共法蘭譯

經序

世尊成道已，作是思惟。離欲寂靜，是最為勝。住大禪定降諸魔道。於鹿野苑中轉四諦法輪，度憍陳如等五人而證道果。復有比丘所說諸疑，求佛進止。世尊教勅，一一開悟，合掌敬諾而順尊勅。

第一章 出家證果

佛言。辭親出家，識心達本，解無為法。名曰沙門。常行二百五十戒。進志清淨為四真道行成阿羅漢。

TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Hậu Hán Ca-diếp Ma-đăng cộng Pháp-lan dịch

KINH TỰ

Thế Tôn thành đạo dĩ, tác thị tư duy: “Ly dục tịch tĩnh, thị tối vi thắng.” Trụ đại thiền định, hàng chư ma đạo. Ở Lộc dã uyển trung, chuyển Tứ đế Pháp luân, độ Kiền-trần-như đẳng ngũ nhân nhi chứng đạo quả.

Phục hữu tỳ-kheo sở thuyết chư nghi, cầu Phật tấn chỉ. Thế Tôn giáo sắc, nhất nhất khai ngộ, hiệp chưởng kính nặc, nhi thuận tôn sắc.

ĐỆ NHẤT CHƯƠNG

XUẤT GIA CHỨNG QUẢ

Phật ngôn: Từ thân xuất gia, thức tâm đạt bản, giải vô vi pháp, danh viết *sa-môn*. Thường hành nhị bách ngũ thập giới, tấn chí thanh tịnh, vi Tứ chân đạo hạnh, thành *A-la-hán*.

阿羅漢者。能飛行變化。曠劫壽命。住動天地。次為阿那含。

阿那含者，壽終，魂靈上十九天，證阿羅漢。次為斯陀含。

斯陀含者。一上一還。即得阿羅漢。次為須陀洹。

須陀洹者。七死七生。便證阿羅漢。

愛欲斷者，如四支斷。不復用之。

第二章 斷欲絕朕

佛言。出家沙門者，斷欲去愛，識自心源，達佛深理，悟無為法。內無所得，外無所求。心不繫道，亦不結業。無念無作，非須非證。不歷諸位而自崇最。名之為道。

A-la-hán giả năng phi hành biến hóa, khoáng kiếp thọ mạng, trụ động thiên địa. Thứ vi *A-na-hàm*.

A-na-hàm giả, thọ chung linh thân thượng Thập cửu thiên, chứng *A-la-hán*. Thứ vi *Tư-đà-hàm*.

Tư-đà-hàm giả, nhất thượng nhất hoàn, tức đặc *A-la-hán*. Thứ vi *Tư-đà-hoàn*.

Tư-đà-hoàn giả, thất tử thất sanh, tiện chứng *A-la-hán*.

Ái dục đoạn giả, như tứ chi đoạn, bất phục dụng chi.

ĐỆ NHỊ CHƯƠNG ĐOẠN DỤC TUYỆT TRÂM

Phật ngôn: Xuất gia *sa-môn* giả đoạn dục khử ái, thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ vô vi pháp, nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu, tâm bất hệ đạo, diệc bất kết nghiệp, vô niệm vô tác, phi tu phi chứng, bất lịch chư vị, nhi tự sùng tối, danh chi vi đạo.

第三章
害愛去貪

佛言。剃除鬚髮而為沙門。受道法者。去世資財。乞求取足。日中一食。樹下一宿。慎勿再矣。使人愚弊者。愛與欲也。

第四章
善惡並明

佛言。衆生以十事為善。亦以十事為惡。何等為十。身三。口四。意三。身三者。殺。盜。淫。口四者。兩舌。惡口。妄言。綺語。意三者。嫉。恚。癡。如是十事，不順聖道，名十惡行。是惡若止名十善行耳。

ĐỆ TAM CHƯƠNG
CÁT ÁI KHỦ THAM

Phật ngôn: Thế trừ tu phát nhi vi sa-môn, thọ đạo pháp giả, khủ thế tư tài, khát cầu thủ túc. Nhật trung nhất tự, thọ hạ nhất túc, thận vật tái hỷ. Sử nhân ngu tế giả, ái dữ dục dã.

ĐỆ TỨ CHƯƠNG
THIỆN ÁC TỊNH MINH

Phật ngôn: Chúng sanh dĩ thập sự vi thiện, diệt dĩ thập sự vi ác. Hà đẳng vi thập? Thân tam, khẩu tứ, ý tam. Thân tam giả: sát, đạo, dâm. Khẩu tứ giả: lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ. Ý tam giả: tật, nhuế, si. Như thị thập sự, bất thuận Thánh đạo, danh Thập ác hạnh. Thị ác nhược chỉ, danh Thập thiện hạnh nhĩ.

第五章
轉重令輕

佛言。人有衆過。而不自悔。頓息其心。罪來赴身。如水歸海。漸成深廣。若人有過。自解知非。改惡行善。罪自消滅。如病得汗。漸有痊損耳。

第六章
忍惡無瞋

佛言。惡人聞善。故來撓亂者。汝自禁息。當無瞋責。彼來惡者。而自惡之。

ĐỆ NGŨ CHƯƠNG
CHUYỂN TRỌNG LINH KHINH

Phật ngôn: Nhân hữu chúng quá, nhi bất tự hối. Đốn tức kỳ tâm, tội lai phó thân, như thủy quy hải tiệm thành thâm quảng. Nhược nhân hữu quá, tự giải tri phi, cải ác hành thiện, tội tự tiêu diệt, như bệnh đắc hãn, tiệm hữu thuyên tổn nhĩ.

ĐỆ LỤC CHƯƠNG
NHÂN ÁC VÔ SÂN

Phật ngôn: Ác nhân văn thiện, cố lai náo loạn giả. Nhữ tự cấm tức, đương vô sân trách. Bĩ lai ác giả, nhi tự ác chi.

第七章
惡還本身

有人聞吾守道，行大仁慈故致罵佛。佛默不對。罵止。問曰。子以禮從人，其人不納，禮歸子乎。對曰。歸矣。佛言。今子罵我，我今不納，子自持禍，歸子身矣。猶響應聲影之隨形終無免離。慎勿為惡。

第八章
塵唾自污

佛言。惡人害賢者。猶仰天而唾。唾不至天。還從己墮。逆風颺塵。塵不至彼。還坌己身。賢不可毀。禍必滅己。

ĐỆ THẤT CHƯƠNG
ÁC HOÀN BỐN THÂN

Phật ngôn: Hữu nhân văn ngô thủ đạo, hành đại nhân từ, cố trí mạ Phật. Phật mặc bất đối. Mạ chỉ. Vấn viết: Tử dĩ lễ tùng nhân, kỳ nhân bất nạp, lễ quy tử hô? Đối viết: Quy hỹ.

Phật ngôn: Kim tử mạ ngã, ngã kim bất nạp, tử tự trì họa quy tử thân hỹ. Du hưởng ứng thanh, ảnh chi tùy hình, chung vô miễn ly. Thận vật vi ác.

ĐỆ BÁT CHƯƠNG
TRẦN THÓA TỰ Ô

Phật ngôn: Ác nhân hại hiền giả, du ngưỡng thiên nhi thóa. Thóa bất chí thiên, hoàn tùng kỷ đạo. Nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ, hoàn bộn kỷ thân. Hiền bất khả hủy, họa tất diệt kỷ.

第九章
返本會道

佛言。博聞愛道，道必難會。守志奉道。其道甚大。

第十章
喜施獲福

佛言。覩人施道助之歡喜得福甚大。沙門問曰。此福盡乎。佛言。譬如一炬之火。數百千人。各以炬來分取，熟食，除冥，彼炬如故。福亦如之。

ĐỆ CỬU CHƯƠNG
PHẢN BỔN HỘI ĐẠO

Phật ngôn: Bác văn ái đạo, đạo tất nan hội. Thủ chí phụng đạo, kỳ đạo thậm đại.

ĐỆ THẬP CHƯƠNG
HỖ THÍ HOẠCH PHƯỚC

Phật ngôn: “Đổ nhân thí đạo, trợ chi hoan hỷ, đắc phước thậm đại.” *Sa-môn* vấn viết: “Thử phước tận hồ?”

Phật ngôn: “Thí như nhất cự chi hỏa, sở bá thiên nhân các dĩ cự lai phân thủ, thực thực, trừ minh, thử cự như cố. Phước diệc như chi.”

第十一章
施飯轉勝

佛言。飯惡人百。不如飯一善人。
飯善人千，不如飯一持五戒者。
飯五戒者萬，不如飯一須陀洹。
飯百萬須陀洹，不如飯一斯陀含。
飯千萬斯陀含。不如飯一阿那含。
飯一億阿那含，不如飯一阿羅漢。
飯十億阿羅漢，不如飯一辟支佛。
飯百億辟支佛，不如飯一三世諸佛。
飯千億三世諸佛，不如飯一無念無住無修
無證之者。

ĐỆ THẬP NHẤT CHƯƠNG
THÍ PHẠM CHUYỂN THẮNG

Phật ngôn: Phạm ác nhân bá, bất như phạm nhất thiện nhân.

Phạm thiện nhân thiên, bất như phạm nhất trì ngũ giới giả.

Phạm ngũ giới giả vạn, bất như phạm nhất *Tu-đà-hoàn*.

Phạm bá vạn *Tu-đà-hoàn*, bất như phạm nhất *Tu-đà-hàm*.

Phạm thiên vạn *Tu-đà-hàm*, bất như phạm nhất *A-na-hàm*.

Phạm nhất ức *A-na-hàm*, bất như phạm nhất *A-la-hán*.

Phạm thập ức *A-la-hán*, bất như phạm nhất *Bích-chi* Phật.

Phạm bá ức *Bích-chi* Phật, bất như phạm nhất Tam thế chư Phật.

Phạm thiên ức Tam thế chư Phật, bất như phạm nhất Vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng chi giả.

第十二章
舉難勸修

佛言。人有二十難。

貧窮布施難。
豪貴學道難。
棄命必死難。
得覩佛經難。
生值佛世難。
忍色忍欲難。
見好不求難。
被辱不瞋難。
有勢不臨難。
觸事無心難。
廣學博究難。
除滅我慢難。
不輕未學難。
心行平等難。
不說是非難。

ĐỆ THẬP NHỊ CHƯƠNG
CỬ NAN KHUYẾN TU

Phật ngôn: Nhân hữu nhị thập nan:

1. Bần cùng bố thí nan.
2. Hào quý học đạo nan.
3. Khí mạng tất tử nan.
4. Đắc đở Phật kinh nan.
5. Sanh trị Phật thế nan.
6. Nhẫn sắc nhẫn dục nan.
7. Kiến hảo bất cầu nan.
8. Bị nhục bất sân nan.
9. Hữu thế bất lâm nan.
10. Xúc sự vô tâm nan.
11. Quảng học bác cứu nan.
12. Trừ diệt ngã mạn nan.
13. Bất khinh vị học nan.
14. Tâm hành bình đẳng nan.

會善知識難。
見性學道難。
隨化度人難。
覩境不動難。
善解方便難。

第十三章 問道宿命

沙門問佛。以何因緣得知宿命會其至道。
佛言。淨心守志可會之道。譬如磨鏡。垢
去明存。斷欲無求當得宿命。

第十四章 請問善大

沙門問佛。何者為善。何者最大。佛言。
行道守真者善。志與道合者大。

15. Bất thuyết thị phi nan.
16. Hội thiện tri thức nan.
17. Kiến tánh học đạo nan.
18. Tùy hóa độ nhân nan.
19. Đồ cảnh bất động nan.
20. Thiện giải phương tiện nan.

ĐỆ THẬP TAM CHƯƠNG

VẤN ĐẠO TỨC MẠNG

Sa-môn vấn Phật: “Dĩ hà nhân duyên, đắc tri túc mạng, hội kỳ chí đạo?” Phật ngôn: “Tịnh tâm, thủ chí, khả hội chí đạo. Thí như ma kính, cầu khứ, minh tồn. Đoạn dục, vô cầu, đương đắc túc mạng.”

ĐỆ THẬP TỨ CHƯƠNG

THỈNH VẤN THIỆN ĐẠI

Sa-môn vấn Phật: “Hà giả vi thiện? Hà giả tối đại?”

Phật ngôn: “Hành đạo, thủ chân giả thiện. Chí dữ đạo hiệp giả đại.”

第十五章
請問力明

沙門問佛。何者多力。何者最明。佛言。忍辱多力。不懷惡故兼加安健。忍者無惡。必為人尊。心垢滅盡，淨無瑕穢，是為最明。未有天地，逮於今日。十方所有。無有不見，無有不知，無有不聞，得一切智。可謂明矣。

第十六章
捨愛得道

佛言。人懷愛欲不見道者。譬如澄水致手攪之。衆人共臨無有覩其影者。人以愛欲交錯心中濁興故不見道。汝等沙門當捨愛欲。愛欲垢盡道可見矣。

ĐỆ THẬP NGŨ CHƯƠNG
THỈNH VẤN LỰC MINH

Sa-môn vấn Phật: “Hà giả đa lực? Hà giả tối minh?”

Phật ngôn: “Nhân nhục đa lực, bất hoại ác cố, kiêm gia an kiện. Nhân giả vô ác, tất vi nhân tôn. Tâm cấu diệt tận, tịnh vô hà uest, thị vi tối minh, Vị hữu thiên địa đả ư kim nhật, thập phương sở hữu, vô hữu bất kiến, vô hữu bất tri, vô hữu bất văn, đắc Nhất thiết trí, khả vi minh hỹ.”

ĐỆ THẬP LỤC CHƯƠNG
XẢ ÁI ĐẮC ĐẠO

Phật ngôn: “Nhân hoại ái dục, bất kiến đạo giả. Thí như trũng thủy, trí thủ giáo chi. Chúng nhân cộng lâm, vô hữu đồ kỳ ảnh giả. Nhân dĩ ái dục giao thác, tâm trung trực hưng, cố bất kiến đạo. Nhữ đẳng *sa-môn* đương xả ái dục. Ái dục cấu tận, đạo khả kiến hỹ.

第十七章

明來暗謝

佛言。夫見道者。譬如持炬入冥室中。其冥即滅而明獨存。學道見諦無明即滅，而明常存矣。

第十八章

念等本空

佛言。吾法念無念念，行無行行，言無言言，修無修修。會者近爾，迷者遠乎。言語道斷，非物所拘。差之毫釐失之須臾。

第十九章

假真並觀

佛言。觀天地念非常。觀世界念非常。觀靈覺即菩提。如是知識得道疾矣。

ĐỆ THẬP THẤT CHƯƠNG

MINH LAI ÁM TẠ

Phật ngôn: phù kiến Đạo giả, thí như trì cự, nhập minh thất trung, Kỳ minh tức diệt, nhi minh độc tồn. Học Đạo kiến Đế, Vô minh tức diệt, nhi Minh thường tồn hỷ.

ĐỆ THẬP BÁT CHƯƠNG

NIỆM ĐẲNG BỔN KHÔNG

Phật ngôn: Ngô Pháp niệm vô niệm niệm, hành vô hành hạnh, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu. Hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ. Ngôn ngữ đạo đoạn, phi vật sở câu. Sai chi hào ly, thất chi tu du.

ĐỆ THẬP CỬU CHƯƠNG

GIẢ CHÂN TỊNH QUÁN

Phật ngôn: “Quán thiên địa, niệm phi thường; quán thế giới, niệm phi thường; quán linh giác, tức Bồ-đề. Như thị tri thức, đắc đạo tột hỷ.”

第二十章
推我本空

佛言。當念身中四大各自有名都無我者。
我既都無其如幻耳。

第二十一章
名聲喪本

佛言。人隨情欲求於聲名。聲名顯著身以
故矣。貪世常名而不學道，枉功勞形。譬
如燒香，雖人聞香，香之燼矣。危身之火
而在其後。

第二十二章
財色招苦

佛言。財色於人。人之不捨，譬如刀刃有
蜜，不足一餐之美。小兒舐之，則有割舌
之患。

ĐỆ NHỊ THẬP CHƯƠNG
SUY NGÃ BỔN KHÔNG

Phật ngôn: “Đương niệm thân trung tứ đại, các tự
hữu danh, đô vô ngã giả. Ngã ký đô vô, kỳ như huyền
nhĩ.”

ĐỆ NHỊ THẬP NHẤT CHƯƠNG
DANH THANH TÁN BỔN

Phật ngôn: “Nhân tùy tình dục, cầu ư thanh danh.
Thanh danh hiển trước, thân dĩ cố hỹ! Tham thế thường
danh, nhi bất học đạo, uổng công lao hình. Thí như
thieu hương, tuy nhân văn hương, hương chi tận hỹ.
Nguy thân chi hỏa nhi tại kỳ hậu.”

ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ CHƯƠNG
TÀI SẮC CHIÊU KHỔ

Phật ngôn: “Tài sắc ư nhân, nhân chi bất xả, thí
như đao nhận hữu mật, bất túc nhất xan chi mỹ. Tiểu
nhĩ thử chi, tắc hữu cát thiệt chi hoạn.”

第二十三章

妻子甚獄

佛言。人繫於妻子，舍宅，甚於牢獄。牢獄有散釋之期，妻子無遠離之念。情愛於色，豈憚驅馳。雖有虎口之患，必存甘伏，投泥自溺，故曰凡夫。透得此門出塵羅漢。

第二十四章

色欲障道

佛言。愛欲莫甚於色。色之為欲。其大無外。賴有一矣。若使二同。普天之人無能為道者矣。

ĐỆ NHỊ THẬP TAM CHƯƠNG

THÊ TỬ THẬM NGỤC

Phật ngôn: “Nhân hệ ư thê tử, xá trạch, thậm ư lao ngục. Lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viễn ly chi niệm. Tình ái ư sắc, khởi đản khu trì? Tuy hữu hổ khẩu chi hoạn, tất tồn cam phục, đầu nê tự nịch, cố viết phàm phu. Thấu đắc thử môn, xuất trần *La-hán*.”

ĐỆ NHỊ THẬP TỬ CHƯƠNG

SẮC DỤC CHƯỚNG ĐẠO

Phật ngôn: “Ái dục mạc thậm ư sắc. Sắc chi vi dục, kỳ đại vô ngoại. Lại hữu nhất hỹ. Nhược sử nhị đồng, phổ thiên chi nhân, vô năng vi đạo giả hỹ.”

第二十五章
欲火燒身

佛言。愛欲之人，猶如執炬逆風而行，必有燒手之患。

第二十六章
天魔嬈佛

天神獻玉女於佛。欲壞佛意。佛言。革囊衆穢。爾來何為。去，吾不用。天神愈敬。因問道意。佛為解說。即得須陀洹果。

第二十七章
無著得道

佛言。夫為道者，猶木在水，尋流而行。不觸兩岸，不為人取，不為鬼神所遮，不為洄流所住，亦不腐敗。吾保此木決定入海。

ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ CHƯƠNG
DỤC HỎA THIÊU THÂN

Phật ngôn: “Ái dục chi nhân, do như chấp cự nghịch phong nhi hành. Tất hữu thiêu thủ chi hoạn.”

ĐỆ NHỊ THẬP LỤC CHƯƠNG
THIÊN MA NHIỄU PHẬT

Thiên thần hiến ngọc nữ ư Phật, dục hoại Phật ý. Phật ngôn: “Cách nang chúng uest, nhĩ lai hà vi? Khứ. Ngô bất dụng.” Thiên thần dĩ kính, nhân vấn đạo ý. Phật vị giải thuyết, tức đắc *Tu-đà-hoàn* quả.”

ĐỆ NHỊ THẬP THẤT CHƯƠNG
VÔ TRƯỚC ĐẮC ĐẠO

Phật ngôn: “Phù vi đạo giả, do mộc tại thủy, tâm lưu nhi hành. Bất xúc lưỡng ngạn, bất vi nhân thủ, bất vi quỷ thần sở giã, bất vi hồi lưu sở trụ, diệc bất hủ bại. Ngô bảo thử mộc quyết định nhập hải.”

學道之人不為情欲所惑，不為衆邪所嬈，
精進無為。吾保此人必得道矣。

第二十八章

意馬莫縱

佛言。慎勿信汝意。汝意不可信。慎勿與
色會。色會即禍生。得阿羅漢已。乃可信
汝意。

第二十九章

正觀敵色

佛言。慎勿視女色，亦莫共言語。若與語
者。正心思念。我為沙門處於濁世。當如
蓮花不為泥汙。想其老者如母，長者如姊
，少者如妹，稚者如子。生度脫心，息滅
惡念。

Học đạo chi nhân, bất vi tình dục sở hoặc, bất vi
chúng tà sở nhiễu, tinh tấn vô vi. Ngô bảo thử nhân tất
đắc đạo hĩ.”

ĐỆ NHỊ THẬP BÁT CHƯƠNG

Ý MÃ MẠC TÚNG

Phật ngôn: “Thận vật tín nữ ý, nữ ý bất khả tín.
Thận vật dữ sắc hội, sắc hội tức họa sanh. Đắc *A-la-hán*
dĩ, nãi khả tín nữ ý.”

ĐỆ NHỊ THẬP CỬU CHƯƠNG

CHÁNH QUÁN ĐỊCH SẮC

Phật ngôn: “Thận vật thị nữ sắc, diệc mạc cộng
ngôn ngữ. Nhược dữ ngữ giả, chánh tâm tư niệm: Ngã vi
Sa-môn, xử ư trực thế, đương như liên hoa, bất vi nê ô.
Tưởng kỳ lão giả như mẫu, trưởng giả như tỷ, thiếu giả
như muội, trĩ giả như tử, sanh độ thoát tâm, tức diệt ác
niệm.”

第三十章
欲火遠離

佛言。夫為道者如被乾草。火來須避。道人見欲。必當遠之。

第三十一章
心寂欲除

有人患淫不止，欲自除陰。佛謂之曰。若斷其陰不如斷心。心如功曹。功曹若止。從者都息。邪心不止，斷陰何益。佛謂說偈。

欲生於汝意，
意以思想生。
二心各寂靜，
非色亦非行。

佛言。此偈是迦葉佛說。

ĐỆ TAM THẬP CHƯƠNG
DỤC HỎA VIỄN LY

Phật ngôn: “Phù vi đạo giả, như bị càn thảo, hỏa lai tu tị. Đạo nhân kiến dục, tất đương viễn chi.”

ĐỆ TAM THẬP NHẤT CHƯƠNG
TÂM TỊCH DỤC TRỪ

Hữu nhân hoạn dâm bất chỉ, dục tự trừ âm. Phật vị chi viết: “Nhược đoạn kỳ âm, bất như đoạn tâm. Tâm như công tào. Công tào nhược chỉ, tòng giả đô tức. Tà tâm bất chỉ, đoạn âm hà ích?”

Phật vị thuyết kệ:

“Dục sanh ư nhữ ý,
Ý dĩ tư tưởng sanh;
Nhị tâm các tịch tĩnh,
Phi sắc diệc phi hành.”

Phật ngôn: “Thử kệ thị Ca-diếp Phật thuyết.”

第三十二章
我空怖滅

佛言。人從愛欲生憂，從憂生怖。若離於愛，何憂何怖。

第三十三章
智明破魔

佛言。夫為道者，譬如一人與萬人戰，挂鎧出門，意或怯弱或半路而退，或格鬪而死，或得勝而還。沙門學道應當堅持其心，精進勇銳，不畏前境，破滅衆魔而得道果。

第三十四章
處中得道

有沙門夜誦迦葉佛遺教經，其聲悲緊，思悔欲退。佛問之曰。汝昔在家曾為何業。

ĐỆ TAM THẬP NHỊ CHƯƠNG
NGÃ KHÔNG BỐ DIỆT

Phật ngôn: “Nhân tùng ái dục sanh ưu, tùng ưu sanh bố. Nhược ly ư ái, hà ưu, hà bố?”

ĐỆ TAM THẬP TAM CHƯƠNG
TRÍ MINH PHÁ MA

Phật ngôn: “Phù vi đạo giả, thí như nhất nhân dữ vạn nhân chiến, quải khải xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thối, hoặc cách đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa-môn học đạo, ưng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dũng nhuệ, bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma, nhi đắc đạo quả.

ĐỆ TAM THẬP TỨ CHƯƠNG
XỬ TRUNG ĐẮC ĐẠO

Hữu sa-môn dạ tụng Ca-diếp Phật Di giáo Kinh. Kỳ thanh bi khẩn, tư hối dục thối. Phật vấn chi viết: “Nhữ tích tại gia, tăng vi hà nghiệp?”

對曰。愛彈琴。
佛言。絃緩如何。
對曰。不鳴矣。
絃急如何。
對曰。聲絕矣。
急緩得中如何。
對曰。諸音普矣。
佛言。沙門學道亦然。心若調適，道可得矣。於道若暴，暴即身疲。其身若疲，意即生惱。意若生惱，行即退矣。其行既退，罪必加矣。但清淨安樂，道不失矣。

第三十五章 垢去明存

佛言。如人鍛鐵，去滓成器，器即精好。學道之人去心垢染，行即清淨矣。

Đối viết: “Ái đàn cầm.”
Phật ngôn: “Huyền hoãn như hà?”
Đối viết: “Bất minh hỹ.”
“Huyền cấp như hà?”
Đối viết: “Thanh tuyệt hỹ.”
“Cấp hoãn đặc trung như hà?”
Đối viết: “Chư âm phổ hỹ.”

Phật ngôn: “*Sa-môn* học đạo diệc nhiên. Tâm nhược điều thích, đạo khả đặc hỹ. Ủ đạo nhược bạo, bạo tức thân bì. Kỳ thân nhược bì, ý tức sanh não. Ý nhược sanh não, hành tức thối hỹ. Kỳ hành ký thối, tội tất gia hỹ. Đản thanh tịnh an lạc, đạo bất thất hỹ.”

ĐỆ TAM THẬP NGŨ CHƯƠNG CẤU KHỨ MINH TỒN

Phật ngôn: “Như nhân đoán thiết, khử tế thành khí; khí tức tinh hảo. Học đạo chi nhân khử tâm cấu nhiễm, hạnh tức thanh tịnh hỹ.”

第三十六章
展轉獲勝

佛言。人離惡道得為人難。

既得為人，去女即男難。

既得為男，六根完具難。

六根既具，生中國難。

既生中國，值佛世難。

既值佛世，遇道者難。

既得遇道，興信心難。

既興信心，發菩提心難。

既發菩提心，無修無證難。

第三十七章
念戒近道

佛言。佛子離吾數千里。憶念吾戒，必得道果。在吾左右，雖常見吾，不順吾戒，終不得道。

ĐỆ TAM THẬP LỤC CHƯƠNG
TRIỂN CHUYỂN HOẠCH THẮNG

Phật ngôn: “Nhân ly ác đạo, đắc vi nhân nan.

“Ký đắc vi nhân, khứ nữ tức nam nan.

“Ký đắc vi nam, lục căn hoàn cụ nan.

“Lục căn ký cụ, sanh trung quốc nan.

“Ký sanh trung quốc, trị Phật thế nan.

“Ký trị Phật thế, ngộ đạo giả nan.

“Ký đắc ngộ đạo, hưng tín tâm nan.

“Ký hưng tín tâm, phát Bồ-đề tâm nan.

“Ký phát Bồ-đề tâm, Vô tu vô chứng nan.”

ĐỆ TAM THẬP THẤT CHƯƠNG
NIỆM GIỚI CẬN ĐẠO

Phật ngôn: “Phật tử ly ngô sở thiên lý, ức niệm ngô giới, tất đắc đạo quả. Tại ngô tả hữu, tuy thường kiến ngô, bất thuận ngô giới, chung bất đắc đạo.”

第三十八章
生即有滅

佛問沙門。人命在幾間。對曰。數日間。
佛言。子未知道。
復問一沙門。人命在幾間。
對曰。飯食間。
佛言。子未知道。
復問一沙門。人命在幾間。
對曰。在呼吸間。
佛言。善哉。子知道矣。

第三十九章
教誨無差

佛言。學佛道者，佛所言說，皆應信順。
譬如食蜜，中邊皆甜。吾經亦爾。

ĐỆ TAM THẬP BÁT CHƯƠNG
SANH TỨC HỮU DIỆT

Phật vấn *sa-môn*: “Nhân mạng tại kỷ gian?” Đối viết: “Số nhật gian.” Phật ngôn: “Tử vị tri đạo.”
Phục vấn nhất *sa-môn*: “Nhân mạng tại kỷ gian?”
Đối viết: “Phạn thực gian.”
Phật ngôn: “Tử vị tri đạo.”
Phục vấn nhất *sa-môn*: “Nhân mạng tại kỷ gian?”
Đối viết: “Tại hô hấp gian.”
Phật ngôn: “Thiện tai! Tử tri đạo hỹ.”

ĐỆ TAM THẬP CỬU CHƯƠNG
GIÁO HỐI VÔ SAI

Phật ngôn: “Học Phật đạo giả, Phật sở ngôn thuyết, giai ưng tín thuận. Thí như thực mật, trung biên giai diêm. Ngô kinh diệc nhĩ.”

第四十章
行道在心

佛言。沙門行道，無如磨牛。身雖行道，
心道不行。心道若行，何用行道。

第四十一章
直心出欲

佛言。夫爲道者，如牛負重行深泥中。疲
極不敢左右顧視。出離淤泥乃可蘇息。沙
門當情欲甚於淤泥。直心念道可免苦矣。

ĐỆ TƯ THẬP CHƯƠNG
HÀNH ĐẠO TẠI TÂM

Phật ngôn: “*Sa-môn* hành đạo, vô như ma ngư.
Thân tuy hành đạo, tâm đạo bất hành. Tâm đạo nhược
hành, hà dụng hành đạo?”

ĐỆ TƯ THẬP NHẤT CHƯƠNG
TRỰC TÂM XUẤT DỤC

Phật ngôn: “Phù vi đạo giả, như ngư phụ trọng,
hành thâm nê trung. Bì cực, bất cảm tả hữu cố thị. Xuất
ly ứ nê, nãi khả tô tức. *Sa-môn* đương quán tình dục
thậm ư ứ nê, trực tâm niệm đạo, khả miễn khổ hỷ.”

第四十二章

達世知幻

佛言。吾視王侯之位如過隙塵，視金玉之寶如瓦礫，視紈素之服如敝帛，視大千界如一訶子，視阿耨池水如塗足油。

視方便門如化寶聚，視無上乘如夢金帛，視佛道如眼前華，視禪定如須彌柱，視涅槃如晝夕寤，視倒正如六龍舞，視平等如一真地，視興化如四時木。

諸大比丘聞佛所說，歡喜奉行。

四十二章經

終

ĐỆ TƯ THẬP NHỊ CHƯƠNG

ĐẠT THẾ TRI HUYỄN

Phật ngôn: “Ngô thị vương hầu chi vị như quá khích trần; thị kim ngọc chi bửu như ngôa lịch; thị hoàn tố chi phục như tộ bạch; thị đại thiên giới như nhất ha tử; thị *A-nậu* trì thủy như đồ túc du.

“Thị phương tiện môn như hóa bửu tụ; thị Vô thượng thừa như mộng kim bạch; thị Phật đạo như nhãn tiên hoa; thị thiên định như *Tu-di* trụ; thị *Niết-bàn* như trú tịch ngộ; thị đảo chánh như lục long vũ; thị bình đẳng như nhất chân địa; thị hưng hóa như tứ thời mộc.”

Chư Đại *tỳ-kheo* văn Phật sở thuyết, hoan hỷ phụng hành.

TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

CHUNG

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

(Phân dịch nghĩa)

BÀI TỰA KINH

Đức Thế Tôn khi thành đạo rồi, tự nghĩ rằng: “Lìa bỏ ái dục, được lẽ tịch tĩnh, ấy là hay hơn hết.” Ngài trụ nơi đại thiên định, hàng phục các ma chướng.

Ngài ở trong vườn Lộc gần thành Ba-la-nại mà chuyển bánh xe Pháp, thuyết Tứ diệu đế, độ cho nhóm ông Kiều-trần-như năm người đều đắc đạo.

Có những tỳ-kheo thưa hỏi chỗ nghi của mình, Phật nhân đó chỉ dạy làm cho mọi người đều được khai ngộ. Thấy đều chấp tay cung kính, vâng thuận theo lời dạy của Phật.¹

¹ Bài tựa kinh có lẽ do những người soạn kinh đưa vào, cho thấy kinh này được biên soạn từ những lời chỉ dạy của Phật, ghi lại những chỗ cốt yếu làm kim chỉ nam cho người tu tập. Vì thế không thấy giống như các kinh khác, đa phần là do ngài A-nan thuật lại sau khi nghe chính từ miệng Phật nói ra. Có lẽ cũng do được biên soạn về sau, nên qua nhiều lần in ấn đã có nhiều thay đổi. Hiện có đến hai dị bản khác nhau khá xa. Khi hiệu đính kinh này, chúng tôi đã tham khảo cả hai bản để bổ khuyết cho nhau. Kinh này xuất hiện khá sớm ở Trung Hoa. Theo “Thế giới sự đại biểu”

CHƯƠNG THỨ NHẤT

XUẤT GIA CHỨNG QUẢ

Phật dạy: “Từ già người thân, lìa bỏ gia đình, thấu biết lẽ tâm,¹ đạt tới nguồn cội² hiểu pháp vô vi,³ gọi là sa-môn.⁴ Vị sa-môn thường giữ trọn hai trăm năm mươi giới,⁵ chỗ hành động⁶ thấy đều thanh tịnh, làm theo Bốn chân lý,⁷ thành A-la-hán.¹ Vị A-la-hán

của Từ Hải thì vào khoảng niên hiệu Vĩnh Bình thứ 8 đời Hiếu Minh Đế nhà Hậu Hán, tức là năm 65 theo dương lịch.

¹ Thấu biết lẽ tâm: Hiểu biết rằng tâm này vốn thanh tịnh, chân thật. Kinh Bát-nhã nói: “Đối với tất cả các pháp, tâm là thiện đạo.” (bác dẫn dắt giới). Nếu biết được tâm, thì biết rõ các pháp. Tất cả thế pháp đều do tâm sanh.

² Đạt tới nguồn cội: Thông đạt tới chỗ nguồn cội là Thật tướng, Pháp thân, Chân như, vì đó là cái gốc hóa ra muôn hình vạn trạng.

³ Pháp vô vi: Đối với pháp hữu vi. Vô vi là pháp không tạo tác, không có bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt.

⁴ Sa-môn: Viết trọn là sa-môn-na, do tiếng Phạn là Sramana, nghĩa là vị tu sĩ xuất gia giữ tịnh hạnh. Có các nghĩa là: cần giả (Người siêng năng làm các điều thiện), tức giả (người dứt bỏ các nghiệp ác), bản giả (người chịu sống cảnh thiếu thốn, nghèo túng về vật chất).

⁵ Hai trăm năm mươi giới: Cũng gọi là Cự túc giới, là giới hạnh đầy đủ của một vị tỳ-kheo.

⁶ Kinh văn là “tấn chỉ”, nghĩa là “tối lui”, ở đây hàm ý chỉ hết thấy mọi hành động. Bản khác là “tấn chí thanh tịnh”, nghĩa là “tiến tới chỗ thanh tịnh”, thấy không hợp với chỗ đang nói về 250 giới. Theo như nghĩa “tấn chỉ” thì hợp lý hơn, vì nói rộng thêm về oai nghi của vị sa-môn.

⁷ Bốn chân lý: Tức là Tứ chân đế, cũng gọi là Tứ thánh đế, Tứ diệu đế, hay Tứ đế. Tiếng Phạn là Catvariaryasatyanu. Bốn chân lý do Phật thuyết ra là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Khổ: Các chúng sanh trong sáu nẻo đều không ai thoát khỏi những sự khổ não, như sanh, già, bệnh, chết, mong cầu không được, thương yêu phải xa lìa...

CHỮ KINH TẬP YẾU

có thể bay trên không trung, hiện hóa các phép thần thông, đời sống dài trọn kiếp. Vị ấy ở đâu thì cảm động cả đất trời. Dưới nữa là *A-na-hàm*.² Vị *A-na-hàm*, khi mạng chung sanh lên từng trời thứ mười chín³ rồi chứng quả *A-la-hán*. Dưới nữa là *Tu-đà-hàm*.⁴ Vị *Tu-đà-hàm* còn một lần sanh lên cõi trời và một lần trở lại cõi người, rồi chứng quả *A-la-hán*. Dưới nữa là *Tu-đà-hoàn*.⁵ Vị *Tu-đà-hoàn* còn bảy lần chết, bảy lần sanh mới chứng quả *A-la-hán*.

Tập: Nguyên nhân các sự khổ là lòng ham muốn.

Diệt: Muốn dứt khổ, trước phải dứt lòng ham muốn.

Đạo: Phương pháp, con đường để diệt khổ, đó là thi hành đạo Bát chánh đạo, gồm có: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

¹ A-la-hán: Tiếng Phạn là Arahāt, quả thánh cao nhất trong bốn quả thánh của Tiểu thừa. Người đắc quả thánh này gọi là A-la-hán, có ba nghĩa:

Sát tặc: giết giặc nghịch, ở đây là chỉ giặc phiền não.

Ứng cúng: Xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của chư thiên, nhân loại, nghĩa là có đầy đủ oai nghi, phước đức.

Bất sanh: Nghiệp lực đã dứt, chẳng còn phải sanh trở lại chốn thế gian.

² A-na-hàm: Quả thánh thứ ba, tiếng Phạn là Anāgāmin, chỉ thấp hơn quả A-la-hán. Hán dịch là Bất lai hoặc Bất hoàn, nghĩa là không còn phải tái sanh trở lại nhân gian.

³ Từng trời thứ mười chín: Thập cửu thiên. Các cảnh trời trong Tam giới phân ra làm ba mươi tầng. Từ dưới kể lên có 6 tầng thuộc Dục giới, 20 tầng thuộc Sắc giới, và 4 tầng thuộc Vô sắc giới. Từng trời thứ 19 tức là Quảng quả Thiên (Brahāpāla) ở Sắc giới, là cảnh cao nhất trong ba cảnh của Tứ thiên thiên.

⁴ Tu-đà-hàm: Quả thánh thứ hai, thấp hơn quả A-na-hàm và A-la-hán, tiếng Phạn là Sakradāgāmin. Hán dịch là Nhất lai, nghĩa là còn một lần sanh trở lại nhân gian trước khi chứng quả A-la-hán.

⁵ Tu-đà-hoàn: Quả thánh đầu tiên, hay Sơ quả, thấp nhất trong bốn quả thánh của Tiểu thừa, tiếng Phạn là Śrotāpanna. Hán dịch là Nhập lưu hay Dự lưu, nghĩa là người mới nhập vào dòng. Ở đây có nghĩa là dòng thánh.

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

“Khi người ta đoạn tuyệt ái dục¹ rồi, tử như tay chân bị chặt đứt, chẳng còn dùng đến nữa.”²

CHƯƠNG THỨ HAI

TRỪ DỤC DỨT TÌNH

Phật dạy: “Vị *sa-môn* xuất gia cắt đứt tình dục, lìa bỏ luyến ái, thấu hiểu tận nguồn tâm,³ đạt lý thâm diệu của Phật, rõ pháp vô vi, trong không có chỗ chứng đắc,⁴ ngoài không có chỗ mong cầu,⁵ tâm chẳng trói buộc vào đạo, cũng chẳng tạo thêm

¹ Ái dục: Ái là tham ái, dục là tham dục, đôi khi cũng chỉ gọi là ái. Đó là lòng luyến ái ham muốn do sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm) đối với sáu trần (hình sắc, âm thanh, hương, vị, cảm xúc, các pháp) mà khởi lên.

² Cả bốn thánh quả đều do cắt đứt ái dục mà chứng đắc. Ái dục làm cho con người tạo thành nghiệp quả, do nghiệp quả mà lưu chuyển trong luân hồi. Ái dục bị cắt đứt cũng như tay chân bị chặt đứt, không còn tạo nghiệp nữa.

³ Nguồn tâm: Bản thể của tâm. Luận Bồ-đề tâm nói: “Nếu vọng tâm khởi, thì biết mà chẳng theo. Khi mới vọng ấy bị dẹp đi, thì nguồn tâm trở nên không không tịch tĩnh. Như vậy muôn đức đều đủ, diệu dụng vô cùng.

⁴ Không có chỗ chứng đắc: Vô sở đắc, tự thấy mình không có gì gọi là chứng đắc. Kinh Niết-bàn nói: “Không chỗ chứng đắc, đó gọi là Huệ; có chỗ chứng đắc, đó gọi là Vô minh... Có chỗ chứng đắc gọi là vòng sanh tử. Tất cả phàm phu đều luân hồi sanh tử, nên có chỗ chứng đắc. Bồ Tát đoạn dứt sanh tử, cho nên không có chỗ chứng đắc.”

⁵ Không có chỗ mong cầu: Vô sở cầu, không cần cầu mong gì cả. Nếu cầu mà chẳng được thì sanh khổ. Người không có chỗ mong cầu tức thoát được mối khổ này.

CHỮ KINH TẬP YẾU

nghiệp quả, không chỗ niệm tưởng,¹ không tạo tác,² chẳng tu chẳng chứng,³ chẳng trải qua các quả vị, tự nhiên cao tới tột bậc.⁴ Đó gọi là đạo.”⁵

CHƯƠNG THỨ BA

DỨT ÁI BỎ THAM

Phật dạy: “Người cạo bỏ râu tóc⁶ làm *sa-môn*, lãnh thọ giáo pháp, lia bỏ tài sản thế gian, khát thực vừa đủ ăn. Mỗi ngày chỉ ăn một lần, dưới cội

¹ Không chỗ niệm tưởng: Vô niệm, ở đây là vọng niệm, sự tưởng nhớ lăng xăng, chạy theo trần cảnh. Kinh Tam Huệ nói: “Không ý, không niệm, thì muốn sự đều thành. Trong ý có trăm mối niệm, thì muốn sự đều hại.”

² Không tạo tác: Vô tác, mọi hành vi không còn sự cố ý tạo tác nữa, chỉ tùy theo nhân duyên mà sanh khởi, diệt mất. Kinh Vô lượng thọ nói: “Không tạo tác, không sanh khởi, nhìn thấy các pháp như huyền hóa.”

³ Chẳng tu chẳng chứng (Phi tu phi chứng): Tự mình vốn có Phật tánh, chẳng do tu tập mà sanh ra. Khởi tâm tu chứng tức là mong cầu được chứng quả, lại cũng rơi vào chỗ mong cầu. Chỉ tự thanh tịnh bản tâm, đạo tự nhiên hiển hiện. Đó là chỗ không chứng mà chứng, nên nói là chẳng tu, chẳng chứng.

⁴ Chẳng trải qua các quả vị (Bất lịch chư vị): Không chấp lấy các quả vị, đó chỉ là những trình tự chứng đạo tự nhiên đạt đến. Ý này cũng giống như câu phi tu phi chứng ở trên. Lại cũng có thể hiểu là sự trực ngộ Phật tánh không phụ thuộc vào các trình tự chứng đắc. Vì vậy nên nói là tự nhiên cao tới tột bậc.

⁵ Đối chiếu dị bản không thấy có chương này. Theo ý hướng thì phải phớt lờ về giáo lý Đại thừa, không thuận tụy nói giáo pháp Tứ đế như những chương khác, có lẽ do người sau thêm vào.

⁶ Cạo bỏ râu tóc: Người xuất gia theo Phật cạo bỏ râu tóc để chứng tỏ rằng mình đã dứt bỏ những ham muốn, ràng buộc thế tục và dẹp trừ lòng kiêu mạn, tự thị.

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

cây chỉ nghỉ một đêm, tránh không lập lại.¹ Ấy là vì biết rằng lòng luyến ái và ham muốn làm cho người ta ngu tối.”

CHƯƠNG THỨ TƯ

PHÂN RÕ LÀNH DỮ

Phật dạy: “Chúng sanh² có mười việc gọi là lành, lại cũng có mười việc gọi là dữ. Những gì là mười? Ba việc do thân tạo ra là: sát sanh,³ trộm cắp,⁴ dâm

¹ Vị tỳ-kheo ăn mỗi ngày một lần vào giờ Ngọ, quá giờ thì chẳng ăn. Không ngủ dưới một gốc cây trong hai đêm liên tiếp, vì sợ rơi vào chỗ ham thích, tham luyến nơi gốc cây ấy.

² Chúng sanh: Tiếng Phạn là Sattva (Tát-đỏa), Hán dịch là Chúng sanh, hay hữu tình, hữu thức, hàm sanh... Chỉ chung cho các loài trong Ba cõi, Sáu đường. Thọ nghiệp sanh tử liên miên trong vòng luân hồi, nên gọi chung là chúng sanh. Chúng sanh sanh ra bằng bốn cách: Thai sanh (sanh từ bào thai), noãn sanh (sanh từ trứng), thấp sanh (sanh từ chỗ ẩm ướt), hóa sanh (sanh ra do sự biến hóa).

³ Sát sanh: giết chết, đoạn dứt một hay nhiều sanh mạng với ác ý. Kinh Niết bàn nói: Tội sát có ba bậc: Hạ, Trung, Thượng. Hạ là giết hại mạng chúng sanh, cho dù là một con kiến, cho đến bất kỳ loài nào trong các loại súc sanh. Do tội ấy, kẻ phạm tội sẽ đọa vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chịu khổ bậc dưới, bậc nhẹ. Tại sao vậy? Vì những súc sanh ấy có thiện căn nhỏ, cho nên kẻ giết thọ đủ quả báo theo bậc ấy. Trung là giết từ kẻ phạm phu lẫn lên cho vị chúng quả A-na-hàm. Kẻ phạm tội sẽ đọa ở ba nẻo ác, chịu khổ báo bậc trung. Thượng là giết cha, giết mẹ hoặc một vị A-la-hán, hoặc Phật Bích-chi. Kẻ phạm tội sẽ đọa ở địa ngục Vô gián, chịu khổ báo nặng nề nhất.

⁴ Trộm cắp: Nói chung bất cứ vật gì thuộc sở hữu kẻ khác, chẳng đồng ý cho mà mình tìm cách để đoạt lấy, dù công khai hay lén lút, đều là phạm vào tội này.

CHỮ KINH TẬP YẾU

dục.¹ Bốn việc do miệng tạo ra là: nói hai lưỡi,² nói ác,³ nói dối,⁴ nói thêu dệt.⁵ Ba việc do ý tạo ra là: ganh ghét, sân hận, ngu si. Làm mười việc ấy chẳng thuận theo Thánh đạo, nên gọi là dữ. Nếu dùng được mười việc dữ ấy, thì gọi là mười việc lành.”

CHƯƠNG THỨ NĂM

CHUYỂN NẶNG THÀNH NHẸ

Phật dạy: “Người ta có những sự lầm lỗi mà chẳng biết tự hối, dứt bỏ ngay đi, thì tội lỗi tích tụ nơi thân mình, như nước đổ về biển, mỗi ngày lại càng thêm sâu rộng. Nếu người có lỗi mà tự biết sai lầm, bỏ dữ làm lành, thì tội tự tiêu diệt; như bệnh toát ra mồ hôi, dần dần được thuyên giảm.”

¹ Dâm dục: tình dục giữa nam nữ với nhau. Người tu Phật xuất gia dứt bỏ hẳn sự dâm dục. Người tại gia thì tránh sự tà dâm, nghĩa là không làm sự dâm dục với người không phải vợ hoặc chồng mình.

² Hai lưỡi: Tức là nói lời không chân thật, trước sau chẳng như nhau, thường là nhằm để ly gián người khác, hoặc làm cho người này và người kia ghét nhau, oán nghịch nhau.

³ Nói ác: Nói chung là những lời độc ác, như mắng, chửi, phỉ báng, nguyền rủa người khác.

⁴ Nói dối: Nói chung là những lời không đúng sự thật, chuyện không nói có, chuyện có nói không...

⁵ Nói thêu dệt: Lời nói ra với dụng ý, do đó mà uốn nắn, thêu dệt, cố tình dùng văn chương hoa mỹ mà làm cho người nghe hiểu sai sự thật hoặc phải theo ý mình.

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

CHƯƠNG THỨ SÁU

NHỊN KẺ ÁC KHÔNG GIẬN

Phật dạy: “Kẻ ác nghe việc lành cho nên đến quấy rối. Chư *tỳ-kheo*, hãy lặng yên nhin chịu đừng giận trách chi. Kẻ ấy làm điều dữ là tự chuốc lấy sự dữ cho mình.”

CHƯƠNG THỨ BẢY

LÀM ÁC GẶP ÁC

Phật dạy: “Có người nghe Phật giữ đạo, hết sức nhân từ, vì thế mà đến mắng chửi. Phật lặng thinh chẳng đáp. Chờ khi người ấy mắng xong, Phật hỏi rằng: Người mang lễ vật tặng người, nếu người chẳng nhận thì lễ vật ấy có trở về với người chẳng?”

“Đáp rằng: Có.

“Phật nói: Nay người đến mắng ta, ta chẳng nhận, tức là tự người mang lấy họa về cho chính mình. Cũng như tiếng dội ứng với âm thanh, bóng theo với hình, chẳng hề lìa nhau. Phải thận trọng chớ nên làm dữ.”

CHỮ KINH TẬP YẾU

CHƯƠNG THỨ TÁM

TỰ LÀM XẤU MÌNH

Phật dạy: “Kẻ dữ hại người hiền, cũng như ngửa mặt lên trời mà phun nước miếng. Nước miếng ấy chẳng lên đến trời, lại rơi xuống mình. Lại như kẻ ngược chiều gió mà tung bụi. Bụi ấy chẳng đến người khác, lại bám lấy mình. Nên người hiền chẳng thể làm hại được, mà tai họa sẽ trở lại cho kẻ ác.”

CHƯƠNG THỨ CHÍN

VỀ NGUỒN HIỂU ĐẠO

Phật dạy: “Lấy sự nghe biết nhiều, luyện mền nơi đạo, ắt khó mà hiểu đạo. Bền chí phụng sự theo đạo, thì mới hiểu thấu đạo rất sâu rộng.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

TÁN TRỢ ĐƯỢC PHƯỚC

Phật dạy: “Thấy hạnh bố thí¹ của người khác, đem lòng hoan hỷ mà tán trợ thì được phước rất lớn.”

¹ Bố thí: Có ba cách thí:

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

Một vị *Sa-môn* thưa hỏi Phật rằng: “Phước ấy có hết chăng?”

Phật dạy: “Tỷ như lửa từ một cây đuốc, hàng trăm ngàn người đều đến mỗi ra để nấu ăn hay soi sáng, cây đuốc kia vẫn còn như cũ. Phước đức ấy cũng như vậy đó.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

ĐÃI CƠM KHÁC BIỆT

Phật dạy: “Bố thí cơm ăn cho trăm kẻ ác, chẳng bằng bố thí cơm ăn cho một người thiện.

“Thí cho ngàn người thiện, chẳng bằng thí cho một người giữ năm giới cấm.¹

“Thí cho vạn người giữ năm giới cấm, chẳng bằng cúng dường một vị *Tu-đà-hoàn*.

“Cúng dường trăm vạn vị *Tu-đà-hoàn*, chẳng bằng cúng dường một vị *Tu-đà-hàm*.

“Cúng dường ngàn vạn vị *Tu-đà-hàm*, chẳng bằng cúng dường một vị *A-na-hàm*.

1. Tư sanh thí hay Tài thí: thí của cải cho người khác.

2. Pháp thí: đem đạo lý mà giảng giải, truyền bá.

3. Vô úy thí: đem sự yên ổn, không lo sợ đến cho người khác, nhất là trong những khi họ gặp nguy nan, hoạn nạn.

¹ Năm giới cấm là: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà dâm, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu. Năm giới này áp dụng cho hàng cư sĩ tại gia.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Cúng dường một ức vị *A-na-hàm*, chẳng bằng cúng dường một vị *A-la-hán*.

“Cúng dường mười ức vị *A-la-hán*, chẳng bằng cúng dường một vị Phật *Bích-chi*.¹

“Cúng dường trăm ức vị Phật *Bích-chi*, chẳng bằng cúng dường một vị Phật ba đời.²

Cúng dường ngàn ức vị Phật ba đời, chẳng bằng cúng dường một người Vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng.³

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

KHÓ NHỌC NÊN GẮNG TU ⁴

Phật dạy: “Người ta có hai mươi sự khó làm, khó được: ¹

¹ Phật Bích-chi, nói đủ là Bích-chi-ca Phật-đà, do tiếng Phạn là Pratyeka-Bouddha. Hán dịch là Độc giác hay Duyên giác. Vị Phật Bích-chi sanh ra vào lúc không Phật Như-lai ra đời, tự mình tu học mà giác ngộ, nhập Niết-bàn, nên gọi là Độc giác. Vị Phật Bích-chi nhờ quán xét Thập nhị nhân duyên mà giác ngộ, nên gọi là Duyên-giác.

² Phật ba đời: Vị Phật của cả ba đời là quá khứ, hiện tại và vị lai. Phật, nghĩa là vị đã chứng nhập Niết-bàn hoàn toàn, không còn bị chi phối bởi không gian và thời gian.

³ Người Vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng: Người dứt sạch vọng niệm, tâm không có chỗ vướng mắc, thấu rõ thật tướng bản lai không do tu chứng mà có được. Đoạn này ý nói đến Tự thân Phật. Người nhận ra tánh Phật của mình mà quy ngưỡng, cao quý hơn gấp ngàn ức lần việc hướng đến Phật bên ngoài mà hiến cúng. Đoạn này cũng có vẻ theo khuynh hướng Đại thừa, đối chiếu với dị bản thì có nhiều khác biệt. Có lẽ đã có sự chỉnh sửa.

⁴ Đề tựa chương này là “Cử nan khuyến tu”, nghĩa là nêu lên những sự khó khăn để khuyến người cố gắng tu tập.

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

1. Nghèo khổ mà làm được việc bố thí là khó.²
2. Giàu sang quyền quý mà học được đạo là khó.³
3. Dám bỏ mạng sống đi vào chỗ chết là khó.⁴
4. Được thấy kinh Phật là khó.⁵
5. Sanh ra lúc có Phật ra đời là khó.⁶
6. Tự chế sự ham muốn sắc dục là khó.⁷

¹ Trong dị bản chỉ thấy có 5 điều, không phải 20. Ấy là 5 điều đầu tiên kể từ trên xuống. Chúng tôi giữ nguyên theo bản này là 20 điều, mặc dù thấy cũng có một số điều trùng lặp, hoặc theo tinh thần Đại thừa, không nhất quán với toàn văn kinh.

² Bố thí là việc được phước đức. Có tiền của để bố thí thì không khó lắm, nhiều người làm được. Nhưng kẻ nghèo túng, tự mình chưa đủ cơm ăn áo mặc mà phát tâm bố thí cho kẻ khác, điều đó mới khó làm. Ấy là chuyện “Lá rách đùm lá nát”, khó làm lắm thay.

³ Người phát tâm học đạo là khó. Nhưng sanh trong nhà quyền quý, giàu sang, hưởng mọi sự sung sướng, đầy đủ mà học được đạo mới là điều khó. Bởi học đạo thì phải từ bỏ những sự sung sướng vật chất giả tạm, mà nó lại đang cuốn hút quanh mình mỗi ngày. Việc ấy thật khó làm.

⁴ Kinh văn là “tất tử”, nghĩa là chắc chắn sẽ chết. Người dám liều mạng sống đã là việc khó, nhưng hầu như ít nhiều cũng còn có phần hy vọng sống sót, như người lính ra trận chẳng hạn. Kẻ biết chắc chắn sẽ chết mà vẫn dám liều thân, việc ấy mới thật rất khó làm.

⁵ Thấy được kinh Phật là rất khó, bởi không đủ nhân duyên thì chẳng được thấy. Nhiều người được nhìn thấy, nhưng chẳng có lòng tin, chẳng thể đọc hiểu, thì cũng chẳng gọi là được thấy. Nếu thật được thấy kinh Phật, tức cũng như nghe lời Phật thuyết, học được đạo Phật, tu hành quyết định thành Phật, chẳng phải là khó lắm sao?

⁶ Chư Phật ra đời rất khó gặp, mỗi vị đều phải hội đủ nhân duyên mới xuất thế. Chỉ riêng ở địa cầu này, từ Phật Thích-ca đến nay đã hơn 2.500 năm chưa có vị Phật thứ hai xuất hiện. Lại nữa, dù sanh ra cùng thời với Phật mà không đủ duyên lành cũng không gọi là gặp Phật. Như thời đức Phật Thích-ca, toàn cõi Ấn Độ chẳng phải ai ai cũng được Phật độ, mà ngoại đạo tà thuyết cũng rất đông. Nếu xét trên toàn cầu thì số ấy càng lớn nữa. Lòng từ bi của Phật dẫu bao trùm hết thấy chúng sanh, nhưng tự mình không có căn lành cũng chẳng làm sao gặp Phật. Nên nói được gặp Phật là rất khó vậy.

⁷ Kinh văn là “nhẫn sắc nhẫn dục”, nhẫn ở đây không phải nhẫn nhục, mà là chịu đựng, kiểm chế. Cõi Ta-bà này gọi là Dục giới, bởi mạng sống

CHỮ KINH TẬP YẾU

7. Thấy vật tốt đẹp mà chẳng mong cầu là khó.¹
8. Bị nhục mà chẳng giận là khó.²
9. Có thể lực mà chẳng ỷ cậy là khó.³
10. Gặp việc mà lấy tâm vô tư ứng xử là khó.⁴
11. Học rộng mà vẫn tham khảo nhiều là khó.⁵

của chúng sanh tồn tại và luân chuyển do nơi sắc dục, nên biết sắc dục lôi cuốn người ta rất mạnh. Tự chế được sự ham muốn sắc dục mà hành xử đúng đắn, hợp chánh đạo là điều rất khó.

¹ Kinh văn là “kiến hảo bất cầu”, chữ “hảo” là tốt đẹp. Người đời tâm tham thì thấy vật gì tốt đẹp cũng khởi tâm mong cầu, cho dầu mình không cần đến. Nhận biết được vật tốt mà không mong cầu cho mình là điều rất khó, còn nếu đã khởi tâm ham thích, ưa muốn tức đã đi hết một nửa đường đến chỗ mong cầu rồi.

² Đây chính là hạnh nhẫn nhục của Bồ Tát. Người đời khi bị sỉ nhục tất sanh lòng oán hận, giận dữ. Bởi sự xúc phạm về thân thể như đánh đập, xô đẩy, đôi khi còn có thể nhẫn chịu được, còn sự xúc phạm về tinh thần nó ngấm ngấm mà tác động đến con người mạnh mẽ hơn gấp bội. Nên nhà Nho có câu “Ứng thọ tử bất ứng thọ nhục.” (Thà chịu chết chứ chẳng chịu nhục.) Đủ biết sự nhục mạ nó làm thương tổn người đời như thế nào. Khi mình bị kẻ khác làm nhục mà giữ được tâm thản nhiên không hờn giận, chỉ có thể là kẻ biết tu hạnh nhẫn nhục. Việc ấy rất khó làm.

³ Người đời khi có thể lực thì trong tâm thường sanh cống cao, ngã mạn, ỷ cậy vào đó rồi coi thường, hiếp chế người khác. Kẻ hiểu đạo nhìn thấy tất cả danh vọng quyền thế như bèo nổi mây trôi mới có thể dẹp trừ tâm kiêu mạn ấy. Cho nên người có thể lực mà không ỷ cậy chính là người hiểu đạo, thật rất khó làm.

⁴ Kinh văn là “xúc sự vô tâm”, “vô tâm” ở đây không thể hiểu là “không có tâm”, mà là khi tiếp cận với sự việc chỉ thuận theo lẽ đạo mà làm, chẳng để cho nó cuốn hút mình vào vòng lo nghĩ, ưu tư, cũng không để cho những định kiến hoặc lòng yêu, ghét chi phối vào. Trước đây có bản dịch là “gặp việc không quan tâm”, e rằng không đúng. Vì người gặp việc không quan tâm là người không có lòng nhân, chưa nói là trái với lời Phật dạy.

⁵ Người học rộng biết nhiều thường sanh ra tự phụ, ít khi chịu tham cứu kiến giải của người khác. Kẻ tự mình học rộng biết nhiều, nhưng vẫn chịu khó thận trọng mà tham khảo, cứu xét kỹ lưỡng nhiều nơi, quả là việc rất khó làm, vì dẹp bỏ được sự tự cao, tự mãn của mình.

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯỞNG

12. Trừ diệt tánh ngã mạn là khó.¹
13. Chẳng khinh người chưa học là khó.²
14. Giữ tâm bình đẳng là khó.³
15. Chẳng nói những chuyện thị phi là khó.⁴
16. Gặp thiện tri thức là khó.⁵

¹ Ngã mạn là gốc của muôn tội xấu. Vì chấp lấy cái ta, lúc nào cũng xem ta là hay giỏi hơn kẻ khác nên làm chướng ngại cho sự học đạo. Nói trừ diệt ngã mạn là khó, bởi vì tâm ngã mạn rất khó đoạn trừ, cho đến nhiều lúc tồn tại rất vi tế mà ta chẳng nhận ra được. Vì thế mà nhiều bậc đạo cao đức trọng, khi thọ nhận sự cung kính lễ bái của người đời cũng vẫn sanh tâm ngã mạn rất khó tự biết.

² Người có chút kiến giải, tri thức hơn người khác, do tâm ngã mạn mà khinh thường những kẻ thấp kém hơn mình. Kẻ hiểu đạo nhận biết rằng người thấp kém ấy chẳng qua là vì chưa được học, nên chẳng dám sanh tâm khinh thường. Lại nói, trong đạo Phật theo Đại thừa, hết thấy chúng sanh đều là Phật sẽ thành, nên càng chẳng dám khinh thường. Kinh Pháp Hoa dẫn chuyện Bồ Tát Thường Bất Khinh, dù gặp bất cứ ai cũng đều cung kính lễ bái, biết rằng vị ấy về sau sẽ thành Phật. Như vậy, nếu chẳng khinh thường người chưa học, đó chính là người hiểu đạo, thật khó làm thay!

³ Tâm bình đẳng là không thiên vị, không phân biệt kẻ thân người sơ, kẻ nam người nữ, kẻ sang người hèn, kẻ giàu người nghèo, kẻ già người trẻ. Đem lòng thương tất cả chúng sanh như nhau.

⁴ Thị là phải, đúng. Phi là sai, trái. Chuyện thị phi ở đây là chuyện phải quấy của người khác. Tự mình hãy lo tu học, sửa mình, chẳng nên lo bàn chuyện thiên hạ. Thế nhưng tâm người đời lại rất dễ bị lôi cuốn vào những chuyện thị phi quanh mình. Kẻ dẹp bỏ, chống lại được sự lôi cuốn ấy mới có thể chuyên tâm mà làm nên những chuyện phi thường. Việc ấy thật khó làm. Ngài Huyền Trang khi xưa, thuở còn bé đang ngồi đọc sách, có đám múa lân đi ngang nhà, tất cả trẻ con đều kéo ra xem, mà ngài vẫn ngồi yên đọc sách. Thân phụ ngài nhìn thấy, biết là về sau ngài sẽ thành danh. Quả đúng như vậy.

⁵ Thiện tri thức hiểu theo kinh Phật là những kẻ hiểu biết có thể chỉ dạy, dẫn dắt hoặc khuyến khích mình theo nẻo lành. Người đời chìm đắm trong ba độc là tham, sân, si, dù có người thuyết pháp cho nghe cũng chưa hẳn đã tin nhận. Nếu gặp được người bạn lành, cùng làm việc lành, sách tấn nhau tu tập, đều hiểu chung là những bậc thiện tri thức. Người như vậy thật rất khó gặp.

CHỮ KINH TẬP YẾU

17. Thấy tánh học đạo là khó.¹
18. Theo hóa độ người khác là khó.²
19. Thấy cảnh mà chẳng động tâm là khó.³
20. Khéo hiểu phương tiện là khó.⁴

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

HỎI VỀ TỨC MẠNG

Một vị *sa-môn* thưa hỏi Phật: “Nhờ nhân duyên⁵ gì có thể được biết tức mạng,¹ hiểu thấu lẽ đạo?”

¹ Tất cả chúng sanh đều sẵn có tánh Phật. Nhưng nhận ra tánh ấy thật chẳng phải dễ dàng, chính là sự nghiệp một đời của người tu học Phật. Kẻ thấy tánh học đạo thì quả Phật chắc chắn đạt đến, như vậy chẳng phải là khó được lắm sao? Kinh Pháp Bảo Đàn nói: “Chẳng biết bản tâm, học pháp vô ích. Nếu tự biết bản tâm, tự thấy bản tánh, tức là bậc trượng phu, là thầy của hàng trời người, là Phật.”

² Dù người tà ác nhưng mình không bỏ, cố theo để giáo hóa họ làm thiện. Việc ấy thật khó làm.

³ Người đời dễ gặp cảnh vui thì xúc động mà bám theo, gặp cảnh buồn thì xúc động mà chán ngán. Đối với cảnh, giữ tâm được chẳng động, uy vũ chẳng khuất phục, bản tiện chẳng đổi chí. Việc ấy thật khó làm. Kinh Duy-ma-cật nói: “Năng thiện phân biệt chư pháp tướng, ư đệ nhất nghĩa nhi bất động.” (Có thể khéo phân biệt các pháp tướng, nơi nghĩa chân thật lòng không lay động.)

⁴ Phương tiện là sự quyền biến thi hành để đạt được kết quả mong muốn. Hành xử theo khuôn thước có sẵn thì ai cũng làm được. Tự mình nghĩ ra phương tiện linh hoạt, khéo léo để đạt đến kết quả mới là điều khó. Như việc biết sao nói vậy là dễ, nhưng tùy theo trình độ của người nghe mà dẫn dắt từ dễ đến khó cho họ hiểu được, việc ấy rất khó làm.

⁵ Nhân là nguyên nhân sanh ra sự vật, sự việc. Duyên là những điều kiện phụ trợ giúp cho sự vật, sự việc sanh ra. Tỷ như cái cây mọc lên, nhân là hạt giống, còn duyên là mưa nắng, đất màu, phân bón, công phu chăm sóc của người trồng...

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

Phật dạy: “Giữ tâm thanh tịnh,² ý chí vững bền³ thì có thể hiểu thấu lẽ đạo. Như lau chùi tấm kiếng sạch hết những chỗ dơ bẩn, tự nhiên được sáng trong. Nếu dứt bỏ tình dục và sự mong cầu, tất nhiên biết được tức mạng.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

HỎI ĐIỀU TỐT LÀNH

Một vị *sa-môn* thưa hỏi Phật: “Điều chi là lành? Điều chi lớn nhất?”

Phật dạy: “Tu theo đạo, giữ lấy sự chân thật, đó là điều lành. Tâm ý phù hợp với đạo, đó gọi là lớn.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM

SỨC MẠNH VÀ SỰ SÁNG

Một vị *sa-môn* thưa hỏi Phật: “Thế nào là có nhiều sức mạnh? Thế nào là sáng suốt nhất?”

¹ Tức mạng; kiếp trước, những đời sống đã qua. Biết được tức mạng tức là nhớ biết những kiếp quá khứ của mình, hoặc thấy biết được những kiếp quá khứ của người khác.

² Giữ cho lòng được trong sạch, yên tịnh, chẳng để phiền não, ba độc tham, sân, si làm xáo động.

³ Kiên tâm, giữ vững ý chí, dù chưa được đạo cũng chẳng ngã lòng.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Phật dạy: “Nhấn nhục là có nhiều sức mạnh,¹ vì chẳng mang lòng dữ, lại thêm được yên lành, khỏe mạnh. Người nhấn không làm điều dữ, tất nhiên được người khác tôn trọng.

“Tâm dứt hết cấu nhiễm,² trong sạch không chút uế trước, ấy là sáng suốt nhất.³ Từ thuở chưa có trời đất đến nay, khắp nơi trong mười phương, không có điều chi là chẳng thấy, chẳng biết, chẳng nghe, thành tựu Nhất thiết trí.⁴ Như vậy có thể gọi là sáng suốt.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

BỎ LUYẾN ÁI ĐƯỢC ĐẠO

Phật dạy: “Người ta ôm ấp lấy sự luyến ái và tham dục⁵ nên chẳng thấy được đạo. Tỷ như nước

¹ Nhấn nhục: chịu được với cảnh nghịch mà chẳng khởi ra sự giận hờn. Kinh Tăng nhất A-hàm nói: “Tỷ-kheo lấy nhấn nhục làm sức mạnh.”

² Cấu nhiễm: Phiền não trong tâm sanh ra uế trước. Các phiền não nói chung gom vào ba thứ: tham lam, sân hận và si mê. Dứt sạch ba thứ ấy thì tâm tự trong sáng, yên tịnh.

³ Phiền não còn, tức là uế trước, tối tăm. Phiền não dứt, tức là trong sạch, sáng suốt.

⁴ Nhất thiết trí: Tiếng Phạn là Sarvajñā (Tất-bà-nhà), trí tuệ biết hết tất cả, tức là Phật trí, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, nên có thể biết trong khắp các cõi nước mười phương, trong cả ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

⁵ Ái dục: sự luyến ái và ham muốn đối với vợ con, nhà cửa, sự sản... Ái dục nơi con người ta là rất lớn, rất mạnh, nên Kinh Hoa Nghiêm nói: “Phá vỡ núi phiền não, tát cạn biển ái dục.”

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

lóng trong, nay lấy tay quậy lên, mọi người đến đó chẳng ai nhìn thấy được hình chiếu của họ dưới nước. Người ta để cho sự luyến ái và tham dục làm xáo trộn, uế trước trong lòng dấy lên, nên chẳng thấy được Đạo. *Sa-môn* các người nên xả bỏ sự luyến ái và tham dục. Ái dục đã trừ hết, có thể thấy được Đạo.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

SÁNG ĐẾN TỐI ĐI

Phật dạy: “Phàm kẻ hiểu được đạo cũng như người cầm đuốc đi vào nhà tối. Sự tối liền mất đi, chỉ còn sự sáng. Người học đạo hiểu ra chân lý¹ thì ngu si tối tăm phải dứt, chỉ còn lại trí tuệ sáng suốt mà thôi.”

¹ Kinh văn là “kiến đế”, đây muốn nói đến Tứ diệu đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Thấy được và thi hành Bốn chân lý ấy là bậc Thánh, chẳng thấy và chẳng hành, tức là phàm phu.

CHỮ KINH TẬP YẾU

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM

NGHĨ TƯỞNG LẼ KHÔNG

Phật dạy: “Giáo pháp của ta niệm tưởng cái ý vô niệm, thực hành cái hạnh vô hành, nói ra cái điều vô ngôn, tu tập nơi chỗ không tu. Ai hiểu được thì gần đạo, ai mê muội thì xa đạo. Chỗ nói năng dứt hết, sự vật cũng chẳng trói buộc được. Chỉ sai lệch đôi chút thì phút chốc đã mất ngay.”¹

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN

QUÁN SÁT CHÂN GIÁ

Phật dạy: “Quán xét trời đất, nghĩ nhớ lẽ vô thường.² Quán xét thế giới, nghĩ nhớ lẽ vô thường.

¹ Bài này hoàn toàn toàn là tinh thần Đại thừa Đốn giáo, chẳng phải dựa vào chân lý Tứ đế như hầu hết các bài khác trong kinh này. Trong dị bản bài này xếp thứ 15 và có ý hướng phù hợp với toàn văn kinh hơn. Xin dẫn ra như sau:

“Phật ngôn: Ngô hà niệm niệm đạo? Ngô hà hành hành đạo? Ngô hà ngôn ngôn đạo? Ngô niệm đế đạo, bất hốt tu du dã.”
佛言。吾何念念道。吾何行行道。吾何言言道。吾念諦道。不忽須臾也。(Phật nói: “Ta lấy niệm gì để niệm đạo? Ta lấy việc làm gì để hành đạo? Ta lấy lời nào để nói đạo? Ta luôn nghĩ nhớ đến đạo Tứ đế, không một giây phút nào dừng nghĩ.”) Như vậy rất có khả năng là văn kinh đã bị thay đổi qua nhiều lần sao chép, sửa chữa.

² Kinh văn là phi thường, chúng tôi lại dịch là vô thường. Tuy hai từ đều là gốc Hán, nhưng vô thường đã được hiểu phổ biến hơn, với nghĩa là không thường tồn, phải biến đổi. Còn phi thường đôi khi bị hiểu nhầm

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

Quán xét linh giác¹ thấy đó là *Bồ-đề*.² Chỗ thấy biết như vậy có thể mau được đắc đạo.”

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI

NGÃ VỐN LÀ KHÔNG

Phật dạy: “Nên nghĩ đến bốn chất lớn³ ở trong thân, mỗi chất tự nó đều có tên, rốt cuộc không chất nào là ta cả. Cái ta đã không có, chỉ như huyền hóa thôi.”⁴

theo nghĩa là siêu việt, xuất chúng. Trời đất và thế giới là ví dụ những sự vật to lớn nhất, nhưng vẫn phải trải qua các giai đoạn biến đổi là sanh, trụ, di, diệt.

¹ Linh giác: cái thân thức hiểu biết của mỗi chúng sanh. Nhìn từ góc độ người học đạo thì đó chính là chân tâm, chân như, Phật tánh mà mỗi chúng sanh đều có sẵn nơi mình. Phật tánh ấy thường trụ, chẳng sanh chẳng diệt, nên quán xét đó chính là Bồ-đề.

² Bồ-đề: Tiếng Phạn là *Bodhi*, Hán dịch là Đạo, Giác, Vô thượng Trí huệ. Kinh Duy-ma chú: “Chỗ tốt của Đạo, gọi là Bồ-đề, đó là Chánh giác Vô tướng của chân trí.”

³ Tứ đại: Bốn chất lớn ở trong thế giới, theo quan niệm thời cổ là những yếu tố hợp lại thành thân người. Đó là: 1. Địa (chất đất – tượng trưng cho độ cứng) 2. Thủy (chất nước – tượng trưng cho độ ẩm), 3. Hỏa (chất lửa – tượng trưng cho sức nóng) 4. Phong (chất gió, không khí – tượng trưng cho sự chuyển động).

⁴ Huyền hóa: không thật. Thân người do bốn chất lớn hiệp lại mà thành, nhưng cuối cùng rồi phải tan rã, không lấy gì là bền chắc.

Phật dạy: “Người ta thuận theo tình dục, cầu lấy danh tiếng. Khi được danh tiếng thì thân không còn nữa. Tham danh theo thế tục mà chẳng chịu học đạo, chỉ uống công phu, nhọc hình hài. Cũng như đốt hương, tuy nghe được mùi hương, mà hương đã cháy tàn rồi. Kìa ngọn lửa hại thân đang chực sẵn phía sau ta đó.”¹

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI HAI

TÀI SẮC CHUỐC SỰ KHỔ

Phật dạy: “Của cải và sắc dục đến mà người mà chẳng chịu buông bỏ, cũng tỷ như lưỡi dao có dính chút mật, chẳng đủ thành bữa ăn ngon, trẻ con liếm vào phải bị cái hại đứt lưỡi.”²

¹ Người ta vì ham danh vọng thế tục mà phải khổ công nhọc xác vô cùng. Nhưng chưa chắc đã được thỏa mãn về danh vọng. Ví dầu có được đi nữa, thì ngày chết gần kề cũng chẳng hưởng được gì. Rồi khi qua đời thì mang theo tội báo, đọa vào các đường ác. Trở lại làm người thì phải chịu quả báo đau đớn, vì đã tạo tội trong lúc tranh dành công danh. Chẳng bằng biết lo tu thân hành đạo thì được an lạc thân tâm đời này và đời sau.

² Tài sắc tỷ như chút mật dính nơi lưỡi dao. Kẻ phàm phu tỷ như đứa trẻ nhỏ tham ăn, liếm dao mà bị đứt lưỡi. Kẻ phàm phu ham mê tài sắc mà

Phật dạy: “Người ta trói buộc với vợ con, nhà cửa còn hơn cả sự giam cầm nơi lao ngục. Lao ngục còn có hạn kỳ được thả ra, vợ con chẳng thể có lấy một chốc lát xa lia.¹ Chỗ tham luyến đối với sắc đẹp, đâu có ngại phải bôn ba? Dầu có sa nơi miệng hùm cũng cam tâm chịu. Tự mình chìm đắm xuống chỗ bùn lầy, nên gọi là phàm phu.² Qua được cửa ấy³ là bậc *La-hán* xuất trần.⁴

phải khổ tâm, lụy thân. Hàng trí giả thấy trước cái quả khổ, nên chẳng bám theo tài sắc, liền được thanh thoi, tự tại.

¹ Kinh văn là “vô viễn ly chi niệm”, “niệm” ở đây phải hiểu là một quãng thời gian rất ngắn, như thoáng chốc, chốc lát... Trước đây có bản dịch là “không nghĩ đến việc xa lia”, e rằng không đúng, vì không phù hợp với trước của câu.

² Phàm phu: người làm những việc thế tục. Kinh Pháp Hoa nói: Kẻ phàm phu ý thức cạn hẹp, vướng sâu vào năm dục.” (Năm dục là sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục.)

³ Tức là vượt qua được sự cám dỗ, lôi cuốn của sắc dục.

⁴ Xuất trần: ra khỏi trần cấu, trần cảnh. Trần có sáu thứ: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Bậc *La-hán* thoát khỏi phiền não gây ra bởi sáu căn nhiễm với sáu trần. Xuất trần cũng có thể hiểu đơn giản hơn là vượt ra khỏi trần tục, thế thường.

CHỮ KINH TẬP YẾU

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN

SẮC DỤC CHE LẤP ĐẠO

Phật dạy: “Trong các thứ ham muốn, ái luyến, không gì sâu nặng bằng sắc đẹp. Sắc đẹp gây ra sự ham muốn chẳng có gì bằng. May là chỉ có một mình nó mà thôi. Nếu có đến hai thứ như vậy, thì khắp nơi không còn ai có thể theo đạo được nữa.”

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI LĂM

LỬA DỤC THIÊU THÂN

Phật dạy: “Người say mê ái dục giống như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, thế nào cũng bị họa cháy tay.”¹

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI SÁU

THIÊN MA QUẤY RỐI PHẬT

Một vị thiên ma² mang cô gái rất đẹp¹ đến dâng cho Phật, muốn phá hoại ý chí của Phật. Phật nói:

¹ Tình dục tỷ như lửa dữ, đốt kẻ say mê, nhất là tình dục đối với nữ sắc thì hạng thiêu thân ở đời kể ra chẳng thế nào hết.

² Thiên ma, tức là ma ở cõi Trời. Ở đây chỉ cảnh Trời thứ sáu trong cõi Dục giới, là cảnh Tha hóa tự tại thiên, do vị chúa ma thống lãnh, tên là Ba-

KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

“Này cái túi da đựng những món dơ,² người đến đây mà làm gì? Đi đi. Ta không dùng đến.” Thiên ma càng thêm kính phục, nhân đó thưa hỏi về lẽ đạo. Phật giảng thuyết cho nghe, liền đắc quả *Tu-đà-hoàn*.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BẢY

KHÔNG VƯỚNG MẮC

Phật dạy: “Người cầu đạo như cây gỗ thả dưới nước, theo dòng trôi đi. Nếu chẳng vướng ở hai bờ, chẳng bị người ta lấy mất, chẳng bị quỷ thần ngăn trở, chẳng bị chỗ nước xoáy cuốn vào, lại cũng chẳng mục nát, thì ta nói chắc rằng cây ấy sẽ trôi ra biển. Người học đạo nếu chẳng bị tình dục làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà ác quấy rối, lại tinh tấn theo lẽ vô vi, thì ta nói chắc rằng người ấy thế nào cũng đắc đạo.”

tần. Dưới quyền vị ấy có những thiên ma thường đi thử thách người tu hành ở thế gian.

¹ Kinh văn là “ngọc nữ”, người con gái tướng mạo quý đẹp như ngọc.

² Thân xác thịt phàm phu cho là đẹp đẽ, nhưng xét kỹ ra chẳng qua chỉ như một cái túi bằng da chứa đựng những món dơ dáy, tanh hôi mà thôi. Những món dơ ấy là: phân, nước tiểu, mủ, máu, đờm, ghèn, nước mũi, nước dãi v.v...

CHỮ KINH TẬP YẾU

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI TÁM

CHỖ BUÔNG THẢ TÂM Ý

Phật dạy: “Chớ tin nơi tâm ý, tâm ý không thể tin cậy được. Thận trọng chớ gần gũi sắc dục, gần gũi sắc dục tất sanh tai họa.¹ Đắc quả *A-la-hán* rồi, mới có thể tin cậy nơi tâm ý.”

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI CHÍN

CHÁNH QUÁN TRỪ SẮC DỤC

Phật dạy: “Thận trọng chớ ngấm nhìn đàn bà, cũng đừng nói năng tiếp xúc. Nếu cần nói chuyện, nên giữ tâm chân chánh mà suy nghĩ rằng: “Ta là *sa-môn*, ở đời ác trước phải như hoa sen, chẳng vấy bùn nhơ.” Đối với phụ nữ già cả, hãy tưởng như mẹ mình; đối với phụ nữ lớn tuổi hơn, tưởng như chị gái; hoặc nhỏ tuổi hơn thì tưởng như em gái; nhỏ tuổi hơn nhiều thì tưởng như con gái của mình. Tưởng

¹ Tâm ý của người ta hay chạy theo cảnh ngoài, cũng như con ngựa không cương. Phải kiểm chế, chú tâm vào đạo nghĩa. Nhất là đừng một mình tiếp xúc với đàn bà, con gái. Sách Cổ Linh có chép: Thuở xưa, bên Thiên Trúc có một vị đạo nhân, tu hành trong núi, được Năm phép thần thông. Có một đám nữ lễ bái đạo nhân, đưng cọ thân thể của người. Nhân đó, đạo nhân khởi nhiệm tâm, bèn mất thần thông. Vậy nên biết rằng nhà tu hành mà hư đạo mất chí là do nữ sắc vậy.

KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

như thế rồi sanh tâm muốn độ thoát họ, dập tắt mọi ý nghĩ xấu.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI

LÀ XA LỬA DỤC

Phật dạy: “Người cầu đạo ví như kẻ mặc áo bằng cỏ khô, khi lửa đến gần thì phải lo tránh. Người học đạo thấy sự tham dục phải lo tránh xa.”¹

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI MỐT

TĨNH TÂM TRỪ DỤC

Có người kia lòng dâm dục chẳng dứt, muốn tự tay cắt bỏ dương vật. Phật dạy người ấy rằng: “Nếu cắt bỏ dương vật, chẳng bằng lo dứt đoạn tâm.² Vì tâm như người cai quản, nếu người cai quản dừng, thì những kẻ tùy tùng cũng phải dừng. Tà tâm chẳng dứt, cắt bỏ dương vật có ích gì?”

Phật vì người ấy mà thuyết kệ rằng:

*Dục sanh ra từ ý,
Ý do tư tưởng sanh.*

¹ Người mới tu hành, chớ nên gần gũi với đàn bà con gái, tỷ như lửa gần rơm thì rơm phải cháy.

² Kinh văn là “đoạn âm”, “âm” ở đây là âm hành, là bộ phận sinh dục nam. Cái âm có động đều là do vọng tâm khởi lên. Nếu tâm được yên lặng, cái âm cũng nguội lạnh theo. Cho nên tâm tỷ như người cai quản, âm cũng như người làm theo.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Ý, tưởng đều tịch tĩnh,¹

Không sắc, không hành dâm.

Phật nói: “Bài kệ ấy do Phật *Ca-diếp* thuyết.”²

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI HAI

TRỪ NGÃ KHÔNG CÒN SỢ

Phật dạy: “Người ta vì ái dục sanh ra lo nghĩ, vì lo nghĩ sanh ra sợ sệt. Nếu lìa khỏi ái dục thì còn chi phải lo, còn chi phải sợ?”

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BA

TRÍ SÁNG PHÁ TÀ MA

Phật dạy: “Người cầu đạo tử như một người chiến đấu chống muôn người. Mặc áo giáp lên đường, hoặc có ý khiếp sợ, hoặc nửa đường thối lui, hoặc đánh nhau mà chết, hoặc chiến thắng trở về. *Sa-môn* học đạo nên giữ vững lòng mình, tinh tấn dũng mãnh,

¹ Kinh văn là “nhị tâm”, tức là chỉ đến ý và tư tưởng vừa nói ở hai câu trên.

² Phật *Ca-diếp*, tiếng Phạn là *Kāśyapa*, đức Phật quá khứ, trước Phật Thích-ca, cũng như đức Phật Thích-ca ra đời trước Phật Di-lặc.

KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

chẳng sợ những gì sắp tới, phá diệt chúng ma¹ mà chúng đắc đạo quả.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BỐN

TRUNG ĐẠO

Một vị *sa-môn* ban đêm tụng kinh Di giáo của Phật *Ca-diếp*.² Tiếng tụng nghe buồn bã và gấp rút, trong lòng hối tiếc, muốn thối chí. Phật hỏi: “Khi còn ở nhà, ông đã từng làm gì?”

Đáp rằng: “Con thích khảy đàn.”

Phật hỏi: “Dây chùng quá thì sao?”

Đáp rằng: “Chẳng kêu.”

“Dây căng quá thì thế nào?”

Đáp rằng: “Mất tiếng.”

“Chẳng chùng, chẳng căng, giữ mức vừa phải thì thế nào?”

Đáp rằng: “Các âm đều vang lên đủ.”

Phật dạy: “*Sa-môn* học đạo cũng giống như vậy. Nếu tâm được điều hòa vừa phải, thì có thể đắc đạo. Đối với đạo nếu tâm mạnh mẽ thái quá tất thân phải mỏi mệt. Thân đã mỏi mệt, ý tất sanh buồn

¹ Có bốn loại ma: 1. Phiền não ma, 2. Ấm ma (Ngũ ấm tức: sắc, thọ, tưởng, hành, thức), 3. Tử ma (ma chết), 4. Thiên ma (Ma vương và quyến thuộc).

² Kinh Di giáo là kinh ghi lại lời dạy dỗ, dặn dò của Phật. Phật *Ca-diếp* ra đời trước Phật Thích-ca.

CHỮ KINH TẬP YẾU

não. Nếu ý sanh buồn não, việc làm tất thối lui. Việc làm đã thối lui, tội lỗi tất tăng thêm nhiều. Chỉ nên thanh tịnh, an lạc thì đạo chẳng mất.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI LĂM

TRỪ CẤU NHIỄM

Phật dạy: “Như người luyện sắt, loại bỏ cặn dơ mà rèn thành đồ vật. Đồ vật ấy tất là rất tốt. Cũng vậy, người học đạo trừ bỏ những cấu nhiễm¹ trong tâm tất sẽ được hạnh trong sạch.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI SÁU

ĐƯỢC CHỖ TỐT HƠN

Phật dạy: “Người ta lìa khỏi các đường ác,² được làm người là khó.

“Được làm người, tránh thân nữ nhi được làm nam tử là khó.¹

¹ Cấu nhiễm: dơ bợn. Phiền não tức tham, sân, si và các tình dục luyến ái làm cho tâm ý dơ bợn (cấu nhiễm). Trừ hết phiền não thì thân khẩu ý liền thanh tịnh, có thể đắc đạo. Đó cũng như lấy chất cặn trong sắt ra, thì món đồ trở nên tinh hảo. Lấy chất cặn, chất bụi trong nước ra, thì nước trở nên trong sạch.

² Các đường ác: nơi đọa lạc, lãnh chịu các ác nghiệp. Có ba đường ác là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

“Được làm nam tử, có đủ sáu căn là khó.²

“Có đủ sáu căn, được sanh nơi xứ trung tâm là khó.³

“Được sanh nơi xứ trung tâm, gặp Phật ra đời là khó.

“Được gặp Phật ra đời, hiểu được lẽ đạo là khó.

“Hiểu được lẽ đạo, phát khởi lòng tin mạnh mẽ là khó.

“Đã phát khởi được lòng tin mạnh mẽ, phát tâm Bồ-đề⁴ là khó.

“Đã phát tâm Bồ-đề, đạt đến chỗ vô tu vô chứng⁵ là khó.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BẢY

GIỮ GIỚI GẦN ĐẠO

Phật dạy: “Đệ tử Phật tuy ở cách xa Phật nhiều ngàn dặm, nhưng luôn nhớ nghĩ đến giới luật, tất được chứng quả. Còn như kẻ kề cận bên ta, thường

¹ Thân người nam quý hơn người nữ, vì dễ tu hành hơn. Khi Phật còn tại thế, ban đầu cũng không muốn cho người nữ xuất gia, vì có lắm điều bất tiện.

² Sáu căn là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Trong thân là bao hàm cả tứ chi và các bộ phận. Làm người được sáu căn trọn đủ, tránh khỏi tàn tật là khó.

³ Kinh văn là “trung quốc”, là nước ở giữa, ở trung tâm, không phải chỉ nước Trung Hoa. Dùng ý này là đối nghịch với “biên địa hạ tiện”, tức là những nơi biên thùy, xa xôi hẻo lánh, văn minh không truyền đến đầy đủ.

⁴ Phát tâm Bồ-đề: Phát khởi cái chí nguyện tu hành cho đến khi thành Phật.

⁵ Chỗ chứng ngộ không còn thấy có sự tu chứng.

CHỮ KINH TẬP YẾU

được thấy ta, nhưng chẳng làm theo giới luật, rốt cùng chẳng thể đắc đạo.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI TÁM CÓ SANH CÓ DIỆT

Đức Phật hỏi một vị *sa-môn*: “Mạng sống người ta là bao lâu?” Thưa rằng: “Được vài ngày.” Phật nói: “Nhà người chưa hiểu đạo.”

Phật lại hỏi một vị *sa-môn* khác: “Mạng sống người ta là bao lâu?” Thưa rằng: “Chỉ trong một bữa cơm.” Phật nói: “Nhà người chưa hiểu đạo.”

Phật lại hỏi một vị *sa-môn* khác: “Mạng sống người ta là bao lâu?” Thưa rằng: “Chỉ trong hơi thở vào ra mà thôi.”

Phật dạy: “Hay thay! Người thật đã hiểu đạo.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI CHÍN LỜI DẠY CHẴNG SAI

Phật dạy: “Người học đạo Phật, đối với những lời Phật dạy, đều nên tin nhận. Tỷ như mình ăn mật, phía trong và phía ngoài đều là vị ngọt. Kinh điển của ta cũng như vậy đó.”¹

¹ Tỷ như mật ngọt, dù nếm chỗ nào cũng là vị ngọt. Kinh điển của Phật cũng như thế, dù trước, sau, khoảng giữa cũng chỉ thuần một vị giải thoát mà thôi.

KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI LỄ BÁI DO NƠI TÂM

Phật dạy: “*Sa-môn* đi quanh cung kính,¹ đừng như trâu kéo cối xay,² thân tuy đi quanh, mà tâm chẳng tùy theo. Nếu tâm đã cung kính, cũng chẳng cần việc đi quanh như thế.”³

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI MỐT LÒNG NGAY TRỪ DỤC

Phật dạy: “Người học đạo ví như con trâu chở nặng đi giữa bùn sâu. Đành rằng nó mỗi mết hết sức, song phải chú tâm chẳng dám nhìn qua hai bên. Đến chùng ra khỏi bùn lầy, mới có thể tươi tỉnh nghỉ ngơi. *Sa-môn* nên quán tưởng tình dục còn nguy hiểm hơn cả bùn lầy, hãy đem lòng ngay thẳng⁴ mà

¹ Kinh văn là “hành đạo”, được hiểu theo ngày trước là một nghi thức cung kính, cũng như lễ bái, được thực hiện bằng cách cung kính đi quanh Phật theo chiều bên tay mặt.

² Lấy ví dụ con trâu kéo cối xay, vì nó làm như vậy là do bắt buộc, lại vô tâm mà làm. Vị *sa-môn* không nên như vậy.

³ Khi thân làm việc cung kính, trong tâm cũng phải cung kính. Nếu tâm đã thật cung kính, việc làm bên ngoài chỉ là sự bày tỏ, không quan trọng bằng trong tâm. Chỗ này người học đạo phải nên thận trọng, chớ rơi vào việc coi thường hình thức mà sai lệch ý kinh. Bài này chỉ muốn nhấn mạnh rằng tâm đạo là quan trọng hơn, tuyệt nhiên không phải bài xích các hình thức lễ bái.

⁴ Kinh văn là “trực tâm”: Lòng ngay thẳng, không tà vạy, không nịnh bợ, không dối gạt. Kinh Duy-ma nói: “Trực tâm là đạo trường.” Kinh Lăng Nghiêm nói: “Chữ Phật mười phương đều đồng một đạo, thấy đều dùng trực tâm mà ra khỏi sanh tử.”

CHỮ KINH TẬP YẾU

nghe nhớ đến đạo, mới có thể thoát được các điều khổ.”

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯỜI HAI BIẾT ĐỜI LÀ HUYỄN

Phật dạy: “Ta xem ngôi vị vua chúa như bụi qua kẽ hở,¹ xem của báu vàng ngọc cũng như ngôi sạn, xem y phục gấm vóc như mảnh lụa rách, xem cõi đại thiên thế giới như một trái táo,² xem nước hồ A-nậu³ như dầu thoa chân.

“Ta xem cửa phương tiện đặt ra như cửa báu biến hóa mà có, xem Vô thượng thừa⁴ như vàng, lụa trong giấc mộng, xem đạo Phật như đóa hoa trước mắt, xem thiên đình như cây trụ chống đỡ núi Tu-di,⁵ xem Niết-bàn⁶ như thức dậy sau giấc ngủ đêm, xem

¹ Kinh văn là “quá khích trần”.

² Kinh văn là “ha tử”, trái ha, hạt ha, nói đủ là Ha-lê-lặc (Haritaki), cũng đọc là Ha-la-lặc, Ha-ly-lặc. Trái ấy chất đắng, dùng làm thuốc, bằng cỡ như trái táo. Đây chỉ dùng với ý so sánh về kích thước, nên chúng tôi thay hẳn bằng trái táo cho dễ hiểu.

³ A-nậu, cũng viết là A-nậu-đạt, nói đủ là A-na-bà-đạt-đa (Anavatapta), Hán dịch là Vô nhiệt nào. Hồ A-nậu ở trong núi Hy-mã-lạp, nước hồ có đủ tám công đức.

⁴ Lời nói để tán xưng giáo pháp chí cực, tức là Đại thừa. Kinh Hoa nghiêm nói: “Qua khỏi hai thừa (Thanh văn thừa, Duyên giác thừa), gọi là Đại thừa, Đệ nhất thừa, Thắng thừa, Tối thắng thừa, Thứng thừa, Vô thượng thừa, Lợi ích nhất thiết chúng sanh thừa.”

⁵ Núi Tu-di: Cũng viết Tu-di-lâu, Tu-mê-lư, Hán dịch là Diệu cao sơn.

⁶ Niết-bàn: Nirvana, cũng đọc là Niết-bàn-na, Nê-hoàn, Nê-bạn. Cảnh trí dứt sạch các phiền não và tự biết rằng mình chẳng còn luyến ái. Niết (Nir) nghĩa là “ra khỏi”. Bàn hay Bàn-na (vana) nghĩa là “rừng”. Niết bàn là ra khỏi rừng mê tối, rừng phiền não. Theo chữ Hán cũng dùng những

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

sự thấy biết đúng sai¹ cũng như sáu con rồng lượn múa,² xem lẽ bình đẳng³ như địa vị chân thật duy nhất, xem việc hành hóa đạo lý như cây cối bốn mùa.⁴

Các vị đại tỳ-kheo nghe Phật thuyết kinh này xong, thấy đều vui vẻ phụng hành.

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG CHUNG

tên gọi khác như Tịch, Diệt độ, Bất sanh, Vô vi, An lạc, Giải thoát, Viên tịch.

¹ Kinh văn là “đạo chánh”. Chỗ thấy biết quý báu, ngược ngạo, gọi là “đảo”. Chỗ thấy biết chánh đáng, đúng đắn, gọi là “chánh”. Như lấy khổ làm vui, lấy vô thường làm thường, lấy vô ngã làm ngã, lấy bất tịnh làm tịnh, gọi là đảo, đảo kiến hay điên đảo kiến. Ngược lại thì gọi là chánh, chánh kiến, chánh tri kiến.

² Sáu con rồng lượn múa: Phật xem chánh kiến với đảo kiến chẳng qua như rồng lượn múa, quay đầu ra đuôi, lộn đuôi ra đầu.

³ Bình đẳng như địa vị chân thật duy nhất: Nếu tu đắc Bình đẳng tâm thì đạt tới cảnh chân tuyệt đối. Phật đem tâm bình đẳng đối với chúng sanh, yêu thương tất cả như con một của mình.

⁴ Việc hành hóa đạo lý như cây cối bốn mùa: khi đắc bình đẳng rồi, khi chứng địa vị chân thật duy nhất rồi, Bồ tát nương địa vị ấy mà hóa đạo, tiếp độ chúng sanh, cũng như cây cối bốn mùa nương đất đai mà sanh nảy vậy.

佛垂般涅槃略說教誡經
亦名

佛遺教經

後秦三藏法師鳩摩羅什奉詔譯

唐太宗佛遺教經施行敕

往者，如來滅後以末大澆浮付囑國王大臣護持佛法。然僧尼出家戒行須。若縱情淫佚，觸塗煩惱，關涉人間，動違經律，既失如來玄妙之旨，又虧國王受付之義。

遺教經者是佛臨涅槃所說，誠勸弟子甚為詳要。末俗縑素並不崇奉。大道將隱微言且絕。

永懷聖教用思宏闡，宜令所司差書手十人多寫經本，務在施行。所須紙筆墨等，有司準給。其官宦五品已上及諸州刺史各付一卷。若見僧尼行業與經文不同，宜公私勸勉，必使遵行。

PHẬT DI GIÁO KINH

PHẬT THÙY BÁT NIẾT-BÀN LƯỢC THUYẾT
GIÁO GIỚI KINH

Diệt danh

PHẬT DI GIÁO KINH

Hậu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu-ma-la-thập phụng chiếu dịch

Đường Thái Tông Phật Di giáo Kinh thi hành sắc

Vãng giả, Như Lai diệt hậu, dĩ mạt đại kiêu phù phó chúc quốc vương, đại thần hộ trì Phật pháp. Nhiên, tăng ni xuất gia giới hạnh tu bị. Nhược túng tình dâm dật, xúc đồ phiền não, quan thiệp nhân gian, động vi kinh luật, ký thất Như Lai huyền diệu chi chỉ, hựu khuy quốc vương thọ phó chi nghĩa.

Di giáo kinh giả, thị Phật lâm Niết-bàn sở thuyết, giới khuyến đệ tử, thậm vi tường yếu. Mạt tục tri tố tịnh bất sùng phụng. Đại đạo tương ẩn, vi ngôn thả tuyệt.

Vĩnh hoài Thánh giáo, dụng tư hoàng triễn, nghi linh sở tư, sai thơ thủ thập nhân, đa tả Kinh bốn, vụ tại thi hành. Sở tu chỉ, bút, mặc đẳng, hữu tư chuẩn cấp. Kỳ quan hoạn ngữ phẩm dĩ thượng cấp chư châu thứ sử, các phó nhất quyển. Nhược kiến Tăng Ni hạnh nghiệp dữ Kinh văn bất đồng, nghi công tư khuyến miễn, tất sử tuân hành.

一 經 序

釋迦牟尼佛，初轉法輪，度阿若憍陳如。最後說法度須跋陀羅。所應度者，皆已度訖。於娑羅雙樹間，將入涅槃。是時中夜寂然無聲。為諸弟子略說法要。

二 持 戒

汝等比丘。於我滅後當尊重珍敬波羅提木叉。如闇遇明貧人得寶。當知此則是汝大師。若我住世無異此也。持淨戒者不得販賣貿易。安置田宅。畜養人民奴婢畜生。一切殖殖及諸財寶。皆當遠離如避火坑。不得斬伐草木墾土掘地。合和湯藥占相吉凶。仰觀星宿推步盈虛曆數算計。皆所不應。節身時食清淨自活。不得參預世事通致使命。咒術仙藥。結好貴人親厚媿媿。皆不應作。當自端心正念求度。不得苞藏瑕疵顯異惑眾。於四供養知量知足。趣得供事不應蓄積。

NHẤT - KINH TỰ

Thích-ca Mâu-ni Phật, sơ chuyển pháp luân độ A-nhã Kiều-trần-như, tối hậu thuyết pháp độ Tu-bạt-đà-la. Sở ứng độ giả, giai dĩ độ ngật. Ư Sa-la song thọ gian, tương nhập Niết bàn. Thị thời, trung dạ tịch nhiên vô thanh. Vị chư đệ tử, lược thuyết pháp yếu.

NHỊ - TRÌ GIỚI

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Ư ngã diệt hậu, đương tôn trọng trân kính Ba-la-đề-mộc-xoa. Như ám ngộ minh, bản nhân đắc bảo, đương tri thử tác thị nữ đẳng đại sư. Nhược ngã trụ thế, vô dị thử dã. Trì tịnh giới giả, bất đắc phán mại mậu dịch, an trí điền trạch, súc dưỡng nhân dân, nô tỳ, súc sanh. Nhất thiết chủng thực cập chư tài bảo, giai đương viễn ly, như tỳ hỏa khanh. Bất đắc trảm phạt thảo mộc, khẩn thổ, quật địa, hiệp hòa thang dược, chiêm tướng kiết hung, ngưỡng quan tinh tú, suy bộ doanh hư. Lịch số, toán kế, giai sở bất ứng. Tiết thân, thời thực, thanh tịnh tự hoạt. Bất đắc tham dự thế sự, thông trí sứ mạng. Chú thuật, tiên dược, kết hảo quý nhân, thân hậu tiết mạn, giai bất ứng tác. Đương tự đoan tâm chánh niệm cầu độ. Bất đắc bao tàng hà tỳ, hiển dị hoặc chúng. Ư tứ cúng dường, tri lượng, tri túc. Thú đắc cúng sự, bất ứng súc tích.

此則略說持戒之相。戒是正順解脫之本。故名波羅提木叉。依因此戒得生諸禪定及滅苦智慧。是故比丘。當持淨戒勿令毀犯。若人能持淨戒是則能有善法。若無淨戒諸善功德皆不得生是以當知。戒為第一安隱功德之所住處。

三制心

汝等比丘。已能住戒當制五根。勿令放逸入於五欲。譬如牧牛之人執杖視之。不令縱逸犯人苗稼。若縱五根。非唯五欲將無崖畔不可制也。亦如惡馬不以轡制。將當牽人墜於坑陷。如被劫害苦止一世。五根賊禍殃及累世。為害甚重。不可不慎。是故智者制而不隨。持之如賊不令縱逸。假令縱之。皆亦不久見其磨滅。此五根者心為其主。是故汝等當好制心。心之可畏甚於毒蛇惡獸怨賊大火越逸。未足喻也。

Thử tắc lược thuyết trì giới chi tướng. Giới thị chánh thuận giải thoát chi bản, cố danh Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhân y thử giới đắc sanh chư thiên định cập diệt khổ trí huệ. Thị cố *tỳ-kheo* đương trì tịnh giới, vật linh hủy khuyết. Nhược nhân năng trì tịnh giới, thị tắc năng hữu thiện pháp. Nhược vô tịnh giới, chư thiện công đức giai bất đắc sanh. Thị dĩ đương trì giới vi đệ nhất an ổn công đức chi sở trụ xứ.

TAM - CHẾ TÂM

Nhữ đẳng *tỳ-kheo*! Dĩ năng trụ giới, đương chế ngũ căn, vật linh phóng dật, nhập ư ngũ dục. Thí như mục ngưu chi nhân, chấp trượng thị chi, bất linh túng dật, phạm nhân miêu giá. Nhược túng ngũ căn, phi duy ngũ dục tương vô nhai bạn, bất khả chế dã, diệt như ác mã bất dĩ bí chế, tương đương khiên nhân trụ ư khanh hãm. Như bị kiếp hại, khổ chỉ nhất thế. Ngũ căn tặc họa, ương cập lũy thế, vi hại thậm trọng, bất khả bất thận. Thị cố trí giả chế nhi bất tùy, trì chi như tặc, bất linh túng dật. Giả linh túng chi, giai diệt bất cứu kiến kỳ ma diệt

Thử ngũ căn giả, tâm vi kỳ chủ. Thị cố nữ đẳng đương hảo chế tâm. Tâm chi khả úy, thậm ư độc xà, ác thú, oán tặc. Đại hỏa việt dật, vị túc dụ dã.

譬如有人手執蜜器動轉輕躁但觀於蜜不見深坑。譬如狂象無鉤。猿猴得樹騰躍跳躑難可禁制。當急挫之無令放逸。縱此心者喪人善事。制之一處無事不辦。是故比丘。當勤精進折伏汝心。

四節食

汝等比丘。受諸飲食當如服藥。於好於惡勿生增減。趣得支身以除飢渴。如蜂採花但取其味不損色香。比丘亦爾。受人供養取自除惱。無得多求壞其善心。譬如智者籌量牛力所堪多少。不令過分以竭其力。

五戒睡眠

汝等比丘。晝則勤心修習善法無令失時。初夜後夜亦勿有廢。中夜誦經以自消息。無以睡眠因緣令一生空過無所得也。當念無常之火燒諸世間。早求自度勿睡眠也。

Thí như hữu nhân, thủ chấp mật khí, động chuyển khinh táo, dẫn quan ư mật, bất kiến thâm khanh. Thí như công tượng vô câu, viên hầu đắc thọ, đằng dục tráo trịch, nan khả cấm chế. Đương cấp tỏa chi, vô linh phóng dật. Túng thử tâm giả, táng nhân thiện sự, chế chi nhất xứ, vô sự bất biện.

Thị cố *tỳ-kheo* đương cần tinh tấn, chiết phục nhữ tâm.

TỨ - TIẾT THỰC

Nhữ đẳng *tỳ-kheo*! Thọ chư ẩm thực, đương như phục dục. Ứ hảo, ư ố, vật sanh tăng giảm. Thú đắc chi thân, dĩ trừ cơ khát. Như phong thái hoa, đản thủ kỳ vị, bất tổn hương sắc. *Tỳ-kheo* diệc nhĩ, thọ nhân cúng dường, thú tự trừ não, vô đắc đa cầu, hoại kỳ thiện tâm. Thí như trí giả, trừ lượng ngu lực sở kham đa thiếu, bất linh quá phận, dĩ kiệt kỳ lực.

NGŨ - GIỚI THỤY MIÊN

Nhữ đẳng *tỳ-kheo*! Trú tắc cần tâm tu tập thiện pháp, vô linh thất thời. Sơ dạ, hậu dạ, diệc vật hữu phế; trung dạ tụng kinh, dĩ tự tiêu tức. Vô dĩ thụy miên nhân duyên linh nhất sanh không quá, vô sở đắc dã. Đương niệm vô thường chi hỏa thiêu chư thế gian. Tảo cầu tự độ, vật thụy miên dã.

諸煩惱賊常伺殺人甚於怨家。安可睡眠不自驚寤。煩惱毒蛇睡在汝心。譬如黑虻在汝室睡。當以持戒之鉤早摒除之。睡蛇既出乃可安睡。不出而眠是無慚人。

慚恥之服。於諸莊嚴最為第一。慚如鐵鉤能制人非法。是故比丘。常當慚恥。無得暫替。若離慚恥則失諸功德。

有愧之人則有善法。若無愧者。與諸禽獸無相異也。

六戒瞋恚

汝等比丘。若有人來節節支解。當自攝心無令瞋恨。亦當護口勿出惡言。若縱恚心則自妨道失功德利。

忍之為德持戒苦行所不能及。能行忍者乃可名為有力大人。若其不能歡喜忍受惡罵之毒如飲甘露者。不名入道智慧人也。

所以者何。瞋恚之害能破諸善法壞好名聞。今世後世人不喜見。

Chư phiền não tặc thường tứ sát nhân, thậm ư oán gia. An khả thụy miên, bất tự cảnh ngộ? Phiền não độc xà thụy tại nhữ tâm, thí như hắc nguyên tại nhữ thất thụy. Đương dĩ trì giới chi câu, tảo bính trừ chi. Thụy xà ký xuất, nãi khả an miên. Bất xuất nhi miên, thị vô tà nhân.

Tàm sĩ chi phục, ư chi trang nghiêm, tối vi đệ nhất. Tàm như thiết câu, năng chế nhân phi pháp. Thị cố *tỳ-kheo* thường đương tàm sĩ, vô đắc tàm thế. Nhược lý tàm sĩ, tắc thất chư công đức.

Hữu quý chi nhân, tắc hữu thiện pháp. Nhược vô quý giả, dữ chư cầm thú, vô tương dị dã.

LỤC - GIỚI SÂN NHUẾ

Nhữ đẳng *tỳ-kheo*! Nhược hữu nhân lai tiết tiết chi giải, đương tự nhiếp tâm, vô linh sân hận; diệc đương hộ khẩu, vật xuất ác ngôn. Nhược túng nhuế tâm, tắc tự phương đạo, thất công đức lợi.

Nhẫn chi vi đức, trì giới, khổ hạnh sở bất năng cập. Năng hành nhẫn giả, nãi khả danh vi hữu lực đại nhân. Nhược kỳ bất năng hoan hỷ nhẫn thọ ác mạ chi độc như ẩm cam lộ giả, bất danh nhập đạo trí huệ nhân dã.

Sở dĩ giả hà? Sân nhuế chi hại tắc phá chư thiện pháp, hoại hảo danh văn; kim thế, hậu thế nhân bất hỷ kiến.

當知瞋心甚於猛火。常當防護無令得入。
劫功德賊無過瞋恚。白衣受欲非行道人。
無法自制。瞋猶可恕。出家行道無欲之人。
。而懷瞋恚甚不可也。譬如清冷雲中霹靂
起火非所應也。

七戒憍慢

汝等比丘。當自摩頭。已捨飾好著壞色衣。
。執持應器以乞自活。自見如是。若起憍
慢當疾滅之。謂長憍慢尚非世俗白衣所宜。
。何況出家入道之人。為解脫故自降其身
而行乞耶。。

八戒諂曲

汝等比丘。諂曲之心與道相違。是故宜應
質直其心。當知諂曲但為欺誑。入道之人
則無是處。是故汝等。宜應端心以質直為
本。

Đương tri sân tâm thậm ư mãnh hỏa, thường đương phòng hộ, vô linh đắc nhập. Kiếp công đức tặc, vô quá sân nhuế. Bạch y thọ dụng, phi hành đạo nhân vô pháp tự chế, sân du khả thứ. Xuất gia hành đạo vô dụng chi nhân, nhi hoài sân nhuế, thậm bất khả dã! Thí như thanh lãnh vân trung, tịch lịch khởi hỏa, phi sở ưng dã.

THẤT - GIỚI KIÊU MẠN

Nhữ đẳng *tỳ-kheo*! Đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo, trước hoại sắc y, chấp trì ứng khí, dĩ khát tự hoạt. Tự kiến như thị, nhược khởi kiêu mạn, đương tận diệt chi. Tăng trưởng kiêu mạn, thượng phi thể tục bạch y sở nghi, hà huống xuất gia nhập đạo chi nhân, vị giải thoát cố, tự giáng kỳ thân nhi hành khát da?

BÁT - GIỚI SIỂM KHÚC

Nhữ đẳng *tỳ-kheo*! Siểm khúc chi tâm dữ đạo tương vi. Thị cố nghi ưng chất trực kỳ tâm. Đương tri siểm khúc dẫn vi khi cưỡng, nhập đạo chi nhân tắc vô thị xứ. Thị cố nhữ đẳng nghi đương đoan tâm, dĩ chất trực vi bản.

九 少欲

汝等比丘。當知多欲之人。多求利故苦惱亦多。少欲之人無求無欲則無此患。直爾少欲尚應修習。何況少欲能生諸善功德。少欲之人則無諂曲以求人意。亦復不為諸根所牽。行少欲者心則坦然無所憂畏。觸事有餘常無不足。有少欲者則有涅槃。是名少欲。

十 知足

汝等比丘。若欲脫諸苦惱。當觀知足。知足之法即是富樂安隱之處。知足之人雖臥地上猶為安樂。不知足者雖處天堂亦不稱意。不知足者雖富而貧。知足之人雖貧而富。不知足者常為五欲所牽。為知足者之所憐愍。是名知足。

十一 遠離

汝等比丘。若求寂靜無為安樂。當離憤鬧獨處閑居。

CỬU - THIỂU DỤC

Nhữ đấng *tỳ-kheo*! Đương tri đa dục chi nhân, đa cầu lợi cố, khổ não diệc đa. Thiểu dục chi nhân, vô cầu vô dục, tắc vô thử hoạn. Trục nhĩ thiểu dục, thượng nghi tu tập, hà hướng thiểu dục năng sanh chư công đức? Thiểu dục chi nhân tắc vô siểm khúc dĩ cầu nhân ý, diệc phục bất vi chư căn sở khiên. Hành thiểu dục giả, tâm tắc thản nhiên, vô sở ưu úy. Xúc sự hữu dư, thường vô bất túc. Hữu thiểu dục giả, tắc hữu *Niết-bàn*. Thị danh thiểu dục.

THẬP - TRI TÚC

Nhữ đấng *tỳ-kheo*! Nhược dục thoát chư khổ não, đương quán tri túc. Tri túc chi pháp, túc thị phú lạc, an ổn chi xứ. Tri túc chi nhân tuy ngộ địa thượng, du vi an lạc. Bất tri túc giả, tuy xử thiên đường, diệc bất xứng ý! Bất tri túc giả, tuy phú nhi bản. Tri túc chi nhân, tuy bản nhi phú. Bất tri túc giả, thường vi ngũ dục sở khiên, vi tri túc giả chi sở lân mẫn. Thị danh tri túc.

THẬP NHẤT - VIỄN LY

Nhữ đấng *tỳ-kheo*! Dục cầu tịch tĩnh, vô vi, an lạc, đương ly hội náo, độc xử nhàn cư.

靜處之人帝釋諸天所共敬重。是故當捨己衆他衆。空閑獨處思滅苦本。若樂衆者則受衆惱。譬如大樹衆鳥集之則有枯折之患。世間縛著沒於衆苦。譬如老象溺泥不能自出。是名遠離。

十二精進

汝等比丘。若勤精進則事無難者。是故汝等。當勤精進。譬如小水常流則能穿石。若行者之心數數懈廢。譬如鑽火未熱而息。雖欲得火火難可得。是名精進。

十三不忘念

汝等比丘。求善知識求善護助無如不忘念。若有不忘念者。諸煩惱賊則不能入。是故汝等。常當攝念在心。若失念者則失諸功德。若念力堅強。雖入五欲賊中不為所害。譬如著鎧入陣，則無所畏。是名不忘念。

Tĩnh xử chi nhân, Đế-thích, chư thiên sở cộng kính trọng. Thị cố đương xả kỷ chúng, tha chúng, không nhân độc xử, tư diệt khổ bản. Nhược nhạo chúng giả, tắc thọ chúng não. Thí như đại thọ, chúng điều tập chi, tắc hữu khô chiết chi hoạn. Thế gian phược trước, một ư chúng khổ. Thí như lão tượng nịch nê, bất năng tự xuất. Thị danh viễn ly.

THẬP NHỊ - TINH TẤN

Nhữ đấng *tỳ-kheo*! Nhược cần tinh tấn, tắc sự vô nan giả. Thị cố nhữ đấng đương cần tinh tấn. Thí như tiểu thủy trường lưu, tắc năng xuyên thạch. Nhược hành giả chi tâm sắc sắc giải phế, thí như toàn hỏa, vị nhiệt nhi tức. Tuy dục đắc hỏa, hỏa nan khả đắc. Thị danh tinh tấn.

THẬP TAM - BÁT VONG NIỆM

Nhữ đấng *tỳ-kheo*! Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, vô như bát vong niệm. Nhược hữu bát vong niệm giả, chư phiền não tắc tắc bất năng nhập. Thị cố nhữ đấng thường đương nhiếp niệm tại tâm. Nhược thất niệm giả, tắc thất chư công đức. Nhược niệm lực kiên cường, tuy nhập ngũ dục tắc trung, bất vi sở hại. Thí như trước khải nhập trận, tắc vô sở úy. Thị danh bát vong niệm.

十四禪定

汝等比丘。若攝心者心則在定。心在定故能知世間生滅法相。是故汝等。常當精勤修集諸定。若得定者心則不散。譬如惜水之家善治堤塘。行者亦爾。為智慧水故善修禪定令不漏失。是名為定。

十五智慧

汝等比丘。若有智慧則無貪著。常自省察不令有失。是則於我法中能得解脫。若不爾者既非道人。又非白衣。無所名也。實智慧者則是度老病死海堅牢船也。亦是無明黑闇大明燈也。一切病苦之良藥也。伐煩惱樹者之利斧也。是故汝等。當以聞思修慧而自增益。若人有智慧之照。雖是肉眼而是明見人也。是名智慧。

THẬP TỨ - THIÊN ĐỊNH

Nhữ đẳng *tỳ-kheo*! Nhược nhiếp tâm giả, tâm tắc tại định. Tâm tại định cố, năng tri thế gian sanh diệt pháp tướng. Thị cố như đẳng thường đương tinh tấn tu tập chư định. Nhược đắc định giả, tâm tắc bất tán. Thí như tích thủy chi gia, thiện trì đê đường. Hành giả diệc nhĩ, vị trí huệ thủy cố, thiện tu thiên định, linh bất lậu thất. Thị danh vi định.

THẬP NGŨ - TRÍ HUỆ

Nhữ đẳng *tỳ-kheo*! Nhược hữu trí huệ, tắc vô tham trước, thường tự tỉnh sát, bất linh hữu thất. Thị tắc ư ngã pháp trung, năng đắc giải thoát. Nhược bất nhĩ giả, ký phi đạo nhân, hựu phi bạch y, vô sở danh dã. Thật trí huệ giả tắc thị độ lão bệnh tử hải kiên lao thuyền dã, diệc thị vô minh hắc ám đại minh đăng dã; nhất thiết bệnh giả chi lương dược dã; phạt phiền não thọ chi lợi phủ dã. Thị cố như đẳng đương dĩ văn tư tu huệ nhi tự tăng ích. Nhược nhân hữu trí huệ chi chiếu, tuy thị nhục nhãn, nhi thị minh kiến nhân dã. Thị danh trí huệ.

十六不戲論

汝等比丘。若種種戲論其心則亂。雖復出家猶未得脫。是故比丘。當急捨離亂心戲論。若汝欲得寂滅樂者。唯當善滅戲論之患。是名不戲論。

十七自勉

汝等比丘。於諸功德常當一心捨諸放逸。如離怨賊。大悲世尊所欲利益皆以究竟。汝等但當勤而行之。若在山間若空澤中。若在樹下閑處靜室。念所受法勿令忘失。常當自勉精進修之。無為空死後致憂悔。我如良醫知病說藥。服與不服非醫咎也。又如善導導人善導。聞之不行非導過也。

十八決疑

汝等若於苦等四諦有所疑者。可疾問之。無得懷疑不求決也。

THẬP LỤC - BẤT HÝ LUẬN

Nhữ đấng *tỳ-kheo*! Nhược chủng chủng hý luận, kỳ tâm tắc loạn. Tuy phục xuất gia, du vị đắc thoát. Thị cố *tỳ-kheo* đương cấp xả ly loạn tâm hý luận. Nhược nhữ đấng dục đắc tịch diệt lạc giả, duy đương thiện diệt hý luận chi hoạn. Thị danh bất hý luận.

THẬP THẤT - TỰ MIỄN

Nhữ đấng *tỳ-kheo*! Ư chư công đức, thường đương nhất tâm. Xả chư phóng dật, như ly oán tặc. Đại bi Thế Tôn sở thuyết lợi ích, giai dĩ cứu cánh. Nhữ đấng dẫn đương cần nhi hành chi. Nhược ư sơn gian, nhược không trạch trung, nhược tại thọ hạ, nhàn xử tĩnh thất, niệm sở thọ pháp, vật linh vong thất. Thường đương tự miễn, tinh tấn tu chi. Vô vi không tử, hậu trí hữu hối.

Ngã như lương y, tri bệnh thuyết dược. Phục dữ bất phục, phi y cứu giả. Hựu như thiện đạo, đạo nhân thiện đạo. Văn chi bất hành, phi đạo quá dã.

THẬP BÁT - QUYẾT NGHI

Nhữ đấng nhược ư khổ đấng Tứ đế, hữu sở nghi giả, khả tặc vấn chi. Vô đắc hoài nghi, bất câu quyết dã.

爾時世尊如是三唱。人無問者。所以者何。衆無疑故。時阿菟樓駄觀察衆心，而白佛言。世尊月可令熱。日可令冷。佛說四諦不可令異。佛說苦諦真實是苦。不可令樂。集真是因。更無異因。苦若滅者即是因滅。因滅故果滅。滅苦之道實是真道。更無餘道。世尊。是諸比丘於四諦中決定無疑。

十九衆生得度

於此衆中。所作未辦者。見佛滅度當有悲感。若有初入法者。聞佛所說即皆得度。譬如夜見電光即得見道。若所作已辦已度苦海者。但作是念。世尊滅度一何疾哉。阿菟樓駄雖說是語。衆中皆悉了達四聖諦義。世尊欲令此諸大衆皆得堅固以大悲心復為衆說。

Nhĩ thời, Thế Tôn như thị tam xướng, nhân vô vấn giả. Sở dĩ giả hà? Chúng vô nghi cố.

Thời, A-nậu-lâu-đà quán sát chúng tâm, nhi bạch Phật ngôn:

Thế-Tôn! Nguyệt khả linh nhiệt, nhật khả linh lãnh, Phật thuyết Tứ đế bất khả linh dị. Phật thuyết Khổ đế thật khổ, bất khả linh lạc. Tập chân thị nhân, cánh vô dị nhân. Khổ nhược diệt giả, tức thị nhân diệt. Nhân diệt, cố quả diệt. Diệt khổ chi đạo, thật thị chân đạo, cánh vô dư đạo.

Thế Tôn! Thị chư *tỳ-kheo*, ư Tứ đế trung, quyết định vô nghi.

THẬP CỬU - CHÚNG SANH ĐẮC ĐỘ

Ư thử chúng trung, sở tác vị biện giả, kiến Phật diệt độ, đương hữu bi cảm. Nhược hữu sơ nhập pháp giả, văn Phật sở thuyết, tức giai đắc độ. Thí như dạ kiến điện quang, tức đắc kiến đạo. Nhược sở tác dĩ biện, dĩ độ khổ hải giả, đản tác thị niệm: Thế Tôn diệt độ, nhất hà tật tai?

A-nậu-lâu-đà tuy thuyết thị ngữ, chúng trung giai tất liễu đạt Tứ thánh đế nghĩa.

Thế-Tôn dục linh thử chư đại chúng giai đắc kiên cố, dĩ đại bi tâm, phục vị chúng thuyết:

汝等比丘。勿懷憂惱。若我住世一劫會亦當滅。會而不離終不可得。自利利人法皆具足。若我久住更無所益。應可度者若天上人間皆悉已度。其未度者皆亦已作得度因緣。

二十法身常在

自今已後。我諸弟子展轉行之。則是如來法身常在而不滅也。是故當知。世皆無常會必有離。勿懷憂也。世相如是。當勤精進早求解脫。以智慧明滅諸癡闇。世實危脆無堅牢者。我今得滅如除惡病。此是應捨罪惡之物。假名為身。沒在老病生死大海。何有智者得除滅之如殺怨賊而不歡喜。

Nhữ đấng *tỳ-kheo!* Vật hoài bi não. Nhược ngã trụ thế nhất kiếp, hội diệc đương diệt. Hội nhi bất ly, chung bất khả đắc. Tự lợi, lợi tha, pháp giai cụ túc. Nhược ngã cứu trụ, cánh vô sở ích. Ứng khả độ giả, nhược thiên thượng, nhân gian, giai tất dĩ độ. Kỳ vị độ giả, giai diệc dĩ tác đắc độ nhân duyên.

NHỊ THẬP - PHÁP THÂN THƯỜNG TẠI

Tự kim dĩ hậu, ngã chư đệ tử triển chuyển hành chi, tắc thị Như Lai Pháp thân thường tại nhi bất diệt dã. Thị cố đương tri thế giai vô thường, hội tất hữu ly. Vật hoài ưu não.

Thế tướng như thị. Đương cần tinh tấn, tảo cầu giải thoát, dĩ trí huệ minh, diệt chư si ám. Thế thật nguy tụy, vô kiên lao giả. Ngã kim đắc diệt, như trừ ác bệnh. Thử thị ưng xả tội ác chi vật, giả danh vi thân, một tại lão, bệnh, sanh, tử đại hải. Hà hữu trí giả đắc trừ diệt chi, như sát oán tặc, nhi bất hoan hỷ?

二十一 結論

汝等比丘。常當一心勤求出道。一切世間動不動法。皆是敗壞不安之相。汝等且止。勿得復語。時將欲過我欲滅度。是我最後之所教誨。

佛遺教經

終

NHỊ THẬP NHẤT - KẾT LUẬN

Nhữ đấng *tỳ-kheo*! Thường dương nhất tâm, cần cầu xuất đạo. Nhất thiết thế gian động bất động pháp, giai thị bại hoại bất an chi tướng. Nhữ đấng thả chỉ, vật đặc phục ngữ. Thời tương dục quá, ngã dục diệt độ. Thị ngã tối hậu chi sở giáo hối.

PHẬT DI GIÁO KINH

CHUNG

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG

(Phần dịch nghĩa)

Sắc chỉ của vua Đường Thái tông

Về việc thi hành Kinh Di giáo của Phật

Đức Như Lai xưa trước khi diệt độ, biết rằng về đời mạt pháp con người rồi sẽ khinh bạc quá độ, nên phó chúc cho hàng quốc vương, đại thần hộ trì Phật pháp. Dù vậy, hàng tăng ni xuất gia tự phải nên đầy đủ giới hạnh. Nếu lại buông thả tình ý vào đường dâm dật, vướng vít phiền não, qua lại chốn thế gian, làm trái với kinh luật, tức là đánh mất ý chỉ huyền diệu của Như Lai, lại phụ nghĩa hàng quốc vương nhận lời phó chúc.

Kinh Di giáo này do Phật thuyết diễn lúc sắp nhập Niết-bàn, khuyên nhủ hàng đệ tử, lời lẽ rất rõ ràng, thiết yếu. Thế mà những kẻ xuất gia và tại gia đời mạt pháp đều chẳng tôn trọng làm theo. Đại đạo vì thế sắp phải ẩn khuất, lời vi diệu ắt phải tuyệt dứt đi!

Trăm hằng nhớ tưởng Thánh giáo,¹ muốn rộng truyền ra, nên sắc cho quan thuộc sai mười người hay chữ, sao chép kinh này ra nhiều bản, là nhắm đến việc phải làm theo kinh. Những thứ cần dùng như giấy, bút, mực ... quan hữu tư phải lo cung cấp.

Hết thầy quan viên từ ngũ phẩm trở lên, cùng thứ sử các châu, mỗi người được trao cho một quyển. Nếu ai thấy đức hạnh, việc làm của hàng tăng ni mà chẳng hợp theo kinh này, thì nên lấy cả phép công lẫn tình riêng mà khuyên nhủ, khiến cho phải làm theo.

1. TỰA KINH

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni,² lúc mới Chuyển pháp luân độ ông A-nhã Kiều-trần-như, đến khi thuyết pháp lần cuối cùng độ ông Tu-bạt-đà-la.³ Khi những người đáng độ đã độ hết rồi, ở giữa hai cây Sa-la⁴ ngài sắp

¹ Thánh giáo: Chỉ kinh điển của Phật thuyết. Vì lời dạy của Phật được xem như lời bậc Thánh, nên gọi là Thánh giáo.

² Phật Thích-ca Mâu-ni (Śākyamuni Buddha): Phật, hay Phật-đà (Buddha), Hán dịch là Giác giả, vì ngài có đủ ba đức của tánh giác: 1. Tự giác (Tự mình giác ngộ), 2. Giác tha (Giác ngộ cho kẻ khác), 3. Giác hạnh viên mãn (Chỗ giác ngộ và chỗ thực hành đều trọn vẹn). Thích-ca Mâu-ni (Śākyamuni), Hán dịch là Năng Nhân, nghĩa là có đủ năng lực và lòng nhân từ. Ngài đản sanh năm 564 trước Dương lịch, nhập Niết-bàn năm 479 trước Dương lịch.

³ Tu-bạt-đà-la, Hán dịch là Thiện Hiền. Trong hàng đệ tử xuất gia của Phật, Ông Kiều-trần-như là người đầu tiên đắc quả A-la-hán. Ông Tu-bạt-đà-la là người sau cùng đắc quả A-la-hán. Khi Phật sắp vào Niết-bàn, vị tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la được 120 tuổi đến cầu nghe Pháp. Nghe xong, thọ giới xuất gia làm tỳ-kheo và liền đó đắc quả A-la-hán.

⁴ Sa-la (Sāla), tên một loại cây lớn mọc thành rừng, hoa rất thơm, đẹp, Hán dịch là Kiên cố. Trong rừng sa-la gần thành Câu-thi-na, có hai cây mọc song song (Sa-la song thọ). Phật chọn nơi ấy làm chỗ nhập Niết bàn.

CHỮ KINH TẬP YẾU

nhập *Niết-bàn*. Bấy giờ là nửa đêm, khắp nơi yên lặng không một âm thanh gì, Phật vì hàng đệ tử mà lược thuyết những chỗ cốt yếu trong giáo pháp.¹

2. GIỮ GIỚI LUẬT

(Từ mục 2 này tới mục 19 là phần Chánh tông)

“*Tỳ-kheo* các con! Sau khi ta tịch diệt, nên tôn trọng, cung kính đối với giới luật,² như ở chỗ tối tăm được thấy ánh sáng; như người nghèo được của báu. Nên biết rằng giới luật là thầy của các con, cũng như ta đây còn trụ thế, không hề khác biệt.

“Người giữ giới trong sạch không được làm việc buôn bán đổi chác; mua giữ ruộng đất, nhà cửa; nuôi dưỡng nô tỳ, súc vật để cầu lợi. Tất cả những loại giống cây trồng cùng mọi thứ của cải quý báu đều phải nên xa lánh, như tránh xa hầm lửa vậy. Không được đốn chặt cây cỏ, cày ruộng, đào đất; bào chế thuốc thang; xem tướng lành dữ; nhìn sao trên trời để suy lường vận mệnh nên hư. Những việc xem ngày giờ tốt xấu đều chẳng nên làm.

¹ Tuy Phật đã thuyết rất nhiều bộ kinh trong suốt thời gian trụ thế, nhưng trước lúc nhập *Niết-bàn*, ngài vì lòng từ mẫn nên lược nói những chỗ cốt yếu nhất để dặn dò hàng đệ tử. Người đệ tử Phật ít nhất cũng phải ghi nhớ và làm theo những chỗ cốt yếu này vậy.

² Giới luật, hay Ba-la-đề-mộc-xoa, cũng gọi là Giới bổn, Giới hạnh, Biệt giải thoát, Tùy thuận giải thoát, đều chỉ chung cho tất cả những giới luật mà người xuất gia phải tuân theo, gìn giữ. Ba-la-đề-mộc-xoa của *tỳ-kheo* gồm có 250 giới. Ba-la-đề-mộc-xoa của *tỳ-kheo* ni gồm có 348 giới.

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG

“Hãy dè dặt giữ mình có tiết độ, ăn uống đúng giờ,¹ nuôi sống bằng cách trong sạch. Không được tham dự những công việc của người đời, làm người đưa tin, làm sứ giả. Luyện chú thuật, thuốc tiên; giao hảo với người sang trọng, khinh thường kẻ thân cận gần gũi, đều là những việc chẳng nên làm.

“Phải tự mình luôn giữ chánh niệm, tâm ngay thẳng cầu thoát sanh tử. Không được che giấu lỗi lầm, hay làm những việc dị thường để mê hoặc người khác. Đối với bốn món được cúng dường² nên có chừng mực, biết vừa đủ. Khi được cúng dường, chẳng nên chứa trữ lại.

“Đó là nói sơ qua hình tướng của việc giữ giới.³ Giới luật chính là thuận theo gốc của giải thoát, cho nên gọi là Tùy thuận giải thoát. Nhờ nương theo giới luật mà sanh ra các môn thiền định và trí huệ diệt khổ.⁴ Vì vậy mà *tỳ-kheo* phải giữ giới trong sạch, không để có sự hủy phạm, thiếu sót. Nếu ai giữ giới trong sạch, ắt được các pháp lành. Nếu không giữ giới trong sạch, thì các

¹ Người xuất gia chỉ ăn mỗi ngày một bữa, vào giờ ngọ. Quá giờ thì thà nhịn đói chứ không ăn.

² Bốn món cúng dường: (Tứ cúng dường hay Tứ sự cúng dường) là bốn món thiết yếu nhất, người tu cần có đủ để duy trì cuộc sống. Đó là: đồ ăn uống, y phục, giường ghế, thuốc thang.

³ Hình tướng của việc giữ giới (Trì giới chi tướng), nghĩa là mới nói những điều nhìn thấy bên ngoài mà thôi. Người giữ giới, ngoài việc giữ theo hình tướng, còn phải luôn giữ tâm thanh tịnh, giới luật tại tâm mình. Nếu trong tâm nghĩ điều trái với giới luật, cũng là phạm giới, dù chưa có tướng phá giới hiện ra bên ngoài.

⁴ Nhân giới sanh định, nhân định phát huệ. Theo ý này thì giới luật là căn bản, là chỗ xuất phát trước nhất của người cầu đạo giải thoát, cũng là chiếc phao nổi phải luôn luôn giữ gìn nếu muốn vượt qua biển khổ sanh tử.

CHỮ KINH TẬP YẾU

công đức lành đều chẳng thể sanh ra. Nên phải biết rằng, giới luật là chỗ trụ an ổn bậc nhất sanh các công đức.”

3. CHẾ TÂM

“*Tỳ-kheo* các con! Đã có thể trụ yên nơi giới rồi, nên chế ngự năm căn,¹ chớ để phóng dật, chạy theo năm dục.² Tỷ như người chăn bò, cầm gậy canh giữ, chẳng để cho tự do chạy bậy, xâm phạm ruộng người.

“Nếu buông thả năm căn, chẳng những là chúng chạy theo năm dục không có giới hạn, không thể chế ngự được, lại như ngựa dữ không dây cương kiềm chế, sẽ lôi người xuống hầm hố. Như bị giặc cướp làm hại, chỉ khổ một đời này thôi, nhưng bị giặc năm căn gây hại, khổ nạn kéo dài nhiều kiếp, lại rất nặng nề, không thể không thận trọng.

“Vậy nên người có trí chế ngự các căn, chẳng hề tùy theo; phòng giữ như giặc cướp, không để buông thả. Nếu buông thả ra, chẳng bao lâu ắt phải diệt mất vì xúc chạm.

¹ Năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Năm căn ở trong, đối với năm trần ở ngoài, có sức phát sanh sự nhận biết, sự ham muốn, nên gọi là căn (gốc). Nếu nói sáu căn thì thêm ý căn.

² Năm dục: Năm loại cảm xúc, ham muốn. Đối với hình sắc đẹp, mắt ham muốn nhìn; đối với âm thanh êm dịu, tai ham muốn được nghe; đối với mùi thơm, mũi ham muốn ngửi; đối với mùi vị ngon ngọt, miệng lưỡi ham muốn nếm qua; đối với sự mềm mại, thân thể ham muốn sự đụng cọ.

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG

“Tâm là chủ của năm căn. Vậy nên các con phải khéo chế ngự tâm. Tâm rất đáng sợ, hơn cả rắn độc, thú dữ, kẻ giặc thù, nạn lửa lớn tràn lan... Những thí dụ như thế cũng còn chưa đủ. Sự nguy cấp giống như người tay cầm bát mật, đi lại nhanh nhẹn, mắt chỉ nhìn vào mật nên chẳng thấy cái hố rất sâu dưới chân; như con voi điên không có móc sắt để kiềm giữ; lại như con vượn được lên cây, mặc tình nhảy nhót, khó bề ngăn cấm, chế ngự. Phải mau mau kiềm chế, chớ để phóng dật. Nếu buông thả tâm, tất cả việc lành sẽ bị hoại mất; chế ngự được rồi, không việc gì không xong.

“Vậy nên chư *Tỳ-kheo* phải siêng năng tinh tấn, chế ngự¹ cho được tâm.”

4. ĂN UỐNG CÓ TIẾT ĐỘ

“*Tỳ-kheo* các con! Khi ăn uống nên xem như dùng thuốc để trị bệnh, dù ngon dù dở cũng chỉ dùng đúng mức,² đưa vào thân thể chỉ để khỏi đói khát mà thôi.

“Như con ong hút mật, chỉ lấy nhụy hoa mà chẳng làm tổn hại hương sắc. *Tỳ-kheo* cũng vậy, nhận sự cúng dường của người ta đủ trừ đói khát, chẳng được tham cầu nhiều, tổn hại đến lòng lành của người; như kẻ

¹ Chế ngự cho được tâm (chiết phục ngũ tâm): Hiểu sát nghĩa là bẻ gãy được sức mạnh của tâm, khuất phục được tâm. Ở đây nói đến tâm bất thiện, nên chúng tôi dịch là chế ngự được.

² Dù ngon, dù dở, cũng chỉ dùng đúng mức (ư hảo, ư ố, vật sanh tăng giảm): Không vì món ngon mà ăn nhiều hơn, không vì món dở mà ăn ít lại, nên dịch là “dùng đúng mức”.

CHỮ KINH TẬP YẾU

khôn ngoan biết lượng sức con bò kéo, chẳng ép quá nặng khiến phải kiệt sức.”

5. ĐỪNG THAM NGỦ NHIỀU

“*Tỳ-kheo* các con! Trọn ngày nên siêng năng tu tập thiện pháp, chẳng phí thời gian. Ban đêm, cũng chẳng nên bỏ mất lúc đầu hôm và lúc gần sáng. Còn lúc nửa đêm, lấy việc tụng kinh để tự biết mình. Đừng để việc ngủ mê làm cho một đời phải uổng phí, chẳng được chi cả.¹ Thường nhớ đến ngọn lửa vô thường luôn thiêu đốt cõi thế, sớm lo cầu độ thoát lấy mình, chẳng ham mê ngủ. Giấc phiền não thường luôn rình rập giết hại người, độc hại hơn kẻ oán thù. Sao còn ham ngủ mà chẳng tự thức tỉnh? Con rắn độc phiền não ngủ tại trong tâm, như con rắn dữ đang ngủ trong nhà. Hãy dùng cái móc sắt trì giới mà sớm trừ bỏ đi. Con rắn mê ngủ ấy trừ được rồi, mới có thể ngủ yên được.² Chưa trừ được rắn ấy mà vẫn ngủ là không biết tự hổ thẹn.

“Lấy sự tự hổ thẹn làm trang phục, đó là bậc nhất trong các món trang sức làm đẹp. Hổ thẹn giống như cái móc sắc, có thể giúp chế ngự được việc làm sai trái. Nên *tỳ-kheo* thường luôn phải biết tự hổ thẹn, không

¹ Chẳng được chi cả: Đây nói về sự nghiệp tu tập, chẳng phải những việc thế gian ưa chuộng.

² Cũng như việc ăn uống, *tỳ-kheo* ngủ nghỉ chỉ vừa đủ dưỡng thân không tật bệnh. Nên phải trừ được tánh ham ngủ rồi mới ngủ. Khi ấy, tuy ngủ nhưng không ham mê quá độ. Chưa trừ được tánh ham ngủ tức là còn bị tham đắm.

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG

lúc nào lơ đãng. Nếu mình lia khỏi sự hổ thẹn, ắt phải mất hết các công đức.

“Người biết xấu hổ thì mới làm được điều lành. Kẻ không biết xấu hổ, chẳng khác chi loài cầm thú.”¹

6. KHÔNG NÓNG GIẬN

“*Tỳ-kheo* các con! Nếu có người đến cắt xẻo thân thể ra từng mảnh, hãy tự nhiếp tâm không nên nóng giận; cũng phòng hộ nơi miệng, chớ nói lời ác độc. Nếu buông thả tâm nóng giận là tự mình làm hại đạo, mất hết lợi ích công đức.

“Nhẫn nhục là đức tính mà trì giới với khổ hạnh cũng chẳng bì kịp. Người có thể nhẫn nhục mới đáng gọi là bậc đại nhân có sức mạnh. Như người chẳng thể vui lòng nhận lời mắng chửi độc ác như uống nước cam lộ, thì chẳng thể gọi là bậc trí huệ đã nhập đạo. Tại sao vậy? Cái hại của sự nóng giận là phá hoại các pháp lành, làm mất danh tiếng tốt, khiến cho đời này và đời sau chẳng ai muốn gặp gỡ mình.

¹ Trong đoạn này phải phân biệt hai ý. Trước nói đến tự hổ thẹn (tàm), đó là tự mình biết việc xấu đã làm mà thấy hổ thẹn, ăn năn, không muốn tái phạm. Sau nói đến xấu hổ (quý), đó là khi người khác biết việc xấu mình làm, thì lòng thấy xấu hổ, cũng do đó mà lần sau không dám tái phạm. Hai loại cảm xúc này có vẻ như nhau, chỉ khác ở chỗ: “tàm” là tự mình hổ thẹn với lương tâm mình, cho dù không ai biết việc sai trái của mình, còn “quý” là xấu hổ khi có người khác biết đến. Trong kinh Phật rất thường nhắc đến hai từ này đi đôi với nhau, vì người có đủ 2 đức ấy mới thật sự lia được các việc không tốt.

CHỮ KINH TẬP YẾU

“Nên biết rằng tâm nóng giận còn hơn cả lửa dữ, phải thường phòng hộ, không để cho nhập vào. Giặc cướp công đức, không gì hơn tâm nóng giận. Người thế tục thọ hưởng dục lạc, chẳng phải người hành đạo nên không có cách tự chế, nóng giận còn có thể tha thứ được; như người xuất gia hành đạo, không tham dục, mà còn ôm giữ sự nóng giận, thật không thể được. Như giữa trời xanh trong mát mà có sấm sét nảy lửa, thật không phải việc đáng có.”

7. DỪNG KIÊU MẠN

“*Tỳ-kheo* các con! Khi tự xoa đầu¹ nhớ rằng đã xả bỏ những món trang sức đẹp, mặc áo hoại sắc,² ôm giữ ứng khí³ lấy việc xin ăn mà nuôi sống. Tự thấy như vậy, nếu khởi tâm kiêu mạn⁴ thì hãy mau trừ bỏ đi. Người thế tục còn chẳng nên để lòng kiêu mạn tăng trưởng, huống chi là những kẻ xuất gia nhập đạo đã vì muốn được giải thoát mà tự hạ mình đi xin ăn?”

¹ Tự xoa đầu (tự ma đầu): lấy tay xoa đầu để tự nhắc nhở, mình đã là người cạo tóc xuất gia, tức nhiên không còn muốn đeo mang những món trang điểm như người thế gian. Trong quyển *Tỳ-kheo* mẫu luận có chép: “Số dĩ cạo tóc là để trừ bỏ lòng kiêu mạn.”

² Áo hoại sắc, tức là áo cà-sa: Người xuất gia mặc y phục đều phải nhuộm cho mất màu vải đi, cho mất giá trị theo thế gian của y phục ấy. Vì vậy nên gọi là áo hoại sắc (hoại sắc y), nghĩa là làm mất màu đi rồi. Thường thì nhuộm màu vàng, hoặc màu nâu.

³ Ứng khí, tức là bình bát của người xuất gia, cũng gọi là ứng lượng khí, nghĩa là món đồ đựng vật thực cúng dường vừa đủ một bữa ăn.

⁴ Kiêu mạn: Tự xem mình là tài giỏi, tốt đẹp hơn kẻ khác (cho dù không đúng vậy), nên khinh thường chẳng tôn trọng ai.

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG

8. TRỪ TÂM SIỂM KHÚC

“*Tỳ-kheo* các con! Tâm siểm khúc¹ là trái với đạo. Vì vậy nên cần phải giữ lòng chơn chất, ngay thẳng.² Nên biết rằng tâm siểm khúc chỉ là để lừa dối. Người nhập đạo ắt không như vậy. Các con nên giữ lòng đoan chánh, lấy sự chơn chất ngay thẳng làm gốc.”

9. ÍT HAM MUỐN

“*Tỳ-kheo* các con! Nên biết rằng người nhiều ham muốn luôn cầu được nhiều món lợi, nên khổ não cũng nhiều.³ Người ít ham muốn không bị sự mong cầu, ham muốn gây ra cái hại ấy. Chỉ một việc ít ham muốn đó, rất nên tu tập; hướng chi ít ham muốn lại có thể sanh ra các công đức nữa?”

“Người ít ham muốn thì không có tâm siểm khúc để cầu cho được vừa lòng người, lại cũng không bị các căn

¹ Siểm khúc: Siểm là nịnh hót, bợ đỡ kẻ quyền thế; khúc là cong vạy, chẳng ngay thẳng, tức là lòng dối trá chẳng theo đúng sự thật. Nói siểm khúc, vì hai nét xấu này đi đôi với nhau. Đã muốn nịnh hót, bợ đỡ, tất chẳng thể nói lời ngay thật được.

² Chơn chất ngay thẳng (chất trực) Lòng ngay thẳng, có sao nói vạy, không vì bất cứ tác động nào mà gian dối, bộp méo sự thật. Vì sự đối nghịch giữa hai tính chất, nên người chất trực thì không thể mắc lỗi siểm khúc.

³ Khởi tâm tham cầu nhiều, dù được hay không được cũng đều vướng vào khổ não. Ví như cầu được, sự ham muốn cũng chẳng thể thỏa mãn, vì nó thật không có giới hạn. Như cầu không được thì tất nhiên là phải sanh khổ não.

CHỮ KINH TẬP YẾU

dắt dẫn.¹ Người thực hành ít ham muốn thì lòng được thản nhiên, không lo sợ chi cả; cho dù gặp việc thế nào cũng tự thấy đầy đủ. Giữ tâm ít ham muốn, ắt được *Niết-bàn*.²

“Như vậy gọi là ít ham muốn.”

10. BIẾT ĐỦ

“*Tỳ-kheo* các con! Nếu muốn thoát khỏi mọi khổ não, nên quán xét việc biết đủ.³ Phép biết đủ chính là chỗ giàu có, vui vẻ, an ổn. Người biết đủ dù nằm trên mặt đất, vẫn thấy yên vui. Người không biết đủ, dù ở trên cảnh trời cũng chưa thỏa ý.

“Kẻ không biết đủ, tuy giàu mà nghèo. Người biết đủ, tuy nghèo mà giàu. Kẻ không biết đủ thường bị năm dục dắt dẫn, nên người biết đủ lấy làm thương xót lắm.

“Như vậy gọi là sự biết đủ.”

11. XA LÌA

“*Tỳ-kheo* các con! Muốn cầu tịch tĩnh, vô vi, an lạc, nên lìa chỗ tụ họp huyên náo, một mình ở nơi thanh

¹ Do ham muốn nên năm căn chạy theo năm trần, dắt dẫn, thúc giục người ta tạo các ác nghiệp. Trừ được ham muốn thì chế phục được năm căn, chẳng bị chúng dắt dẫn nữa.

² Nếu hiểu *Niết-bàn* là an vui tự tại, thì người ít ham muốn ắt có thể được hưởng cảnh an vui tự tại đó ngay tức khắc, chẳng đợi đến kiếp sau.

³ Tâm tham muốn không có giới hạn. Biết đủ tức là nhận biết nhu cầu thực sự của mình, chỉ cần đáp ứng vừa đủ, không vì lòng tham mà cầu nhiều hơn.

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG

vắng. Người ở nơi yên tĩnh, *Đế-thích* và chư thiên đều kính trọng. Vì vậy, chúng hội của mình, của người khác¹ đều nên xả bỏ, đến ở một mình nơi chỗ thanh vắng, suy nghĩ mà diệt tận gốc khổ.

“Nếu ưa thích nơi chúng hội, tất phải chịu mọi khổ não. Ví như cây lớn, có nhiều chim chóc tụ họp, tất không khỏi mỗi họa cành nhánh khô gãy. Bị vướng buộc vào cảnh thế tục, tất phải chìm đắm trong bể khổ, như con voi già sa lầy, chẳng thể tự ra khỏi được.

“Như vậy gọi là sự xa lìa.”

12. TINH TẤN

“*Tỳ-kheo* các con! Nếu chuyên cần tinh tấn thì không có việc chi là khó. Bởi vậy, các con nên chuyên cần tinh tấn. Ví như dòng nước nhỏ mà chảy mãi thì cũng xuyên thủng được hòn đá. Nếu trong tâm người tu giải đãi, biếng nhác, cũng giống như người xát cây lấy lửa, chưa nóng đã vội nghỉ.² Dù người ấy muốn được lửa cũng khó mà được.

“Như vậy gọi là sự tinh tấn.”

¹ Chúng hội: nhóm người tụ tập lại, cùng sống với nhau vì một mục đích chung. Chúng hội của mình, là chúng hội do mình đứng đầu, cai quản. Chúng hội của người khác là chúng hội mà mình nương nhờ theo, do người khác chủ quản.

² Thời xưa chưa có những phương tiện như diêm quẹt, máy lửa, nên muốn lấy lửa thì dùng hai thanh cây khô có độ ma sát cao để chà xát vào nhau thật lâu, bên cạnh để một nắm bụi nhùi để bắt lửa. Nhờ chà xát lâu, nóng lên mà có lửa.

CHỮ KINH TẬP YẾU

13. KHÔNG MẤT CHÁNH NIỆM

“*Tỳ-kheo* các con! Cầu được bậc thiện tri thức, cầu được người khéo phù trợ, cũng không bằng chẳng để mất chánh niệm. Nếu người chẳng mất chánh niệm, giặc phiền não chẳng xâm nhập được. Vậy nên các con phải thường thâu nhiếp chánh niệm trong tâm. Nếu để mất chánh niệm thì mất hết công đức. Như niệm lực được mạnh mẽ, bền bỉ, thì dù vào giữa đám giặc năm dục cũng chẳng bị hại; cũng như mặc áo giáp ra trận thì không sợ chi cả.

“Như vậy gọi là không mất chánh niệm.”

14. THIÊN ĐỊNH

“*Tỳ-kheo* các con! Nếu người nhiếp tâm thì tâm được định. Nhờ tâm được định, có thể biết được các tướng của pháp sanh diệt ở thế gian. Vậy nên các con thường phải tinh tấn tu tập các phép định. Nếu người được định thì tâm chẳng tán loạn. Ví như người muốn giữ nước, phải khéo đắp sửa bờ đê. Người tu cũng thế, vì giữ nước trí huệ, nên khéo tu thiên định, chẳng để cho rỉ chảy mất.

“Như vậy gọi là định.”

15. TRÍ HUỆ

“*Tỳ-kheo* các con! Nếu có trí huệ thì không tham đắm, vướng mắc. Thường tự xét mình, chẳng để có sai sót. Như vậy thì ở trong pháp ta có thể được giải thoát.

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG

Nếu chẳng được vậy, thì chẳng phải người tu đạo, cũng chẳng phải người thế tục, chẳng có tên để gọi.

“Trí huệ thật là chiếc thuyền bền chắc đưa người vượt qua biển già, bệnh, chết; lại như ngọn đèn lớn sáng soi trong chỗ vô minh đen tối; như món thuốc hay trị được hết thầy bệnh tật; như cái rìu sắc bén đốn ngã cây phiền não. Vậy nên các con phải lấy các môn trí huệ là nghe biết, suy xét, tu tập¹ mà tự làm tăng thêm phần ích lợi. Nếu người được sự chiếu sáng của trí huệ, thì dù chỉ có mắt thịt,² nhưng chính thật là người thấy rõ tất cả.³ Như vậy gọi là trí huệ.”

16. KHÔNG NÓI ĐÙA

“*Tỳ-kheo* các con! Nếu nói đủ mọi thứ chuyện chỉ cốt để đùa chơi⁴ thì tâm phải tán loạn. Như vậy cho dù xuất gia nhưng chưa được giải thoát. Vì thế mà *tỳ-kheo* phải mau mau lìa bỏ việc loạn tâm nói đùa. Nếu các con muốn được niềm vui tịch diệt, chỉ nên khéo dứt trừ mối hại của việc nói đùa.

“Như vậy gọi là không nói đùa.”

¹ Đó là ba môn trí huệ (Tam huệ), gọi là Văn huệ, Tư huệ, Tu huệ. Văn huệ là trí huệ do sự nghe biết. Nhờ nghe giảng kinh điển mà sanh trí huệ. Tư huệ là trí huệ do sự suy xét. Nhờ suy xét nghĩa lý của kinh điển mà sanh trí huệ. Tu huệ là trí huệ do sự tu tập. Nhờ tu tập thiên định mà sanh trí huệ.

² Mắt thịt (nhục nhãn): mắt của người thế tục, trong thân xác người thường.

³ Người thấy rõ tất cả (minh kiến nhãn): người có cái nhìn sáng suốt.

⁴ Nói đủ mọi thứ chuyện chỉ để đùa chơi (chủng chủng hý luận): những điều nói ra nhằm mục đích chỉ để đùa chơi, cho dù điều ấy là đúng hay sai, có thật hay không thật, đều gọi là hý luận.

17. TỰ GẮNG SỨC

“*Tỳ-kheo* các con! Đối với các công đức thường nên hết lòng. Từ bỏ sự phóng dật¹ như tránh xa giặc thù. Những chỗ lợi ích mà đức Đại bi Thế Tôn đã thuyết đều có thể lấy làm cứu cánh, các con phải nên siêng năng thực hành. Như khi ở chốn núi cao hoặc chỗ đầm lầy vắng vẻ, hoặc dưới gốc cây, hoặc buông bỏ mọi việc vào ở trong nhà vắng, đều phải luôn nghĩ nhớ đến các pháp đã thọ học, đừng để quên mất, thường tự gắng sức tinh tấn tu tập. Chớ để uổng phí cả một đời mà sau này phải hối tiếc.

“Ta như thầy thuốc, biết bệnh cho thuốc. Người bệnh chịu uống thuốc ấy hay không, chẳng phải do lỗi nơi thầy thuốc. Lại cũng như người khéo chỉ đường, chỉ cho mọi người con đường tốt. Nghe rồi mà chẳng đi theo, thật chẳng phải lỗi nơi người chỉ đường.”

18. DỨT LÒNG NGHI

“Nếu các con có chỗ nghi ngờ nơi pháp Tứ đế, thì mau hỏi đi. Đừng ôm lòng nghi mà chẳng cầu được làm rõ.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn nói đến ba lần như vậy, nhưng không ai hỏi chi cả. Vì sao vậy? Vì trong chúng hội thật không ai còn có lòng nghi.

¹ Phóng dật: Phóng túng, buông lung, chẳng biết tự chế, cũng không cố gắng trong việc tu tập, chạy theo năm dục, chẳng chuyên tu thiện pháp.

Bấy giờ, *A-nậu-lâu-đà*¹ quán biết tâm ý của cả chúng hội, liền bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn! Mặt trăng có thể làm cho nóng lên, mặt trời lạnh đi,² nhưng Phật thuyết pháp Tứ đế, không thể nào làm cho sai khác. Phật thuyết Khổ đế, quả thật là khổ, không thể nói thành vui. Nói Tập đế là nhân, thật là không còn có nhân nào khác nữa. Nếu diệt được khổ, tức là nhân đã diệt. Chính vì nhân đã diệt nên quả phải diệt. Đạo diệt khổ thật là đạo chân chánh, không còn đạo nào khác nữa.

“Bạch Thế Tôn! Chư *tỳ-kheo* nay đối với pháp Tứ đế đã tin chắc không có lòng nghi.

19. CHÚNG SANH ĐƯỢC ĐỘ THOÁT

“Trong chúng hội này, những người chưa đắc quả *A-la-hán* thấy Phật nhập diệt, ắt sanh lòng bi cảm. Những người vừa mới vào cửa Pháp, nghe lời Phật thuyết ắt sẽ được độ thoát ngay. Như trong đêm tối vừa có tia chớp sáng liền thấy đường đi. Còn những người đã đắc quả *A-la-hán*, vượt qua biển khổ, thì chỉ nghĩ rằng: Đức Thế Tôn diệt độ sớm thế sao!”

¹ *A-nậu-lâu-đà* (Aniruddha), cũng đọc là A-na-luật, Hán dịch là Như ý Vô tham. Ông là một người trong hoàng tộc (họ Thích-ca), xuất gia chứng đắc Thánh quả, được dự hàng Thập đại đệ tử, được Phật khen là Thiên nhân đệ nhất.

² Ví dụ này muốn nói lên chuyện rất khó làm.

CHỮ KINH TẬP YẾU

Tuy *A-nâu-lâu-đà* nói ra lời ấy, nhưng trong chúng hội ai nấy đều đã hiểu rõ nghĩa của Bốn Thánh đế.¹

Đức Thế Tôn muốn cho đại chúng đều được lòng kiên cố, nên lấy tâm đại bi, lại vì cả chúng hội mà nói lời này:

“*Tỳ-kheo* các con! Đừng ôm lòng bi thương áo não. Như ta có trụ thế trọn một kiếp, cuối cùng cũng phải diệt độ. Hợp mà không tan, thật không thể được. Chỗ lợi mình, lợi người,² trong pháp ta đều đã dạy đủ. Nếu ta ở đời lâu nữa cũng không có ích gì. Những ai có thể cứu độ, ở cõi trời, người, đều đã được cứu độ. Còn những ai chưa thể cứu độ, ta cũng đã tạo nhân duyên cứu độ về sau rồi.”³

20. PHÁP THÂN CÒN MÃI

(Từ mục 20 này trở về sau là phần Lưu thông)

“Từ nay về sau, đệ tử của ta cứ tuân tự y theo nơi pháp mà thực hành. Như vậy là Pháp thân của Như Lai vẫn thường còn chẳng mất. Nên phải biết rằng mọi

¹ Bốn Thánh đế: tức là Tứ đế hay Tứ Thánh đế.

² Lợi mình, lợi người (tự lợi, lợi tha): Người tu tập vừa được lợi lạc cho chính mình (tự lợi), vừa mang lại lợi lạc cho kẻ khác (lợi tha). Nhưng chính nhờ giúp lợi lạc cho kẻ khác mà người tu mới hoàn thiện được chính mình, gieo trồng thiện căn cầu quả giải thoát. Cho nên, nhìn một cách toàn diện thì tự lợi và lợi tha chỉ là hai mặt của một vấn đề. Với tâm ích kỷ chỉ nghĩ đến riêng mình thì không thể tu đạo chứng quả được.

³ Những ai chưa đủ căn lành để được cứu độ ngay trong thời Phật tại thế, sau này có thể y theo kinh điển mà tu tập, nghiêm trì giới luật, thì cũng được giải thoát. Vì vậy nên nói là đã tạo ra nhân duyên cứu độ về sau.

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG

việc trong đời đều vô thường, có tụ hội ắt có chia lìa. Đừng ôm lòng sầu khổ nữa, hình tướng ở đời là như thế. Hãy siêng năng tinh tấn, sớm cầu giải thoát, đem ánh sáng trí huệ mà trừ diệt ngu si u ám. Cuộc đời thật là mong manh, nguy hiểm, không gì bền chắc. Nay ta sắp nhập diệt, như trừ xong bệnh dữ. Cái hình tướng tội lỗi ác độc đáng xả bỏ này, giả tạm mà gọi là cái thân, chìm đắm trong chốn biển lớn sanh tử, bệnh lão. Có bậc trí nào đã dứt trừ được nó, như giết được kẻ giặc thù, mà lại không vui?”

21. KẾT LUẬN

“*Tỳ-kheo* các con! Thường nên hết lòng chuyên cần cầu học đạo giải thoát. Hết thấy các pháp động và bất động ở thế gian đều là tướng bại hoại, chẳng an ổn. Các con hãy thôi đừng nói gì nữa. Thời giờ sắp qua, ta sắp diệt độ. Đây là những lời dạy dỗ cuối cùng của ta vậy.”